

Món quà 100 ngàn đồng và nhà tù panopticon số

Hậu 2/9: Nước độc lập nhưng tư pháp có được độc lập?

Bộ Công an đòi quân KOL: Thấy được gì và có gì cần phải thấy?

LUẬT KHOA tạp chí



Luật Khoa tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell Suite
B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoan Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
docgia@mail.luatkhoa.com

© Từ 2014

Luật Khoa tạp chí
Số tháng Chín, 2025
Phát hành ngày 25/9/2025.

Khổ báo in: 16 cm (rộng) x 24 cm (cao)

Phiên bản PDF và EPUB
của Luật Khoa tạp chí nằm trong
các gói “Member” (\$2/tháng)
và “Supporter” (\$5/tháng)
trên www.luatkhoa.com.

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận. Toàn bộ
doanh thu được tái đầu tư để phát triển tạp chí.

LỜI TÒA SOẠN

Báo chí trong một chế độ bao cấp thông tin

*“Mũ áo xanh xang chờ xem một thiên đường nhuộm phẩm
Người sống say mê bằng những sấm ngữ viết hoa
Đến cái chết cũng là dịp để bày phô sắc sỡ
Những màu cờ ảo hoạn
Những áo mị hương hoa [...]”*
Cung Trầm Tưởng

Quý độc giả thân mến,

Tháng Chín của năm 2025 đã đi vào lịch sử Việt Nam bằng hình ảnh một thủ đô huyền ảo, với biển người mừng vui trẩy hội chen giữa vòm cờ hoa sắc sỡ, dõi theo những toán lính duyệt binh khí thế ngút trời.

Hai lần trong một năm, những cột mốc trong dòng lịch sử chiến tranh cách mạng, từ 50 năm, cho đến 80 năm, được biến thành những ngày hội lớn, để cách kể chuyện của bên thắng cuộc thêm ăn sâu tiềm thức của nhân dân.

Hai lần trong một năm, lịch sử dường như đã được viết mới trên nền những trang sử cũ được người ta cố làm “sống dậy”, qua những chiến dịch truyền thông giòn giã cùng những bộ phim ăn khách, để rót ký ức đạn bom vào tâm thức con người thời bình.

Chiến dịch ấy trở thành dịp để người ta phô bày nào quân trang, nào khí giới; những “màu cờ” đỏ máu; những “sấm ngữ viết hoa” trải khắp phố phường. Tất cả như để lôi cuốn những dòng người “mũ áo xanh xang” đến lắng nghe những bài ca tường thuật công trạng,

đan xen bằng những mẩu chuyện tang thương của một thời xưa cũ, nhưng đến nay vẫn còn vẹn nguyên giá trị kích động lòng thù.

Những bóng ma “ảo hoạn” về kẻ thù của cách mạng đã men theo dòng lịch sử được làm “sống dậy” kia, để không thôi ám ảnh và thúc giục con người ta tiếp tục đấu tố nhau, bằng thứ tín điều và luận điệu sắc mùi thuốc súng. Truyền thông, công luận giữa khung cảnh ấy, bỗng ngang nhiên tiếm ngôi pháp đình để nắm quyền luận tội, kết án bất kỳ ai.

Có lẽ không chỉ vậy. Giới truyền thông dường như không chịu yên vị trên chiếc ghế pháp quan vừa tiếm đoạt được, mà còn muốn trở thành những luật sư - thầy cãi - cho một vài thế lực “được chọn”.

Tháng Chín không chỉ chứng kiến những làn mưa đỏ phủ kín rạp phim, hay những làn tên mũi đạn nhấn chìm bao chiến địa tại Trung Đông và Đông Âu. Tháng Chín, còn là tháng mà làn sóng truyền thông dòng chính trong nước bỗng “chọn” cách ồ ạt chung tay giúp đỡ Vingroup thanh minh, nhưng lại chọn đứng dửng dưng ngoài cuộc trước loạt đơn kiện mà tập đoàn này dành cho những đơn vị, cá nhân làm truyền thông khác.

Hình ảnh những kẻ thù chiến đấu đầy nghĩa khí anh em và tha mạng nhau đầy nghĩa tình đồng bào mà trên phim khắc họa, dường như vẫn còn xa lạ giữa dòng chảy đời sống sau mấy chục năm “thống nhất”, “độc lập”.

*

Tháng Chín của năm 2025 đi vào lịch sử nhân loại bằng màn chào sân hoành tráng trên chính trường của một thể hệ nhà cách mạng mới: những người trẻ - gen Z - từ Indonesia cho tới Nepal. Họ đã lên tiếng, đã xuống đường, đã dẫn thân hành động, và đã gạt lấy những thành công hoặc bước đầu, hoặc trọn vẹn. Những đế chế thao túng và kiểm duyệt thông tin hoặc đã lung lay, hoặc phải (tạm thời) sụp đổ.

Cũng trong tháng này, Thiên An Môn một lần nữa chứng kiến những bánh xích xe tăng và những binh đoàn hiên ngang thẳng tắp. Vẫn là quảng trường đỏ máu một thời, nay nằm giữa một trang sử không đáng bị lãng quên nhưng người ta không được phép nhắc lại. Bắc Kinh cũng như nhiều nền chính trị “đồng văn” khác, chỉ quen nhắc lại những tội ác của quân thù, và làm sống dậy thứ lịch sử được biên soạn kỹ càng của phe ta.

*

Trong khung cảnh của kỷ nguyên thông tin, cánh tay của những nền chính trị độc tài buộc phải vươn đến địa hạt truyền thông để thao túng và kiểm soát. Một cơ chế bao cấp mới, theo đó, có thể được hình thành với hàng hóa cấp phát chính là thông tin.

Trong một xã hội bao cấp thông tin, các chính quyền một mặt nỗ lực tối đa hóa lượng thông tin, dữ liệu mà họ muốn biết về người dân bằng cách thu thập, lưu trữ; mặt khác, cố gắng tối thiểu hóa những gì nhân dân có thể biết về “chân diện mục” của họ.

Hay đúng hơn, “chân diện mục” được che giấu và lượng thông tin được cấp phát nhỏ giọt ấy, không chỉ là về chính quyền, mà còn là về những không gian mở rộng của chính quyền: như giới doanh nghiệp thân hữu, những đối tác, sân sau.

Sự kiện cả hệ thống truyền thông nhà nước vào cuộc quyết liệt vì uy tín, lợi ích của một doanh nghiệp, nhưng lại phớt lờ, thậm chí chỉ trích, luận tội những cá nhân, tổ chức bị doanh nghiệp nọ kiện, như một mảng màu trong bức tranh bao cấp thông tin.

Năm sau sẽ là dấu mốc 40 năm thực hiện Đổi mới, quyết tâm chấm dứt thời kỳ bao cấp, một cột mốc lớn của lịch sử Việt Nam hiện đại. Người ta sẽ lại chọn cách kể chuyện nào, làm “sống dậy” lịch sử ra sao, chúng ta chưa thể biết. Chỉ có thể biết chắc một điều rằng: khi giới truyền thông vẫn phải cúi đầu trước quyền lực, thì bao cấp vẫn chưa qua, những đổi thay vẫn chưa mới. Người ta ắt hẳn chưa cần làm “kỷ niệm” cho một thứ vẫn đang hiện hữu, vẫn còn tiếp diễn.

Chúng tôi xác định, làm báo độc lập chính là phép đối trị của chế độ bao cấp thông tin. Và những gì Luật Khoa tạp chí vẫn đang làm, chính là minh chứng cụ thể cho lý tưởng hành động ấy, cho ước mơ bình thường hóa truyền thông độc lập trên quê hương Việt Nam.

Để từ đó, lịch sử sẽ không cần người dẫn chuyện. Lịch sử, sẽ là thông tin chân thật mỗi ngày người ta đọc, và là ký ức trung thực mà mỗi người vẫn đang có.

Ban Biên tập Luật Khoa tạp chí

MỤC LỤC

10 Lê Sáng & Sa Huỳnh
Tin tháng Chín, 2025

28 Lan Nguyen
Yêu nước văn minh và bài học về quản lý đám đông

32 Thúc Kháng
Ngoài yêu nước, người Việt còn có truyền thống... biểu tình

36 Thiên Lương & Tịch Dạ
Tù quả 100.000 đồng đến vụ CIC: Ngụy cơ kiểm soát dữ liệu và an toàn thông tin của người dân

42 Thiên Lương & Tịch Dạ
Việt Nam nhìn từ “nước bạn”: Chính quyền đang làm gì với dữ liệu người dân?

52 Nguyễn Quang A
Món quà 100 ngàn đồng và nhà tù panopticon số

56 Sa Huỳnh
Hậu 2/9: Nước độc lập nhưng tư pháp có được độc lập?

64 Đan Thanh
Tư duy ơn nghĩa và nền giáo dục chính trị hóa

70 Trần Quỳnh Vi
Có những người Đài Loan trong câu chuyện 80 năm độc lập của Việt Nam

76 Dương Ngọc Thanh Thiên
Dân chủ hóa tại Đài Loan – Kỳ 5: Tưởng Kinh Quốc và những quyết định bước ngoặt

82 Dương Ngọc Thanh Thiên
Dân chủ hóa tại Đài Loan – Kỳ 6: Tưởng Kinh Quốc và những quyết định bước ngoặt (tiếp theo)

92 Dương Ngọc Thanh Thiên
Dân chủ hóa tại Đài Loan – Kỳ 7: Lý Đăng Huy – người báo hiệu sự ra đời của một nền dân chủ

101 Dương Ngọc Thanh Thiên
Dân chủ hóa tại Đài Loan – Kỳ 8: Quan hệ Đài – Trung dưới thời Lý Đăng Huy: Đồng thuận 1992 và các tranh cãi

108 Nguyễn Hào
Duyệt binh lịch sử: Các nhà lãnh đạo Trung Quốc thật sự muốn gì?

114 Nguyễn Hà
Trung Quốc và tham vọng kiến tạo một trật tự thế giới mới

118 Hoàng Dạ Lan
Bầu cử trong các nền dân chủ – Kỳ 1: Mô hình “được ăn cả, ngã về không” tại các nước Anh, Mỹ

126 Hoàng Dạ Lan
Bầu cử trong các nền dân chủ – Kỳ 2: Thể thức đại diện theo tỷ lệ: Khi tiếng nói nào cũng đáng lắng nghe

136 Hạo Nam
Xung đột biên giới Thái Lan – Campuchia: Từ súng đạn đến chiến tranh thông tin

142 Nhung Nguyễn
Thông qua luật cho phép tước quốc tịch: Một bước lùi về nhân quyền của Campuchia

148 Hoàng Dạ Lan
Những nẻo đường của nền dân chủ – Kỳ 1: Mô hình đại nghị: Khi nhân dân trao quyền cho quốc hội

159 Hoàng Dạ Lan
Những nẻo đường của nền dân chủ – Kỳ 2: Mô hình tổng thống và bán tổng thống: Ranh giới nào ngăn độc tài?

165 Hoàng Dạ Lan
Những nẻo đường của nền dân chủ – Kỳ 3: Trách nhiệm giải trình – một cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả

172 Hoàng Mai
Khủng hoảng chính trị tại Nepal: Năm bài học từ thất bại của Hiến pháp 2015

178 Đan Thanh
Bộ Công an đòi quản KOL: Thấy được gì và có gì cần phải thấy?

183 BT
Tẩy xanh (Greenwashing): Đạo đức kinh doanh và bài toán cho Việt Nam

190 Hồng Hoa
Tìm trong Mưa đỏ những gương mặt tha nhân

202 Thiên Tân
Cuộc chiến trăm năm ở Palestine

208 Thiên Tân
Phiên tòa xét xử Giang Thanh và “bè lũ bốn tên”

TIN THÁNG CHÍNH, 2025

Lê Sáng & Sa Huỳnh

Các sự kiện nổi bật trong tháng Chính:

- *Kỷ niệm 80 năm Quốc khánh: tổ chức diễu binh và phát “quà chính phủ”*
- *Đấu tố nhiều người nổi tiếng*
- *Vingroup tuyên chiến pháp lý với 68 tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vì “đưa tin giả”*
- *Vụ án Tập đoàn Thuận An: Xét xử sơ thẩm cựu Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và 28 bị cáo khác*
- *Bổ sung thường trực Ban Bí thư vào nhóm lãnh đạo chủ chốt của Đảng Cộng sản*
- *Quay về với chính sách một bộ sách giáo khoa*
- *Đảng chỉ đạo chính quyền: Một bộ không được có quá bảy thứ trưởng*
- *Địa chấn quyền lực ở xứ Thanh*
- *Dữ liệu tín dụng của người dân bị tin tặc rao bán*
- *Ông Vương Văn Thả, một Phật tử Hòa Hảo, chết trong tù*
- *Việt Nam và Nga thỏa thuận ngầm mua vũ khí nhằm lách lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây*

KỶ NIỆM 80 NĂM QUỐC KHÁNH: TỔ CHỨC DIỄU BINH VÀ PHÁT “QUÀ CHÍNH PHỦ”

Ngày 2/9, chính quyền tổ chức lễ diễu binh, diễu hành tại quảng trường Ba Đình để kỷ niệm 80 năm ngày Cách mạng Tháng Tám và ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Điểm nhấn của chương trình là màn phô trương khí tài quân sự với đội trực thăng Mi-171, Mi-17, Mi-8 mang cờ Việt Nam, cùng các phi cơ vận tải Casa C-295 và C212i, Yak-130 và L-39NG, tiêm kích đa năng siêu âm Su-30MK2 và các khí tài khác.
- Trong số các quan khách quốc tế, nổi bật chỉ có Chủ tịch Thượng viện Campuchia Hun Sen tham dự.



Diễu binh kỷ niệm 80 năm Quốc khánh ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Nguồn ảnh: VGP News.

- Chính quyền không công bố kinh phí chi cho hoạt động này dù nó có quy mô lớn và kéo dài nhiều tuần lễ.
- Trong suốt thời gian chuẩn bị cho sự kiện này, mạng xã hội tràn ngập các nội dung yêu nước và những cuộc tranh cãi về việc giành chỗ lẫn cách hành xử của những người dân tham dự.

Cũng trong dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đã ký ban hành Nghị quyết số 263/NQ-CP vào ngày 29/8, chỉ đạo tặng số tiền là 100.000 đồng/công dân để mừng đại lễ.

- Theo đó, có hai hình thức tặng quà như sau: một là tặng quà một lần theo hộ gia đình thường trú, chủ hộ gia đình; hai là nhận quà qua tài khoản hưởng an sinh xã hội trên ứng dụng định danh điện tử VNeID. Thời gian chi trả từ ngày 31/8 đến hết ngày 1/9; có thể nhận quà sau thời hạn này, nhưng không trễ hơn ngày 15/9.
- Theo quan sát của phóng viên *Luật Khoa tạp chí*, việc chi trả quà tại các địa phương diễn ra một cách nhanh chóng, đặc biệt là ở các tỉnh nông thôn khi một người đại diện lấy cho cả hộ gia đình. Tuy nhiên, do thời gian phát quà ngắn nên nhiều người dân phải chờ từ hai tiếng cho đến một buổi làm việc mới nhận được tiền.
- Nguồn kinh phí dành cho hoạt động này lên đến hơn 10.000 tỷ đồng, được trích từ nguồn ngân sách trung ương năm 2025 đã được Quốc hội phê duyệt.
- Trước đó, dư luận đã lan truyền thông tin về một văn bản có con dấu của Đảng ủy Chính phủ về việc tặng thưởng người dân mừng lễ Quốc khánh với giá trị 100.000 đồng/người. Nhưng sau đó, các báo, trang tin điện tử, trang mạng xã hội đồng loạt đăng tải thông tin cảnh báo người dân về tin giả, đồng thời gạch chéo văn bản này. Sau khi có thông báo chính thức từ trang *Thông tin Chính phủ* thì VOV đã gỡ bài báo trước đó, thay thế bằng một bài báo khác nhằm xin lỗi Đảng ủy Chính phủ, độc giả của VOV về sai sót.



Người dân nhận tiền ở ủy ban nhân dân phường Giảng Võ, Hà Nội dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9. Nguồn ảnh: Báo Nhân Dân.

NHIỀU NGƯỜI NỔI TIẾNG BỊ ĐẤU TỔ

Trong dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh, vì được nhận định là không yêu nước, nhiều người nổi tiếng như Trần Thành, Bằng Kiều bị báo chí nhà nước lẫn các trang mạng thân chính quyền đấu tố.

- Ngày 3/9, *Báo Công an Nhân dân* chỉ đích danh Trần Thành qua bài viết “Nốt trầm lệch pha mang tên Trần Thành”, phê phán hành động tiếm thưởng đồng nghiệp (nghệ sĩ đàn bầu Phạm Đức Thành) lúc cả nước đang ăn mừng đại lễ là việc làm không “đúng thời điểm”.

Dưới phần bình luận của các bài viết trên mạng xã hội về vấn đề này, ngoài việc tranh cãi về lòng yêu nước của các nghệ sĩ, dư luận còn bàn về phân biệt chủng tộc. Nhiều người lấy gốc gác là người Việt gốc Hoa của Trần Thành ra để công kích, đồng thời nhắc lại sự kiện “Nạn Kiều” và các chiến công của Lê Duẩn trong giải quyết các chính sách người Hoa tại Việt Nam.



Bài viết “Nốt trầm lệch pha mang tên Trần Thành” trên Báo Công an Nhân dân.

- Cộng đồng mạng còn cật lực bài trừ, lên án những ai không đi xem hoặc có những ý kiến phê bình mà họ cho rằng không tích cực về bộ phim *Mưa Đỏ*, một bộ phim do đạo diễn Đặng Thái Huyền cầm trịch dự án.
- Cũng trong dịp đại lễ, TikToker Chao (một người trẻ có sức ảnh hưởng) cũng hứng chịu làn sóng chỉ trích dữ dội. Nguyên nhân là cô ghi

VINGROUP TUYÊN CHIẾN PHÁP LÝ VỚI 68 TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VÌ “ĐƯA TIN GIẢ”

nhằm vị trí thứ tự trong tiêu ngữ “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” trên một bài đăng ở Instagram nhằm chúc mừng Quốc khánh.

- Ca sĩ Hồ Ngọc Hà cũng bị lên án vì không tham gia biểu diễn nghệ thuật tại dịp lễ 2/9 mà chọn đi châu Âu theo lịch từ trước. Lựa chọn cá nhân của cô ca sĩ này đã trở thành cơ sở để cư dân mạng so sánh, phán xét lòng yêu nước của cô. Dưới sức ép đó, ca sĩ Hồ Ngọc Hà đã phải đăng tải bài xin lỗi tại trang Facebook cá nhân, ca sĩ Bằng Kiều cũng phải chia sẻ bài đính chính.

Ngày 8/9/2025, trong một động thái chưa từng có tiền lệ tại Việt Nam, Vingroup tuyên bố khởi kiện và trình báo 68 tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vì cho rằng họ đưa thông tin sai sự thật về tập đoàn này và một số lãnh đạo cấp cao của họ.

- Theo thông cáo từ Vingroup, các nội dung sai sự thật nhằm vào bốn chủ đề chính gồm: tình hình tài chính, chất lượng và nguồn gốc sản phẩm, vấn đề pháp lý đối với sản phẩm, và thông tin cá nhân của các lãnh đạo.
- Vingroup khẳng định tin đồn rầm rộ về khoản nợ lên tới 800.000 tỷ đồng và khả năng phá sản là hoàn toàn sai lệch. Theo tập đoàn này, tổng nợ vay thực tế chỉ khoảng 283.000 tỷ đồng, với hệ số nợ vay nằm trong mức an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam.
- Trong khi đó, báo cáo tài chính quý 2/2025 của tập đoàn này ghi nhận hơn 805.000 tỷ đồng là “nợ phải trả” tại mục C, bao gồm các khoản “vay và nợ thuê tài chính”, cùng các khoản “phải trả ngắn hạn khác”, “phải trả dài hạn khác”, “người mua trả tiền trước”, bên cạnh nhiều khoản khác.

- Chỉ sau chưa đầy 24 giờ, Vingroup cho biết có hơn 50 kênh và trang mạng xã hội đã chủ động gỡ hoặc ẩn các clip, bài viết mà họ cho là bịa đặt, xuyên tạc, cùng nhiều cá nhân đã xin lỗi và đính chính công khai. Vingroup cũng đang xúc tiến việc khởi kiện tại nước ngoài đối với các cá nhân, tổ chức cư trú ở nước ngoài.
- Nhà báo Lê Trung Khoa của báo *Thoibao.de* cho biết Vingroup đã khởi kiện tờ báo này ở Đức. Vingroup cho biết họ cũng đã đệ đơn kiện chủ tài khoản Facebook Hiền Nguyễn (Yến Sào Yến Đan) ở California (Mỹ).
- Theo quan sát của *Luật Khoa tạp chí*, các báo nhà nước gần như chỉ lặp lại thông cáo báo chí và những thông tin được Vingroup cung cấp. Trong nhiều năm qua, nhiều báo nhà nước đã gỡ các bài viết và hình ảnh bất lợi cho Vingroup.
- Vingroup là một trong những tập đoàn tư nhân lớn nhất Việt Nam và từng tố cáo một số người chỉ trích ra cơ quan công an. Một số người cho biết họ từng bị công an thẩm vấn về việc chỉ trích Vingroup. Chưa có thông tin nào cho thấy Vingroup từng khởi kiện dân sự cá nhân, tổ chức nào trước đây.



Chủ tịch Vingroup Phạm Nhật Vượng đang gánh trên vai khoản nợ khổng lồ. Ảnh: X Screenshot/Asiatimes.

VỤ ÁN TẬP ĐOÀN THUẬN AN: XÉT XỬ SƠ THẨM CỰU PHÓ CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG QUỐC HỘI VÀ 28 BỊ CÁO KHÁC

Ngày 8/9, Tòa án Nhân dân (TAND) TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm 29 bị cáo trong vụ án xảy ra tại Tập đoàn Thuận An và một số địa phương. Đến chiều ngày 18/9, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên án đối với các bị cáo.

- Cựu Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Phạm Thái Hà bị tuyên mức án 5 năm 6 tháng tù về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.
- Ông Lê Ô Pích, cựu giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, cựu phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cũ, bị tuyên 3 năm tù về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.
- 27 bị cáo còn lại đều bị tuyên án về tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng. Trong đó, cựu chủ tịch Tập đoàn Thuận An Nguyễn Duy Hưng bị tuyên mức án cao nhất là 10 năm 6 tháng tù. Các bị cáo khác chủ yếu là cựu lãnh đạo, cán bộ thuộc Tập đoàn Thuận An, Ban Quản lý Dự án Tuyên Quang cũ, Ban Quản lý Dự án Hà Nội, Cục Đường bộ Việt Nam, v.v, cũng lần lượt lĩnh từ 24 tháng tù treo đến 7 năm tù.
- Theo cáo trạng, ông Nguyễn Duy Hưng đã tận dụng mối quan hệ với một số lãnh đạo cấp cao, trong đó có ông Phạm Thái Hà để thao túng đấu thầu. Thông qua việc tác động đến lãnh đạo địa phương, Tập đoàn Thuận An đã được tạo điều kiện tham gia đấu thầu, trúng thầu, thi công các dự án tại tỉnh Bắc Giang cũ, Tuyên Quang cũ, Quảng Ninh, TP. Hà Nội và tại Bộ Giao thông – Vận tải cũ, gây thiệt hại tài sản nhà nước hơn 120 tỷ đồng.

Theo thông báo của TAND TP. Hà Nội, các bị cáo đã nộp lại hơn 84 tỷ đồng, khắc phục được số tiền là 70 tỷ đồng và 90.000 USD.

BỔ SUNG ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ VÀO NHÓM LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN



Bị cáo Phạm Thái Hà (đứng) và các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm. Ảnh: Danh Lam/VnExpress.

Ngày 8/9, Ủy viên Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú ký ban hành Quy định số 368-QĐ/TW, điều chỉnh danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị. Quy định này có hiệu lực ngay lập tức, thay thế Kết luận số 35-KL/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị.

- Theo quy định mới, nhóm lãnh đạo chủ chốt của Đảng Cộng sản có thêm chức danh ủy viên thường trực Ban bí thư. Trước đó, nhóm này chỉ có “tứ trụ” bao gồm: tổng bí thư, chủ tịch nước, thủ tướng Chính phủ, và chủ tịch Quốc hội.

Ủy viên thường trực Ban Bí thư vốn là chức danh nằm trong “lãnh đạo cấp cao”. Theo tiền lệ, người giữ chức này có cơ hội thăng tiến thành lãnh đạo thuộc hàng tứ trụ, điển hình như các ông Trương Tấn Sang, Võ Văn Thưởng và Lương Cường đã lên làm chủ tịch nước sau thời gian làm thường trực Ban Bí thư.

Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, đến nay đã có bốn lần thay đổi người đảm nhiệm vị trí ủy viên thường trực Ban Bí thư: người đầu tiên giữ chức này là ông Võ Văn Thưởng, kế đến là bà Trương Thị Mai, sau đó là ông Lương Cường, và hiện tại là ông Trần Cẩm Tú.

- Quy định số 368 còn bổ sung một số chức danh sau vào diện “lãnh đạo cấp cao”: chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng các ban Đảng ở Trung ương, chánh Văn phòng Trung ương Đảng và giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Theo đó, ông Nguyễn Thanh Nghị, con trai cả của cựu Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, đã chính thức trở thành “lãnh đạo cấp cao” chỉ sau gần một tháng giữ chức trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.



Ông Trần Cẩm Tú phát biểu khi nhận chức thường trực Ban bí thư.
Nguồn: Báo điện tử Chính phủ.

Ngày 22/8/2025, Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản lật ngược chủ trương trước đó của họ về đa dạng hóa sách giáo khoa (SGK), quay về với chính sách một bộ sách duy nhất cho toàn quốc.

- Các luồng ý kiến trái chiều bắt đầu xuất hiện kể từ khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất phương án có một bộ SGK vào ngày 13/8/2025 và giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) biên soạn. Trong khi đó, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Kim Sơn đã kiến nghị Quốc hội cân nhắc, không giao Bộ GD&ĐT biên soạn một bộ SGK riêng.
- Nhà giáo Nguyễn Thị Tịnh Thy đã có bài phản đối trên trang Facebook cá nhân, cho rằng đây là một bước lùi trong chính sách khi “những bộ sách còn lại gần như bị vô hiệu hoá”.

- Nguyên Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Vinh Hiển cũng bày tỏ quan điểm phản đối: “Ý kiến này có lẽ xuất phát từ tư duy giáo dục cũ: Một nền giáo dục ‘chỉ huy, tập trung’, quá coi trọng việc truyền thụ kiến thức, ngược lại với chủ trương phát triển một nền giáo dục mở, xã hội hóa, giáo dục toàn diện [...]”.
- Dù đa số độc giả bình luận trên các trang báo tán thành với giải pháp ngắn hạn này, bà Vũ Thanh Tâm nêu ý kiến: “Theo Luật Giáo dục 2019 và Nghị quyết 88/2014 của Quốc hội, nguyên tắc được xác lập rõ: một chương trình, nhiều sách giáo khoa. [...] Đó là giải pháp để chấm dứt độc quyền [...]”.



Sách giáo khoa Cánh Diều. Nguồn ảnh: THCS Liên Ninh.

QUAY VỀ VỚI CHÍNH SÁCH MỘT BỘ SÁCH GIÁO KHOA

ĐẢNG CHỈ ĐẠO CHÍNH QUYỀN: MỘT BỘ KHÔNG ĐƯỢC CÓ QUÁ BẢY THỨ TRƯỞNG

Bộ Chính trị, Ban Bí thư của Đảng Cộng sản đã ban hành kết luận số 187-KL/TW ngày 29/8/2025 để chỉ đạo về công tác nhân sự.

- Theo đó, các ban, bộ, ngành được hợp nhất từ ba cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 7 người. Vị trí phó cấp vụ, cục không vượt quá số lượng thứ trưởng ở cấp trên.
- Với các cơ quan chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa, số thứ trưởng tối đa là 5 người, phó vụ trưởng tối đa 3 người, cấp phó phòng không vượt quá số phó vụ trưởng, đồng thời số lượng cấp phó không được vượt quá 50% tổng biên chế của cơ quan.
- Cùng lúc, Thủ tướng Chính phủ đã trao quyết định bổ nhiệm lãnh đạo mới cho tám bộ, ngành và cơ quan trung ương, trong đó có các cán bộ chủ chốt như ông Lê Hoài Trung được giao quyền bộ trưởng Bộ Ngoại giao; ông Vũ Hải Quân giữ chức thứ trưởng Thường trực Bộ Khoa học và Công nghệ; ông Vũ Mạnh Hà được bổ nhiệm thứ trưởng thường trực Bộ Y tế.
- Tại các tỉnh thành cũng có nhiều biến động nhân sự, đặc biệt là Thành phố Đà Nẵng. Ông Phạm Đức Ấn chính thức giữ chức chủ tịch UBND thành phố trong khi ông Lương Nguyễn Minh Triết được bổ nhiệm bí thư Thành ủy. Ngoài ra, cựu Bí thư Thành ủy Đà Nẵng Nguyễn Văn Quảng được điều động ra trung ương làm phó Tổng Thanh tra Chính phủ.
- Ở Khánh Hòa, Chủ tịch UBND Trần Quốc Nam và Phó Bí thư Tỉnh ủy Phạm Văn Hậu cùng xin nghỉ công tác bất thường vì “lý do cá nhân”. Cả hai cán bộ này từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại tỉnh Ninh Thuận cũ. Ông Nam vừa được Bộ Chính trị chỉ định giữ chức vụ chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 trước đó không lâu.

ĐỊA CHẤN QUYỀN LỰC Ở XỨ THANH

Ngày 16/9 HĐND tỉnh này đã thông qua quyết định cho miễn nhiệm chức vụ chủ tịch UBND tỉnh của ông Nam, ông Nguyễn Khắc Toàn - là phó bí thư thường trực tỉnh ủy lên thay.



Tám nhân sự nhận quyết định bổ nhiệm. Nguồn ảnh: VGP News.

Thanh Hóa đang trải qua một hiện tượng biến động quyền lực lớn chưa từng có trong nhiều thập niên qua với hàng loạt quan chức đầu tỉnh dính vào lao lý. Thế vào chỗ của họ là một cái tên đáng chú ý.

- Ngày 11/9, Viện Kiểm sát Nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đã phê chuẩn quyết định khởi tố, bắt tạm giam ông Nguyễn Văn Thi, phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh. Ông Thi bị bắt để điều tra về hành vi “lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Tuy nhiên, Công an tỉnh Thanh Hóa không công bố ông Thi sai phạm trong vụ việc nào.
- Một ngày sau, VKSND tỉnh tiếp tục phê chuẩn quyết định khởi tố, bắt tạm giam một số lãnh đạo và nguyên lãnh đạo trong tỉnh, bao gồm: ông Lê Anh Xuân (bí thư phường Hạc Thành, nguyên bí thư Thành ủy TP. Thanh Hóa); ông Trần Anh Chung (giám đốc Sở Công thương, nguyên chủ tịch UBND TP. Thanh Hóa); ông Lê Mai Khanh (chủ tịch UBND phường Đông Sơn, nguyên phó chủ tịch UBND TP. Thanh Hóa); và ông Tào Minh Hạnh (nguyên giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất TP. Thanh Hóa).

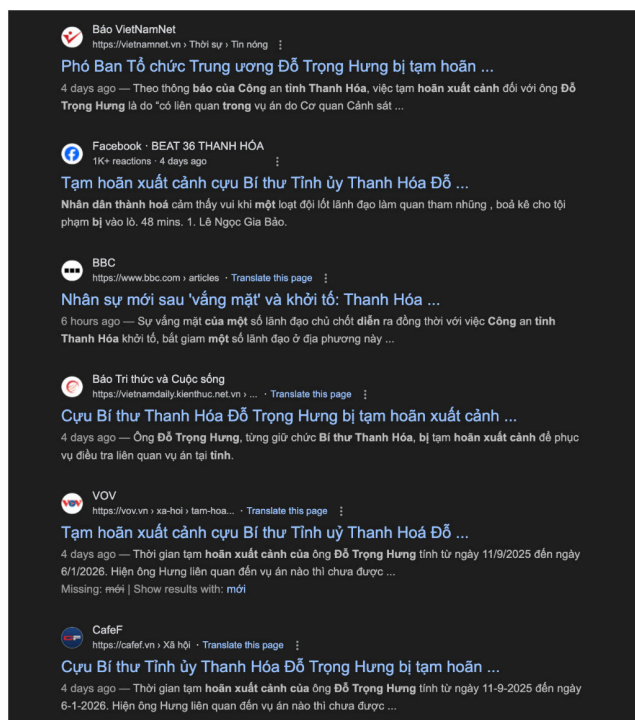
- Cơ quan tố tụng cho biết các quyết định khởi tố này có liên quan đến vụ án của ông Cao Tiến Đoan (thường gọi “bầu” Đoan) là tổng giám đốc Công ty Tập đoàn Bất động sản Đông Á. Ông Đoan bị Công an tỉnh Thanh Hóa bắt khẩn cấp ngày 29/8 để điều tra hành vi “vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.
- Ngày 13/9, nhiều báo nhà nước đồng loạt đưa tin cựu Bí thư Tỉnh ủy Đỗ Trọng Hưng bị hoãn xuất cảnh vì liên quan đến một vụ án đang được điều tra. Tuy nhiên, ngay sau đó các tin này đã bị gỡ bỏ.
- Chiều 17/9, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản đã cho ông Lại Thế Nguyên (phó bí thư thường trực Tỉnh ủy, chủ tịch HĐND tỉnh) và ông Đỗ Minh Tuấn (phó bí thư Tỉnh ủy, chủ tịch UBND tỉnh) nghỉ hưu trước tuổi. Trước đó, ngày 9/9, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã thông báo hai ông vắng mặt một cách đột ngột.

DỮ LIỆU TÍN DỤNG CỦA NGƯỜI DÂN BỊ TIN TẠC RAO BÁN

- Ngay sau đó, Hội đồng Nhân dân tỉnh đã bầu ông Nguyễn Hoài Anh, vừa được điều động làm phó bí thư Tỉnh ủy tỉnh Thanh Hóa vào sáng ngày 17/9, giữ chức chủ tịch tỉnh, thay cho ông Đỗ Minh Tuấn.
- Đáng chú ý hơn cả, Thiếu tướng Nguyễn Hồng Phong, cục trưởng Cục An ninh Nội địa thuộc Bộ Công an – cơ quan an ninh trọng yếu của cả nước – cũng được Bộ Chính trị điều động về giữ chức phó bí thư thường trực Tỉnh ủy.

Ngày 11/9, theo thông tin từ Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Không gian mạng Việt Nam (VNCERT), họ đã tiếp nhận báo cáo về một sự cố an ninh từ Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia (CIC). Sự cố được xác định là CIC bị nhóm tin tặc quốc tế Shiny Hunters tấn công nhằm chiếm đoạt dữ liệu cá nhân.

- Trước đó, theo DataBreaches.net ngày 8/9, nhóm tin tặc này xâm nhập vào CIC và lấy đi 3 tỷ bản ghi, trong đó bao gồm hơn 160 triệu thông tin tín dụng của người dùng Việt Nam.
- Kết quả điều tra ban đầu từ VNCERT ngày 12/9 cho rằng lượng dữ liệu bị thu thập trái phép tại CIC không bao gồm: tài khoản tiền gửi, số dư tiền gửi, sổ tiết kiệm, tài khoản thanh toán, sổ thẻ ghi nợ, sổ thẻ tín dụng, mã số bảo mật (CVV/CVC), lịch sử giao dịch thanh toán của khách hàng.
- Tuy nhiên, Tổ chức Resecurity công bố vào ngày 13/9 rằng các dữ liệu bị lộ bao gồm: thông tin nhận dạng cá nhân; lịch sử thanh toán tín dụng; dữ liệu phân tích rủi ro; thông tin thẻ tín dụng (một phần được mã hóa); mã định danh quân sự, chính phủ và mã số thuế; báo cáo thu nhập; các khoản nợ, thông tin liên lạc và việc làm, cùng chi tiết ngân hàng.



Ảnh chụp màn hình: Hiếu Mạnh

- Chuyên gia Dương Ngọc Thái cho biết: “CIC thu thập thông tin các khoản vay của cá nhân và doanh nghiệp tại ngân hàng. Do đó, ai từng vay ngân hàng cần cảnh giác, bởi dữ liệu lộ lọt có thể bị lợi dụng để lừa đảo. Nếu có ai gọi điện nói về điểm tín dụng thì nên từ chối cuộc gọi.”



THÔNG CÁO BẢO CHỈ

Về vụ lộ dữ liệu cá nhân của Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2025

Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT) thông báo về sự cố lộ dữ liệu cá nhân của Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia (CIC) như sau:

Ngày 10/9/2025, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam nhận được báo cáo sự cố an ninh mạng và dấu hiệu vi phạm dữ liệu cá nhân xảy ra tại Trung tâm Thông tin tin dụng quốc gia. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao đã chỉ đạo Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam chủ trì phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ điều phối các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ An toàn thông tin mạng (Viettel, VNPT, NCS), CIC, đơn vị chức năng của Ngân hàng Nhà nước xác minh thông tin về sự cố, triển khai các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật ứng phó sự cố, tăng cường các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, thu thập dữ liệu, chứng cứ để xử lý theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh ban đầu cho thấy dấu hiệu hoạt động tấn công, xâm nhập của tội phạm mạng để đánh cắp dữ liệu cá nhân. Số lượng dữ liệu bị chiếm đoạt trái phép đang được tiếp tục thống kê, làm rõ.

VNCERT yêu cầu các tổ chức, cá nhân không tự ý tải, chia sẻ, khai thác, sử dụng các dữ liệu kể trên, trường hợp cố tình vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

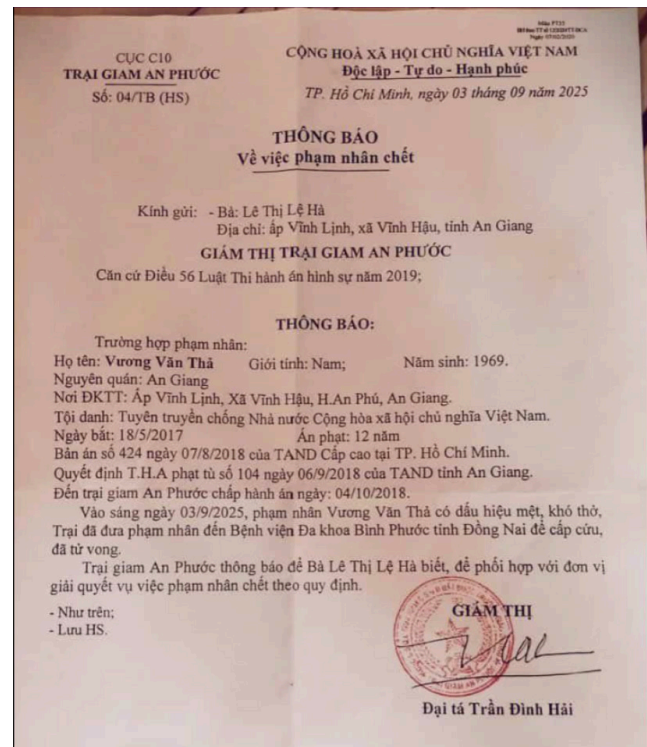
Đề nghị các cơ quan, doanh nghiệp đặc biệt là các tổ chức tài chính, ngân hàng chủ động rà soát, triển khai đáp ứng tuân thủ TCVN 14423:2025 - An ninh mạng, yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng; khuyến cáo người dân nâng cao tinh thần cảnh giác trước hoạt động của tội phạm mạng, tránh để bị lợi dụng những thông tin kể trên để thực hiện các loại hành vi phát tán mã độc, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

Thông cáo báo chí của VNCERT, Nguồn ảnh: Facebook Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao

Ông Thả là Phạt tử Hòa Hảo, đang thụ án 12 năm tù về tội tuyên truyền chống nhà nước, đã qua đời trong tù vào ngày Quốc khánh 2/9. Ban đầu, công an xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết ông tự tử, nhưng sau đó thay đổi thành chết do bệnh.

- Năm 2017, ông Thả bị bắt với cáo buộc bịa đặt, xuyên tạc về Đảng Cộng sản và chính quyền, đồng thời kích động treo cờ vàng ba sọc đỏ ngày 30/4/2017.

- Theo lời cô Vương Ngọc Thảo - con gái ông Thả - trên kênh YouTube của Đài SBTN, ông Thả có tinh thần minh mẫn và không hề có ý định tự tử trước đây. Tuy nhiên, gia đình đã không thể gặp ông Thả từ hơn một năm nay.
- Trên cáo phó của ông Thả được gia đình đăng tải, ông Thả không được đưa về an táng tại quê nhà theo nguyện vọng của gia đình mà được an táng ngay tại An Phước, nơi giam giữ ông.
- Gia đình ông không đồng tình với nguyên nhân cái chết do chính quyền công bố và vẫn đang yêu cầu làm rõ vụ việc.



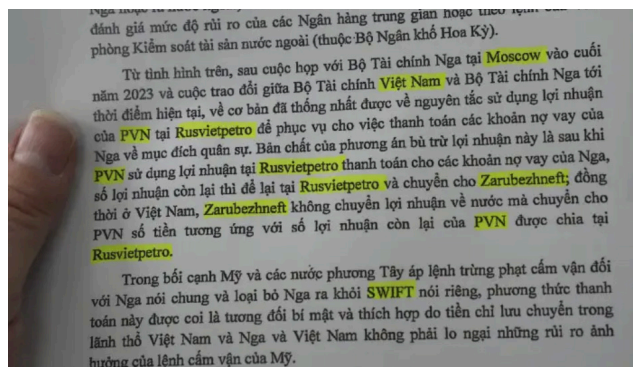
Thông báo của cơ quan chức năng về cái chết của ông Thả cho gia đình, Nguồn ảnh: My Phu, con ông Thả đăng trên Facebook cá nhân.

**ÔNG VƯƠNG VĂN THẢ,
MỘT PHẠT TỬ HÒA
HẢO CHẾT TRONG TÙ**

VIỆT NAM VÀ NGA THỎA THUẬN NGẦM MUA VŨ KHÍ NHẼM LÁCH LỆNH TRỪNG PHẠT CỦA MỸ VÀ PHƯƠNG TÂY

Một bản tin độc quyền của hãng thông tấn AP mới đây cho biết về một thỏa thuận bí mật mua bán vũ khí giữa Việt Nam và Nga. Theo đó, hai nước tận dụng các khoản lợi nhuận từ các dự án dầu khí chung để giao dịch mua bán vũ khí mà không thông qua chuyển khoản tiền mặt rõ ràng qua hệ thống ngân hàng quốc tế nhằm tránh các lệnh trừng phạt từ Mỹ và phương Tây.

- Cụ thể, Việt Nam đã mua nhiều loại vũ khí của Nga như máy bay chiến đấu, xe tăng và tàu hải quân. Khoản chi phí này sẽ được Việt Nam thanh toán theo hình thức tín dụng bằng khoản lợi nhuận của Việt Nam (tức Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam) từ liên doanh dầu khí Rusvietpetro ở Siberia. Liên doanh Rusvietpetro giữ phần lợi nhuận còn lại và chuyển cho Zarubezhneft (một tập đoàn dầu khí quốc doanh của Nga). Sau đó, tập đoàn này chuyển lại khoản dư cho Việt Nam qua PVN.
- AP News dẫn lời các chuyên gia nhận định rằng đây không phải là hình thức giao dịch đối ứng thông thường mà là hình thức tinh vi nhằm tránh các lệnh trừng phạt ngày càng gia tăng của Mỹ và các nước phương Tây lên Nga vì cuộc chiến với Ukraine.
- Tài liệu được một quan chức Việt Nam cung cấp cho AP News, người này phản đối việc thất thoát quan hệ với Nga, vì lo ngại ảnh hưởng tới mối quan hệ tốt đẹp với phía Mỹ.

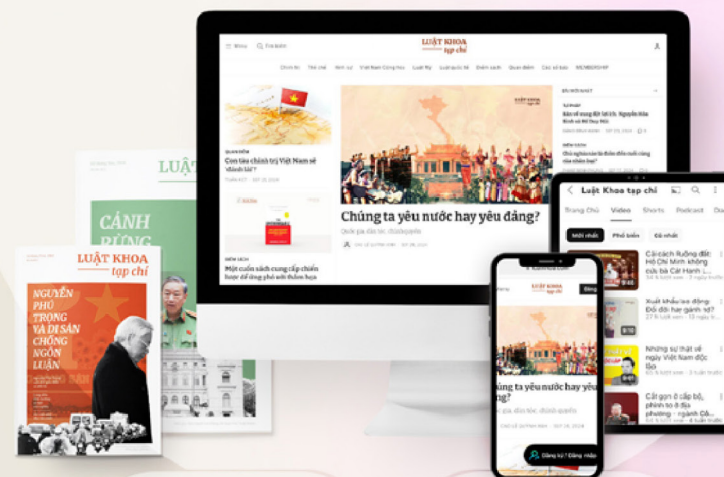


Ảnh: Một đoạn tài liệu được rò rỉ cho AP news.

LÀM BÁO ĐỘC LẬP KHÔNG SỢ AI KHÔNG NÍNH AI

Chúng tôi nguyện làm báo chính trực, đàng hoàng, và vô vị lợi.
Kiểm duyệt không có chỗ ở đây.

Ngay lúc này, bạn có thể ủng hộ sứ mệnh làm báo độc lập
của chúng tôi bằng cách mua báo hoặc đóng góp.



MEMBER

\$2

1 THÁNG

SUPPORTER

\$5

1 THÁNG

ĐĂNG KÝ NGAY
www.luatkhoa.com



Người dân tụ tập xem tập luyện diễu binh ở Hà Nội, tháng 8/2025. Ảnh: Báo Tiền Phong.

YÊU NƯỚC VĂN MINH VÀ BÀI HỌC VỀ QUẢN LÝ Đám ĐÔNG

Lan Nguyen

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 1/9/2025.

Trên thế giới, các sự kiện thu hút hàng chục nghìn người như Olympic, World Cup hay lễ kỷ niệm cấp quốc gia đều áp dụng mô hình quản lý đám đông đa tầng. Trong đó, ba yếu tố quan trọng nhất được lưu tâm là: phân luồng không gian, tổ chức điểm xem chính thức và truyền thông sớm về quy tắc ứng xử.

MỘT BỨC TRANH HAI MẶT

Lễ duyệt binh và diễu hành dịp Quốc khánh 2/9 năm nay là sự kiện chính trị – xã hội to lớn, kỷ niệm 80 năm ngày độc lập (1945-2025). Ngay từ những ngày tập dượt, hình ảnh đoàn quân chính tề, quốc kỳ tung bay, quốc ca vang vọng khắp nơi đã đem đến niềm tự hào cho nhiều thế hệ.

Nhiều du khách quốc tế, trong đó có cả những cựu chiến binh từng gắn bó

với Việt Nam, đã bày tỏ sự xúc động trước quy mô và tính biểu tượng của sự kiện. [1]

Tuy nhiên, song hành với sự trang nghiêm đó, thực tế lại xuất hiện những hình ảnh chưa đẹp. Người dân chen lấn, leo trèo lên cây, xe buýt, mái nhà; xả rác ra đường; dẫm nát hoa và cây cảnh mới trồng quanh khu vực Ba Đình.

Theo thống kê của báo *Lao Động*, có gần 5.000 m² diện tích cây xanh bị hư hại trong những ngày tổng duyệt, những hành vi xấu này “làm ảnh hưởng tới không khí chung của dịp đại lễ, làm xấu xí hình ảnh người Việt Nam trong mắt du khách quốc tế”. [2]

Trên mạng xã hội, nhiều video ghi lại cảnh tượng hỗn loạn khi hàng nghìn người tràn xuống lòng đường, nhiều người cãi nhau, một số người ngắt xỉu do chen lấn quá mức. [3]

Những tranh cãi trên mạng xã hội (chủ yếu là Facebook) còn đi xa hơn với các vấn đề như thế nào là văn minh, thế nào là sự “bình dân”, hay những lời than phiền về những khác biệt trong ứng xử ở các lễ duyệt binh ở thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Hà Nội có phải là “phân biệt vùng miền” hay không. Trong khi có nhiều ý kiến cho rằng các hành vi xấu xí làm suy yếu sự trang nghiêm vốn có của một cuộc diễu binh kỷ niệm ngày độc lập, thì cũng có ý kiến bênh vực đám đông và cho rằng “cảnh tượng hỗn loạn này xuất phát từ lòng yêu nước và sự phấn khích khi được chứng kiến các đơn vị quân đội diễu hành theo đội hình đầy đủ” và hơn hết đây là “một cơ hội hiếm có đối với công chúng”. [4]

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ: MẠNH TAY NHƯNG CHƯA ĐỦ

Sự “nhiệt tình quá mức” của công chúng vô tình biến một sự kiện mang tính biểu tượng và có ý nghĩa lịch sử sâu sắc thành một thách thức lớn về quản lý đám đông và văn minh đô thị.

Công an Hà Nội đã khẳng định sẽ xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm trong dịp tổng duyệt và duyệt binh, từ việc vượt rào, trèo cây, chống đối lực lượng làm nhiệm vụ, đến sử dụng flycam trái phép. Trong hai buổi tổng duyệt (ngày 21 và 24/8), hơn 10.000 cán bộ, chiến sĩ và hàng nghìn nhân viên bảo vệ cơ sở đã được huy động để đảm bảo an ninh, phân luồng giao thông, giữ gìn trật tự quanh khu vực Ba Đình. [5]

Ngoài ra, chính quyền đã cấm các hành vi giữ chỗ từ đêm hôm trước. Tuy vậy, nhiều người vẫn bất chấp khuyến cáo. Từ tối 28/8, tức hai ngày trước tổng duyệt, nhiều người đã trải bạt, mang ghế ra ngã tư Hùng Vương – Trần Phú để chờ sẵn nhằm giữ chỗ để có “vị trí đẹp”. Khi lực lượng chức năng yêu cầu giải tán, không ít người tìm cách đối phó (như “né tránh” hay quay trở lại khi lực lượng chức năng đi khỏi), cho thấy sự khó khăn trong thực thi quy định. [6]

Chính quyền địa phương cũng vào cuộc bằng việc điều chỉnh thời gian cấm đường, lập lại trật tự tại các bãi giữ xe tự phát nhằm hạn chế tình trạng tụ tập không phép. Việc phối hợp giữa Bộ Tư lệnh Thủ đô và ủy ban nhân dân các phường liên quan trong công tác hậu cần – từ bảo đảm vệ sinh môi trường, an

ninh trật tự, đến tháo dỡ sau sự kiện – đã góp phần kiểm chế phần nào những tình hình vi phạm đáng tiếc. [7]

Chính sách mạnh tay của chính quyền và sự phối hợp giữa các lực lượng đã giúp giảm thiểu phần nào những tình hình hỗn loạn. Việc xử lý nghiêm hành vi xấu không chỉ thể hiện tính rắn đề, mà còn gửi đi thông điệp rõ ràng: lòng yêu nước phải được thể hiện qua hành xử văn minh sao cho không làm ảnh hưởng đến tính trang nghiêm và vẻ đẹp của lễ duyệt binh.

Tuy nhiên, hiệu quả này chưa thật sự toàn diện. Bằng chứng là cảnh chen lấn, tranh chỗ, cãi nhau, ẩu đả vẫn xuất hiện trong trước và tại buổi tổng duyệt. Việc người dân vẫn đến “giữ chỗ” từ sớm cho thấy khó khăn trong việc tuyên truyền. Trong một số trường hợp, lực lượng chức năng đã phải yêu cầu giải tán trại giữ chỗ, nhưng vẫn có người ở lại qua đêm.

Những khó khăn này cho thấy cần có phương án sáng tạo hơn nhằm cân bằng giữa nhu cầu tham dự và quản lý trật tự. Ngoài chế tài cứng rắn, cần thêm những giải pháp mềm dẻo hơn để điều tiết hành vi của cộng đồng.

BÀI HỌC TỪ MÔ HÌNH QUẢN LÝ Đám ĐÔNG

Trên thế giới, các sự kiện thu hút hàng chục nghìn người như Olympic, World Cup hay lễ kỷ niệm cấp quốc gia đều áp dụng mô hình quản lý đám đông đa tầng. Trong đó, ba yếu tố quan trọng nhất được lưu tâm là: phân luồng không gian, tổ chức điểm xem chính thức và truyền thông sớm về quy tắc ứng xử.

Để chuẩn bị cho lễ duyệt binh, diễn hành kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, các cơ quan chức năng đã có những bước khởi đầu quan trọng, như phân luồng giao thông và bố trí ghế cho một số đối tượng ưu tiên. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các “không gian an toàn” cho khán giả phổ thông. Khi tất cả người dân đều muốn đến một khu vực hẹp quanh Ba Đình để theo dõi với vị trí tốt, áp lực đám đông là điều khó tránh khỏi.

Việc tổ chức các điểm xem phụ, với màn hình lớn ở các quảng trường lân cận hoặc trên các tuyến phố khác, có thể là giải pháp khả thi để giảm tải áp lực đám đông. Đây là kinh nghiệm mà nhiều quốc gia đã áp dụng khi tổ chức các sự kiện có quy mô lớn.

Mặt khác, truyền thông về ứng xử văn minh cũng cần được triển khai sớm và đồng bộ hơn. Những khẩu hiệu “yêu nước bằng hành động đẹp” hay “giữ trật tự cũng là góp phần vào thành công của lễ duyệt binh” nếu được lan tỏa mạnh mẽ qua truyền hình, mạng xã hội, loa phường... từ nhiều tuần trước sự kiện, có thể nâng cao ý thức cộng đồng tốt hơn so với các thông báo sát ngày. Đây là nội dung quan trọng, và tốt nhất là nên có các thông báo cụ thể về các chế tài kèm theo để tăng tính răn đe.

YÊU NƯỚC VÀ VĂN MINH: HAI MẶT CỦA MỘT GIÁ TRỊ

Lễ duyệt binh là hoạt động mang tính nghi thức, nó có tính thiêng liêng hơn cả, thay vì chỉ đơn giản là cơ hội để có các bức ảnh “tự sướng” (selfie) hay xác nhận sự tồn tại của bản thân trong sự tồn tại với đám đông và không khí lễ hội

qua các hình ảnh được đăng trên mạng xã hội. Hệ quả của các hành động này có thể là sự tranh giành lẫn nhau để có vị trí đẹp hay những bức ảnh đẹp, mà bỏ qua thái độ lịch sự và các hành động văn minh.

Khi liên quan đến nghi thức, các lễ nghi này cần có tính cam kết và ràng buộc, song song với tính cộng đồng. Người tham dự có thể hòa chung với không khí cộng đồng, định vị bản thân trong mối tương quan với những người cùng chung mối quan tâm; nhưng các cam kết về cái chung, như sự im lặng, trang nghiêm, tuân thủ quy định... phải được ưu tiên.

Không ai phủ nhận tình cảm chân thành và lòng tự hào của hàng chục nghìn người dân khi háo hức và đổ ra đường chờ xem lễ duyệt binh. Thế nhưng, yêu nước không chỉ là sự hiện diện tại một sự kiện lớn, mà còn nằm ở cách mỗi người thể hiện sự tôn trọng kỷ luật và không gian chung. Khi người dân chen lấn, xả rác hay phá hoại cảnh quan, niềm tự hào dân tộc bị những hình ảnh phản cảm lấn át. Lúc này, có lẽ không nói quá, khi cảm xúc cá nhân và sự hẹp hòi lấn át lòng tự hào dân tộc.

Bài học từ lễ duyệt binh 2/9 cho thấy, quản lý đám đông không chỉ là trách nhiệm của chính quyền mà còn là thước đo văn hóa công cộng của mỗi cá nhân. Để những sự kiện tương lai diễn ra trọn vẹn, cần có sự kết hợp giữa chế tài nghiêm minh, giải pháp tổ chức khoa học và quan trọng nhất là sự thay đổi từ ý thức của người tham gia. □

CHÚ THÍCH

1. Nguyen, T. (2025, August 21). Foreign tourists overwhelmed by Hanoi atmosphere as rehearsals begin for National Day parade. *Vnexpress*. <https://e.vnexpress.net/news/travel/places/foreign-tourists-overwhelmed-by-hanoi-atmosphere-as-rehearsals-begin-for-national-day-parade-4930092.html>
2. Phong, L. T. (2025, August 26). Gây mất trật tự, hành xử kém văn minh khi đi xem duyệt binh thì đừng nói đến lòng yêu nước. *Lao Động*. <https://laodong.vn/ban-doc/gay-mat-trat-tu-hanh-xu-kem-van-minh-khi-di-xem-dieu-binh-thi-dung-noi-den-long-yeu-nuoc-1563839.do>
3. Nga, T., & Nguyen, Q. (2025, August 26). Heaving crowds stampede and litter at National Day parade rehearsal in Hanoi. *Vnexpress*. <https://e.vnexpress.net/news/life/trend/heaving-crowds-stampede-and-litter-at-national-day-parade-rehearsal-in-hanoi-4889984.html>
4. Public Enthusiasm Turns Chaotic as Hà Nội Hosts Parade Rehearsals for National Day; Hồ Chí Minh City Sees Major Leadership Shake-Up Ahead of Party Congress. (2025, September 1). *The Vietnamese*. <https://www.thevietnamese.org/2025/09/public-enthusiasm-turns-chaotic-as-ha-noi-hosts-parade-rehearsals-for-national-day-ho-chi-minh-city-sees-major-leadership-shake-up-ahead-of-party-congress/>
5. Lê, Đ. (2025, August 25). Công an TP Hà Nội: xử lý nghiêm hành vi cản trở, vi phạm tại lễ duyệt binh, diễn hành. *Kinh tế và Đô thị*. <https://kinhtedothi.vn/cong-an-tp-ha-noi-xu-ly-nghiem-hanh-vi-can-tro-vi-pham-tai-le-dieu-binh-dieu-hanh.820684.html>
6. Nguyễn, K. (2025, August 29). Tìm cách giữ chỗ trước hai đêm, chờ xem Tổng duyệt duyệt binh diễn hành. *Zing News*. <https://zingnews.vn/tim-cach-giu-cho-truoc-hai-dem-cho-xem-tong-duyet-dieu-binh-dieu-hanh-post1580935.html>
7. Náo nhiệt cảnh cấm trại từ đêm 26/8 chờ xem sơ duyệt duyệt binh. (2025, August 27). *Báo Mới*. <https://baomoi.com/nao-nhiet-canh-cam-trai-tu-dem-26-8-cho-xem-so-duyet-dieu-binh-c53093269.epi>



Nguồn ảnh: AFP, VnExpress. Đồ họa: Thừa Thiên/Luật Khoa.

NGOÀI YÊU NƯỚC, NGƯỜI VIỆT CÒN CÓ TRUYỀN THỐNG... BIỂU TÌNH

Thúc Kháng

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 3/9/2025.

“Vì thế, với tính cách của người Việt, họ đã dùng đến một trong những giải pháp truyền thống: biểu tình. Để mong đẩy nhanh quá trình”.

Câu trên trích từ một bài báo đăng trên tờ The Forum của Mỹ năm 1975, viết về những người Việt tị nạn tổ chức biểu tình để yêu cầu Liên Hợp Quốc mau chóng cho họ về nước.

Thú thật, đọc đến đó, tôi có chút bất ngờ. Người nước ngoài lại nói biểu tình là “giải pháp truyền thống” của người Việt?

Sống ở Việt Nam mấy chục năm, ngoài cái câu học thuộc lòng ở trường ngày xưa: “Dân tộc ta có truyền thống yêu nước nồng nàn”, thì tôi chưa bao giờ nghe ai gán tính cách dân tộc mình với hai từ biểu tình.

Ngược lại, chỉ thấy mỗi khi có nước nào nổ ra biểu tình, ở ta lại có người thở phào: “May mà mình ở Việt Nam, không có biểu tình, không có bạo động”, rồi không quên cảm ơn nhà nước rồi rít.

Tại sao nhiều người lại nghĩ như vậy? Tôi nghĩ, một phần vì truyền thông trong nước lâu nay luôn gắn biểu tình với “gây

rối”, “bạo loạn” hay “bị kích động”. Một phần vì trong tâm trí nhiều người, hình ảnh biểu tình gắn với cảnh xô xát, đập phá. Và hơn hết, khi sống trong một xã hội mà việc xuống đường có thể dẫn đến rủi ro bị bắt bớ, người ta dần tin rằng “không biểu tình” chính là yên ổn.

Nhưng nếu nhìn rộng ra, có lẽ cần đặt lại câu hỏi: một đất nước không có biểu tình có chắc là một xã hội tốt không?

BIỂU TÌNH LÀ GÌ, VÀ ĐỂ LÀM GÌ?

Biểu tình, thực ra, là chuyện rất bình thường. Nó không phải bạo loạn, cũng chẳng phải thú vui gây rối. Nó chỉ đơn giản là khi nhiều người cùng nhau nói với chính quyền: “Chúng tôi không đồng ý”.

Một lá thư kiến nghị có thể bị bỏ qua. Một chương trình “Dân hỏi – Bộ trưởng trả lời” có thể bị lừa đi. Nhưng hàng ngàn người cùng lúc xuống đường thì khó có thể coi như không nghe thấy.

Trong cuốn “Contentious politics”, Charles Tilly và Sidney Tarrow đã có một định nghĩa rất dài cho biểu tình, và tôi xin tóm lại bằng một hình ảnh: van xáp của xã hội.

Xã hội nào cũng có mâu thuẫn: bất công, chênh lệch, chính sách sai lầm. Nếu không có chỗ để mâu thuẫn đó thoát ra, nó sẽ tích tụ. Và khi tích tụ quá lâu, nó bùng nổ.

Mặt khác, trong nghiên cứu The Dynamic Relationship Between Protest and Repression, tiến sĩ Khoa học chính

trị Sabine Carey đã chỉ ra: ở những nước cho phép biểu tình ôn hòa, nguy cơ bạo lực nghiêm trọng thường thấp hơn. Điều này dễ hiểu, khi người dân có kênh hợp pháp để lên tiếng, họ ít khi phải chọn đến những cách cực đoan hơn.

Nói gọn lại, biểu tình là một cơ chế tự điều chỉnh của xã hội. Nó giúp người dân buộc chính quyền phải lắng nghe. Và chính quyền, nếu khôn ngoan, sẽ coi đó là tín hiệu để sửa sai.

ỔN ĐỊNH THẬT VÀ ỔN ĐỊNH GIẢ

Một xã hội không có biểu tình thường được coi là “ổn định”. Nhưng ổn định kiểu gì mới quan trọng.

Ở Bắc Âu, người ta ít biểu tình vì họ... không có nhiều chuyện lớn để phàn nàn. Phúc lợi tốt, đời sống cao, chính sách minh bạch. Người dân hài lòng thì chẳng cần xuống đường.

Còn ở Trung Quốc, người ta cũng không mấy khi biểu tình. Không chắc có phải vì dân đã hài lòng nên không biểu tình hay không, hay vì họ biết một khi xuống đường là sẽ bị bắt, bị trấn áp.

Phong trào Giấy Trắng năm 2022 ở Trung Quốc là một ví dụ, chỉ từ một vụ cháy chung cư ở Tân Cương, nơi nhiều người chết vì bị phong tỏa COVID quá nghiêm ngặt, đã bùng lên thành làn sóng biểu tình lan khắp cả nước. Người dân giơ cao tờ giấy trắng để thể hiện rằng họ không được phép nói những điều muốn nói. Phong trào là cách họ lên tiếng phản đối chính sách trấn áp tự do ngôn luận hà khắc của chính quyền.

Và chính quyền Trung Quốc lập tức đàn áp mạnh tay để dập tắt. Chỉ riêng việc ấy có thể thấy, yên bình bên ngoài không đồng nghĩa với đồng thuận bên trong.

Nhà nghiên cứu Timur Kuran gọi hiện tượng này là “ưu tiên giả tạo”, bởi người dân giấu đi bất mãn thật, giả vờ đồng thuận để được yên thân. Nhưng sự đồng thuận giả tạo đó chỉ tạo nên một vỏ bọc mỏng manh. Khi có một cú hích bất ngờ, nó có thể bùng ra dữ dội, như cách mạng Đông Âu năm 1989.

Nói cách khác, cùng là “không biểu tình”, nhưng một bên là sự yên bình của lòng tin, còn một bên là sự yên lặng của sợ hãi.

MỘT “CƠN SỐT” CỦA XÃ HỘI LẠNH MẠNH

Biểu tình, trên hết, còn là tín hiệu cho thấy xã hội vẫn còn sức đề kháng. Người dân vẫn muốn nói, vẫn tin rằng tiếng nói của mình có thể làm nên thay đổi.

Các báo cáo quốc tế như Freedom in the World của Freedom House cho thấy, những quốc gia được đánh giá là “Tự do” thì quyền hội họp và biểu tình ôn hòa phải được bảo đảm như một tiêu chí bắt buộc để đạt mức đánh giá này.

Tại Pháp, biểu tình diễn ra quanh năm và ở khắp mọi nơi, buộc chính quyền phải lắng nghe điều chỉnh chính sách. Ở Hàn Quốc, biểu tình năm 2016 đã đưa một tổng thống tham nhũng ra khỏi ghế lãnh đạo đất nước. Những cuộc xuống đường đó không làm sụp đổ xã hội, mà giúp xã hội thấy sai để sửa sai.

Nếu coi xã hội như một cơ thể, thì biểu tình giống như một cơn sốt. Cơn sốt khó chịu, nhưng nó báo hiệu cơ thể còn phản ứng được.

VIỆT NAM THÌ SAO?

Trở lại với lời nhận xét của tờ *The Forum* ở đầu bài viết. Nếu nhìn lại lịch sử, thì nhận xét đó không sai.

Từ thời Pháp thuộc, người Việt đã biết biểu tình rầm rộ để phản đối chính sách thuế của Pháp và triều đình Nguyễn (1908); đã tổ chức tuần hành hàng trăm nghìn người để đòi chịu tang cụ Phan Châu Trinh (1926).

Đảng Cộng sản phát triển từ phong trào biểu tình Xô Viết Nghệ Tĩnh. Cách mạng tháng Tám thành công nhờ những cuộc biểu tình quy mô lớn tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Đó là thời thuộc địa, còn khi thực dân đã rút lui, người Việt đã có nhà nước thì sao?

Sau hiệp định Geneva, người dân Quỳnh Lưu, Nghệ An đã tổ chức biểu tình (1956) với hàng vạn người để phản đối chính quyền Bắc Việt và đòi quyền được di cư vào Nam. Sau khi bị đàn áp, đây có lẽ là cuộc biểu tình quy mô lớn cuối cùng ở miền Bắc thời xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trước 1975, xã hội miền Nam dù bất ổn do chiến tranh liên miên nhưng một xã hội dân sự vẫn luôn hiện diện rõ ràng: sinh viên xuống đường biểu tình phản đối lệnh tổng động viên của chính phủ,

báo chí biểu tình phản đối chính phủ kiểm duyệt thông tin.

Người miền Nam khi đó, rất đúng với lời nhận xét, họ xem biểu tình là cách giải quyết các vấn đề xã hội, là cách họ buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải lắng nghe.

Sau này, dù hiếm hoi, nhưng Việt Nam vẫn chứng kiến thêm các cuộc xuống đường: phản đối Trung Quốc đặt giàn khoan Hải Dương 981 (2014), phản đối Formosa gây ô nhiễm (2016), phản đối dự luật Đặc khu (2018).

Nhưng cách chính quyền và truyền thông phản ứng mới đáng chú ý. Thay vì gọi đó là “biểu tình”, báo chí nhà nước thường dùng: “tụ tập đông người”, “gây rối”, “bị thế lực xấu kích động”.

Người dân tham gia có thể bị bắt, bị đánh, bị bỏ tù. Những cuộc xuống đường vốn mang tính chính trị – xã hội bị biến thành sự kiện an ninh – trật tự.

Kết quả là, trong trí nhớ tập thể, “biểu tình” không còn được hiểu như một quyền, mà như một tội. Người ta sợ, rồi họ tin “không có biểu tình là may mắn”. Nhưng cái gọi là “yên lặng ổn định” ấy chỉ là một ảo tưởng, trong khi bất công và bất cập vẫn âm thầm chất chồng.

Trong khi đó, Hiến pháp 2013 ghi rõ công dân có quyền biểu tình. Nhưng hơn mười năm rồi, vẫn chưa có Luật Biểu tình. Nghịch lý ở chỗ đó, biểu tình ở Việt Nam là một quyền hiến định lại biến thành một quyền treo – có trên giấy nhưng không thể làm.

Có lẽ lời nhận xét của *The Forum* từng đúng với người Việt trước đây, nhưng trong xã hội hôm nay, nó đã không còn. □

CHÚ THÍCH

1. Seon Hwa. (2025) Starting young: N. Korean textbook reveals indoctrination of kindergarteners – Daily NK English. Retrieved September 05, 2025, from <https://www.dailynk.com/english/starting-young-n-korean-textbook-reveals-indoctrination-of-kindergarteners/?tztc=1>
2. PSCORE USA. (n.d.) Education System in North Korea – NGO – PSCORE. Retrieved September 05, 2025, from <https://pscore.org/life-north-korea/forced-to-hate/>



Ảnh minh họa: Tạm Thương/Luật Khoa.

TỪ QUÀ 100.000 ĐỒNG ĐẾN VỤ CIC: NGUY CƠ KIỂM SOÁT DỮ LIỆU VÀ AN TOÀN THÔNG TIN CỦA NGƯỜI DÂN

Thiên Lương & Tịch Dạ

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 16/9/2025.

Ngày 15/9 là hạn cuối để người dân nhận “quà Tết Độc lập”, chính thức khép lại một chiến dịch “hoàn thuế” đình đám và chưa từng có tiền lệ. Ngoài các câu hỏi như liệu “quà” có được trao đầy đủ cho toàn dân như kế hoạch, hay rằng các báo cáo tài chính của việc phát quà sẽ được minh bạch như thế nào, thì những câu hỏi liên quan đến nguồn gốc và mục đích đằng sau chiến dịch trao quà này cũng cần được bàn đến và làm rõ.

Bên cạnh đó, sau vụ việc hơn 160 triệu hồ sơ dữ liệu tài chính và tín dụng, tương đương lượng dữ liệu của toàn dân tại Trung tâm Thông tin Tín dụng quốc gia (CIC) bị rò rỉ, vấn đề an toàn thông tin của người dân càng cần được đặt ra và thảo luận nhiều hơn. Đặc biệt là khi chiến dịch phát quà Quốc khánh vừa qua được chủ trương và khuyến khích thực hiện thông qua ứng dụng số VNeID, đồng nghĩa chiến dịch này cũng đã góp phần vào công cuộc thu thập và lưu trữ dữ liệu quốc gia về dân cư.

Liệu kế hoạch tặng quà Quốc khánh lần này có gì liên quan đến mục tiêu giám sát người dân bằng dữ liệu? Mô hình giám sát ấy, có phải học từ Trung Quốc, và có khả thi, hiệu quả? Vụ việc rò rỉ dữ liệu CIC vừa qua cho thấy những nghi ngại đáng xem xét nào về an toàn thông tin của người dân, trong bối cảnh nhà nước đang tiến hành mô hình thu thập và số hóa dữ liệu dân cư, phục vụ mục đích quản lý?

Đây sẽ là những vấn đề được tập trung bàn đến trong loạt bài viết này.

“QUÀ TẾT ĐỘC LẬP” HAY “MỖI CÂU” DỮ LIỆU TÀI CHÍNH?

Việc liên kết sự kiện tặng quà Quốc khánh với dụng ý thu thập dữ liệu tài chính của người dân không phải là một nghi vấn suông, mà thực chất đây là điều đã được chính Bộ Công an vài lần trực tiếp hoặc gián tiếp khẳng định.

Trong một bài viết đăng ngày 29/8 trên *Báo Chính phủ* có đề cập rằng Bộ Công an được giao nhiệm vụ trong năm 2025 phải đảm bảo 100% người dân có tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID.

Trong các nội dung hướng dẫn người dân nhận quà, bộ này cũng nêu rõ mục đích của chiến dịch tặng quà nhân dịp lễ 2/9 là nhằm tạo cơ sở dữ liệu cho Đề án 06 của Bộ Công an.

Ngay trước lúc khởi động chiến dịch quà Quốc khánh, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã yêu cầu Bộ Công an tiến hành rà soát toàn bộ tài khoản ngân hàng và SIM điện thoại của người dân.

Sau đó, Bộ Công an lại tiếp tục phối hợp cùng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thực hiện công cuộc “làm sạch dữ liệu”, thông qua xác minh lại hơn 122 triệu hồ sơ của cá nhân và tổ chức, đối chiếu với dữ liệu dân cư đã thực hiện sinh trắc học trên nền tảng VNeID. Mục đích là để đảm bảo các giao dịch phát sinh trên nền tảng số của những tài khoản này sẽ luôn có sự giám sát của Bộ Công an.

Tính đến tháng 7/2025, hơn 117 triệu hồ sơ khách hàng tại các ngân hàng đã xác thực sinh trắc học.

Đến nay, thao tác xác thực sinh trắc học trên VNeID là một yêu cầu bắt buộc đối với bất kỳ ai muốn mở tài khoản hoặc tiến hành giao dịch tại các ngân hàng.

Tính đến ngày 14/8, ngành ngân hàng báo cáo đã hoàn tất công cuộc “làm sạch 100%” dữ liệu tài chính của người dân để tạo cơ sở dữ liệu đầu vào mới. Chiến dịch tặng quà vừa qua như một bước đi kế tiếp sau kết quả này, với ý nghĩa một hoạt động thí điểm chi trả an sinh xã hội cho người dân thông qua kênh ứng dụng VNeID, từ đó đồng bộ hóa toàn bộ dữ liệu tài chính toàn dân với kho dữ liệu dân cư đã tích hợp trên nền tảng ứng dụng này.

CIC VÀ ĐỀ ÁN SỐ HÓA DỮ LIỆU TÀI CHÍNH: PHÁT KIẾN MỚI HAY THAM KHẢO MỚI?

Có thể thấy, đằng sau những kết quả đạt được hiện tại trong công cuộc số hóa dữ liệu dân cư quốc gia là cả một toan tính lâu dài với nhiều bước triển khai. Chỉ ít, những bước chuẩn bị đầu tiên đã được thực hiện từ những năm 2014 – 2015.

Đây là thời điểm Việt Nam lần đầu tiên giới thiệu đề án xây dựng hệ thống đánh giá điểm tín dụng của người dân, mà cơ quan đảm trách là CIC thuộc NHNN.

Chính phủ Việt Nam khi đó từng tuyên bố rằng đây là một sáng tạo mới mẻ, do đó người dân có thể còn chưa quen thuộc và phải dần làm quen. Tuy nhiên, có một điểm trùng hợp là ngay thời điểm đó tại Trung Quốc, chính quyền nước này cũng cho giới thiệu đề án đánh giá tín dụng xã hội (SCS). Và thực tế, cho đến nay, hệ thống trên đã trở thành một bước đệm hữu hiệu để quốc gia này thực hiện kiểm soát toàn diện xã hội thông qua dữ liệu số.

Mấy năm sau đó, ngày 28/3/2022, Chính phủ Việt Nam tiếp tục phê duyệt đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Những thông tin mà cơ sở dữ liệu này thu thập bao gồm cả tài sản, thu nhập của toàn dân để phục vụ công tác quản lý. Theo đề án này, Chính phủ nhắm đến chuyển đổi số toàn bộ các quy trình, thủ tục liên quan đến thu nhập, tài sản của người dân, để dễ dàng xác minh thông tin và phát hiện các vi phạm.

Đến tháng 4/2023, Bộ Công an đã được giao phối hợp với NHNN để thực hiện Đề án 06. Trọng tâm của đề án này là kết nối dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kho dữ liệu của ngành ngân hàng. Theo đó, Bộ Công an sẽ cung cấp dữ liệu về dân cư, định danh điện tử, CCCD gắn chip, và công nghệ xác thực sinh trắc học cho NHNN để NHNN bắt đầu triển khai lên toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại.

Chỉ một ngày sau đó, ngày 25/4/2023, báo *Thanh Niên* đưa tin Bộ Công an đang nghiên cứu đề án chấm điểm tín dụng dân cư. Theo đó, bộ này sẽ tiến hành cập nhật toàn bộ 42,3 triệu dữ liệu dân cư đã “được làm sạch” lên hệ thống CIC của NHNN, nhằm đồng bộ mã số tín dụng CIC với định danh cá nhân ở CCCD.

Ngay thời điểm này, một số ngân hàng đã bắt đầu phối hợp với Bộ Công an để thử nghiệm cơ chế chấm điểm tín dụng dựa trên dữ liệu dân cư.

Tháng 4/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 94/2025/NĐ-CP quy định về một cơ chế kiểm soát mới, gọi là “Cơ chế thử nghiệm” chính thức có hiệu lực từ ngày 1/7/2025, cho phép ngành ngân hàng dùng trí tuệ nhân tạo (AI) để chấm điểm tín dụng dựa trên các dữ liệu khác nhau từ ngân hàng và Bộ Công an, như: lịch sử thu nhập, trình độ học vấn, lịch trình di chuyển, hoạt động viễn thông, và các phân tích hành vi khác.

Đáng chú ý, dữ liệu chấm điểm phải được chia sẻ trực tiếp với Bộ Công an thông qua ứng dụng VNeID. Cách thức này rất giống với mô hình mà Trung Quốc đã từng áp dụng từ vài năm trước đó.

“Trung Quốc chỉ mất 2 phút 16 giây để giải quyết một khoản vay nhờ cơ sở dữ liệu chấm điểm tín dụng khách hàng thu thập được từ hành vi tiêu dùng, hoạt động sống của họ,” trang *VnEconomy* dẫn lời ý kiến PGS.TS. Đặng Ngọc Đức, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Đại Nam.

Cơ chế chấm điểm tín dụng mới này đã bắt đầu được đưa vào thử nghiệm từ ngày 1/7/2025, tức chỉ hơn một tháng trước khi phát động chiến dịch tặng quà 100 ngàn đồng cho người dân.

Trước đó, từ đầu năm nay, Bộ Thông tin và Truyền thông (cũ), nay là Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký kết hợp tác cùng Cục Dữ liệu Quốc gia Trung Quốc để thành lập một nhóm công tác chung trong lĩnh vực dữ liệu số. Đây vốn là một trong 32 bản cam kết hợp tác do cố Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng ký kết với Trung Quốc hồi tháng 12/2023.

RÒ RỈ DỮ LIỆU CIC: MỘT CẢNH BÁO VÀ THÁCH THỨC NIỀM TIN DÂN CHÚNG VỚI MÔ HÌNH GIÁM SÁT BẰNG DỮ LIỆU

Trước những tiến triển đầy hứa hẹn của công cuộc thu thập, xử lý và phát triển mô hình giám sát người dân bằng dữ liệu, và giữa bầu không khí hân hoan nhận quà Quốc khánh chưa kịp lắng dịu, thì một biến cố bất ngờ phát sinh: hơn 160 triệu hồ sơ dữ liệu tài chính và tín dụng của người dân tại CIC bị rò rỉ hôm 8/9.

Theo đánh giá từ các tổ chức an ninh mạng như Resecurity và Cybernews, lượng thông tin bị tấn công và sao chép này tương đương với dữ liệu của toàn bộ người dân và doanh nghiệp trong nước.

Nhóm hacker ShinyHunters sau đó đã công khai nhận trách nhiệm và đăng tin rao bán nguồn dữ liệu này trên dark web với mức giá “thương lượng” là 175.000 USD. Nhóm này chia sẻ rằng họ không có mục tiêu tổng tiền chính quyền Việt Nam, và cho biết đã ước tính được tổng số dữ liệu lưu trữ tại CIC vào khoảng 3 tỷ hồ sơ.

Ba ngày sau vụ việc, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT) chiếu 11/9 đã phát thông báo chính thức về vụ rò rỉ, và cho biết đang phối hợp cùng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ an ninh mạng như Viettel, VNPT, NCS để xác minh và xử lý tình huống.

NHNN sau đó cũng đã lên tiếng trấn an người dân rằng các giao dịch và hoạt động tín dụng vẫn vận hành an toàn, bình thường, và dữ liệu CIC không bao gồm các thông tin cá nhân quan trọng.

Tuy vậy, ông Võ Đỗ Thắng, giám đốc Trung tâm An ninh mạng Athena nêu cảnh báo rằng việc rò rỉ dữ liệu CIC có thể bị đối tượng xấu lợi dụng để thao túng, khống chế nạn nhân, gây áp lực tâm lý, lừa đảo, và nhiều hệ lụy pháp lý khác. Các cơ quan công an đã cũng lên tiếng cảnh báo người dân về nguy cơ xuất hiện tình trạng lừa đảo, chiếm đoạt thông tin và tài sản cá nhân.

Theo tổ chức Resecurity cho biết, dữ liệu bị lộ có thể bao gồm:

- Thông tin nhận dạng cá nhân
- Lịch sử thanh toán tín dụng
- Dữ liệu phân tích rủi ro
- Thông tin thẻ tín dụng (một phần được mã hóa)
- Mã định danh quân sự, chính phủ và mã số thuế
- Báo cáo thu nhập, các khoản nợ, thông tin liên lạc và việc làm, cũng như chi tiết ngân hàng

Hiện các cơ quan nhà nước chưa có thông tin chính thức về những trường dữ liệu nào đã bị rò rỉ. Các đánh giá chính xác chỉ có thể thực hiện khi đã có thông tin cụ thể về lượng và loại thông tin bị tấn công.

Tuy nhiên, theo Resecurity nhận định, vụ việc này đủ để gióng lên một hồi chuông cảnh báo nghiêm trọng về an toàn bảo mật thông tin của người dân, khi CIC đang nắm giữ vị trí của một “điểm thất bại duy nhất” (single point of failure), những bất cẩn tương tự thậm chí có thể gây tác động to lớn đến toàn bộ thông tin tài chính của quốc gia.

Ông lớn trong ngành tài chính là JPMorgan hồi tuần trước cũng đã lên tiếng cảnh báo giới đầu tư rằng vụ việc này sẽ khiến các ngân hàng Việt Nam phải gia tăng chi phí cho an ninh mạng và đánh mất niềm tin của đối tác lẫn khách hàng.

Theo tổ chức này, vụ rò rỉ cho thấy rủi ro tiềm tàng về an toàn của dòng tiền khi giao dịch tại Việt Nam, và trong tương lai khó mà tin chắc sẽ không phát sinh những sự cố quy mô lớn tương tự.

Cảnh báo trên của JPMorgan có lẽ không chỉ có giá trị đánh động các nhà đầu tư quốc tế, mà đồng thời cũng nêu bật mối nguy cơ mà các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam cần nhìn nhận rõ và có phương án phản ứng kịp thời. Lẽ hiển nhiên, không chỉ là nguy cơ về phương diện tài chính, kinh doanh, mà còn về vấn đề an toàn và bảo mật thông tin cá nhân.

Có thể thấy rằng, thời gian qua, người dân phải chịu rủi ro bị giám sát chặt chẽ hơn khi nhà nước không ngừng mở rộng hoạt động thu thập, kiểm soát dữ liệu của dân chúng, bao quát từ dữ liệu danh tính, nhân thân cho đến tài chính, tín dụng.

Giờ đây, khi kho dữ liệu của nhà nước ngày một khổng lồ, đã nảy sinh thêm một nguy cơ khác cũng đáng báo động không kém: nguy cơ lộ thông tin cá nhân đến từ hệ thống bảo mật, lưu trữ kém hiệu quả.

Dễ hình dung, khi các hồ sơ thông tin vô cùng đầy đủ này bị rò rỉ, sẽ dẫn đến nguy cơ đánh cắp danh tính, chiếm đoạt tài sản, và những hệ lụy khó lường kèm theo, có thể gây đảo lộn nền tư pháp như hành vi giá họa, gài bẫy, v.v.

Vốn dĩ, tính hiệu quả của mô hình giám sát, quản lý người dân bằng dữ liệu số vốn vẫn là một vấn đề gây tranh cãi và gợi nhiều hoài nghi. Trước những hiểm họa nhãn tiền rút ra được từ các vụ việc gần đây, có thể khẳng định câu chuyện trên càng đáng được bàn luận kỹ.

Hơn hết, những cơ quan chức năng có liên quan và có thẩm quyền càng cần phải đưa vấn đề ra thảo luận, xem xét lại tính khả thi của đề án này một cách nghiêm túc. □



Ảnh: Hoàng Hùng/Báo Sài Gòn Giải Phóng. Đồ họa: Thiên Tàn/Luật Khoa.

VIỆT NAM NHÌN TỪ “NƯỚC BẠN”: CHÍNH QUYỀN ĐANG LÀM GÌ VỚI DỮ LIỆU NGƯỜI DÂN?

Thiên Lương & Tịch Dạ

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 19/9/2025.

Như đã trình bày trong bài viết trước, chính quyền đã từ lâu triển khai để án số hóa và lưu trữ dữ liệu dân cư để phục vụ cho công tác quản lý. Điều đáng nói là, các dữ liệu được thu thập không chỉ dừng lại ở danh tính, nhân thân, tức những trường thông tin hiển thị trên căn cước, mà nay đã hướng đến bao trùm cả các thông tin về tài sản, tài chính, quan điểm, thị hiếu, thói quen sinh hoạt, di chuyển, v.v. của người dân.

Bài trước cũng đã chỉ ra những điểm tương đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc trong mô hình thu thập dữ liệu tài chính, tín dụng của người dân, đặt ra câu hỏi về mối quan hệ ý tưởng giữa hai nhà nước này trong vấn đề quản trị xã hội. Sự liên hệ gần gũi ấy, khiến ta không thể không hoài nghi: mô hình giám sát và chấm điểm cư dân mà Trung Quốc đang áp dụng, liệu một ngày có được nhân bản tại Việt Nam?

Những nỗ lực thu thập dữ liệu của người dân về mọi mặt của chính quyền trong suốt nhiều năm qua, không thể không khiến người ta đau đầu về câu hỏi ấy. Và từ đây, lại dấy lên thêm nhiều câu hỏi nữa:

Việc thu thập và kiểm soát một lượng dữ liệu khổng lồ và toàn diện của người dân như vậy, liệu có phải là để phục vụ cho một hình quản lý toàn diện, bao quát, thậm chí có tính “giám sát”? Nếu đúng, thì một mô hình quản lý như vậy, liệu có khả thi, có hữu hiệu và hứa hẹn? Đây là những điều còn gây băn khoăn, e ngại về một mô hình như thế? Kinh nghiệm từ nước ngoài có thể cho ta thấy điều gì về đề án đầy tham vọng này?

Bài viết này sẽ nỗ lực cung cấp những thông tin cơ bản để giúp độc giả tự mình rút ra đáp án cho những câu hỏi nêu trên.

THU THẬP DỮ LIỆU NGƯỜI DÂN: MỘT CHIẾN DỊCH KHÔNG NGỪNG NGHI

Câu chuyện về việc chính quyền ra sức thu thập dữ liệu tài chính, tài sản và thu nhập của người dân bằng nhiều hình thức và biện pháp như đã trình bày trong bài viết trước đây, chỉ mới là một phần nhỏ trong bức tranh rộng lớn hơn của tham vọng thu thập và “số hóa” thông tin của nhân dân.

Công cuộc “chuyển đổi số” dữ liệu dân cư ở quy mô cả nước là một mục tiêu trung tâm mà Đề án 06 không ngần ngại trình bày thẳng, rằng chính quyền xác định sẽ “huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị” lẫn toàn dân để thực hiện bằng được mục tiêu này.

Đồng thời, để án trên cũng xác định rõ giá trị của nguồn dữ liệu này như là “tài nguyên quan trọng, được quản lý tập trung, thống nhất và chia sẻ trong toàn bộ hệ thống chính trị”.

Từ những xác định rõ ràng như vậy về định hướng, mục tiêu và mức độ tập trung nguồn lực cho việc thu thập và số hóa dữ liệu toàn dân, không lạ gì khi thấy mấy năm gần đây, chính quyền đã có những động thái và quyết sách tích cực để hiện thực hóa tham vọng này.

Hồi đầu năm nay, Bộ Công an đã cho thành lập các trung tâm lưu trữ dữ liệu quốc gia, để làm nơi mà bộ này có toàn quyền lưu trữ và truy cập vào mọi thông tin dữ liệu từ khắp các cơ quan, ban ngành trong bộ máy nhà nước, cho đến các thành phần xã hội.

Trong tháng Tám vừa qua, Bộ Công an cũng đã khánh thành Trung tâm Dữ liệu Quốc gia số 1, một công trình được xem là quy mô và hiện đại “bậc nhất Đông Nam Á”, là “trái tim của chuyển đổi số quốc gia” như lời Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định.

Những thông tin được thu thập để cung cấp cho các trung tâm dữ liệu này, đến từ những bước đi có chủ đích của chính quyền trong những quyết sách và hành động cụ thể, để gián tiếp hoặc trực tiếp khai thác thông tin, dữ liệu từ người dân.

Mỗi quyết sách và bước đi trong công cuộc thu thập sẽ tương ứng một loại hình, hoặc nhóm thông tin thu được nhất định. Từ loại hình và nhóm thông tin này, sẽ có thể suy ra dụng ý thu thập, và định hướng sử dụng của chính quyền.

Bảng dưới đây sẽ trình bày khái lược những quyết sách và động thái gần đây của chính quyền nhằm thu thập, khai thác thông tin của công dân. Qua đó, chính quyền có thể phân loại, tổ hợp các nhóm thông tin được thu thập, để phục vụ cho những mục đích nhất định.

Quy định/động thái của chính quyền	Những dữ liệu thu thập được
Chỉ thị 07/CT-TTg của Chính phủ ban hành vào ngày 14/3/2025, mở rộng phạm vi thu thập dữ liệu toàn diện hơn cho Bộ Công an, trong đó phần lớn quy trình được thông qua ứng dụng VNeID	Tập hợp nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau gồm đất đai, tài chính, xây dựng, kiểm soát tài sản thu nhập, xử lý vi phạm hành chính, nông nghiệp, an sinh xã hội, giáo dục, hộ tịch, ý tế, v.v.
Từ tháng 4/2025, Bộ Công an chính thức đưa các tin, bài, chuyên mục của <i>Báo Nhân Dân</i> lên ứng dụng VNeID	Thông qua hành vi đọc tin, VNeID có thể theo dõi và đo lường thói quen đọc tin của người dân; phân tích xu hướng quan tâm tin tức của dân chúng; v.v.
Nghị định 69/2024/NĐ-CP quy định từ ngày 1/7/2025, tất cả tổ chức, doanh nghiệp bắt buộc phải sử dụng tài khoản định danh điện tử trên VNeID để thực hiện các thủ tục hành chính công trực tuyến.	Thông tin doanh nghiệp, thông tin người đại diện doanh nghiệp, các giao dịch, mạng lưới đối tác – nhà đầu tư, lịch sử khai báo thuế và các giao dịch tài chính khác của doanh nghiệp, v.v.
Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định từ ngày 1/7/2025 sẽ dùng mã số định danh cá nhân trên ứng dụng VNeID thay thế cho mã số thuế.	Thu nhập, tài sản của người dân; thông tin các thành viên phụ thuộc trong gia đình, v.v.
Nhiều sân bay đã triển khai cho khách dùng ứng dụng VNeID để làm thủ tục đi máy bay. Thủ tướng chỉ đạo từ 1/12/2025, bắt buộc mọi hành khách bay nội địa phải dùng ứng dụng VNeID để làm thủ tục tại sân bay.	Thông tin lịch trình di chuyển, lịch sử di chuyển, thói quen đi lại, liên tục cập nhật các dữ liệu sinh trắc học (nhận diện khuôn mặt, vân tay, v.v.), v.v.
Thủ tướng Chính phủ gần đây yêu cầu Bộ Công an tích hợp học bạ, văn bằng , chứng chỉ được tích hợp trên VNeID. Đồng thời, từ tháng 3/2025, các thủ tục thi cử, tuyển sinh cũng thực hiện qua nền tảng này.	Thông tin học vấn của từng người dân.
Theo Nghị định 164/2025 , từ tháng 1/2026, số bảo hiểm điện tử sẽ có giá trị pháp lý như số bảo hiểm xã hội giấy và được tích hợp trên VNeID	Điều này có nghĩa là Bộ Công an có thể giám sát toàn bộ quy trình tham gia các bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của hơn 93 triệu người tham gia bảo hiểm, cũng như lịch trình thăm khám, chữa bệnh của người dân. Cơ quan công an còn có thể theo dõi lịch sử thời gian thay đổi việc làm, biến động lương, v.v. của người lao động.

Một số quy định, chính sách để thu thập dữ liệu của người dân được chính quyền ban hành trong thời gian gần đây.

Trong tương lai, Chính phủ xác định sẽ hướng đến xây dựng VNeID trở thành một “siêu ứng dụng” có thể đáp ứng hầu hết các nhu cầu từ thực hiện, xác minh các giao dịch, cho đến các thủ tục hành chính, dân sự của người dân. Ứng dụng này, như Thiếu tướng Hoàng Anh Tuyên, thứ trưởng Bộ Công an tuyên bố, bản chất của nó chính là hồ sơ điện tử cá nhân của một người, và là phương tiện để người dân trở thành những “công dân số” đúng nghĩa.

VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN NGOÀI: GIỚI HẠN NÀO CHO BÀN TAY KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT CỦA NHÀ NƯỚC?

Trong một bài viết gần đây bàn về chiến dịch trao “quà Tết Độc lập”, Tiến sĩ Nguyễn Đức Thành nêu nhận định rằng khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện nay tuy đã có, nhưng vẫn còn thiếu và hạn chế, chưa có quy định về “cơ chế kiểm soát hành vi của Nhà nước”.

Có thể thấy rõ, Nghị định Bảo vệ dữ liệu cá nhân ban hành hồi năm 2023 chưa xác định rõ phạm vi giám sát của bộ máy công quyền, cụ thể là Bộ Công an, đối với dữ liệu được thu thập và lưu trữ của người dân.

Mặc dù các văn bản quy phạm pháp luật mà nhà nước ban hành, lẫn các kênh truyền thông, báo đài chính thống đều nhiều lần nhấn mạnh về tính “an toàn, minh bạch” trong việc sử dụng thông tin cá nhân của người dân, nhưng một khi không có cơ chế kiểm soát, hành vi “việt vị” nào cũng có thể xảy ra.

Thực tế cũng cho thấy, hiện nay không tồn tại bất kỳ cơ chế lẫn cơ quan giám sát độc lập nào có thể trở thành đối trọng với Bộ Công an, cơ quan có nhiều quyền lực trong thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân của người dân.

Chưa kể, phạm vi quyền lực của bộ này vẫn đang không ngừng được mở rộng tương ứng với sự mở rộng quy mô thu thập dữ liệu, đặt ra thêm nhiều mối e ngại về tính minh bạch, chừng mực trong hoạt động khai thác, can thiệp vào dữ liệu của công dân, lẫn các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong nước.

Trong khi đó, các quốc gia trên thế giới đã có những chính sách cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân, cũng như đã có các cơ chế để giới hạn quyền lực của chính quyền trong việc tiếp cận, can thiệp vào các dữ liệu này. Có thể tham khảo trong bảng dưới đây mô hình áp dụng tại một số nước về bảo vệ dữ liệu của người dân, đặt trong so sánh với Việt Nam.

Bảng so sánh Việt Nam với một số nước, khu vực có cơ chế lưu trữ dữ liệu của người dân.

	Việt Nam	Mỹ	Liên minh châu Âu (EU)	Singapore	Hàn Quốc
Cơ quan đảm trách	Bộ Công an	Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC)	Hội đồng Bảo vệ Dữ liệu Châu Âu (EDPB)	Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (PDPC)	Ủy ban Bảo vệ Thông tin Cá nhân (PIPC)
Cơ quan giám sát độc lập	Chưa có	Hội đồng giám sát quyền riêng tư và quyền tự do dân sự (PCLOB)	Các cơ quan bảo vệ dữ liệu (DPA) ở từng quốc gia thành viên	Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (PDPC)	Ủy ban Bảo vệ Thông tin Cá nhân (PIPC) độc lập
Quyền đồng ý chia sẻ dữ liệu	Công dân bắt buộc phải chia sẻ dữ liệu	Tùy theo tiểu bang, lĩnh vực. Công dân có quyền từ chối cung cấp dữ liệu.	Được sự đồng ý trên tinh thần tự nguyện, tự do của người dân.	Chính phủ phải được sự đồng ý của người dân mới được phép thu thập dữ liệu. Người dân cũng hoàn toàn có thể rút lại lời đồng ý chia sẻ dữ liệu của mình bất cứ khi nào.	Công dân phải sẵn sàng, tự nguyện chia sẻ dữ liệu với Chính phủ
Quyền khiếu nại của người dân	Công dân khiếu nại trực tiếp lên Bộ Công an	Quyền khiếu nại của người dân dựa vào quy định của từng tiểu bang. Ví dụ tiểu bang California với Đạo luật Bảo vệ Quyền riêng tư Người tiêu dùng California (CCPA) để đảm bảo các quyền khiếu nại của người dân liên quan việc bảo vệ dữ liệu cá nhân	Công dân có thể khiếu nại trực tiếp lên các DPA	Công dân có quyền khiếu nại trực tiếp lên PDPC, cùng với các trung gian hòa giải nhằm bảo đảm quyền lợi của người dân.	Công dân có thể khiếu nại trực tiếp lên các PIPC

Quy định pháp lý	Nghị định 13/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân năm 2025	Mỹ không có một luật bảo vệ dữ liệu cá nhân toàn diện; thay vào đó là một mạng lưới chấp vá các luật theo từng lĩnh vực	Quy định Chung về Bảo vệ Dữ liệu (EU) 2016/679	Đạo luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân năm 2012	Đạo luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân năm 2020
------------------	---	---	--	--	--

VIỆT NAM NHÌN TỪ PHƯƠNG BẮC: CÓ NHỮNG GIAO ĐIỂM NÀO TRONG CÁCH TIẾP CẬN DỮ LIỆU NGƯỜI DÂN?

Nhiều quan sát và phân tích của quốc tế từ lâu đã nhận định rằng, Việt Nam đã và đang theo đuổi một mô hình chuyển đổi số và giám sát công dân rất giống với Trung Quốc.

Thực tế đã chỉ ra có rất nhiều điểm tương đồng trong cách tiếp cận dữ liệu người dân giữa hai nước, cụ thể ở những bước đi trong hoạch định chính sách và xây dựng các mô hình, thiết chế quản trị xã hội gắn liền với hoạt động khai thác, thu thập thông tin của công dân.

Bảng dưới đây sẽ lấy đơn cử vấn đề thu thập, quản lý dữ liệu tín dụng của người dân, để so sánh và chỉ ra những nét tương đồng tiêu biểu giữa Việt Nam và Trung Quốc trong mô hình quản trị và quan điểm tiếp cận của chính quyền về vấn đề này.

Dù vậy, một điểm lạc quan có thể dễ dàng nhận thấy, đó là quy mô lẫn mức độ nỗ lực của chính quyền Việt Nam trong việc thu thập dữ liệu và giám sát công dân vẫn còn tỏ ra khá khiêm tốn so với một “đế chế xây từ dữ liệu” như Trung Quốc – theo cách dùng từ của tờ *The Economist*.

Bên cạnh đó, tính bất ổn và hiệu năng đáng quan ngại của các nền tảng dữ liệu số mà chính quyền đầu tư xây dựng trong thời gian qua, cũng là minh chứng cho thấy sự kém hiệu quả và thiếu tính khả thi của chiến lược tiếp cận mà Việt Nam đang áp dụng hiện tại.

Cụ thể, chỉ mới gần đây, ứng dụng VNeID liên tục gặp sự cố khi người dân tiến hành liên kết tài khoản ngân hàng để nhận 100.000 đồng mà chính quyền tặng nhân dịp lễ Quốc khánh.

Trước đó mấy tháng, vào thời điểm chính thức hoàn tất sáp nhập tỉnh, thành, ứng dụng này cũng gặp tình trạng quá tải, không truy cập được, thậm chí hiển thị sai thông tin của người dân.

Bảng so sánh hệ thống kiểm soát tín dụng giữa Việt Nam với Trung Quốc, hai quốc gia có chung chế độ chính trị và mối thân hữu chính trị suốt trong nhiều năm.

	Việt Nam	Trung Quốc
Hạ tầng quản lý, kiểm soát	Chính phủ giới thiệu đề án phát triển Trung tâm tín dụng quốc gia (CIC) vào năm 2015. Trung tâm này thực chất đã được Chính phủ Việt Nam xây dựng vào khoảng năm 1995.Trong khoảng đầu năm 2025, Chính phủ đã thành lập Trung tâm dữ liệu và cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ quản, hướng đến làm nơi trung gian lưu trữ, giám sát và quản lý dữ liệu của toàn xã hội.Đến nay, Việt Nam hướng đến tập trung phát triển ứng dụng AI và mô hình Chính phủ số trong quản lý xã hội.	Trung tâm Tham khảo Tín dụng của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc ra mắt hệ thống báo cáo tín dụng đầu tiên vào năm 2006. Sau gần 10 năm, vào năm 2014, đảng cộng sản Trung Quốc giới thiệu đề án về hệ thống tín dụng xã hội. Năm 2023, Trung Quốc tiếp tục thành lập Cục quản lý tài chính quốc gia (NFRA), một siêu bộ máy quản lý, giám sát tài chính toàn quốc.Đến nay Trung Quốc vẫn đang tiếp tục phát triển hệ thống AI để chấm điểm tín dụng và quản lý xã hội. Quốc gia này hướng đến mục tiêu hoàn thiện hạ tầng dữ liệu quốc gia vào năm 2029 và trở thành “cường quốc AI” của thế giới vào năm 2035.
Hệ thống thu thập, kiểm soát thông tin, hành vi công dân	Hệ thống VNeID do Bộ Công an quản lý.	Hệ thống thống Cyberspace ID do Bộ Công an quản lý.Trước đó, Trung Quốc thu thập, quản lý dữ liệu tài chính của công dân thông qua đa dạng các ứng dụng khác nhau như Wechat, Sesame Credit, Hukou , v.v.
Mục tiêu được công bố trên truyền thông	Hướng đến Chính phủ số; chống tham nhũng, phòng chống tội phạm tài chính, tăng cường tiếp cận tín dụng	Nâng cao “lòng tin” xã hội, hoàn thiện cơ chế thị trường
Cơ quan chủ quản	Bộ Công an phối hợp với Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) phối hợp với Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) và Tòa án Nhân dân tối cao (SPC).
Kiểm soát thanh toán số	Bước đầu liên kết tài khoản ngân hàng vào ứng dụng VNeID	Nhân dân tệ số với giám sát giao dịch toàn diện thời gian thực, đóng băng tài khoản hoặc hạn chế giao dịch

Phạm vi chấm điểm	Chủ yếu là tín dụng tài chính (hiện tại)	Toàn bộ hoạt động tài chính, kinh tế, chính trị, xã hội, v.v.
Cơ chế chấm điểm	Thí điểm mô hình Sandbox dùng AI để chấm điểm tín dụng	Đã triển khai dùng AI chấm điểm tín dụng và phân tích hành vi của từng công dân
Mức chế tài	Chủ yếu về tài chính, như đóng tài khoản ngân hàng, hạn chế giao dịch tài chính, v.v	Cấm đi lại, hạn chế dịch vụ công cộng, công khai danh tính người vi phạm, hạn chế cơ hội học tập, làm việc, v.v.
Cơ sở pháp lý	Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị định 13/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân; v.v.	Đề cương kế hoạch xây dựng hệ thống tín dụng xã hội (2014 – 2020); Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân năm 2021; v.v.
Tổng dân số	101 triệu dân	1,4 tỷ dân

Những ứng dụng khác của chính quyền, như VssID, ứng dụng lưu trữ dữ liệu bảo hiểm xã hội và thông tin khám chữa bệnh của người dân, cũng từng gặp phải tình trạng sai thông tin, gây hoang mang cho người dùng.

Đỉnh điểm cho sự hoài nghi đối với năng lực chính quyền trong việc bảo vệ, lưu trữ, kiểm soát dữ liệu người dân, có lẽ chính là sự kiện lỗ hổng an ninh mạng gây lộ thông tin tín dụng toàn dân tại CIC mới chỉ vài ngày trước.

Việc thiếu năng lực làm việc, dẫn đến sai sót, thiệt hại, cố nhiên là điều dễ gây đánh mất lòng tin của nhân dân. Thế nhưng, tổn thất niềm tin có lẽ không chỉ đến từ sự bất an về năng lực, mà còn từ sự hoài nghi về mục đích và ý đồ của chính quyền, với những động thái phản

ánh sự leo thang không ngừng trong tham vọng kiểm soát và giám sát dân cư.

Mới đây, tờ Reuters một lần nữa đăng cảnh báo cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư tại Việt Nam về chính sách giám sát ngày một hà khắc của bộ máy công an đối với thông tin và dữ liệu của các cá nhân, tổ chức hoạt động tại đây.

Trước sự suy giảm niềm tin trầm trọng của nhân dân về hình ảnh của một nhà nước, một thể chế, lẫn của bạn bè quốc tế đối với một quốc gia, một điểm đến hợp tác, liệu rằng chính sách và tham vọng của chính quyền có nên được nghiêm túc nhìn nhận lại? Và liệu tính hiệu quả của một **đề án** có phải đang cần được thẳng thắn đánh giá và cân nhắc rõ ràng hơn? □

Bài học từ Trung Quốc: Quốc gia cộng sản này đã sử dụng dữ liệu người dân như thế nào?

Trung Quốc đã sớm công bố hệ thống đánh giá tín dụng xã hội (SCS) từ năm 2014 với tham vọng “xây dựng niềm tin xã hội” trong việc giải quyết hàng loạt các vấn đề đang gây nhức nhối bấy giờ như lừa đảo tài chính, hàng giả, gian lận học thuật, v.v.

Tuy nhiên, trong thực tế, hệ thống này đã vượt xa những gì mà Đảng Cộng sản Trung Quốc tuyên bố lúc ban đầu. Nó đã trở thành thứ công cụ thu thập dữ liệu thông tin cá nhân và giám sát từng hành vi, cử chỉ, cảm xúc của người dân Trung Quốc.

Năm 2018, hệ thống đánh giá tín dụng xã hội của Trung Quốc đã chặn hơn 11 triệu chuyến bay, 4 triệu chuyến tàu cao tốc của những cá nhân có điểm tín dụng thấp. Đến 2019, danh sách đen này tiếp tục tăng lên 23 triệu người.

关于在一定期限内适当限制特定严重失信人乘坐火车 推动社会信用体系建设的意见

2018/3/2

关于在一定期限内适当限制特定严重失信人乘坐民用航空器 推动社会信用体系建设的意见

2018/3/2

限制乘坐火车、民用航空器严重失信人公示

限制乘坐火车公示名单(9月)

夏杰

430422*****3655

屈明宇

513001*****0615

甄小彭

130682*****3191

唐十斤

430422*****8110

王马

342125*****8016

马成军

413023*****7715

刘沐斌

330324*****3297

杨莉英

310110*****1303

限制乘坐民用航空器公示名单(9月)

黄永位

513025*****5797

方伟

120102*****271X

齐晓博

411328*****2819

吕兰燕

511323*****0565

罗江桥

510183*****0025

邱孟亭

130128*****1821

叶金文

310109*****285X

叶金文

310109*****285X

叶金文

310109*****285X

Danh sách các công dân Trung Quốc bị đưa vào diện hạn chế hoặc cấm sử dụng phương tiện đi lại như máy bay và tàu lửa vào năm 2018. Ảnh: Technote.

Những người có điểm số tín dụng cao sẽ được hưởng các đặc quyền như dễ dàng vay vốn, ưu tiên trong thủ tục hành chính, có cơ hội nghề nghiệp tốt hơn hoặc ưu tiên xuất hiện hồ sơ trên các nền tảng hẹn hò trực tuyến, v.v.

Ngược lại, bị điểm trừ sẽ giảm đi khả năng để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Người có điểm tín dụng xấu có thể bị hạn chế dùng phương tiện công cộng, giảm cơ hội thăng tiến trong công việc, cơ hội cho con cái vào trường tốt, v.v.

Một doanh nhân Trung Quốc 32 tuổi chia sẻ với tờ Foreign Policy rằng anh cảm thấy hành vi của mọi người đã dần tốt hơn sau sáu tháng Trung Quốc áp dụng chính sách đánh giá tín dụng công dân. “Ví dụ, khi lái xe, người dân phải dừng lại đúng vạch kẻ, nếu không sẽ bị trừ điểm. Lúc đầu tôi cảm thấy lo lắng vì sợ mất điểm, nhưng dần về sau cũng quen” – Chen chia sẻ.

Thậm chí có hình thức công dân bị đưa vào danh sách “blacklist”, một cơ chế trừng phạt xã hội đúng nghĩa, đặc biệt hơn là hình thức chế tài tài chính, nền tảng cốt lõi nhất cho sự sinh tồn của một con người. Nếu ai công khai đối đầu với Chính phủ, ví tiền điện tử của họ có thể lập tức biến mất.

Để sống tốt trong xã hội, công dân là những người không chỉ tuân thủ luật pháp, họ còn tự điều chỉnh hành vi của mình theo cách mà nhà nước định nghĩa. Họ đã tự kiểm duyệt hoàn toàn mọi hành vi xã hội, tự hạn chế, tự theo dõi mình v.v, thứ mà triết gia người Pháp Michel Foucault từng gọi là quyền “tự kỷ luật hoàn hảo”.

Nghiên cứu từ đại học Stanford, Mỹ, dựa trên 531 công ty, trong số đó 85% thuộc khu vực tư nhân tại Trung Quốc, còn chỉ ra rằng các doanh nghiệp có quan hệ tốt với chính quyền sẽ có điểm tín dụng cao hơn và được thừa hưởng nhiều đặc quyền chính sách hơn so với các doanh nghiệp khác. Hầu hết các doanh nghiệp muốn có điểm tín dụng tốt thì phải tìm cách làm hài lòng chính quyền thông qua các hoạt động như quyên góp quỹ cho các tổ chức đảng, nhà nước; tham gia hoạt động tình nguyện do chính quyền tổ chức hay ưu tiên cho các quan chức chính quyền tham gia góp cổ phần, v.v.



Website thuộc hệ thống đánh giá tín dụng xã hội của chính quyền Trung Quốc. Ảnh chụp màn hình.



LUẬT KHOA
tạp chí

Ảnh minh họa: Thành Thắng/Luật Khoa.

MÓN QUÀ 100 NGÀN ĐỒNG VÀ NHÀ TÙ PANOPTICON SỐ

Nguyễn Quang A

Bài đăng lần đầu trên luatkhoea.com
ngày 15/9/2025.

*“Tất cả chúng ta đều bị theo dõi
Tất cả chúng ta sắp bị bắt rồi”*

“Vô cùng” – Hoàng Nhuận Cầm

Tôi ớn lạnh xương sống khi đọc hết bài “Một sáng kiến chính sách thú vị” của TS. Nguyễn Đức Thành trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 4/9 vừa qua. [1] Bài nói về chính sách tặng 100.000 đồng cho toàn dân ăn Tết Độc lập. Và tôi nghĩ giá như tác giả (hay tòa soạn) thay từ “thú vị” trong tiêu đề bằng “thú vị hay nham hiểm?” thì tốt biết bao.

Một trăm năm trước, 1925, Marcel Mauss (1872-1950) cho ra mắt kiệt tác của ông, tiểu luận có tên “Luận về biếu tặng”. [2]

“*Luận về biếu tặng*” có ảnh hưởng vô cùng lớn cho đến ngày nay, trong đó Mauss làm rõ: trong lịch sử của sự biếu tặng không có sự tự nguyện nào cả (việc biếu tặng, nhận biếu tặng, và đáp tặng đều là bắt buộc).

Ý nghĩa nước đôi của từ *gift* (một nghĩa là biếu tặng, nghĩa kia là *độc được*) cũng đáng lưu ý ông cho rằng “theo quan

niệm của người An Nam, nhận quà tặng là nguy hiểm”.

“Theo Foucault, lịch sử mở rộng quyền lực của Nhà nước hiện đại là sự tăng cường khả năng làm cho người dân luôn cảm thấy mình bị giám sát, từ đó tự nguyện điều chỉnh hành vi theo mong muốn của Nhà nước,” TS. Nguyễn Đức Thành viết.

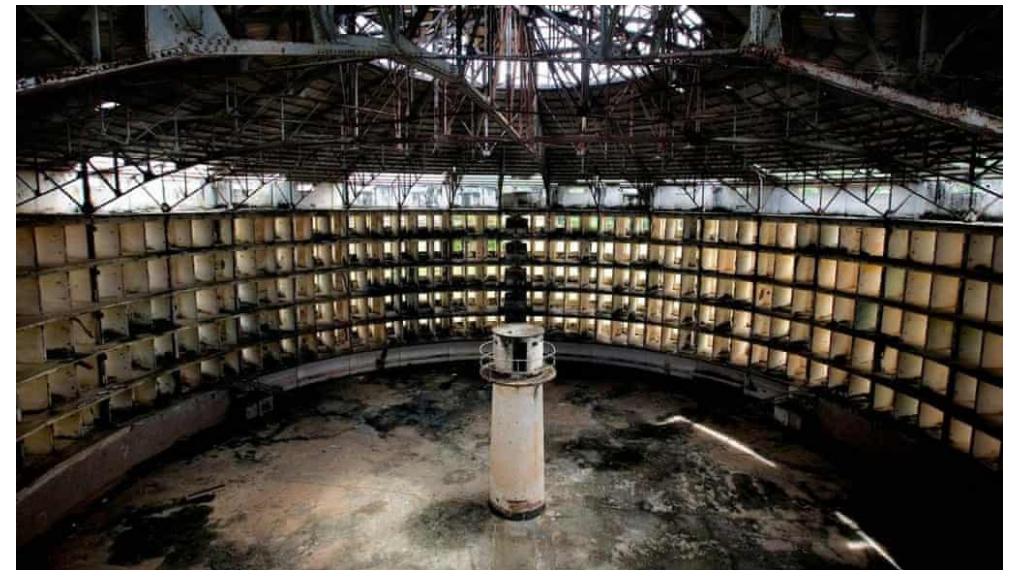
Foucault ở đây là triết gia Pháp Michel Foucault, người phát triển quan niệm giám sát-kỷ luật và quyền lực-tri thức, lấy cảm hứng từ mô hình nhà tù panopticon của triết gia Anh Jeremy Bentham (1748-1832).

Mô hình nhà tù panopticon là thiết kế nhà tù kiểu vòng tròn, có tháp canh ở giữa, do đó, tù nhân nào cũng sẽ có cảm giác bị theo dõi liên tục. [3]

TS. Thành cũng dùng khung khổ quyền lực hạ tầng của nhà xã hội học Mỹ Michael Mann, “là khả năng của Nhà nước ‘xâm nhập’ vào xã hội và thực thi các chính sách ở cấp độ vi mô liên quan tới đời sống hàng ngày của người dân, từ việc huy động nguồn lực cho tới kiểm soát hành vi.”

Tác giả cho rằng “trong những năm qua, Việt Nam đã thực hiện những bước đi theo lộ trình trong việc xây dựng hạ tầng số, nổi bật là việc cấp căn cước công dân gắn chip và triển khai hệ thống định danh điện tử VNeID tới mỗi cá nhân. Cùng với đó là xu hướng tích hợp thông tin cá nhân (tài khoản ngân hàng, bảo hiểm xã hội, đăng ký tài sản, theo dõi y tế...) vào một nền tảng số hợp nhất.”

Có chính sách như vậy không? Nếu có như tác giả nói, thì đó là nỗ lực xây dựng panopticon số.



Panopticon của Jeremy Bentham với chòi cai ngục ở giữa, các phạm nhân trong các phòng ở trong vòng tròn bao quanh chòi cai ngục. Cai ngục có thể theo dõi mọi hoạt động của phạm nhân, ngược lại các phạm nhân không thể trông thấy cai ngục và cảm thấy mình luôn bị theo dõi và trở nên ngoan ngoãn. Nguồn ảnh: The Guardian.

Tác giả cho rằng “chính sách tặng 100.000 đồng cho toàn dân (lý tưởng bằng cách chuyển khoản) không chỉ là hành động phân phối phúc lợi đơn thuần nhân dịp một ngày lễ trọng đại của dân tộc, mà còn là một bài tổng kiểm tra đối với toàn bộ hạ tầng số đã xây dựng này. Liệu Nhà nước có thể phân phối chính xác, trong một thời gian ngắn, cho 106.855.575 người (hoặc 26.843.417 hộ), bảo đảm tính minh bạch và an toàn? Nếu điều này thành công, thì có xứng đáng được ghi lại trong lịch sử như một thành tựu quan trọng trong tiến trình phát triển xã hội tại Việt Nam?”

Tôi nghĩ có thể làm dễ dàng mà không cần xây dựng panopticon số.

Tác giả giả định “việc phân phối món quà 100.000 đồng... cho mỗi người dân Việt Nam trong dịp Quốc khánh năm nay, được thực hiện chủ yếu thông qua chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng dựa trên sự tích hợp với tài khoản VNeID **như kế hoạch ban đầu**” (tôi **nhấn mạnh**).

Cái kế hoạch ban đầu này, nếu có, lại có vẻ không phù hợp lắm với Nghị quyết số 263/NQ-CP của Chính phủ ngày 29/8/2025, nêu rõ hình thức tặng quà:

“a) Tặng quà 01 lần theo hộ gia đình thường trú, số tiền của từng hộ được xác định cho từng nhân khẩu trong hộ theo dữ liệu quốc gia về dân cư; chủ hộ (hoặc thành viên trong gia đình được chủ hộ ủy quyền hợp pháp) được nhận thay theo danh sách từng nhân khẩu và chịu trách nhiệm chuyển quà tặng cho các thành viên trong hộ...”

b) Việc tặng quà thực hiện qua tài khoản hưởng an sinh xã hội trên Ứng dụng định danh điện tử – VNeID (trường hợp đã có tích hợp tài khoản); hoặc trực tiếp bằng tiền (trường hợp chưa có tài khoản) tại điểm chi trả do địa phương tổ chức, đảm bảo kịp thời, an toàn, hiệu quả.”

Như thế chính phủ coi hình thức tặng quà chính vẫn là thủ công với sự trợ giúp của máy tính, còn qua VneID chỉ là hình thức thứ hai, khiến tôi phải đặt câu hỏi “liệu có kế hoạch ban đầu” hay chính sách như vậy không?

Hôm nay 15/9/2025 là ngày hết hạn phát quà tặng, chúng ta chờ xem kết quả thế nào, theo quan sát của tôi hình thức a) nêu trên vẫn là chính. Dự liệu trường hợp năm nay chủ yếu vẫn phải cấp phát thủ công, tác giả đề xuất “liệu chúng ta có nên biến việc tặng quà này thành một thông lệ hàng năm, nhằm dùng nó như một phép đo về năng lực kiện toàn khả năng kỹ thuật và pháp lý của Việt Nam trong quá trình xây dựng hạ tầng xã hội cho kỷ nguyên mới?”

Việc các ngân hàng thương mại tích hợp với (nói chính xác hơn **có quyền truy cập** đến) cơ sở dữ liệu dân cư (qua VneID) là một việc tốt để giúp các ngân hàng **xác thực** khách hàng của mình, chứ không phải để các ngân hàng hay bất kỳ tổ chức nào khác **cung cấp** thông tin cá nhân (tài khoản ngân hàng, bảo hiểm xã hội, đăng ký tài sản, theo dõi y tế, v.v.) cho bất kể bên thứ ba nào, dù là cơ quan nhà nước như Bộ Công an (trừ những trường hợp đặc biệt cụ thể theo quy định của luật [lẽ ra theo lệnh của tòa

án thì hay hơn]), vì điều đó sẽ vi phạm nghiêm trọng Điều 13 của Luật các tổ chức tín dụng và Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 có hiệu lực từ 1/1/2026 cũng như vi phạm các quyền con người mà Hiến pháp long trọng cam kết (trong đó có quyền giữ bí mật thông tin cá nhân).

Tác giả cũng có nêu những lo ngại của mình về chính sách này trong mục “Thanh gươm hai lưỡi”: “Cơ chế kiểm soát hành vi của chính Nhà nước – tức khả năng giới hạn quyền lực giám sát từ phía cơ quan công quyền – dường như còn nhiều điểm bị bỏ ngỏ”.

“Câu hỏi đặt ra là: Ai sẽ giám sát người giám sát? Người dân có thể đặt vấn đề về mức độ bảo mật của hệ thống, cũng như việc dữ liệu tài khoản ngân hàng cùng các thông số khác sẽ được sử dụng ra sao trong tương lai.” Và “một chính sách như vậy chỉ bền vững khi đi kèm cơ chế giám sát độc lập, minh bạch, và có khả năng xử lý vi phạm ngay cả từ phía Nhà nước,” TS. Thành viết.

Đó là các ý kiến rất xác đáng, nhưng tôi nghĩ cần nhấn mạnh hơn nữa để cảnh báo các nhà lãnh đạo nhằm ngăn chặn bất kể mưu toan nào của bất kỳ ai, bất kỳ tổ chức nào có thể gây ra tai họa cho dân tộc bằng cách xây dựng panopticon số nhằm giám sát nhân dân.

Sự cố Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia (CIC) bị tấn công vừa qua phải là một lời cảnh báo về an ninh số nói riêng và nỗ lực xây dựng panopticon số nói chung. [4]

Tôi đã cố gắng làm rõ: giá trị cao quý nhất là tự do, và phát triển là tự do; tăng trưởng kinh tế chưa phải là phát triển. Quyền lực hạ tầng của Nhà nước, khả năng quản trị quần thể phải phục vụ cho sự phát triển của đất nước, cho tự do của người dân. Nếu không đảm bảo được điều đó hay có khả năng lạm dụng thì phải thảo luận, cân nhắc kỹ lưỡng và việc hoạch định chính sách càng không vội được đâu.

Hơn 30 năm trước, thi sĩ Hoàng Nhuận Cầm đã viết “*tất cả chúng ta đều bị theo dõi/tất cả chúng ta đã bị bắt rồi*”.

Tất cả chúng ta bao gồm cả thường dân lẫn các nhà hoạch định chính sách, không trừ một mống nào! Hãy cảnh giác. Đó dứt khoát không thể là tương lai của Việt Nam, dứt khoát không phải là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. □

CHÚ THÍCH

1. TS. Nguyễn Đức Thành. (2025, September 4). Một sáng kiến chính sách thú vị. *Tạp Chí Kinh Tế Sài Gòn*. <https://thesaigontimes.vn/mot-sang-kien-chinh-sach-thu-vi/>
2. *Luận về biểu tượng*. (n.d.). nxbtrithuc.com.vn – Nhà Xuất Bản Tri Thức. <https://nxbtrithuc.com.vn/Luan-ve-bieu-tang-bi1360.html>
3. The Editors of Encyclopaedia Britannica. (2007, July 16). *Panopticon / Surveillance, discipline, control*. Encyclopedia Britannica. <https://www.britannica.com/technology/panopticon>
4. Quốc Thắng. (2025, September 12). Hacker đánh cắp dữ liệu cá nhân tại CIC. *vnexpress.net*. <https://vnexpress.net/canh-bao-thu-doan-lua-dao-moi-neu-du-lieu-ca-nhan-tai-cic-bi-lo-4938185.html>



Ảnh minh họa: Thủ Thừa/Luật Khoa.

HẬU 2/9: NƯỚC ĐỘC LẬP NHƯNG TƯ PHÁP CÓ ĐƯỢC ĐỘC LẬP?

Sa Huỳnh

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 11/9/2025.

Nếu để kể những cái tên có ảnh hưởng lớn nhất đến nền tư pháp Việt Nam trong thế kỷ 20, chắc chắn không thể thiếu hai cái tên Vũ Trọng Khánh và Vũ Đình Hòe. Họ là đồng môn ở Đại học Luật Khoa Hà Nội, và là những người hiếm hoi ở cõi Đông Dương trước năm 1945 có bằng luật. [1]

Không biết hai nhân vật kiệt xuất đó đã dự liệu những gì cho cuộc đời của mình, nhưng vào năm 1945, họ đã đứng trên vũ đài lịch sử với tư cách là những bậc khai quốc công thần của chế độ mới. Họ cùng ký tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng

hòa và cùng nhau nhau giữ hai chức bộ trưởng của nhà nước cộng hòa non trẻ.

Ông Khánh và ông Hòe không những có công thiết kế ra nền cộng hòa mà còn cất công gìn giữ nó trong một thời kỳ đầy biến động không chỉ trong việc lựa chọn con đường phát triển của ngành tư pháp, mà còn cả thể chế chính trị của một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập. Tiếc thay, mộng lớn của họ đã không thành.

Ông Hòe, sau đó vẫn tiếp tục làm bộ trưởng Bộ Tư pháp cho đến khi bộ này giải thể vào năm 1960 và là một trong

những thành viên tham gia ban sửa đổi Hiến pháp 1959, bản hiến pháp nhấn mạnh con đường chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Ông Khánh thì được chuyển qua nhiều vị trí ít quan trọng trong các cơ quan chính phủ và hầu như không mấy nói về độc lập tư pháp sau đó.

Bài viết được xây dựng dựa trên chuỗi bài viết về lịch sử tư pháp 1945-1956 của tác giả Nguyễn Lương Hải Khôi do Viện Nghiên cứu Việt Nam – Hoa Kỳ thuộc Đại học Oregon đăng tải. [2]

NỀN TƯ PHÁP ĐỘC LẬP VÀ TINH THẦN CỘNG HÒA HẬU 2/9

Khác với quan niệm phổ biến sau này cho rằng nền tư pháp xã hội chủ nghĩa là con đường duy nhất Việt Nam có thể theo đuổi, thực tế cho thấy Việt Nam từng có một giai đoạn tư pháp độc lập và tôn trọng các quyền tự do, dân chủ.

Ở buổi giao thời giữa hai chế độ – thực dân nửa phong kiến và một chế độ tự xưng là “dân chủ cộng hòa” – chủ tịch chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh và các cộng sự đã có cơ hội cùng nhau thiết kế một nền cộng hòa thực sự.

Lúc bấy giờ, ông Vũ Trọng Khánh (bộ trưởng đầu tiên của Bộ Tư pháp) và ông Vũ Đình Hòe (bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, tiền thân của Bộ Giáo dục sau này, và là bộ trưởng Bộ Tư pháp sau ông Khánh) là hai nhân vật có công lớn trong việc định hình nền độc lập tư pháp sơ khai.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 28/8/1945, Chính phủ

lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra lời Tuyên cáo thành lập Nội các Thống nhất Quốc gia gồm 12 bộ, trong đó có Bộ Tư pháp do ông Vũ Trọng Khánh làm bộ trưởng.

Không lâu sau ngày thành lập, ông Khánh đã ký ban hành Nghị định số 37 ngày 1/12/1945 về tổ chức Bộ Tư pháp. [3] Theo đó, bộ này nắm giữ nhiều chức năng tư pháp quan trọng – những chức năng mà ngày nay có lẽ phần nhiều thuộc Chính phủ và Bộ Công an như chịu trách nhiệm soạn thảo và tổ chức thi hành các đạo luật về quyền tự do, dân chủ của cá nhân; về dân sự, thương sự, hình sự; và thủ tục tố tụng, tổ chức và quản trị các tòa án; việc truy tố tội phạm; tư pháp công an; thi hành các án phạt; quản trị các nhà lao và giáo dục tù nhân; v.v.

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập,” chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng đọc tại Quảng trường Ba Đình vào ngày 2/9 lịch sử. Ông Hồ Chí Minh không nói suông. Ngày 24/1/1946, ông Hồ đã ký ban hành một sắc lệnh có tính lịch sử không kém, Sắc lệnh số 13 về tổ chức các tòa án và các ngạch thẩm phán. [4] Đây là văn bản đầu tiên quy định tổ chức các cơ quan tư pháp ở mọi cấp, được xem là cột mốc quan trọng đặt nền móng cho nền tư pháp Việt Nam độc lập.

Theo sắc lệnh này, tính độc lập của cơ quan tư pháp được nhấn mạnh rõ ràng. Điều 47 quy định: “Tòa án Tư pháp sẽ độc lập đối với các cơ quan hành chính. Các vị Thẩm phán sẽ chỉ trọng pháp luật và công lý. Các cơ quan khác không được can thiệp vào việc Tư pháp.”

Không dừng lại ở đó, nhằm hợp thức hóa tính độc lập của Bộ Tư pháp trong chính phủ, ngày 29/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 40 quy định cụ thể về thẩm quyền của cơ quan tư pháp. [5] Trong đó, có Điều 12 và 14 quy định rõ về thẩm quyền bác bỏ quyết định của ủy ban hành chính.

“Hội đồng phúc thẩm có quyền y nghị định của Ủy ban hành chính kỳ, bác bỏ nghị định ấy, hay hạ lệnh cho các Ủy ban hành chính đưa thêm bằng chứng hay cho điều tra thêm. Nếu Hội đồng phúc thẩm bác bỏ nghị định thì người bị giam hay bị cấm chỉ lưu trú phải được trả tự do ngay.” (Điều 12)

Tính độc lập của cơ quan tư pháp được củng cố và tái khẳng định trong Hiến pháp 1946 – bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – tại Điều 69 với nội dung gần tương tự như các sắc lệnh trên: “Trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp.” [6]

Trong bốn văn bản quy phạm pháp luật quan trọng bậc nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kể trên, ông Vũ Trọng Khánh được cho là người chấp bút và có ảnh hưởng quan trọng.

Do không trúng cử đại biểu Quốc hội, ông Khánh buộc phải thôi làm bộ trưởng chỉ sau đầu đó sáu tháng thực thi nhiều cải cách. Ông Hồ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cử thay cho ông Khánh. [7] Dù học chung trường Luật Khoa, ông Hồ chỉ hoạt động trong mảng giáo dục sau khi tốt nghiệp trường luật nhưng vì nghe đâu có nhóm muốn lật đổ ông Khánh và việc các đảng đang tranh giành quyền lực kiểm soát Bộ Tư pháp nên ông Hồ đã đồng ý “đắm đầu vào ổ kiến lửa”. [8]

Tinh thần độc lập, do đó, được ông Vũ Đình Hòe, bộ trưởng thứ hai của Bộ Tư pháp kế thừa, không chỉ trên giấy tờ, mà còn được thể hiện rõ nét trong thực tiễn. Trong *“Báo cáo về một năm hoạt động kháng chiến của Bộ Tư pháp”* năm 1948, Bộ trưởng lâm thời Vũ Đình Hòe cho biết, dù có không ít quan chức địa phương lợi dụng chiến tranh để trả thù cá nhân, nhiều tòa án khu vực đã kịp thời ngăn chặn, thả tự do cho nhiều phạm nhân bị bắt bớ trái pháp luật và trừng phạt những quan chức lạm quyền. [9]

HỘI NGHỊ TƯ PHÁP QUỐC GIA 1948 – ĐỘC LẬP HAY PHỤ THUỘC?

Tưởng chừng như với chừng đó chế tài, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với nền tư pháp độc lập cứ băng băng tiến về phía trước. Tuy vậy, trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ, còn có một cuộc chiến nữa, không ồn ào bằng nhưng khốc liệt không kém. Đó là cuộc chiến giữa những nhà lãnh đạo cao nhất của chính quyền Việt Minh về một trong những vấn đề hệ trọng nhất của một chế độ chính trị: tư pháp nên độc lập hay không độc lập?

Với một nhà nước mới thành lập được chừng vài năm như Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tranh cãi về độc lập tư pháp không chỉ là đang lựa chọn con đường phát triển của ngành tư pháp, mà còn là cả thể chế chính trị của một nước Việt Nam non trẻ, nhất là khi nền độc lập tư pháp có những dấu hiệu bị đe dọa rõ rệt.

Ngày 1/10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 91-SL, tiến

hành hợp nhất hai cơ quan trọng yếu là Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính thành một tổ chức duy nhất gọi là Ủy ban kháng chiến hành chính. [10] Động thái này đánh dấu bước chuyển quan trọng trong việc củng cố bộ máy chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến.

Trước sự thay đổi đáng kể này, từ ngày 25 đến ngày 27/2/1948, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị Tư pháp toàn quốc nhằm làm rõ vị trí và vai trò của bộ trong bối cảnh mới.

Tuy nhiên, trước khi hội nghị diễn ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp gửi thư chỉ đạo, nhấn mạnh vai trò kết nối và phối hợp của Bộ Tư pháp với các cơ quan chính quyền khác. Trong thư, Hồ Chí Minh viết: *“Tư pháp là cơ quan trọng yếu của Chính quyền, cho nên càng phải tinh thành đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khác, để tránh những mối xích mích lẫn nhau, nó có thể vì lợi quyền nhỏ và riêng mà hại đến quyền lợi to và chung, cho cả tư pháp và hành chính.”* [11]

Khi hội nghị tư pháp diễn ra, mặc cho các chỉ đạo từ vị chủ tịch, Bộ Tư pháp đứng đầu lúc bấy giờ là ông Vũ Đình Hòe dù chấp nhận sự kiểm soát của Ủy ban kháng chiến hành chính trong các vấn đề “về đại cương”, “về chính trị” nhưng quyết định từ chối việc can thiệp vào “phạm vi chuyên môn của cơ quan tư pháp”. [12] Do đó, về cơ bản, quyết nghị của Bộ Tư pháp phản đối yêu cầu thống nhất và phối hợp chặt chẽ hoàn toàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã đề cử ông Hòe vào vị trí bộ trưởng.

BÊN PHẢN ĐỐI ĐỘC LẬP – QUANG ĐẠM VÀ CON ĐƯỜNG CỘNG SẢN

Những dấu hiệu tại hội nghị nêu trên đã hé lộ con đường độc lập tư pháp của Việt Nam trong tương lai sẽ không còn thuận lợi như mong đợi. Thấy việc đòi Bộ Tư pháp “sáp nhập” không thành, chỉ một tháng sau hội nghị, phe phản đối độc lập tư pháp bắt đầu mạnh mẽ lên tiếng qua các bài viết phân tích trên báo chí.

Nổi bật trong số này là nhà báo Quang Đạm, tên thật Tạ Quang Đệ, biên tập viên báo *Sự Thật* – cơ quan truyền thông chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đó (Nếu bạn thấy cái tên này quen quen thì bạn đúng, ông chính là em trai của một nhân vật lịch sử khác là Tạ Quang Bửu). [13] Ý kiến của ông Quang Đạm không chỉ phản ánh quan điểm cá nhân mà còn thể hiện quan điểm chung của báo *Sự Thật*.

Trong các bài phân tích của mình, ông Quang Đạm nêu rõ hai quan điểm then chốt. [14] Thứ nhất, ông cho rằng hệ thống tư pháp chỉ là một thành tố thuộc nhánh hành pháp trong bộ máy nhà nước, tương tự như giáo dục, khoa học, y tế hay nghệ thuật. Ông mô tả nhà nước như một “cái máy” và hệ thống pháp luật chỉ là một “bộ phận” trong đó.

Thứ hai, ông khẳng định hệ thống pháp luật phải được vận dụng trong mục đích đấu tranh giai cấp và xây dựng chế độ dân chủ mới – tức là chủ nghĩa cộng sản. Ông Quang Đạm cho rằng khái niệm độc lập tư pháp xuất phát từ chế độ tư

sản, mang tính chất của chế độ cũ, do đó sẽ không tồn tại trong chế độ cộng sản mới. Thậm chí theo ông, lý thuyết tam quyền phân lập và tính độc lập của tư pháp là công cụ của chế độ tư sản nhằm phục vụ bản chất bóc lột, đồng thời từng được thực dân Pháp ở Đông Dương sử dụng để duy trì quyền lợi của đế quốc.

Ông Quang Đạm nhấn mạnh rằng với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chế độ dân chủ mới – cộng sản – mới là con đường duy nhất đảm bảo sự độc lập thực sự của đất nước.

BÊN ỦNG HỘ ĐỘC LẬP – VŨ ĐÌNH HÒE, VŨ TRỌNG KHÁNH VÀ CON ĐƯỜNG CỘNG HÒA

Trước những đợt “tấn công” trên giấy của ông Quang Đạm và các cơ quan tuyên truyền của nhà nước, ông Khánh và ông Hòe đã có những phản hồi sắc bén nhằm bảo vệ nền tư pháp độc lập.

Trong hồi ký của mình, ông Vũ Đình Hòe ghi lại những lập luận của ông Vũ Trọng Khánh trong cuộc tranh luận về tư pháp Việt Nam giai đoạn đầu sau Cách mạng Tháng Tám. [15] Đáng chú ý, ông Khánh đặc biệt phản đối quan điểm của tư pháp cộng sản coi luật pháp chỉ là công cụ của chính quyền. Theo ông, chức năng của nền tư pháp không thể là phục vụ quyền lực mà phải đặt trên giá trị thượng tôn công lý và bảo vệ người yếu thế trước sự áp bức của kẻ mạnh.

Ông Khánh nhấn mạnh rằng Bộ Tư pháp phải giữ được tính độc lập để đảm bảo người dân được bảo vệ khỏi quyền thế, trong đó có cả chính quyền. Ông phản bác hoàn toàn luận điểm cho rằng “độc lập” đồng nghĩa với “độc lập”. Trái lại, mục tiêu của hai nhánh tư pháp và hành pháp hoạt động độc lập chính là để tránh sự xâm phạm quyền lực lẫn nhau, nhằm bảo vệ quyền lợi của công dân trong mọi chế độ dân chủ.

Sau ông Khánh, Bộ trưởng lâm thời của Bộ Tư pháp Vũ Đình Hòe xuất bản bài báo với tựa đề nhại lại ngôn ngữ của ông Quang Đạm “*Tư pháp trong chế độ dân chủ mới*” đăng trên báo Độc Lập vào tháng 7/1948. Trong đó, ông Hòe nêu bật quan điểm độc lập tư pháp chưa bao giờ xuất hiện thật sự ở Việt Nam và đây chính là cơ chế dân chủ tách biệt khỏi tư bản và thực dân mà Cách mạng Tháng Tám mang lại. [16] Phản bác ông Quang Đạm, ông Hòe trích dẫn bản Hiến pháp 1946 khẳng định quyền lực nhà nước nằm ở thể chế do dân bầu ra chứ không phải ở Đảng Cộng sản.

QUYẾT ĐỊNH CUỐI CÙNG – KHÔNG CHỈ QUYẾT ĐỊNH CON ĐƯỜNG CỦA NỀN TƯ PHÁP

Cuộc tranh luận kéo dài đến ngày 9/11/1948 – khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh 254/SL – thì chấm dứt, đánh dấu bước ngoặt trong tổ chức quyền lực của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. [17]

Theo Điều 22 của văn bản, Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu được trao quyền truy tố tương đương với tòa án, tức quyền lực hành pháp đồng thời đảm nhận chức năng tố tụng và xét xử. Không những thế, Điều 23 còn cho phép Ủy ban kháng chiến hành chính liên vùng có quyền bắt giữ, hạn chế người dân rời khỏi nơi cư trú, một quyền lực lớn chưa từng thấy trước đây.

Đáng chú ý, cơ quan tư pháp không còn thẩm quyền ra lệnh thả các cá nhân bị giam giữ bất hợp pháp, bởi việc này được giao cho ủy ban hành chính phối hợp với giám đốc pháp vụ qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng nhằm “xem xét” các vụ bắt giữ.

Với Sắc lệnh 254, cơ quan tư pháp với chức năng hoạt động độc lập vốn được coi là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền lợi cho người dân yếu thế, đã trở thành một phần trong bộ máy chính quyền, phục vụ các mục đích chính trị. Đây chính là bước ngoặt khép lại kỷ nguyên tư pháp độc lập tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra giai đoạn mới mà quyền lực pháp luật trở thành công cụ của nhà nước cầm quyền.

Thú vị là, trong khi ông Khánh dần dần lùi vào “hậu trường”, thì ông Hòe lại tiếp tục tham gia và có những đóng góp quan trọng cùng với ông Hồ Chí Minh và chính phủ xây dựng nền pháp quyền xã hội chủ nghĩa sau này. [18]

Cuộc tranh luận về tính độc lập của nền tư pháp không chỉ có ý nghĩa quyết định đối với số phận của một ngành luật pháp non trẻ mà còn định hình con

đường phát triển thể chế chính trị của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm tiếp theo. Khi đó, lịch sử độc lập tư pháp tại Việt Nam đã chính thức sang trang. □

CHÚ THÍCH

1. Trịnh Hữu Long. (2025, July 12). Vũ Trọng Khánh – người chấp bút Hiến pháp 1946. *Luật Khoa tạp chí*. <https://luatkhoa.com/2022/06/vu-trong-khanh-nguoi-chap-but-hien-phap-1946/>.
2. Nguyễn Lương Hải Khôi. (n.d.). *Lịch sử tư tưởng tư pháp 1945 – 1956 (Kỳ 1: Tinh thần cộng hòa 1946)*. <https://usvietnam.uoregon.edu/cuoc-tranh-luan-trong-chien-khu-viet-bac-nam-1948-ve-hai-con-duong-cong-san-cong-hoa-doi-voi-nen-tu-phap-bai-1/>.
3. *Phần thứ nhất: Vai trò của Ngành Tư pháp trong chính thể nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1960)*. (n.d.). <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/lich-su-phat-trien-nganh.aspx?ItemID=5>.
4. Thuvienphapluat.Vn. (2020, November 20). Sắc lệnh số 13 về việc tổ chức các toà án và các ngạch thẩm phán do Chủ tịch Chính phủ lâm thời ban hành. *THƯ VIỆN PHÁP LUẬT*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Sac-lenh-13-to-chuc-toa-an-ngach-tham-phan-35940.aspx>.
5. Hồ Chí Minh. (n.d.). *Sắc lệnh số 40 của Chủ tịch nước: Sắc lệnh về việc bảo vệ tự do cá nhân*. Cổng thông tin Điện tử Chính phủ. <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=5809>.
6. Thuvienphapluat.Vn. (2023, December 8). Hiến pháp năm 1946. *THƯ VIỆN PHÁP LUẬT*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx>.
7. Bộ trưởng “Tư pháp kháng chiến” Vũ Đình Hòe. (n.d.). <https://moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/70TuPhapVietNam/Pages/tu-lieu-nganh.aspx?ItemID=36>.
8. Xem [7]
9. Xem [2]
10. Hồ Chí Minh. (n.d.). *Sắc lệnh số 91/SL của Chủ tịch nước: Sắc lệnh hợp nhất UBKC và HC từ cấp tỉnh trở xuống*. Cổng Thông Tin Điện Tử Chính Phủ – <http://chinhphu.vn>. <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=559>.
11. *Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ tư (tháng 2/1948) đã*. (n.d.). <https://moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/70TuPhapVietNam/Pages/tu-lieu-nganh.aspx?ItemID=33>.
12. Xem [11]
13. Infonet. (n.d.). *Đọc lại những bài viết về “Một nghề đáng quý” của nhà báo Quang Đạm*. © Kiem Sat Online. <https://kiemsat.vn/doc-lai-nhung-bai-viet-ve-mot-nghe-dang-quy-cua-nha-bao-quang-dam-55583.html>.
14. Nguyễn Lương Hải Khôi. (n.d.). *Lịch sử tư tưởng tư pháp 1945 – 1956 (Kỳ 3: Cuộc tấn công của những người cộng sản)*. <https://usvietnam.uoregon.edu/cuoc-tranh-luan-trong-chien-khu-viet-bac-nam-1948-ve-hai-con-duong-cong-san-cong-hoa-doi-voi-nen-tu-phap-bai-3-cuoc-tan-cong-cua-nhung-nguoi-cong-san/>.
15. Nguyễn Lương Hải Khôi. (n.d.). *Lịch sử tư tưởng tư pháp 1945 – 1956 (Kỳ 4: Lý tưởng “Tư pháp độc lập” trả lời)*. <https://usvietnam.uoregon.edu/cuoc-tranh-luan-trong-chien-khu-viet-bac-nam-1948-ve-hai-con-duong-cong-san-cong-hoa-doi-voi-nen-tu-phap-bai-4-ly-tuong-cong-hoa-phap-tra-loi/>.
16. Xem [15]
17. *Điều 11 Sắc lệnh số 254/SL về việc tổ chức lại chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến do Chủ tịch Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hoà ban hành*. (n.d.). Hệ Thống Pháp Luật Việt Nam – hethongphapluat.com. <https://hethongphapluat.com/sac-lenh-so-254-sl-ve-viec-to-chuc-lai-chinh-quyen-nhan-dan-trong-thoi-ky-khang-chien-do-chu-tich-chinh-phu-viet-nam-dan-chu-cong-hoa-ban-hanh-dieu-11>.
18. Xem [7]



CÔNG TÁC VỚI LUẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.com/guibai



Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: VGP News.

TƯ DUY ƠN NGHĨA VÀ NỀN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ HÓA

Đan Thanh

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 5/9/2025.

Những ngày này, người ta cứ ríu rít cảm ơn Đảng, cảm ơn Nhà nước về một khoản tiền be bé xinh xinh, mà thực chất trích xuất từ đồng thuế chính mỗi công dân đã chắt chiu, đóng góp.

Cũng trong những ngày này, trẻ em nô nức trở lại trường học, để nhìn về bục giảng, về bục phát biểu, treo đầy những khẩu hiệu dạy người ta phải biết ơn trường lớp, biết ơn cô thầy.

Là một người có đi dạy học, tôi chưa bao giờ có nguyện vọng học trò mình phải “nhớ ơn” mình.

Nói điều này ra có lẽ sẽ khiến nhiều người thấy lạ lắm, bởi nền giáo dục hiện nay luôn rao giảng về công ơn nhà giáo, luôn xem nghề giáo là nghề thiêng liêng, luôn dạy người học phải biết ơn cô, thầy, một cách tự động và mặc định.

Để rõ hơn, có lẽ tôi sẽ kể một câu chuyện.

RANH GIỚI MONG MANH GIỮA “ĐỀN ƠN, ĐÁP NGHĨA” VÀ “LÀM ƠN, MẮC OÁN”

Đó là câu chuyện của nhân vật Hàn Tín (231 TCN – 196 TCN), sống vào thời nhà Hán (202 TCN – 220) bên Trung Quốc. Lúc thiếu thời, Hàn Tín rất nghèo, cuộc sống bữa đói bữa no tùy vào tấm lòng hảo tâm của sự bố thí. Một trong những người hảo tâm đó là Phiêu Mẩu, một con người cũng hằng ngày vật lộn với cơm áo, nhưng lòng thương người khiến bà chia cơm với chàng thanh niên nghèo Hàn Tín.

Lòng nhân chạm đến lòng thành, Hàn Tín hứa rằng sẽ đền ơn bà trong một ngày mai “công thành danh toại”. Nhưng Phiêu Mẩu bảo rằng bà không cần đền ơn, chỉ mong Hàn Tín ôm mộng chí lớn và hành xử như một bậc trượng phu. Tháng năm trôi qua, Hàn Tín trở thành một vị tướng tướng tài ba dưới trướng Lưu Bang (256 TCN – 195 TCN) – vị vua sáng lập nhà Hán – được xem là một khai quốc công thần của vị quân chủ này. Tuy nhiên, Hàn Tín vẫn nặng lòng ký ức thuở hàn vi khi được Phiêu Mẩu cứu mang, nên đã mang nhiều vàng đến tạ ơn bà.

Phiêu Mẩu quả là tấm gương của người làm ơn mà không mong được ghi nhớ (Thi ân mạc niệm). Còn Hàn Tín thì đúng người chịu ơn mà không quên ân nhân (Thọ ân mạc vong).

Xoay quanh câu chuyện của Hàn Tín, ngược lại, cũng tồn tại những sự vong

ơn và một người tiêu biểu lại chính là Lưu Bang, vị vua khai quốc của triều Hán hùng danh xứ Trung Hoa. Hàn Tín là công thần bậc nhất, góp sức giúp Lưu Bang dựng nghiệp, bình định tứ phương, lập nên những chiến công hiển hách. Tuy vậy, đối với Lưu Bang việc mang ơn Hàn Tín, lẫn những “khai quốc công thần” khác khiến ông cảm thấy bị sỉ nhục, bởi quá khứ không mấy tốt đẹp của chính ông.

Nhiều lần Lưu Bang tỏ ý bất mãn, song Hàn Tín không hay biết. Về sau, khi đã lên ngôi hoàng đế, Lưu Bang lần lượt ra tay sát hại từng huynh đệ và ân nhân của mình, mà Hàn Tín nằm đầu danh sách.

Tương truyền, lúc Hàn Tín bị giải ra pháp trường, Lưu Bang vừa cười vang, vừa bật khóc. Phải chăng trạng thái ấy của Lưu Bang là một vở kịch? Không, thực ra đó mới là trạng thái thật lòng nhất của một con người. Khoảnh khắc cười và khóc cùng lúc của Lưu Bang không phải sự mâu thuẫn giả tạo, mà là chân dung tinh khiết của một tâm lý vừa được khôi phục lòng tự trọng bị làm nhục, vừa giải phóng khỏi nặng nợ ơn nghĩa, vừa bị dày vò bởi chính sự phản bội của mình. Hai mặt tâm lý xung đột ấy tồn tại trong một bản thể, lại biểu hiện tâm tư thật lòng nhất của con người.

Kể câu chuyện trên vì muốn nói, dù là với học trò hay bất kỳ ai, tôi không mong các cháu biết ơn mình. Lý do đơn giản rằng: là để không đụng chạm vào tự trọng của các cháu, để chúng nó sống trọn vẹn với hai tiếng “tự do”, để chúng không bị nô lệ bởi tư duy của ai, không sống dưới cái bóng tư tưởng của ai hết.

Giáo dục chính là sự khai phóng!

Trong cuộc đời, nếu ta gặp một ai đó như một ngọn hải đăng làm bừng sáng đời ta, có lẽ tự trong lòng bất kỳ ai cũng sẽ sinh ra sự biết ơn sâu sắc. Sự biết ơn ấy là sự gắn bó tự nguyện, đơn thuần, chân phượng; và đặc biệt nhất: nó mang ý nghĩa cao đẹp của tinh thần nhân bản, của lẽ sống cao thượng. Các cháu có muốn biết ơn tôi hay không, tôi không bận tâm.

Ơn nghĩa, là phản xạ tự nhiên của nội tâm, không phải và không nên là mệnh lệnh cưỡng ép của những thứ nhân danh đạo nghĩa, luân lý, mặc người ta lợi dụng, điều khiển.

GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ HÓA VÀ ĐỘC QUYỀN ƠN NGHĨA

Từ khi tôi còn nhỏ, tôi đã cảm thấy cái chuyện “nhớ ơn” thấy cô một cách bắt buộc là một điều dở hơi, bởi vì chưa chắc thứ mà họ truyền đạt đã soi sáng đời tôi, chưa chắc cái bóng tư duy của họ là tư tưởng sống mà người học sẽ chọn theo, và cũng chưa chắc tất cả nhà giáo đều dạy học thật tâm, làm tròn trách nhiệm, chứ còn chưa nói đến việc họ xứng được ghi ơn hay không.

Các quốc gia chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo thường xem “người thầy” có một địa vị mặc nhiên là cao cao tại thượng, là một trong ba vai trò cao quý nhất trong xã hội như thuyết “Tam cương” đã quy định, gồm: Quân – Sư – Phụ. Dễ thấy, người thầy chỉ xếp sau vua và đứng trên cả người cha. Từ đó, “tôn

sư” không còn là quan hệ tình cảm bình đẳng, mà trở thành một thứ đức tin với tinh thần ƠN NGHĨA và độ tôn sùng gần như tuyệt đối, không còn chỗ cho sự hoài nghi. Thực chất, làm vậy là giết chết con trẻ, giết chết tự do ý chí.

Tại sao tôi đề cập đến điều này?

Cái văn “Đời đời nhớ ơn Đảng”, “ơn Nhà nước”, bạn nghe quen tai không?

Tư duy giáo dục theo lối ƠN NGHĨA là kiểu định hướng dạy học nhấn mạnh vào việc học trò phải mang ơn, báo đáp thầy cô, nhà trường, hoặc “ơn” của một thể chế hay tổ chức. Theo lối giáo dục đó, người ta soạn thảo chương trình học cố gắng lồng ghép và cấy vào đầu người học những thứ ƠN NGHĨA mặc định, phi tự nhiên, phi cảm xúc, thuần túy nghĩa vụ.

Tôi tự hỏi phân vân, đó có phải là một hình thức chính trị hóa giáo dục hay không? Và liệu, khi nào thì lòng biết ơn đó là một phạm trù đạo đức của tinh thần giáo dục, còn khi nào thì nó trở thành công cụ của chính trị?

Với tôi, nếu “ƠN NGHĨA” được gán ghép tùy tiện và “thủ công” với một hệ tư tưởng, một đảng phái hoặc một chế độ, và học sinh được dạy phải mang ơn, báo ơn, trung thành với cấu trúc quyền lực đó, thì đó chính là “chính trị hóa giáo dục”, hệ quả sẽ tạo nên trong người học một kiểu tư duy “nghe lời”, lồng vào trong sợi dây ƠN NGHĨA. Ở đây, mục tiêu giáo dục không còn thuần túy là phát triển năng lực cá nhân, mà còn nhằm củng cố một trật tự chính trị, và nhất là khi nó bị độc quyền bởi một ý thức hệ.

Trong xã hội phong kiến, giáo dục là đặc quyền của một thiểu số, số người biết đọc biết viết chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ. Bởi vậy, người thầy trở thành hiện thân của tri thức và học vấn, là người giữ vị trí độc quyền trong việc nắm giữ kiến thức. Bạn hẳn đã từng nghe câu nói từ “bái sư”? Bởi ngày xưa, dạy và học không phải là một mối quan hệ mang tính nghĩa vụ, “cơ cấu” như ngày nay. Ai muốn học, phải xin thầy nhận. Thầy luôn có quyền chọn trò và có quyền từ chối dạy bất kỳ ai thấy không ưng ý. Đi xin học, cầu cạnh để được nhận vào học, chính là “bái sư”.

Tư duy ƠN NGHĨA sâu đậm, nghe lời tuyệt đối trong giáo dục cũng từ sự “độc quyền” và cơ chế “xin-cho” đó mà ra, và dù xã hội ngày nay đã khác, dường như người ta vẫn cố tình muốn duy trì một trật tự mang đậm chất “phong kiến” như vậy.

Áp dụng triệt để “tàn dư của chế độ phong kiến” này, người ta giảng dạy, cài cắm tư duy biết ơn bề trên đến mức tuyệt đối. Và dường như, mọi thứ trong cuộc sống của người học đều bị gán ghép thành “công ơn” của một nguồn ban phát ƠN NGHĨA duy nhất trong xã hội: từ trường học, đường xá, an ninh cho đến bầu không khí hòa bình, đều được diễn giải là nhờ vào sự lãnh đạo và tồn tại của chế độ hiện hành. Cách diễn giải này đồng thời xóa mờ hoặc phủ nhận vai trò của các nguồn đóng góp khác như khu vực tư nhân, xã hội dân sự, hay cộng đồng quốc tế, khiến nhận thức của người dân về sự đa dạng và tính đa chiều của các thành tựu xã hội bị thu hẹp.

Hành vi “trả ơn” vốn thuộc về phạm trù “đạo đức”, là mệnh lệnh lương tâm, nay dần dần trở thành một nghĩa vụ của lý trí. Và việc báo đáp ƠN NGHĨA không còn là lựa chọn tự do của cá nhân, tuân theo một đạo lý thông thường, mà dần dà được xem là yêu sách bắt buộc để trở thành một “công dân” đúng nghĩa, qua đó, buộc mỗi cá nhân tuyên thệ chấp nhận một hệ tư tưởng độc tôn. Trong khuôn khổ này, mọi sự bất tuân hay hành vi phê phán, thậm chí chỉ là bày tỏ hoài nghi với “cội nguồn ƠN NGHĨA” kia, đều bị quy kết là “vô ơn” hoặc “phản bội”. Hoạt động giáo dục, qua đó tạo thành một cơ chế gây áp lực tâm lý và xã hội nhằm duy trì sự tuân thủ tuyệt đối.

Lối giáo dục “ƠN NGHĨA” ấy không phải mới lạ. Từ thời Đức Quốc xã, Baldur von Schirach, lãnh đạo của Đoàn Thanh niên Hitler, từng tuyên bố rõ: “Hành động giáo dục thực sự, vĩ đại đối với một dân tộc nằm ở việc khắc sâu vào tuổi trẻ sự tuân thủ mù quáng, lòng trung thành không lay chuyển, tình đồng chí vô điều kiện và sự tin cậy tuyệt đối.”

Ở bên Triều Tiên, từ mẫu giáo, trẻ em bị nhồi nhét tư tưởng tôn sùng gia tộc Kim. Nội dung giáo dục như sách *Flower Petals* mô tả Kim Il-Sung, Kim Jong-Il và Kim Jong-Un như những biểu tượng vĩ đại của dân tộc. [1] Mọi lớp học, buổi học, hoạt động ngoại khóa đều nhằm củng cố lòng trung thành với lãnh đạo tối cao và hệ tư tưởng Juche (Chủ thể). [2]

Tương tự, tại Liên Xô dưới thời Stalin, “Ơn Đảng” và “Ơn Stalin” được đưa vào sách giáo khoa, văn học, thơ ca với tinh thần “củng cố ƠN NGHĨA” trong giáo dục.

Tư duy “ơn nghĩa” đó, xét trong bất kỳ xã hội nào, đều như một biểu hiện của bản chất độc tài. Bởi nó nuôi dưỡng cảm giác ngạo mạn của phía được xem là ban phát ân huệ, từ đó củng cố niềm tin rằng họ nắm giữ và độc quyền chân lý.

ƠN CÀNG NẶNG, OÁN CÀNG SÂU

Quay lại câu chuyện giữa Hàn Tín và Lưu Bang, đó là một minh chứng điển hình cho quy luật tâm lý “*ơn càng nặng, oán càng sâu*”, nhất là khi cố sử dụng cái “ơn” đó như sợi dây chi phối người khác (mặc dù Hàn Tín không có tâm ý đó).

Với Lưu Bang, chiến công của Hàn Tín không đơn thuần là công trạng, mà là một cái bóng khổng lồ bao trùm lên hào quang của hoàng đế. Mỗi chiến thắng do Hàn Tín đem lại vừa củng cố ngai vàng, vừa gợi nhắc rằng ngai vàng ấy mang dấu ấn không thể xóa của một kẻ khác. Chính cảm giác “nợ ơn” ở tầm quốc gia ấy trở thành một vết thương tự ái, khiến Lưu Bang luôn ở thế phòng bị và bất mãn. Nhìn sâu vào nội tâm, đây là nghịch lý của con người: ơn càng lớn, lòng tự trọng càng bị đè bẹp. Con người ta khi đó đứng trước hai ngã rẽ: hoặc khiêm tốn hơn và mang ơn người khác; hoặc không cam tâm hạ mình và chọn hạ bệ đối phương để không thấy mình thấp kém. Khi mang ơn trở thành nỗi nhục, con người có thể chọn giải tỏa oán khí ấy bằng sự phản bội.

Nhìn theo cách ấy, lối giáo dục “cường chế” người ta phải biết ơn, liệu có là con dao hai lưỡi? Cũng như những cuộc hôn nhân áp đặt, “cha mẹ đặt đâu con ngồi

đấy”, liệu có thể bền lâu? Bất kỳ cái gì giả tạo, không tự nhiên, có lẽ đều chứa đựng nguy cơ biến chứng.

Với người tinh trí, mỗi khi ai đó, thậm chí một thể chế chính trị, lãnh đạo nào đó luôn nhắc ta phải “nhớ ơn” họ, hãy tự hỏi là họ có thực sự có lòng với mình hay không, hay chỉ đang dùng ơn nghĩa để chi phối mình? Sự kỳ vọng mang tên ơn nghĩa độc hại này đè nặng lên vai người thọ ơn, gieo vào lòng họ những hạt giống của tội lỗi, oán giận, và cả sự giằng xé lương tâm không lối thoát.

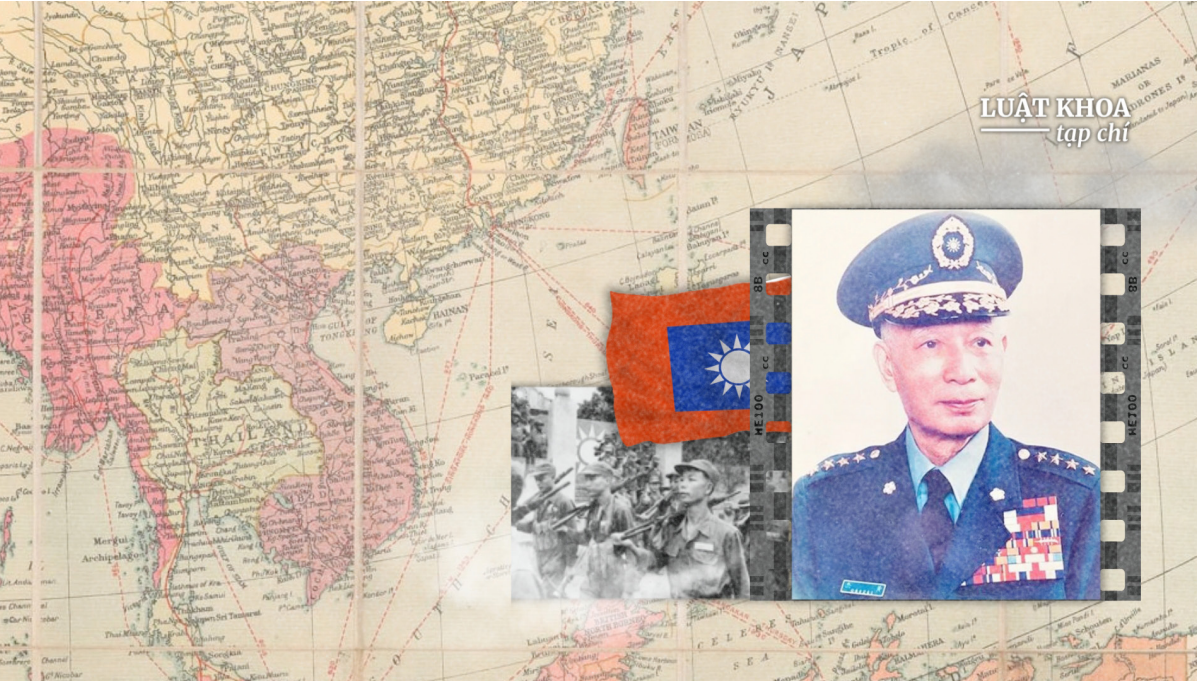
Nhìn lại lịch sử, có thể nhận thấy dấu ấn của thứ “lòng biết ơn độc hại” đã tràn máu trên những trang sử.

Vào thế kỷ 18, quan niệm “nô lệ biết ơn” xuất hiện như một vết nhơ không thể xóa bỏ. Những người châu Phi bị xiềng xích, bị tước đoạt quyền tự do, nhưng lại bị kỳ vọng phải quỳ xuống cảm tạ những “ông chủ tử tế” – vừa đủ sức nuôi dưỡng sự thượng đẳng của tầng lớp chủ nô da trắng, đồng thời duy trì quan niệm rằng chút ít tử tế trong bối cảnh áp bức là một ân huệ lớn lao, đáng giá để mức đủ sức mua được một sự phục tùng vĩnh viễn.

Sự kỳ vọng ơn nghĩa độc hại ấy tưởng chừng chỉ tồn tại như một lịch sử vang bóng một thời. Thế nhưng, ngày nay, nó vẫn hiện diện trong các mối quan hệ ở tầm quốc gia, được cài cắm vào cả giáo dục để trở thành công cụ kiểm soát tinh vi, thường được che đậy dưới lớp vỏ hào nhoáng của “lòng tốt”.

Nên, nếu yêu thương một ai đó thật lòng, nhất là thương học trò, đừng cố ép nó phải “nhớ ơn” mình như một quang

gánh cả đời đè lên nó, tạo tâm lý luôn cúi cho con cháu dưới vỏ bọc của đạo đức, luân lý. Sự học, suy cho cùng, là để người ta ngẩng cao đầu mà sống, để người ta tự do quyết định cuộc đời mình, tự chọn lấy lẽ sống của mình. Khi biết ngẩng cao đầu mà sống, người ta sẽ thấy trên đầu mình không thể tồn tại những chiếc vòng kim cô, và bầu trời cao rộng kia vốn tự nhiên đã thế, chứ không phải nhờ ơn một thể chế nào mới có được. □



Hình ảnh tướng Hoàng Kiệt (Huang Chieh, 黄杰) và bản đồ châu Á năm 1949. Nguồn ảnh: Stanford's Commercial Map of Asia/The Map House, The Taipei Times. Đồ họa: Thừa Thiên/Luật Khoa.

CÓ NHỮNG NGƯỜI ĐÀI LOAN TRONG CÂU CHUYỆN 80 NĂM ĐỘC LẬP CỦA VIỆT NAM

Trần Quỳnh Vi

Bài đăng lần đầu trên luậtkhoa.com
ngày 5/9/2025.

Trong những ngày này, khi mà rất nhiều người Việt Nam ăn mừng kỷ niệm 80 năm quốc gia giành được độc lập, liệu có ai tự hỏi rằng: sau khi quân Nhật thua trận trong Thế chiến thứ Hai, thì ở Đông Dương năm 1945, ai đã tiếp quản Việt Nam từ Nhật Bản theo các hiệp định của thế giới khi đó?

Có phải Liên Xô hay Mỹ, hoặc Anh đã trao trả chủ quyền của nước Việt Nam

vào tay ông Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản tháng 9/1945?

Câu trả lời có thể khiến cho chúng ta ngạc nhiên. Bởi vì khối Đồng minh khi đó *không* trao trả lãnh thổ Việt Nam vào tay một người Việt Nam nào cả. Người tiếp quản phân nửa Việt Nam khi quân Nhật giải giáp là một vị tướng người Trung Hoa: tướng Lữ Hán của Quốc Dân Đảng dưới thời Tưởng Giới Thạch.

Việc Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập vào ngày 2 tháng Chín năm 1945 có thể được Đảng Cộng sản Việt Nam cho là hành động khẳng định vị thế độc lập của nước nhà. Tuy nhiên, theo tuyên bố từ Hội nghị Potsdam năm 1945 – hội nghị quyết định “hậu sự” của Chiến tranh Thế giới thứ Hai – người Việt không được làm chủ đất nước của mình sau khi Nhật Bản bị giải giáp.

Hội nghị này xác định, phần lãnh thổ tại miền Bắc Việt Nam (phía trên vĩ tuyến 16) sẽ giao cho quân Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch giải giáp quân đội Nhật.

Còn việc giải giáp quân đội Nhật trong phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam (phía dưới vĩ tuyến 16) sẽ giao cho quân Anh.

HỘI NGHỊ POTSDAM LÀ GÌ?

Hội nghị Potsdam (Potsdam Conference) diễn ra từ ngày 17/7 đến ngày 2/8/1945. Tại hội nghị này, Mỹ, Anh, Trung Hoa Dân Quốc, về sau có thêm Liên Xô, đã đưa ra Tuyên bố Potsdam yêu cầu Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện. Tuyên bố này cũng quy định Nhật sẽ mất hết lãnh thổ chiếm được, chỉ giữ lại phần lãnh thổ gốc là quần đảo Nhật Bản.

Ngoài ra, cũng tại hội nghị này, các quốc gia đã tái khẳng định các điều khoản của Tuyên ngôn Cairo (Cairo Declaration) năm 1943, trong đó quy định rằng Nhật Bản phải trả lại các đảo Đài Loan (Formosa) và Bành Hồ (the Pescadores) cho Trung Hoa Dân Quốc – tức là chính quyền của Tưởng Giới Thạch. Cách phân chia và xử lý lãnh thổ Việt Nam sau khi quân Nhật đầu hàng như bên trên vừa

nêu, cũng được quyết định trong hội nghị này.

QUÂN ĐỘI TRUNG HOA QUỐC DÂN ĐANG ĐÃ ĐẾN VIỆT NAM KHI NÀO VÀ Ở LẠI BAO LÂU?

Lữ Hán là người chỉ huy quân đội Trung Hoa Dân Quốc Dân Đảng tiến vào miền Bắc Việt Nam trong tháng 8/1945 sau khi Nhật Bản đầu hàng để tiến hành giải giáp quân đội nước này. Vị tướng họ Lữ này là người Vân Nam, Trung Quốc, và là một trong những tướng lĩnh thân cận của Tưởng Giới Thạch.

Theo giáo sư Sử học Peter M. Worthing tại Đại học Texas Christianity University, từ năm 1945 đến 1946, số lính Trung Hoa Dân Quốc tiến vào Việt Nam lên đến 200.000 người. [1]

Sau đó, Pháp và Trung Hoa Dân Quốc đã đàm phán và đưa ra quyết định trong Hiệp ước Pháp – Trung (ký vào ngày 28/2/1946). Theo hiệp ước này, Trung Hoa Dân Quốc sẽ hoàn toàn rút khỏi miền Bắc Việt Nam chậm nhất đến ngày 15/6/1946, và Bắc Việt được trao lại cho Pháp.

Tại miền Nam Việt Nam, Anh Quốc cũng thỏa hiệp với Pháp và đã trả quyền cai trị miền Nam cho Pháp vào tháng 3/1946 sau khi quân Anh rút khỏi Việt Nam.

Sau khi người Pháp trở lại Việt Nam, mâu thuẫn giữa họ và Việt Minh cùng các thế lực khác đã dẫn đến cuộc chiến tranh Đông dương lần thứ nhất (First Indochina War) vào cuối năm 1946. □

QUÂN TƯỚNG TRỞ LẠI VIỆT NAM

Giai đoạn 1945 đến 1954 đã chứng kiến nhiều chuyển biến về quân sự và chính trị tại Việt Nam, cũng như khu vực. Trong đó có sự kiện quân đội Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch đã trở lại Việt Nam sau khi bị quân đội cộng sản của Mao Trạch Đông đánh bại vào năm 1949. Lần này, quân họ Tưởng không mang hùng tâm đi “giải giáp”, mà họ là đoàn quân thua trận phải chạy sang nước khác.

Theo tài liệu từ báo *Taipei Times*, đã có 30.000 quân lính của Trung Hoa Quốc Dân Đảng chạy nạn sang Việt Nam vào cuối năm 1949, khi họ thua Mao Trạch Đông trong cuộc nội chiến. [2]

Đoàn quân 30.000 người này được cầm đầu bởi tướng Hoàng Kiệt (Huang Chieh, 黃杰), về sau được gọi là Đội quân Phú Đài “Futai Brigade” (富臺部隊). Trước khi thương thảo với Pháp để có thể tiến vào Việt Nam, Hoàng Kiệt vốn định đưa quân về Vân Nam lẫn trốn, đầu quân dưới trướng Lữ Hán.

Thế nhưng, vào cuối năm 1949, Lữ Hán đã đầu hàng quân cộng sản và giao Vân Nam cho Mao Trạch Đông kiểm soát. Lúc đó, Pháp vẫn chiếm đóng Việt Nam và là đồng minh của Quốc Dân Đảng nên người Pháp đồng ý cho Hoàng Kiệt tạm đóng quân tại Việt Nam, trước khi sang Đài Loan hội hợp với chính quyền Tưởng Giới Thạch.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀI LOAN LƯU LẠC TRONG CƠN BINH LOẠN

Một trong những người lính chạy đến Việt Nam năm 1949 cùng với Hoàng Kiệt là Đường Chí Thuần (唐志純). Chúng tôi đã có dịp trao đổi với gia đình ông về những trải nghiệm trong binh đoàn Quốc Dân Đảng Trung Hoa khi đóng quân ở Việt Nam lúc đó.

Sinh năm 1933 tại Quế Lâm, Quảng Tây, lúc mới 13 tuổi (tức là năm 1946) Đường Chí Thuần đã đăng lính trong đạo quân của Quốc Dân Đảng. Từ năm 1946 cho đến năm 1949, Chí Thuần là lính bộ binh, chiến đấu ở miền Nam Trung Quốc. Những năm 1949 – 1950, ông cùng với một số quân lính của Quốc Dân Đảng phải chạy sang Việt Nam lánh nạn, sau khi thua trận trước quân cộng sản.

Mới chỉ là một đứa trẻ ở tuổi vị thành niên, nhưng đã phải theo một binh đoàn đi chiến đấu, rồi phải chạy nạn sang một đất nước khác khi chính quyền thua trận, Chí Thuần không nhớ nhiều về những việc đã trải qua trong những năm tháng ấy. Ông chỉ kể cho gia đình biết, vì bản thân là anh cả, nên ông đăng lính và cứ theo mệnh lệnh để chiến đấu. Rồi từ Quảng Tây, ông chạy đến Việt Nam khi 16 tuổi để tiếp tục tìm đường sống. Ông không nhớ mình đã ở Việt Nam bao lâu, nhưng nhóm của ông đã đến đảo Phú Quốc và trú lại gần ba năm.

Cũng theo báo *Taipei Times*, 30.000 quân đi cùng với Hoàng Kiệt đã đến đảo Phú Quốc chờ chính quyền Đài Loan

tiếp nhận, vì cuộc chiến Đông Dương giữa Pháp và người Việt ngày càng khốc liệt. Những người lính trẻ như Đường Chí Thuần không hiểu vì sao bản thân phải ở một hòn đảo xa lạ, tuy được miêu tả là “đảo thiên đường” nhưng không có gắn kết gì với người Trung Hoa cả.

Theo tài liệu mà *Taipei Times* có, lý do người Pháp giữ những người lính Đài Loan tại Phú Quốc là vì Mỹ, Pháp, và Đài Loan khi đó vẫn đang thương thảo tình hình chính trị của khu vực. Ngoài ra, chính quyền cộng sản Trung Quốc cũng thúc ép Pháp phải trả lại những binh lính thuộc phe Quốc Dân Đảng cho họ. Nếu không, Trung Quốc cũng có thể tiến quân vào Bắc Việt Nam. Người Pháp khi đó đã đưa quân đoàn của tướng Hoàng Kiệt đến Phú Quốc và bắt họ ở lại đó để ép Mỹ phải viện trợ thêm quân trang hòng tiếp tục cuộc chiến Đông Dương.

Những binh sĩ như Đường Chí Thuần có cảm giác họ đang bị bỏ quên. Vào ngày Giáng Sinh năm 1951, họ đã tuyệt thực để yêu cầu được rời khỏi Việt Nam. Đến tháng 1/1952, Pháp và Đài Loan tạm quyết định đưa binh lính của Quốc Dân Đảng ra khỏi Phú Quốc. Nhưng thực tế, phải trải qua thêm một năm nữa, vào năm 1953 những người này mới được đưa về Đài Loan.

QUÊ HƯƠNG VĨNH VIỄN BỎ LẠI

Đường Chí Thuần và những quân sĩ khác có lẽ không bao giờ tưởng tượng được họ phải gần như vĩnh viễn rời xa gia đình khi trở thành người lính Quốc Dân Đảng năm 1946. Năm 1953, lúc gần

20 tuổi và đã xa gia đình được bảy năm, ông Chí Thuần đã đến một hòn đảo xa lạ khác, sau Phú Quốc: đó là Đài Loan. Từ năm 1953 cho đến năm 1988, ông Thuần không liên lạc được với gia đình vì Đài Loan và Trung Quốc cấm vận lẫn nhau.

Con gái ông Chí Thuần cho *Luật Khoa tạp chí* biết rằng, năm 1988, khi lệnh thiết quân luật ở Đài Loan bị bãi bỏ, ông Thuần đã tìm cách liên lạc với gia đình. Sau đó, ông đã về lại Trung Quốc, gặp lại anh em, và lần đầu được cúng bái trước mộ tổ tiên sau hơn 40 năm lưu lạc.

Ngoài ra, ông Thuần còn trở lại đảo Phú Quốc cùng gia đình vào tháng 12/2010 để thăm nơi mà ông và 30.000 quân Phú Đài đã từng sống trong gần ba năm. Theo lời con gái của ông Thuần, ông cảm thấy bản thân may mắn vì đã sống sót, và đã có Đài Loan là quê hương thứ hai. Ông trút hơi thở cuối tại hòn đảo này vào năm 2020.

Trái ngược với câu chuyện của ông Đường Chí Thuần, một người Đài Loan khác sống cùng thời với ông lại không thể trở về nơi chôn nhau cắt rốn, mà đã vĩnh viễn ở lại Việt Nam.

Câu chuyện về ông Ngô Liên Nghị (Wu Lianyi), người Đài Loan, khiến cho nhiều người phải suy nghĩ về định nghĩa quê hương và quốc gia của mỗi người chúng ta, khi bị thời cuộc đẩy ra khỏi tổ quốc.

Ông Liên Nghị sinh ra tại Đài Loan khi hòn đảo này vẫn là thuộc địa của Nhật Bản. Năm 1943, sau khi tốt nghiệp đại học, ông đã đến Việt Nam làm việc cho chính quyền Nhật Bản, và lấy tên Nhật là Arai Yoshio. Ông công tác trong mảng

nông nghiệp, với nhiệm vụ giám sát hoạt động trồng bông và đay. [3]

Khi Nhật Bản thua trận, ông Nghị không được chính phủ Nhật đưa về lại Đài Loan vì sau tháng 8/1945, Đài Loan không còn là lãnh thổ của nước Nhật nữa. Ông Nghị đã sống 62 năm tại Việt Nam và qua đời ở đây. Một điều an ủi là trước khi ông mất, ông cũng được trở lại thăm gia đình tại Đài Loan.

Năm 1991, sau khi xem một cuộc phỏng vấn trên truyền hình của Tokyo Broadcasting System, ông Nghị nghĩ có thể kêu nài chính phủ Nhật Bản xem xét hồ sơ của ông. Năm 1992, ông đã liên lạc Đại sứ quán Nhật tại Việt Nam, yêu cầu họ xem xét và tài trợ để cho ông có cơ hội trở lại Đài Loan thăm gia đình.

Ngoài ra, ông Nghị còn được Hội Cựu Sinh viên tại đại học của ông – Đại học Quốc gia Gia Nghĩa – hỗ trợ để ông có thể được phép sang Đài Loan vào năm 1994 trong ba tháng để thăm gia đình. Cuối cùng, ông đã đến được Đài Loan sau gần 50 năm xa cách.

Điều đáng buồn là sau nhiều năm sống ở Việt Nam, ông Nghị đã không thể nói được tiếng Quan thoại (Mandarin) – quốc ngữ của Đài Loan, do chính quyền Quốc Dân Đảng quy định – và thậm chí còn quên cả tiếng Đài (Taiyu) – tiếng nói bản địa của hòn đảo này. Ngôn ngữ duy nhất mà ông Nghị có thể giao tiếp với một số người ở Đài Loan là tiếng Nhật. Sau chuyến thăm duy nhất ấy, ông Nghị đã trở lại với gia đình ở miền Bắc Việt Nam, cho đến khi qua đời vào năm 2006 tại đây. Đài Loan không còn là quê hương của ông, và Việt Nam mới là nơi ông vĩnh viễn dừng lại.

Hai câu chuyện của hai người Đài Loan kể ở trên cho chúng ta thấy, luôn có những lát cắt của lịch sử mà nhiều lúc dễ bị che khuất và bỏ qua. Những thân phận con người, tuy nhỏ bé và có thể bị xem là không quan trọng, đôi khi có thể cho chúng ta nhìn rõ hơn hiện thực của quá khứ mà sách sử không ghi rõ, thậm chí có thể khiến chúng ta phải dừng lại và suy gẫm.

Mỗi sự kiện lịch sử mà chúng ta đã được dạy, có lẽ luôn chứa đựng cùng lúc nhiều khía cạnh và góc nhìn khác nhau, đòi hỏi mỗi người muốn hiểu rõ phải đào sâu, và mỗi sử gia muốn viết đúng phải nhìn nhận hiện thực thật thẳng thắn. Liệu rằng, những điều sách giáo khoa đã dạy cho ta có hoàn toàn nói lên bức tranh trung thực nhất về lịch sử? □

CHÚ THÍCH

1. Peter M. Worthing, *Occupation and Revolution: China and the Vietnamese August Revolution of 1945* (China Research Monograph 54; Berkeley: Institute of East Asian Studies, University of California, Berkeley, 2001).
2. Han Cheung, "Taiwan in Time: Stranded in Paradise," *Taipei Times*, June 30, 2019.
3. Andrew D. Morris, "Introduction: Living as Left Behind in Postcolonial Taiwan," in *Japanese Taiwan: Colonial Rule and Its Contested Legacy*, ed. Andrew D. Morris (Bloomsbury Academic, 2015).

THEO DÕI

Luật Khoa Tạp chí để cập nhật các bài viết hữu ích về Nhân quyền, Dân chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com

Facebook www.fb.com/luatkhoa.org

Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi

Youtube bit.ly/LK-Youtube

Store store.luatkhoa.com

Spotify spoti.fi/3vcQD5x

Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi

Telegram t.me/s/luatkhoatc



Hình ảnh Tổng thống Tưởng Kinh Quốc và Sắc lệnh hành pháp chấm dứt thời kỳ thiết quân luật năm 1987.
Nguồn ảnh: Hoover Institution Library and Archives; OFTaiwan. Đồ họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

DÂN CHỦ HÓA TẠI ĐÀI LOAN – KỲ 5: TƯỚNG KINH QUỐC VÀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH BƯỚC NGOẶT

Dương Ngọc Thanh Thiên

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 14/8/2025.

Thời điểm Chiến tranh lạnh đi đến hồi kết cũng là lúc các siêu cường chấm dứt nguồn viện trợ và sự bảo trợ dành cho các chế độ độc tài. Điều này có nghĩa, những nhà nước Leninist được Liên Xô chống lưng và những quốc gia chống cộng được Hoa Kỳ hậu thuẫn phải đối mặt với rủi ro suy thoái, thậm chí khủng hoảng kinh tế và sự suy giảm

sức mạnh quân sự – những tiền đề làm suy yếu sự ổn định của các mô hình nhà nước độc tài. Trong tình huống đó, các nhà độc tài buộc phải lựa chọn: hoặc là tự do hóa (liberalize) đất nước, hoặc bị buộc phải từ bỏ quyền lực.

Tại Đài Loan, nhà độc tài Tưởng Kinh Quốc đã chọn con đường thứ nhất.

Trong những năm cuối cùng của Chiến tranh lạnh, vị tổng thống này đã quyết định nới lỏng dần các chính sách kiểm soát xã hội, và cuối cùng đi đến dỡ bỏ thiết quân luật vào năm 1987 – động thái đã đặt nền tảng cho sự tăng tốc của quá trình dân chủ hóa tại Đài Loan. Lựa chọn này của Tưởng Kinh Quốc không chỉ xuất phát từ các tác động ngoại cảnh của tình hình quốc tế, mà một phần quan trọng còn đến từ tư tưởng và những trải nghiệm cá nhân của ông.

Lịch sử nhìn chung đánh giá Tưởng Kinh Quốc cao hơn cha ông. [1] Dù vẫn hứng chịu không ít chỉ trích, các cuộc khảo sát cho thấy ông vẫn là vị tổng thống được nhớ đến nhiều nhất của Đài Loan. Từ góc nhìn chính trị, ông trở nên nổi bật vì là nhà lãnh đạo đã chủ động từ bỏ quyền lực tối cao để thành công tạo nên bước chuyển cho Đài Loan, từ một nước độc tài sang mô hình dân chủ cho Đài Loan. Đây là lý do khiến nhà lãnh đạo này có thể có cách tư duy và hành xử như vậy?

Theo Ed Green, thuộc Đại học Edinburgh, có ba nguyên nhân chính đã thúc đẩy tư tưởng dân chủ của nhà lãnh đạo Đài Loan này, bao gồm: trải nghiệm cá nhân với va chạm trong nhiều mô hình độc tài; những biến chuyển của tình hình quốc tế và quan hệ ngoại giao hậu kỳ Chiến tranh lạnh; và xu hướng dân chủ hóa trong thập niên 1980 tại nhiều nơi, bao gồm trong nước. [2]

Loạt bài viết này sẽ tập trung làm rõ ba tiền đề vừa nêu đưa đến quyết định giải thể nền độc tài của vị tổng thống họ Tưởng này. Kỳ 5 sẽ tập trung ở hai tiền đề đầu tiên.

TRẢI NGHIỆM CÁ NHÂN GIỮA NHỮNG NỀN ĐỘC TÀI

Vào đầu những năm 1920, Trung Quốc rơi tình trạng phân liệt do cùng lúc tồn tại nhiều thế lực quân phiệt chia nhau kiểm soát các vùng khác nhau. Để giải quyết tình trạng này, Quốc Dân Đảng (Kuomintang – KMT) đã chấp nhận hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc (Chinese Communist Party – CCP) trong Mặt trận thống nhất lần thứ nhất (First United Front – FUR) với sự hỗ trợ của Liên Xô.

Từ sự hợp tác này, năm 1925, Tưởng Kinh Quốc được gửi đến Liên Xô dưới sự bảo trợ của nước này để theo học Đại học Tôn Dật Tiên tại Moscow. Tại đây, ông tiếp nhận chủ nghĩa Marx và nền giáo dục xã hội chủ nghĩa cùng bạn đồng môn Đặng Tiểu Bình. Ông đã tham gia Đoàn Thanh niên Cộng sản và là một trong những thành viên tích cực nhất với tư cách là một người theo chủ nghĩa Trotsky tự xưng.

Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời năm 1925, Tưởng Giới Thạch lên nắm quyền và bắt đầu nghi ngờ ý đồ của phe cộng sản. Hai năm sau, trong chiến dịch Bắc phạt nhằm tiêu diệt các lực lượng quân phiệt tại Thượng Hải, Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh cho quân đội và các lực lượng dân quân thân KMT như Thanh bang hội thực hiện một cuộc thanh trừng đẫm máu chống lại các đảng viên cộng sản và công đoàn trong thành phố.

Sự kiện này đã chấm dứt hợp tác giữa KMT và CCP, mở đầu cho nội chiến Trung Quốc. Liên Xô đã phản ứng giận

dữ vì cho rằng Tưởng Giới Thạch phản bội FUR và quyết định giam giữ Tưởng Kinh Quốc tại một nhà máy luyện thép ở Siberia, bắt ông sống khắc khổ như một công nhân Xô Viết. Chính trải nghiệm này đã hình thành niềm tin của ông vào sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa cộng sản.

Sau khi quan hệ giữa Liên Xô và KMT dần nổi lỏng trong bối cảnh chiến tranh Trung–Nhật nổ ra vào năm 1937, Tưởng Kinh Quốc được phép trở về Trung Quốc và từ đó bắt đầu giữ nhiều chức vụ trong chính quyền KMT.

Năm 1947, chính quyền Tưởng Giới Thạch mất kiểm soát đại lục và chuyển đến Đài Loan. Dưới chế độ thiết quân luật, Tưởng Kinh Quốc đã lãnh đạo lực lượng cảnh sát mật trong thời kỳ “Khủng bố trắng” tại hòn đảo này.

Càng lớn tuổi, giấc mơ tái thống nhất Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch càng xa vời, và Tưởng Kinh Quốc cũng ngày càng phải đảm nhận nhiều trọng trách quan trọng thay thế cha mình. Năm 1972, Tưởng Kinh Quốc trở thành thủ tướng và dần dần trở thành nhà lãnh đạo trên thực tế cho đến khi cha của ông qua đời vào năm 1975. Năm 1979, “Quốc hội vạn niên” đã bầu chọn Tưởng Kinh Quốc là tổng thống mới của Trung Hoa Dân Quốc (Republic of China – ROC).

Sau khi nắm quyền tổng thống, Kinh Quốc đã từ chối các danh xưng truyền thống đã được sử dụng để xưng tụng cha ông và các nhà lãnh đạo Trung Quốc thời quân chủ như “lãnh tụ” (領袖) hay “vạn tuế” (萬歲). Kinh Quốc cho rằng trong thời đại dân chủ, ông không chỉ là một

tổng thống dân sự mà còn là một đảng viên và công dân bình thường. Điều này không chỉ cho thấy tư tưởng muốn phá bỏ hình ảnh “cha truyền con nối” và “tôn quân” vốn tồn tại trong lịch sử chính trị Trung Hoa, mà còn phản ánh xu hướng cải cách và dân chủ hóa.

MỘT NHÂN CÁCH CHÍNH TRỊ KHÁC BIỆT

Cựu nhà lập pháp Khang Ninh Tường và cựu nhà báo Trần Hạo của tờ *Trung Hoa Thời báo* (China Times) là hai người có mối quan hệ thân thiết với Tưởng Kinh Quốc trong thời gian ông làm thủ tướng. Họ mô tả ông là người thực dụng, một người “giữ các quyết định bảo thủ ở túi phải, và những quyết định sáng suốt ở túi trái,” và là một lãnh đạo thức thời. [3]

Phong cách lãnh đạo vừa bảo thủ vừa mưu mẹo của Tưởng Kinh Quốc thể hiện rõ qua việc lựa chọn Vương Sinh, giám đốc Tổng cục Chiến tranh chính trị, làm người đứng đầu của lực lượng đặc nhiệm mang tên “Văn phòng Lưu Thiếu Khang,” một tổ chức tập trung quyền lực tách biệt với bộ máy chính thức của đảng. Tương tự, thông qua đảng và hệ thống Đoàn Thanh Niên, ông đã thiết lập một chuỗi các văn phòng bên trong hệ thống trường học, hoạt động nhằm đàn áp chủ nghĩa cộng sản và giới bất đồng chính kiến nói chung.

Sự kiện Cao Hùng như đã giới thiệu trong bài kỳ trước chính là một phép thử đối với sự thực dụng của Tưởng Kinh Quốc. [4] Trước sự kiện này, nội

bộ của KMT đã có sự chia rẽ về cách xử lý. Giám đốc Tổng cục Chiến tranh chính trị Vương Sinh chủ trương đàn áp phong trào bằng bạo lực trong khi thủ tướng lúc đó là Tôn Văn Tuyền phản đối sử dụng bạo lực và đề xuất tìm cách giảm thiểu căng thẳng. Cuối cùng, Tưởng Kinh Quốc đã không cho phép quân đội can thiệp sâu rộng và ra lệnh xử lý bằng cảnh sát và hệ thống pháp lý thay vì dùng bạo lực công khai.

Nhưng điều mà chế độ của ông không ngờ tới là nỗ lực trấn áp sự kiện Cao Hùng của chính quyền đã không thể dập tắt hoàn toàn tiếng nói đối lập trong những năm sau đó, trái lại, còn khiến các cuộc vận động trở nên có tổ chức hơn. [5] Cuối năm 1980, lực lượng chính trị bên ngoài KMT – khi đó đã được tiếp thêm sức mạnh từ những người thân và luật sư của các tù nhân chính trị trong sự kiện Cao Hùng – đã dành được tổng cộng 30% phiếu bầu trong cuộc bầu cử bổ sung vào Quốc dân Đại hội và Lập pháp viện, với tỷ lệ ủng hộ cao hơn so với những năm 1970. Điều này khiến KMT không thể làm ngơ họ được nữa.

Không giống những lãnh đạo cấp cao khác của KMT như Hoàng Thiếu Cốc, Nghiêm Gia Cam và những nhân vật bảo thủ trong quân đội, Tưởng Kinh Quốc không thuộc nhóm bảo thủ nhất trong KMT. Thay vào đó, ông có khuynh hướng muốn duy trì quyền lực của đảng mình bằng các cải cách nhỏ.

Bắt đầu từ những năm 1970, Tưởng Kinh Quốc chính thức thừa nhận rằng chế độ đang đối diện với một cuộc khủng hoảng. Kể từ đó, ông đã

có những nỗ lực cải cách để giành lấy tính chính danh mới cho chính quyền, như: thăng chức cho những người thuộc giới tinh hoa Đài Loan bản địa, nới lỏng các công cụ đàn áp và cho phép mở rộng các cuộc bầu cử bổ sung tại các cơ quan nghị viện trung ương.

Nhưng những giải pháp này không đạt như kỳ vọng, như sự kiện Cao Hùng đã chứng minh. Trước bài học tại Cao Hùng và làn sóng vận động dân chủ ngày càng mạnh mẽ trong suốt những năm 1980, Tưởng Kinh Quốc bắt đầu nhận ra rằng mình phải thực hiện nhiều cải cách hơn để duy trì mạng sống của chế độ.

Qua những thông tin trên, có thể thấy Tưởng Kinh Quốc là một nhà lãnh đạo thực dụng, theo ý nghĩa được mô tả trong chính trị học là xu hướng đưa ra những lựa chọn ít chi phí nhất nơi các nhà độc tài. [6] Dễ thấy rằng, trong thời kỳ mà mọi cuộc đàn áp đều dễ dàng hiển hiện trên các phương tiện truyền thông và trong các bản báo cáo nhân quyền của các tổ chức ủng hộ dân chủ, chi phí đàn áp sẽ luôn lớn hơn chi phí nhượng bộ.

Khi chi phí đàn áp vượt quá hoặc đơn giản là nhà độc tài nghĩ rằng nó quá lớn so với chi phí nhượng bộ, lựa chọn cải cách chính trị là điều không thể tránh khỏi, nếu họ muốn duy trì chế độ và xoa dịu dư luận trong nước và quốc tế. Đó là điều mà các lực lượng đối lập có thể nhận diện để liên tục duy trì phong trào dân chủ cũng như giữ liên kết với các tổ chức ủng hộ nhân quyền quốc tế, nhằm tạo đủ áp lực lên nhà độc tài.

KHI ĐỒNG MINH QUAY LƯNG VÀ PHẢN ỨNG CỦA TƯỚNG KINH QUỐC

Như đã đề cập sơ lược trong kỳ 4, Đài Loan đã trải qua một cuộc khủng hoảng hiện sinh khi Hoa Kỳ thay đổi chiến lược chống cộng của mình. Bộ đôi Nixon–Kissinger đã chọn ủng hộ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (People’s Republic of China – PRC) và “ghi nhận” chính sách một Trung Quốc. [7] [8]

Mục đích của việc này là để làm suy yếu tầm ảnh hưởng của Liên Xô trong bối cảnh Mỹ đang sa lầy tại chiến tranh Việt Nam, mà nguyên do một phần vì sự viện trợ của Liên Xô cho Bắc Việt. Động thái mới này của phía Hoa Kỳ đã khiến Đài Loan rơi vào cô lập và dễ bị tổn thương hơn bao giờ hết trên phương diện ngoại giao.

Tướng Kinh Quốc sau đó đã có những phản ứng với quyết định trên của Mỹ, mà đỉnh điểm là vào năm 1979 với động thái đặt tình trạng an ninh ở mức báo động cao nhất, thi hành lệnh giới nghiêm và hoãn các cuộc bầu cử đã được lên lịch. Tuy nhiên, Kinh Quốc vẫn giữ tâm nhìn dài hạn về lộ trình dân chủ hóa tại Đài Loan vì ông hiểu một Đài Loan tự chủ giữa các cuộc khủng hoảng ngoại giao không những mang lại tính chính danh cho KMT ở nội địa mà còn cải thiện vị thế quốc tế của hòn đảo. Để làm được điều đó, KMT phải cải tổ, chuyển đổi chính quyền hiện tại của Đài Loan thành một mô hình kinh tế và chính trị quan trọng trên trường quốc tế.

Vào những năm cuối đời, Tưởng Kinh Quốc đã thi hành chính sách “ngoại giao thực dụng” (pragmatic diplomacy), tập trung vào chiều sâu và giá trị của quan hệ song phương hơn là sự công nhận bề nổi. Và Kinh Quốc đã đúng, Hoa Kỳ không hoàn toàn “bỏ rơi” Đài Loan với minh chứng là Đạo luật Quan hệ Đài Loan (Taiwan Relations Act) đã được thông qua vào năm 1979. [9]

Đạo luật này có bốn điểm chính, gồm: Hoa Kỳ cam kết quyền tiếp cận vũ khí và hỗ trợ phòng thủ để Đài Loan có thể tự vệ dù không có hiệp ước phòng thủ chung chính thức; Hoa Kỳ coi bất kỳ nỗ lực dùng vũ lực, cấm vận, tẩy chay nhằm thay đổi hiện trạng Đài Loan là mối đe dọa nghiêm trọng đến an ninh khu vực; Hoa Kỳ tiếp tục duy trì quan hệ ngoại giao, thương mại và hợp tác với Đài Loan; thiết lập cơ chế đại diện ngoại giao phi chính thức thông qua tổ chức phi lợi nhuận Viện Hoa Kỳ tại Đài Loan (The American Institute in Taiwan). Sau khi đạo luật được thông qua, mối quan hệ đồng minh không chính thức giữa Đài Loan và Hoa Kỳ vẫn tiếp tục và được củng cố dưới thời tổng thống Reagan.

Về cơ bản, cuộc khủng hoảng ngoại giao năm 1979 giống như một phức lảnh ẩn sau tin dữ cho tiến trình dân chủ hóa tại Đài Loan. Biến cố này đã thúc đẩy Tưởng Kinh Quốc dần dần giải thể chế độ do người Trung Hoa lục địa kiểm soát, đã có từ thời nội chiến, bởi vì toàn bộ tính chính danh của chế độ đó – vốn dựa vào vai trò đại diện của Trung Hoa Dân Quốc trong chính sách “Một Trung Quốc” (‘One China’) – đã sụp đổ. □

CHÚ THÍCH

1. Working To Establish. (2025) Chiang Ching-kuo’s Crucial 200 Days | Politics & Society | 2009-08-06 | Commonwealth Magazine. Retrieved August 14, 2025, from <https://english.cw.com.tw/article/article.action?id=1151>
2. Ed Green. (2025) The Autocratic Democrat: why did Chiang Ching-kuo dismantle Taiwan’s authoritarian regime? – Retrospect Journal. Retrieved August 14, 2025, from <https://retrospectjournal.com/2024/03/17/the-autocratic-democrat-why-did-chiang-ching-kuo-dismantle-taiwans-authoritarian-regime/>
3. Xem [1]
4. Dương Ngọc Thanh Thiên. (2025) Những nguồn lực cho sự hồi sinh phong trào dân chủ ở Đài Loan. Luật Khoa tạp chí. <https://luatkhoa.com/2025/08/nhung-nguon-luc-cho-su-hoi-sinh-cua-phong-trao-dan-chu/>
5. Many For His. (2025) China Change » Chiang Chang-kuo and the Democratization of Taiwan. Retrieved August 14, 2025, from <https://chinachange.org/2013/06/03/chiang-chang-kuo-and-the-democratization-of-taiwan-2/>
6. Xem [5]
7. Lưu ý: Hoa Kỳ dùng từ “ghi nhận” – to acknowledge – chứ không phải “công nhận” – to recognize – nghĩa là Hoa Kỳ chỉ ghi nhận lập trường của chế độ cộng sản Trung Quốc chứ không công nhận tính hợp pháp của nó
8. Foreign Heads. (2025) Historical Documents – Office of the Historian. Retrieved August 14, 2025, from <https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1969-76v17/d203>
9. Authorizing The Continuation. (2025) Taiwan Relations Act – American Institute in Taiwan. Retrieved August 14, 2025, from <https://www.ait.org.tw/policy-history/taiwan-relations-act/>



Ảnh nền: Thông cáo chấm dứt thiết quân luật tại Đài Loan vào ngày 14/7/1987. Ảnh của Liu Chen-hsiang: Cuộc tuần hành chào mừng việc dỡ bỏ thiết quân luật ngày 15/7/1987. Người dân cầm biểu ngữ: “Thiết quân luật đã được dỡ bỏ! Đã đến lúc những nhà hoạt động truyền bá thông tin công cộng độc lập đứng lên!”, “Hoan nghênh việc dỡ bỏ thiết quân luật và khôi phục quyền hội họp, tuần hành, diễu hành và kháng cáo của người dân”, “Thiết quân luật đã được dỡ bỏ hôm nay. Các chính đảng giờ đây có địa vị bình đẳng và nên cạnh tranh công bằng theo pháp luật.”, “Thiết quân luật đã được dỡ bỏ, dân chủ ở đâu?” Ảnh nhỏ: Trang bìa sau của số báo Carry Forward Weekly ngày 11/2/1985 tuyên bố rằng tờ báo sẽ đấu tranh cho quyền tự do ngôn luận 100%. Tờ báo này đã bị chính quyền cấm trong thời kỳ Thiết quân luật. Đồ họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

DÂN CHỦ HÓA TẠI ĐÀI LOAN – KỶ 6: TƯỚNG KINH QUỐC VÀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH BƯỚC NGOẶT (TIẾP THEO)

Dương Ngọc Thanh Thiên

Bài đăng lần đầu trên luậtkhoa.com
ngày 18/8/2025.

Trong phần trước, bài viết đã điểm qua những trải nghiệm thiếu thời và những biến cố quan hệ quốc tế góp phần đưa đến ý tưởng cải cách dân chủ của Tưởng Kinh Quốc. Trong phần này, người đọc sẽ thấy rõ hơn những

diễn biến chính trị trong nước và quốc tế đã khiến vị tổng thống thứ hai của nhà họ Tưởng cho rằng: dân chủ hóa là con đường tất yếu mà Đài Loan phải hướng theo.

QUỐC DÂN ĐẢNG GIỮA NHỮNG BÊ BỐI CHÍNH TRỊ ĐÌNH ĐÁM

Ý định dân chủ hóa của Tưởng Kinh Quốc đã được thúc đẩy mạnh mẽ sau hai vụ bê bối lớn cùng xảy ra trong những năm 1980 là vụ ám sát Henry Liu và vụ biến thủ tiên tại tổ chức tín dụng Tenth Credit Cooperative. [1] [2]

Vụ ám sát Henry Liu là một ví dụ điển hình cho việc một chính quyền độc tài có thể sử dụng các biện pháp phi chính thức như lợi dụng băng đảng tội phạm để trả thù hoặc quấy nhiễu những người bất đồng chính kiến. [3] Các chính quyền độc tài thường nhân danh “lòng yêu nước” để thực hiện biện pháp này, nhằm trừng phạt những hành vi trước kia của các nhà hoạt động, ngăn cản họ tiếp tục thúc đẩy các phong trào dân chủ hóa, và truyền đạt thông điệp đe dọa khủng bố chính trị tới những nhà hoạt động khác.

Sau sự kiện Cao Hùng, chính quyền KMT đã yêu cầu Trần Khải Lễ (陳啟禮) tái tổ chức băng đảng Trúc Liên Hội (Bamboo Union) và biến nó thành vũ khí phi chính thức của cơ quan an ninh quốc gia. [4] Trần từng là thủ lĩnh của băng đảng này và là người có mối quan hệ rộng rãi với nhiều quan chức chính quyền. Lý do đưa đến quyết định này của chính quyền KMT, như một người bạn của Trần Khải Lễ cho biết, “sự kiện Cao Hùng đã thuyết phục chính quyền rằng họ cần thi hành thiết quân luật mà không làm bắn tay mình.”

Trước hành động bật đèn xanh của chính quyền, theo các thành viên của Trúc Liên Hội, trong những năm tiếp theo băng đảng tội phạm này đã phát triển từ 1.000 lên đến 40.000 thành viên. [5] Nhân lực hùng hậu giúp tổ chức thiết lập nên một mạng lưới tình báo rộng lớn nhằm theo dõi các thủ lĩnh đối lập cùng các nhà bất đồng chính kiến tại Đài Loan, cũng như thu thập những thông tin nhạy cảm về Trung Quốc.

Không chỉ lợi dụng Trúc Liên Hội cho hoạt động theo dõi, giới chức KMT còn từng mượn tay tổ chức này để thanh trừng, loại bỏ các đối thủ chính trị, trong số đó có nhà báo Henry Liu. Vụ ám sát nhà bất đồng chính kiến này đã trở thành một bê bối chính trị đình đám, khiến KMT mất uy tín trầm trọng cả trong lẫn ngoài nước.

Vào ngày 15/10/1984, Henry Liu hay Lưu Nghi Lương (劉宜良), còn được biết đến với bút danh Giang Nam (江南), một nhà báo Hoa ngữ của tạp chí San Francisco đã bị ba thành viên của băng đảng tội phạm Trúc Liên Hội mai phục tại nhà riêng ở thành phố Daly, bang California, và bị hai tay súng bắn chết ngay trước ga-ra. [6] [7] Henry được biết đến qua những bài viết chỉ trích cả chính quyền KMT lẫn chính quyền cộng sản Trung Quốc. [8] Nhưng công trình khiến ông trở nên nổi tiếng hơn cả là cuốn tiểu sử gây tranh cãi về Tưởng Kinh Quốc.

Không lâu sau sự việc, cảnh sát thành phố Daly đã ra trát bắt đối với ba nghi phạm là thủ lĩnh Trúc Liên Hội Trần Khải Lễ, 43 tuổi, và hai thành viên khác gồm Ngô Đôn (Wu Tun), 38 tuổi và Đồng Quế Sâm (Tung Kuei-sen), 32 tuổi. [9] Sau đó Trần và Ngô bị chính quyền

KMT bắt ở Đài Loan trong khi Đồng bị bắt ở Brazil và được dẫn độ về Hoa Kỳ. [10] [11]

Tại một phòng giam ở Đài Loan, cảnh sát thành phố Daly đã thẩm vấn Trần. Báo cáo về lời khai của Trần cho biết phó đô đốc Uông Hi Linh (汪希苓), giám đốc của cơ quan tình báo của Bộ Quốc phòng Trung Hoa Dân Quốc, đã thuê Trần làm đặc vụ và ra lệnh chỉ thị cho vụ ám sát. [12] Thậm chí Tưởng Hiếu Vũ – người con trai lớn thứ hai của Tưởng Kinh Quốc – theo lời Trúc Liên Hội tuyên bố cũng có dính líu đến vụ này. [13]

Khi bản báo cáo lời khai của Trần được cảnh sát Hoa Kỳ công khai vào ngày 13/1/1985, mối quan hệ ngoại giao giữa Đài Loan và đồng minh thân cận của mình lập tức trở nên căng thẳng. [14] Chính quyền Reagan càng chắc chắn hơn về tính xác thực của bản báo cáo này, vì chỉ hai ngày sau khi đoạn băng ghi âm của Trần được công bố, Uông Hi Linh và hai quan chức tình báo cấp cao khác có tên trong đoạn băng của Trần Khải Lễ đã bị cho thôi chức. [15] Điều này đã gây sức ép buộc chính quyền KMT phải điều tra và xét xử vụ án.

Tòa án quân sự đã tuyên án chung thân đối với Phó Đô đốc Uông Hi Linh, trong khi hai phụ tá của ông là thiếu tướng Hồ Nhất Mẫn và Đại tá Trần Hồ Môn bị tuyên hai năm sáu tháng tù giam. [16] Tòa án cấp cao của Đài Loan đã y án chung thân đối với hai thành viên của Trúc Liên Hội là Trần Khải Lễ và Ngô Đôn. [17] Trong khi đó, Đồng Quế Sâm bị tòa án cấp cao Quận San Mateo, California, buộc tội hành vi giết người cấp độ một và phải chấp hành án tù 27 năm. [18]

Việc có những quan chức cấp cao tham gia vào vụ ám sát chính trị đã gây ra phản ứng mạnh đối với dư luận quốc tế và nội địa. [19] Đối với công chúng Đài Loan, vụ án Henry Liu làm giảm niềm tin của họ vào chính phủ và tiết lộ mối quan hệ mật thiết đáng lo ngại giữa một số thành phần trong cơ quan tình báo với tổ chức tội phạm. Trong khi đó, các nghị sĩ Hoa Kỳ bày tỏ giận dữ khi một công dân Mỹ bị giết ngay trong lãnh thổ nước họ, do đó đã cùng thông qua một nghị quyết thúc giục chính quyền KMT dẫn độ những kẻ chủ mưu của vụ ám sát sang Hoa Kỳ.

Vụ án khép lại khi Đài Loan đơn phương kết án vụ việc và từ chối đề xuất dẫn độ từ phía Mỹ với lý do Đài Loan và Hoa Kỳ không có hiệp ước dẫn độ. Những câu hỏi như sự liên quan của chính quyền KMT trong vụ này lớn tới mức nào hay liệu Tưởng Hiếu Vũ có thực sự biết và đồng ý Trần Khải Lễ thực hiện vụ giết người hay không, vẫn còn bỏ ngỏ. [20] [21]

Nhận định về vụ án, Tưởng Kinh Quốc từng nói với các thành viên của KMT rằng: “Chúng ta đã ở lỡ phải từ khi Trung Hoa Dân Quốc và Hoa Kỳ cắt đứt quan hệ ngoại giao, nhưng trong vụ án của Liu, thật không may là chúng ta đã không ở lỡ phải và điều này khiến việc giải quyết vụ án trở nên khó khăn và đau đớn hơn. Tuy nhiên, chúng ta sẽ nhận lãnh trách nhiệm giải quyết vụ án để bảo toàn lợi ích quốc gia.” [22]

Tai ương nổi liền tai ương đối với chế độ độc đảng KMT. Chỉ một năm sau vụ Henry Liu, dư luận lại tiếp tục rúng động vì vụ biển thủ tiền gửi tại Tenth Credit Cooperative (TCC) – một định chế cho

vay và tiết kiệm lớn tại Đài Loan với hơn 70.000 tài khoản tiền tiết kiệm. [23] [24] Vụ bê bối đã dẫn đến sự sụp đổ của chính định chế này cùng một tổ chức quỹ tín thác tên là Cathay Investment & Trust Co.

Chủ tịch hội đồng quản trị của TCC Thái Thần Châu (蔡辰洲), đồng thời cũng là một nhà lập pháp, đã biển thủ hơn 7,8 tỷ Đài tệ (khoảng 190 triệu Mỹ kim) từ TCC dưới dạng các khoản nợ mở rộng và dùng tiền này để tài trợ cho dự án kinh doanh đang bấp bênh của Cathay. [25] [26] Hoạt động này đã mở rộng khoảng 385 triệu đô-la tín dụng của TCC, trong đó có 41,7% là nợ xấu.

Một báo cáo kiểm toán vào đầu tháng 2/1985 đã cho thấy các khoản nợ này đã vượt mức 100% số tiền gửi của TCC, trong khi luật của Đài Loan lúc đó quy định không ngân hàng hay định chế tài chính nào có thể mở rộng khoản vay quá 78% số tiền gửi. [27] Điều này khiến Ngân hàng Đài Loan phải tiếp quản TCC, trong khi những người có tài khoản tiết kiệm tại TCC và Cathay đổ xô đi rút số tiền với tổng số tiền rút đến hơn 10 tỷ Đài tệ.

Hoạt động rút tiền hàng loạt này đã kích hoạt một cuộc khủng hoảng niềm tin nghiêm trọng của công chúng đối với các định chế tài chính, và dẫn tới việc từ chức hàng loạt của các quan chức như Bộ trưởng Bộ Kinh tế Từ Lập Đức, Bộ trưởng Bộ Tài chính Lục Nhuận Khang, Tổng Thư ký Quốc Dân Đảng Tưởng Diệu Sĩ, và Chủ tịch Thành ủy Đài Bắc Quản Trung. [28] Vụ bê bối này cũng khiến Thủ tướng Du Quốc Hoa chịu nhiều chỉ trích vì thiếu trách nhiệm quản lý và do trước kia ông này từng

đảm nhận chức thống đốc Ngân hàng trung ương trong 15 năm. [29]

Nhiều người dân Đài Loan cảm thấy các thành viên của đảng cầm quyền KMT biết về vụ bê bối nhưng đã làm ngơ. Quả thật, Thái Thần Châu và người anh cùng cha khác mẹ của ông là Thái Thần Nam – người giữ chức chủ tịch của quỹ tín thác Cathay – đã tham gia vào các hoạt động đáng ngờ kể từ năm 1974. [30] Thế nhưng các cơ quan quản lý của chính quyền chỉ vào cuộc khi phát sinh làn sóng rút tiền hàng loạt, đe dọa phải đóng cửa TCC. Vào thời điểm đó, hàng trăm chủ nợ đã mất số tiền ước tính khoảng 320 triệu Mỹ kim.

QUYẾT ĐỊNH “BẮT TAY” VỚI CÁC PHE ĐỐI LẬP

Vụ bê bối tài chính này diễn ra vào thời điểm cực kỳ không thuận lợi đối với nền kinh tế Đài Loan. Sau khi đạt tỷ lệ tăng trưởng mạnh mẽ 10.9% vào năm 1984, hoạt động kinh tế trong nửa đầu năm 1985 chỉ tăng trưởng dưới 6%. Năng suất lao động tuy đã tăng gần 9% mỗi năm trong thập kỷ trước đó, nhưng vẫn chưa đủ để theo kịp mức tăng lương trung bình 16%. Điều này có ý nghĩa cảnh báo nguy cơ lạm phát cao, có khả năng bào mòn tỷ lệ tăng trưởng thật của nền kinh tế. Giữa bối cảnh đó, việc xảy ra vụ bê bối tại TCC không chỉ khiến niềm tin của thị trường bị suy giảm, mà còn khiến cách doanh nghiệp sẽ e dè mở rộng sản xuất, vì sự không chắc chắn của chính sách tiền tệ.

Hai quan chức ngân hàng cấp cao của chính phủ đã bị bắt giữ với cáo buộc lạm dụng chức quyền và sai phạm tài chính

ng nghiêm trọng. [31] Cụ thể, hành vi của họ đã làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng khi cho TCC vay 75 triệu đô-la chỉ vài ngày trước khi chức năng ngân hàng của TCC bị đình chỉ vào ngày 11/2/1985. Ngoài ra, 87 người có liên quan khác cũng bị khởi tố trong vụ bê bối vì có tham gia vào các hoạt động làm giả giấy tờ, tham ô và làm suy yếu niềm tin của ngành tài chính. [32]

Vụ án Henry Liu cho thấy mức độ nguy hiểm của một lực lượng tình báo được hưởng phạm vi quyền lực rộng rãi, và không phải chịu sự giám sát chặt chẽ với lý do để thực thi các hoạt động “an ninh quốc gia.” [33] Trong khi đó, vụ án Tenth Credit Cooperative cho thấy cơ chế nhân sự của chính quyền đang chứa đựng xung đột lợi ích gay gắt, khi một quan chức chính quyền đồng thời nắm quyền điều hành hoạt động kinh doanh tư nhân. Hai vụ bê bối đã giúp Tưởng Kinh Quốc nhìn thấy sự tha hóa nghiêm trọng của bộ máy đảng KMT – một đảng cầm quyền không có khả năng phản tỉnh do thiếu các tiếng nói đối lập.

Khi KMT tổ chức Đại hội Đảng lần thứ 12 của Ủy ban Trung ương khóa 3 vào cuối tháng Ba năm 1968, Tưởng Kinh Quốc đề xuất phương châm “gìn giữ quá khứ trong khi tiến về phía trước, bắt tay làm việc vì một tương lai tươi sáng cho đất nước.” [34] Ông cũng yêu cầu cải cách công tác đảng phải thúc đẩy cải cách chính trị toàn diện, và thúc đẩy cải cách toàn diện thông qua cải cách hành chính. [35] Kết thúc cuộc họp, Ủy ban Trung ương khóa 3 của KMT đã thông qua nghị quyết khoan dung đối với các đảng đối lập và chuẩn bị phương án cải cách theo chỉ đạo của Kinh Quốc.

Khi xem xét lại chương trình cải tổ sáu điểm của mình, lần đầu tiên Tưởng Kinh Quốc đã tự nguyện “trao càn ô liu” [36], mở cánh cửa đối thoại với các thành viên của phe đối lập trong phong trào Đảng Ngoại và tổ chức hội nghị đàm phán ba bên [37] đầu tiên của Đài Loan. [38]

Học giả Dương Quốc Thụ, thành viên Viện nghiên cứu Trung Hoa, và là người đóng vai trò trung gian trong hội nghị thượng đỉnh ba bên, cho rằng cuộc gặp này đã giúp tránh được sự đối đầu sâu rộng giữa hai phía và khả năng đổ máu nghiêm trọng. [39] Đồng thời, nó cũng mở đường để Đài Loan bước vào thời kỳ chính trị lưỡng đảng.

NHÌN VỀ DÂN CHỦ NHƯ MỘT MỆNH LỆNH THỜI ĐẠI

Quyết định dỡ bỏ nhà nước độc đảng của Tưởng Kinh Quốc không chỉ ra đời từ sự thôi thúc của tình hình quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, mà một phần còn đến từ những quan sát về bối cảnh chính trị Trung Quốc đương thời, cũng như xu hướng thời đại của làn sóng dân chủ hóa vào những năm cuối 1980.

Những luồng tư tưởng tự do trong Đảng Cộng sản Trung Quốc trước năm 1989, – thể hiện qua các chính sách Mở cửa và Cải tổ của Đặng Tiểu Bình, và vô số các cuộc biểu tình bùng lên ở Trung Quốc vào năm 1986 – cùng những cuộc biểu tình mà sinh viên Trung Quốc yêu sách quyền bầu cử tự do như ở Đài Loan càng củng cố thêm tư tưởng dân chủ hóa của Tưởng Kinh Quốc. [40]

Xuyên suốt trong nhiều năm, Tưởng Kinh Quốc liên tục khẳng định sự khác biệt lớn nhất giữa Đài Loan và Trung Quốc nằm ở chỗ, Trung Hoa Dân Quốc là một nền cộng hòa lập hiến và tự do. [41] [42] Vì thế, trước sự đe dọa của một Trung Quốc ngày càng “thân thiện” với phương Tây nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư và cô lập ngoại giao Đài Loan, Tưởng Kinh Quốc hiểu rằng cuộc chiến cuối cùng giữa hai chế độ không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn ở dân chủ.

Ông tin rằng việc mang dân chủ đến Đài Loan sẽ thúc đẩy sự lan rộng của mô hình này tại đại lục, và cuối cùng dẫn đến một tương lai tái thống nhất giữa hai bờ eo biển Đài Loan dưới một chế độ dân chủ, trong tinh thần tôn trọng các giá trị tự do, dân chủ và phân phối của cải công bằng.

Dân chủ cũng đã thắng thế ở hai người hàng xóm của Đài Loan là Hàn Quốc và Philippines – những nước đã lật đổ chế độ độc tài quân phiệt trong các cuộc biểu tình ôn hòa. Thậm chí nơi mà Kinh Quốc từng theo học – Liên Xô – để quốc từng được xem là anh cả của khối xã hội chủ nghĩa cũng không thể kháng cự trước làn sóng dân chủ và buộc phải cải tổ dưới thời Mikhail Gorbachev.

CHẠY ĐUA VỚI THỜI GIAN – NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI CỦA TƯỚNG KINH QUỐC

Khi sức khỏe ngày càng suy yếu vào năm 1986, chương trình cải tổ của Tưởng Kinh Quốc cũng càng tăng tốc. Ông đã bổ nhiệm một ủy ban 12 người để nghiên cứu khả năng dỡ bỏ thiết

quân luật, loại bỏ lệnh cấm đối với các đảng đối lập, cải tổ nghị viện và tăng số lượng đại diện người Đài Loan bản địa trong chính quyền.

Khi những người trong phong trào Đảng Ngoại thành lập Dân Tiến Đảng (Democratic Progressive Party – DPP), Kinh Quốc đã chọn cách không thi hành luật cấm đảng mà cho phép DPP vận động tranh cử cho các cuộc bầu cử sắp tới. Đối với Kinh Quốc, nếu KMT muốn duy trì tầm quan trọng của mình, nó phải trở thành một đảng đại chúng và dân chủ, có khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong các cuộc bầu cử.

Trước khi qua đời, Tưởng Kinh Quốc đã chọn Lý Đăng Huy – một người Đài Loan bản địa và cũng là người giám sát chương trình cải tổ sáu điểm – làm phó tổng thống. [43] [44] Theo hồi ức của Tưởng Hiếu Dũng, người con trai út của Kinh Quốc, việc chọn Lý Đăng Huy làm phó tổng thống là bởi, không giống như Lâm Dương Khang hay Khâu Truyền Hoàn, Lý không có mối liên hệ chặt chẽ với một phe phái địa phương; và hơn nữa, ông ấy còn có bằng tiến sĩ tại Hoa Kỳ. Các nhân vật kỳ cựu của Quốc Dân Đảng như Hoàng Thiệu Cốc và Tôn Vận Tuyền sau nhiều cân nhắc, cũng đồng thuận rằng Lý Đăng Huy là lựa chọn tốt nhất cho vị trí kế nhiệm Tưởng.

Quyết định cuối cùng của Tưởng Kinh Quốc – cũng là quyết định quan trọng nhất – là dỡ bỏ thiết quân luật trong bối cảnh làn sóng dân chủ hóa thứ ba đã cập bến Đài Loan. Vào khoảng 6 giờ tối ngày 14/7/1987, hơn 200 ký giả Đài Loan và nước ngoài đã chen chúc trong phòng họp tại Văn phòng Thông tin Chính phủ.

Phát ngôn viên Triệu Ngọc Minh đã ra tuyên bố sau đó: “Theo lệnh của tổng thống, thiết quân luật sẽ được dỡ bỏ trên toàn bộ khu vực Đài Loan, có hiệu lực vào nửa đêm giờ địa phương vào ngày 15/7/1987.” [45]

Lập pháp viện sau đó đã thông qua Đạo luật An ninh Quốc gia và Đạo luật về Hội họp và Biểu tình để thay thế thiết quân luật. [46] Kể từ đây, người dân Đài Loan có thể tự do lựa chọn những người đại diện hay tham gia cạnh tranh vào các vị trí quyền lực quan trọng dưới sự bảo hộ của một hệ thống thiết chế mới mà không cần phải trải qua đấu tranh bạo lực hay đổ máu.

Phát biểu tại lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh năm 1987, Tổng Kinh Quốc tuyên bố: “Năm 1987 đánh dấu sự bắt đầu của một kỷ nguyên mới trong quá trình phát triển của đất nước chúng ta. Đây là một năm có ý nghĩa trọng đại.”

Sau này khi nhớ lại quyết định dỡ bỏ thiết quân luật của Tổng Kinh Quốc, Lý Đăng Huy tin rằng nếu Kinh Quốc không cho phép điều đó xảy ra, không ai trong Quốc Dân Đảng dám làm vậy. [47] Nhờ động thái đó, Lý Đăng Huy đã có thể kìm chế phe bảo thủ kỷ cực trong nội bộ KMT và quá trình dân chủ hóa của Đài Loan đã trở nên suôn sẻ, như đã được chứng kiến.

Ngày 13/1/1988, Tổng Kinh Quốc qua đời. Sự ra đi của ông tượng trưng cho một sự khởi đầu mới – một thời kỳ mà cánh cổng của nền cai trị chuyên chế bị nứt vỡ và để lọt những tia sáng tự do soi rọi vào xã hội Đài Loan. Và người kế nhiệm ông – Lý Đăng Huy – sau đó đã

chiến thắng phe bảo thủ trong KMT, giữ cả chức đảng trưởng và tổng thống, giúp quá trình dỡ bỏ cánh cổng độc tài diễn ra một cách ôn hòa trong tinh thần hòa giải và bao dung.

“Về phương diện chính trị, hướng tới tự do, dân chủ, và pháp trị, và về phương diện kinh tế, hướng tới bình đẳng của cải, thịnh vượng và sung túc; cùng chung một trái tim và một khối óc để xây dựng một xã hội hiện đại, hạnh phúc và bình đẳng.” Đó là những lời mà Tổng Kinh Quốc đã nói trong bài phát biểu Ngày Quốc Khánh cuối cùng của mình nhằm mô tả một Đài Loan lý tưởng mà ông mong muốn xây dựng. [48]

Mặc dù có quá khứ không mấy “tốt đẹp” – con của một tướng lĩnh độc tài, một nhà cách mạng được Liên Xô đào tạo, một lãnh đạo cảnh sát mật trong thời kỳ “Khủng bố trắng” – Tổng Kinh Quốc đã đặt nền tảng cho một bước chuyển tiếp của chính trị Đài Loan sang chế độ dân chủ, theo phương thức từ trên xuống dưới (top-down manner).

Điều đó khiến ông nổi bật và khác biệt so với những nhà độc tài còn lại – những người có nền tảng giáo dục binh nghiệp hay cách mạng giống Tưởng nhưng có xu hướng duy trì chế độ độc tài thay vì cam kết mở đường cho một lộ trình dân chủ hóa ôn hòa.

Tổng Kinh Quốc có lẽ không tự nhìn mình như một ngoại lệ hiếm hoi. Quyết định cải cách dân chủ của ông, một phần xuất phát từ trải nghiệm thời niên thiếu và nhân cách thực dụng của mình, một

phần, dựa vào hiện thực chính trị mà ông quan sát thấy: dân chủ như một xu hướng tất yếu của nhân loại. Cho đến ngày nay, di sản từ những quyết định bước ngoặt của ông vẫn còn lại với Đài Loan: một nền dân chủ năng động, tự chủ, giàu có và tự do. □

CHÚ THÍCH

- Morain, M. a. a. D. (2019, July 16). Taiwan gangster admits slaying of S.F. journalist – Los Angeles Times. Los Angeles Times. Retrieved from <https://www.latimes.com>
- Tift, S. (1985, September 16). Taiwan island of quiet anxiety. TIME. Retrieved from <https://time.com>
- Taiwan Communiqué no. 19. (n.d.). Retrieved from <https://www.taiwandc.org/twcom/19-toc.htm>
- Arax, M. (2019, March 11). RooTed in Taiwan Connection: The plot to kill Henry Liu–Slayers confess details – Los Angeles Times. Los Angeles Times. Retrieved from <https://www.latimes.com>
- Xem chú thích 4.
- Xem chú thích 4.
- Matthews, J. (1984, October 18). Taiwan Role Probed in Killing. Washington Post. Retrieved from <https://www.washingtonpost.com>
- Morain, M. a. a. D. (2019b, July 16). Taiwan gangster admits slaying of S.F. journalist – Los Angeles Times. Los Angeles Times. Retrieved from <https://www.latimes.com>
- Xem chú thích 8.
- Arax, M. (2019b, March 11). RooTed in Taiwan Connection: The plot to kill Henry Liu–Slayers confess details – Los Angeles Times. Los Angeles Times. Retrieved from <https://www.latimes.com>
- A Taiwan gangster was sentenced to 27 years to... – UPI Archives. (1988, May 11). UPI. Retrieved from <https://www.upi.com>
- Xem chú thích 10.
- Xem chú thích 3.

14. Xem chú thích 10.

15. Xem chú thích 10.

16. Lohr, Steve. (1985, April 19). Taiwan convicts officer in U.S. murder. The New York Times. Retrieved from <https://www.nytimes.com>

17. United Press International. (2019, March 11). Life sentences upheld for 2 in Liu murder – Los Angeles Times. Los Angeles Times. Retrieved from <https://www.latimes.com>

18. A Taiwan gangster was sentenced to 27 years to... – UPI Archives. (1988b, May 11). UPI. Retrieved from <https://www.upi.com>

19. Xem chú thích 16.

20. Xem chú thích 16.

21. Xem chú thích 3.

22. Hui-ching, Chou. (2018, December 21). Lifting Martial Law and Opening-up Taiwan. Tianxia. Retrieved from <https://english.cw.com.tw/>

23. Tift, S. (1985b, September 16). Taiwan island of quiet anxiety. TIME. Retrieved from <https://time.com>

24. Xem chú thích 22.

25. Xem chú thích 22.

26. Xem chú thích 23.

27. Two government officials arrested in Taiwan bank scandal – UPI Archives. (1985, May 21). UPI. Retrieved from <https://www.upi.com>

28. Xem chú thích 22.

29. Xem chú thích 23.

30. Xem chú thích 23.

31. Two government officials arrested in Taiwan bank scandal – UPI Archives. (1985b, May 21). UPI. Retrieved from <https://www.upi.com>

32. Taiwan indicted 87 in a multimillion-dollar scandal. – Los Angeles Times. (2019, March 11). Los Angeles Times. Retrieved from <https://www.latimes.com>

33. Lee, D. (1985, April 9). Taiwan Murder Trial Seen as Balancing Act. The Washington Post. Retrieved from <https://www.washingtonpost.com/>

34. Lee, S. (2009, August 6). Chiang Ching-kuo's Crucial 200 Days. Tianxia. Retrieved from <https://english.cw.com.tw/>

35. Working To Establish. (2025) Chiang Ching-kuo's Crucial 200 Days | Politics & Society | 2009-08-06 | Commonwealth Magazine. Retrieved August 18, 2025, from <https://english.cw.com.tw/article/article.action?id=1151>

36. Thành ngữ tiếng Anh, nguyên văn “to extend an olive branch” có nghĩa là “trao thiện chí trong tinh thần hòa bình và hợp tác”.

37. Các bên bao gồm: các học giả tự do, các thành viên KMT, và các đại diện của phong trào Đảng Ngoại.

38. Working To Establish. (2025) Chiang Ching-kuo's Crucial 200 Days | Politics & Society | 2009-08-06 | Commonwealth Magazine. Retrieved August 18, 2025, from <https://english.cw.com.tw/article/article.action?id=1151>

39. Xem [35]

40. Tcc Account Holders. (2025) Lifting Martial Law and Opening-up Taiwan | Culture | 2018-12-21 | web only. Retrieved August 18, 2025, from <https://english.cw.com.tw/article/article.action?id=2230>

41. Xem [35]

42. Many For His. (2025) China Change » Chiang Chang-kuo and the Democratization of Taiwan. Retrieved August 18, 2025, from <https://chinachange.org/2013/06/03/chiang-chang-kuo-and-the-democratization-of-taiwan-2/>

43. His Teachings. (2025) From Constitutional Reform to Democracy | Culture | 2018-12-17 | web only. Retrieved August 18, 2025, from https://english.cw.com.tw/article/article.action?id=2223%3Futm_source%3Dmedium_english

44. Xem [35]

45. Xem [40]

46. Xem [35]

47. Xem [35]

48. Xem [40]

Sạp báo LUẬT KHOA

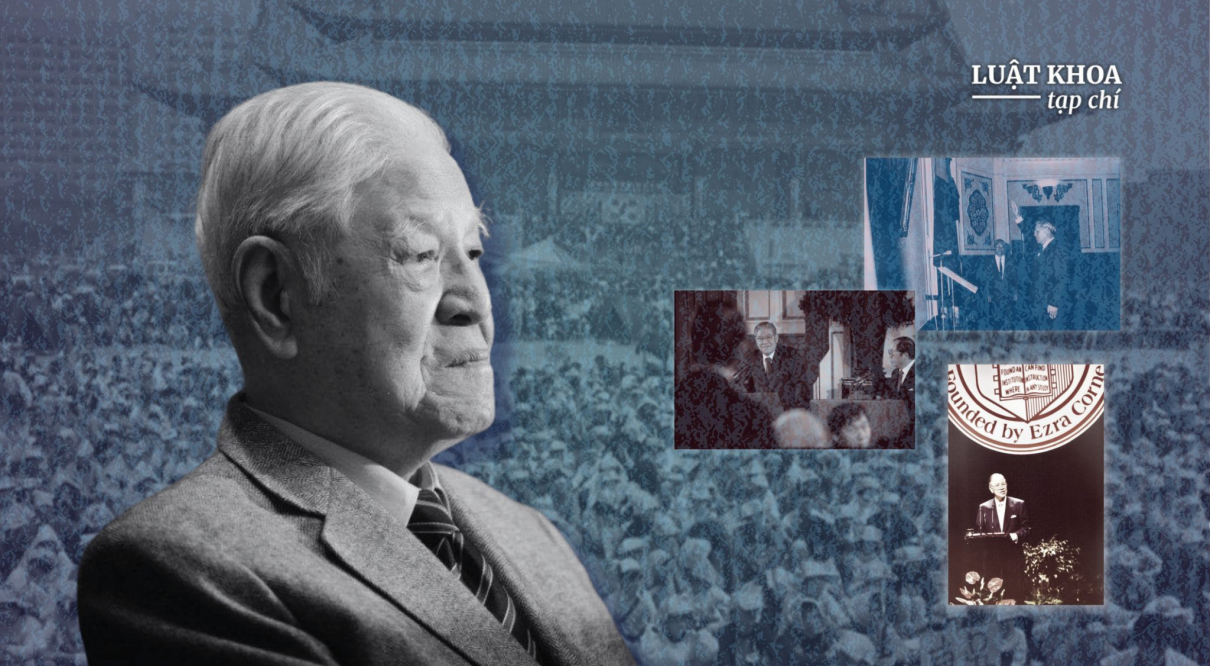
Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org



Các hình ảnh Lý Đăng Huy nhậm chức tổng thống Đài Loan năm 1988 và trong buổi phát biểu Đại học Cornell ở New York năm 1995. Nguồn ảnh: AP/National Depository of Cultural Heritage. Đồ họa: Thanh Tường / Luật Khoa.

DÂN CHỦ HÓA TẠI ĐÀI LOAN – KỲ 7: LÝ ĐĂNG HUY – NGƯỜI BÁO HIỆU SỰ RA ĐỜI CỦA MỘT NỀN DÂN CHỦ

Dương Ngọc Thanh Thiên

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 20/8/2025.

“Tôi tin rằng nguyên tắc dân chủ và chuẩn mực nhân quyền không bao giờ nên thay đổi ở bất kỳ nơi nào trên thế giới, bất kể chủng tộc hay khu vực.”

Lý Đăng Huy

Người dân Đài Loan vẫn thường trù mến gọi vị tổng thống đầu tiên thời hậu thiết quân luật là “Mr. Dân chủ” (“Mr. Democracy”), để ghi nhận vai trò đặc biệt của ông trong quá trình đưa hòn đảo thoát khỏi chế độ

độc đảng hà khắc, để tiến tới một nền dân chủ đa nguyên tự do. Và người được đặt cho biệt danh độc nhất đó không ai khác chính là Lý Đăng Huy.

Sinh ra trong thời Nhật thuộc, trưởng thành qua nhiều biến cố chính trị quốc tế, Lý Đăng Huy đã bước lên đỉnh cao quyền lực vào thời điểm nhạy cảm nhất trong lịch sử chính trị Đài Loan. Ông đã kế nhiệm Tưởng Kinh Quốc vào năm 1988 giữa bao thách thức sống còn của

một chính quyền hậu độc tài: vừa phải trấn an tầng lớp bảo thủ trong Quốc Dân Đảng (Kuomintang – KMT), vừa từng bước mở cửa hệ thống chính trị, từ bãi bỏ các điều khoản tạm thời đến tổ chức bầu cử tổng thống trực tiếp.

Trong hơn một thập kỷ lãnh đạo, “Mr. Dân chủ” không chỉ định hình tiến trình dân chủ hóa mà còn góp phần khẳng định bản sắc riêng của Đài Loan trên trường quốc tế. Với những thành tựu ấy, không khó hiểu khi giai đoạn cầm quyền của ông được xem là giai đoạn đặt nền móng quan trọng nhất cho nền dân chủ lần sự thịnh vượng của xứ Đài.

VỊ TỔNG THỐNG DÂN CỬ ĐẦU TIÊN

“Khi một vị tổng thống cẩn thận lắng nghe người dân của mình, điều khó chịu nhất là những ý nguyện chưa được đáp ứng mà người đó nghe thấy.” Lý Đăng Huy đã phát biểu như thế trong bài diễn văn “Always in my heart” ở Đại học Cornell năm 1995. [1] Câu nói ấy không chỉ là lời tuyên xưng cho một quan điểm cầm quyền, còn là lời tóm tắt ngắn gọn nhưng đầy đủ cho sự nghiệp chính trị của ông.

Lý Đăng Huy nắm quyền tổng thống từ năm 1988 đến năm 2000, thời kỳ này được đánh dấu bằng những cải cách dân chủ đáng kể của Đài Loan từ một nhà nước chuyên chế sang một nền dân chủ năng động.

Dưới sự lãnh đạo của ông, Đài Loan đã tổ chức cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên vào năm 1996 – đó cũng là năm mà Lý

được bầu chọn thông qua hình thức phổ thông đầu phiếu.

Trong năm đó, bất chấp những “bài kiểm tra đe dọa” mà Trung Quốc đã liên tục thực hiện vào những tuần trước ngày bầu cử, Lý Đăng Huy vẫn duy trì một thái độ điềm tĩnh và đã thành công trấn an cử tri. [2] Điều này khiến mức độ ủng hộ của công chúng đối với Lý Đăng Huy đã tăng 5% và 800.000 cử tri đã chuyển sự ủng hộ của họ từ ứng viên Dân Tiến Đảng (Democratic Progressive Party – DPP) Bành Minh Dân sang Lý Đăng Huy, giúp ông đắc cử và trở thành vị tổng thống đầu tiên được bầu cử trực tiếp sau khi tu chính án thứ ba được thông qua.

Trong buổi lễ nhậm chức, Lý Đăng Huy đã phát biểu: “Hôm nay là một khoảnh khắc quý giá trong lịch sử của chúng ta. Vào ngày này, ngày 23 tháng Ba năm 1996, cánh cổng của nền dân chủ đã được mở rộng ở khu vực Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ dưới sự chứng kiến tuyệt vời nhất của 21 triệu đồng bào.” [3]

Những đóng góp đặc biệt của Lý Đăng Huy cho quá trình dân chủ hóa đất nước và cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp năm 1996 đã mang lại cho ông biệt danh “Mr. Dân chủ” từ tạp chí Newsweek của Mỹ.

Đảng trưởng DPP Từ Hân Lượng cũng có nhận xét như sau: “Sau cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp, chúng ta ở Đài Loan không còn phải đối mặt với ‘một chế độ ngoại quốc không có tính chính danh’ nữa mà là một tổng thống hợp pháp và một đảng cầm quyền được nhân dân ủng hộ. Theo đó, chúng ta phải thay đổi thái độ chính trị. Chúng ta phải cạnh tranh với đảng cầm quyền để giành được sự

thấu hiểu và ủng hộ của người dân Đài Loan... Mỗi quan hệ tương lai giữa các chính đảng nội địa nên ‘là mối quan hệ vừa cạnh tranh vừa hợp tác’ như bình thường trong một nền dân chủ.” [4]

Được khích lệ bởi sự tán thành của cử tri đối với cách tiếp cận của mình, Lý Đăng Huy tiếp tục tiến lên sau cuộc bầu cử. Trong Hội nghị Phát triển Quốc gia vào cuối năm 1996, Lý Đăng Huy đã hợp tác với Từ Hân Lượng để đưa ra một điều khoản trong tu chính án thứ tư, nhằm đình chỉ các cuộc bầu cử thống đốc tỉnh Đài Loan từ năm 1997, đánh dấu sự kết thúc của một cơ quan công kênh từng là di sản thời nội chiến. [5]

Thất bại của Lý Đăng Huy trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2000 trước đối thủ DPP Trần Thủy Biển nhanh chóng bị phe bảo thủ trong KMT lấy làm cớ để chỉ trích và hạ uy tín ông, quy kết ông cố tình “phá hoại”. Nhóm này vốn là những người đã có sẵn bất mãn với Lý vì những cải cách dân chủ tiến bộ của ông đã ít nhiều động chạm đến lợi ích của họ. Điều này dẫn đến việc ông bị KMT khai trừ khỏi đảng vì đã khiến đảng này mất quyền điều hành chính phủ lần đầu tiên trong lịch sử Đài Loan.

“Bất cứ điều gì tôi đã làm với tư cách là tổng thống đất nước tôi, tôi đều đã làm với người dân trong trái tim mình. Tôi đã suy nghĩ rất lâu và sâu về những gì mà người dân của tôi mong muốn, và rõ ràng là trên hết, họ khao khát dân chủ và phát triển. Những ý nguyện này không khác gì những nguyện vọng của bất kỳ người dân nào khác trên hành tinh này, và cũng chính là xu thế tất yếu mà thế giới vẫn tiếp tục hướng tới.”

Đó là những lời nói cho thấy Lý Đăng Huy đã hiểu rõ những nguyện vọng thật sự của người dân Đài Loan và xứng đáng là người đại diện của họ, đúng như chính những điều ông đã tuyên bố trong bài phát biểu tại Cornell nhiều năm trước đó. [6]

XUẤT THÂN VÀ NHỮNG TRẢI NGHIỆM XUYỀN VĂN HÓA

Lý Đăng Huy sinh ngày 15/1/1923 trong một gia đình người Khách Gia [7] tại làng Tam Chi, tỉnh Taihoku – bây giờ là Quận Tam Chi của thành phố Tân Đài Bắc – một huyện nông thôn ở Đài Loan lúc bấy giờ do Nhật Bản cai trị. [8] Trong những năm đầu đời, ông được giáo dục theo hệ thống thuộc địa của Nhật Bản. Lý học rất giỏi, có thể nói được tiếng Nhật, Đài Loan, Quan Thoại và Anh ngữ. Ông từng giành được học bổng của Đại học Hoàng gia Kyoto ở Nhật Bản sau khi tốt nghiệp cấp ba, nhưng việc học của ông bị gián đoạn vì Thế Chiến thứ Hai.

Xuất thân tại Đài Loan, Lý Đăng Huy như nhiều người Đài khác, không có mối thù Hán – Nhật rõ nét. Không chỉ có giỏi tiếng Nhật, có tên Nhật, từng du học tại Nhật, mà ông còn từng tham chiến cho Nhật trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai. [9] Chính điều này có thể là hạt giống cho tinh thần hòa giải văn hóa của ông khi nắm quyền sau này, giữa người Đài Loan bản địa và người đại lục.

Thời hậu Đế nhị Thế Chiến, khi Đài Loan được trao trả về chính quyền Trung Hoa Dân Quốc, Lý tiếp tục việc học của mình tại Đại học Quốc lập Đài Loan vào năm 1948 và lấy được bằng cử nhân khoa học

nông nghiệp. [10] Sau đó ông theo đuổi chương trình hậu đại học tại Hoa Kỳ, lấy bằng thạc sĩ kinh tế nông nghiệp tại Đại học bang Iowa vào năm 1953 và bằng tiến sĩ cùng chuyên ngành tại Đại học Cornell vào năm 1968.

Hoàn tất việc học, Lý vừa làm việc cho Ủy ban Hợp tác Tái thiết Nông thôn (Joint Commission on Rural Reconstruction) do Hoa Kỳ tài trợ, vừa đảm nhận vị trí giáo sư kinh tế học tại Đại học Quốc lập Đài Loan và Đại học Quốc lập Chính trị. [11] Trong thời gian này, ông đã đóng góp rất nhiều cho sự phát triển nông nghiệp của Đài Loan, thúc đẩy các hiệp hội nông dân, hệ thống thủy lợi, và quá trình cơ giới hóa nông nghiệp. Ông là người chủ trương ủng hộ Đạo luật Phát triển Nông nghiệp – một đạo luật nhằm cân bằng sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

MỘT NHÂN CÁCH ĐA CĂN TÍNH

Một điều ít ai biết về Lý Đăng Huy là ông đã từng bị cuốn hút bởi chủ nghĩa phóng khoáng và chủ nghĩa Marx thời còn trẻ. [12] Vào năm 2002, ông đã thừa nhận đã từng là đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong một thời gian ngắn, đúng thời điểm Sự kiện 2-28 bùng nổ vào năm 1947. [13] [14]

Trong thời gian diễn ra Sự kiện 2-28, ông đã tham gia các cuộc họp của Ủy ban Hòa giải tại Đài Bắc. Hội nghị đặc biệt này được thành lập bởi các chuyên gia và trí thức hàng đầu Đài Loan để đàm phán một giải pháp hòa bình cho tình trạng hỗn loạn đang nhấn chìm đất nước.

Lý Đăng Huy đã kiểm chế phát biểu vì ông nghi ngờ việc Quốc Dân Đảng dung túng cho các cuộc tụ họp là một âm mưu, nhằm tìm ra những người bất đồng chính kiến. Điều này đã được chứng minh là đúng khi hầu hết những người lên tiếng đều bị bắt giữ, và trong nhiều trường hợp, còn bị xử lý tệ hơn.

Sau những năm du học tại Mỹ, Lý trở về Đài Loan từ Cornell vào năm 1969. Về nước, ông đã bị Bộ Tư lệnh đồn trú Đài Loan thẩm vấn, sau đó bị bắt giữ. [15] Tuy nhiên, ông được trả tự do chỉ sau vài đợt điều tra. Hai năm sau, Lý trở thành một đảng viên của Quốc Dân Đảng và nhanh chóng giành được sự tin tưởng của Tổng thống Tưởng Kinh Quốc. [16]

Từng là một lãnh đạo cảnh sát mật khét tiếng với sự cứng rắn, Tưởng Kinh Quốc chắc chắn biết về quá khứ của Lý Đăng Huy, nhưng theo lời của sử gia Shih-shan Henry Tsai, Tưởng “cảm thấy ở Lý một nhân cách điềm tĩnh và đáng tin cậy, không bị ràng buộc bởi sắc tộc, nghề nghiệp hay cấp bậc.” [17]

Một người bạn thời đại học của Lý Đăng Huy từng nhận xét sự mâu thuẫn trong căn tính của Lý như sau: “Là một người Đài Loan, ông ấy muốn bảo vệ và mở rộng các quyền chính trị của người Đài Loan đồng thời thúc đẩy dân chủ hóa. Là một đảng trưởng của KMT, ông ấy đã phải hy sinh một số quyền căn bản của con người vì mục đích thống nhất [Trung Hoa]. [18] Ông ấy luôn phải vật lộn với tình thế khó xử này.”

Vì thế đặc trưng tính cách của Lý Đăng Huy được biểu hiện qua nhiều căn tính: một cựu công dân Nhật Bản, một người

cựu Cộng sản, một người gốc Trung Hoa, một người Công giáo, và một nhà hoạt động vì nền độc lập của Đài Loan. Chính sự bất nhất trong căn tính của ông đã mô tả đầy đủ nhất tinh thần của quốc đảo Đài Loan, xứ sở của sự dung hòa, đan xen, đa nguyên căn tính và văn hóa. Vì lẽ đó, Trần Thủy Biển đã gọi Lý là “một người con đích thực của Đài Loan.”

CON ĐƯỜNG CHÍNH TRỊ GIỮA NHỮNG BIẾN ĐỘNG THỜI ĐẠI

Sự nghiệp chính trị của Lý Đăng Huy bắt đầu từ năm 1971 khi ông gia nhập đảng cầm quyền khi ấy là Quốc Dân Đảng. Ông nhanh chóng thăng tiến trong chính quyền KMT.

Chỉ một năm sau khi gia nhập KMT, chức vụ đầu tiên mà ông giữ là bộ trưởng Không bộ (a minister without portfolio) phụ trách ngành nông nghiệp. Sau đó, ông được Tưởng Kinh Quốc bổ nhiệm làm thị trưởng Đài Bắc (1978-1981) và rồi thống đốc tỉnh Đài Loan (1981-1984).

Vào năm 1984, ông được bổ nhiệm làm phó tổng thống của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) dưới thời tổng thống Tưởng Kinh Quốc.

Sau khi Tưởng qua đời vào năm 1988, Lý Đăng Huy trở thành tổng thống người Đài Loan bản địa đầu tiên với sự giúp đỡ của Tổng Sở Du, [19] bất chấp sự ngăn cản bởi phe Đại lục bảo thủ trong nội bộ KMT. Phe này bao gồm cả góa phụ của Tưởng Giới Thạch – Tổng Mỹ Linh – người đã bay từ Hoa Kỳ về Đài Loan để giúp phe bảo thủ gạt Lý ra khỏi chức tổng thống và đảng trưởng.

Vào 8 giờ tối ngày 13/1/1988, tại đại sảnh của tòa nhà Văn phòng Tổng thống, dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lâm Dương Khang, vị Phó Tổng thống 65 tuổi Lý Đăng Huy đã tuyên thệ nhậm chức tổng thống Trung Hoa Dân Quốc sau khi người tiền nhiệm của ông – Tưởng Kinh Quốc – vừa qua đời chỉ 4 tiếng trước đó. [20]

Bắt đầu từ sáng hôm sau, mỗi ngày Lý Đăng Huy và vợ của mình – Tăng Văn Huệ – đều đến bệnh viện Đa khoa Cựu binh Đài Bắc (Taipei Veterans General Hospital) để viếng linh cữu của cố tổng thống Tưởng Kinh Quốc, liên tục trong 13 ngày trước khi đảm nhận công việc.

“Tôi đau lòng khi thể hiện sự tôn kính của mình đối với lập trường mà ông [Tưởng Kinh Quốc] đã chủ trương.” – Lý Đăng Huy chia sẻ. “Tôi định sẽ cố làm theo những gì ông đã dạy mà không đi chệch hướng quá nhiều và không làm xáo trộn tình hình. Điều này nhằm trấn an và tạo cảm giác an toàn cho mọi người. Trong thời kỳ tạm quyền tổng thống hai năm bốn tháng, tôi luôn suy ngẫm về mọi việc, nhưng trước tiên tôi chỉ ngồi xuống để suy nghĩ một cách lặng lẽ, giống như bầu trời yên tĩnh một lúc trước khi cơn bão ập đến.”

Đối với Lý Đăng Huy – một người đột ngột đảm nhiệm chức vị tổng thống sau ba năm tám tháng ở vị trí phó tổng thống bên cạnh Tưởng Kinh Quốc – điều quan trọng nhất là giữ ổn định chính trị và giữ sự đoàn kết giữa các lực lượng trong xã hội. Vì thế, hành động viếng tang của ông nhằm truyền tải thông điệp sẽ tiếp tục ý chí dân chủ hóa của Tưởng Kinh Quốc theo phương thức cải tổ dần dần.

Điều may mắn là chính quyền của Lý Đăng Huy được thừa hưởng một nền kinh tế thịnh vượng và tương đối cởi mở từ thời cai trị của gia đình họ Tưởng. [21] Điều này đã đặt nền tảng cho kế hoạch dân chủ hóa và cho Lý thời gian để suy ngẫm trước khi bắt đầu củng cố quyền lực của mình, từng bước một trước áp lực của phe bảo thủ trong Quốc Dân Đảng.

“Vào thời điểm Tưởng Kinh Quốc qua đời, rất khó để hình dung Đài Loan sẽ ra sao. Mọi người có đủ loại kỳ vọng khác nhau, nhưng có quá nhiều điều không chắc chắn.” – Lý nói. Bởi khi ông mới nhậm chức tổng thống theo phương thức kế nhiệm, cả tương lai của ông và Đài Loan đều không có gì chắc chắn.

Trong cuốn tự truyện Tưởng Kinh Quốc và tôi, Lý Đăng Huy thừa nhận rằng trong giai đoạn đầu kế nhiệm Tưởng, ông gần như là “một con rối” của các phe quyền lực trong Quốc Dân Đảng, vì ông lãnh đạo lực lượng cảnh sát, không có liên hệ gì đến cộng đồng tình báo hay sự hỗ trợ từ quân đội.

Trong khi đó tình hình chính trị quốc tế có nhiều biến chuyển sâu sắc vào những năm 1980-1990. Ở Trung Quốc, các cuộc biểu tình của sinh viên liên tục nổ ra nhân chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo Liên Xô Gorbachev đến nước này. Vốn là một đảng đã từng có “kinh nghiệm cách mạng” trong việc cưỡng ép sinh hoạt dân sự trong “Đại nhảy vọt,” Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chọn cách để Giải phóng quân (People’s Liberation Army) đàn áp chính người dân của mình.

Tại Châu Âu, các nước Đông Âu liên tục chứng kiến những cuộc cải cách và cách mạng màu trước áp lực dân chủ hóa. Quá trình này đã được thúc đẩy nhanh hơn sau khi bức tường Berlin sụp đổ vào năm 1989. Nhiều đảng cộng sản cầm quyền chọn cách bước xuống vũ đài chính trị để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân qua các cuộc bầu cử công bằng và tự do. Chỉ hai năm sau khi tan rã trên thực tế, Liên Xô chính thức hạ lá cờ cộng sản của mình tại điện Kremlin, chấm dứt thời kỳ Chiến tranh lạnh kéo dài gần 75 năm.

Những chuyển biến to lớn trên khắp thế giới đã đánh dấu chiến thắng của các nước dân chủ do Hoa Kỳ lãnh đạo, và sự sụp đổ của Liên Xô đã đóng một cái đinh cuối cùng vào quan tài của cuộc chiến ý thức hệ. Điều này đã tạo cảm hứng cho một “lối sống phương Tây” đối với người dân và một “chế độ phương Tây” đối với các lãnh đạo tại những nước thuộc thế giới thứ ba.

Khi những chuyển biến quan trọng xảy ra trên khắp thế giới, Đài Loan cũng âm thầm tiến hành cuộc cải tổ theo xu hướng dân chủ. Thành thạo trong việc tận dụng động lực và khai thác sự chia rẽ nội bộ, Lý Đăng Huy đã có thể dần làm xói mòn quyền lực của “những lão thành” bảo thủ trong Quốc Dân Đảng và đưa quyền lực của đảng, chính phủ và quân đội về phía mình.

Tận dụng việc bổ nhiệm thủ tướng mới, Lý đã có thể khiến Du Quốc Hoa, Lý Hoàn, và Hách Bách Thôn – những thành viên kỳ cựu kiểm soát các mảng tài chính, đảng, và quân đội – dần dần từ bỏ quyền lực. [22]

TỔNG THỐNG CUỐI CÙNG DO QUỐC DÂN ĐẠI HỘI BẦU RA

Khi Tổng thống Lý Đăng Huy tái tranh cử vào tháng 3/1990, 700 đại biểu “lão thành” của Quốc dân Đại hội – một cơ quan chưa từng trải qua cuộc bầu cử mới nào trong gần nửa thế kỷ – đã biểu quyết kéo dài nhiệm kỳ của các đại biểu thêm chín năm trong khi tự bỏ phiếu tăng mức thù lao cho mỗi lần dự đại hội lên 220.000 Đài tệ. Điều này đã gây ra sự phẫn nộ lan rộng trong toàn xã hội.

Ngày 16/3/1990, đảng trưởng DPP Hoàng Tín Giới đã biểu tình tại Văn phòng Tổng thống để phản đối việc Quốc dân Đại hội mở rộng quyền lực. Phe biểu tình sau đó bị buộc giải tán bởi lực lượng quân cảnh. Buổi chiều cùng ngày, một nhóm sinh viên của Đại học Quốc lập Đài Loan đã bắt đầu tổ chức biểu tình theo kiểu ngồi cầm biểu ngữ và áp phích màu trắng đơn giản tại quảng trường trước Đài Tưởng niệm Tưởng Giới Thạch, nơi không xa tòa nhà Văn phòng Tổng thống.

Trong những ngày sau đó, hơn 5000 sinh viên từ 28 trường đại học và cao đẳng khắp Đài Loan đã tham gia cuộc biểu tình ngồi. [23] Họ đã đưa ra yêu sách bốn điểm – giải tán Quốc dân Đại hội, bãi bỏ *Các điều khoản tạm thời có hiệu lực trong thời kỳ huy động quốc gia nhằm trấn áp phiến loạn cộng sản*, tổ chức một hội nghị quốc sự, và thiết lập một khung thời gian cải cách chính trị và kinh tế. Các sinh viên cũng yêu cầu được đối thoại với tổng thống Lý Đăng Huy.

Mặc cho các thành viên lão thành ra sức chi phối, Quốc dân Đại hội đã phản ánh

ý chí của công chúng [24] trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1990. [25] Ngày 21/3/1990, Lý Đăng Huy được Quốc dân Đại hội bầu làm tổng thống nhiệm kỳ sáu năm với đa số áp đảo: 641/668. Điều này đã mang lại cho Tổng thống Lý tính chính danh cùng một sự ủy quyền mạnh mẽ và một thẩm quyền vững chắc để thực hiện các cải cách chính trị cần thiết.

Vào buổi tối cùng ngày sau khi được bầu chọn làm tổng thống, Lý Đăng Huy đã ngay lập tức xoa dịu căng thẳng bằng một cuộc gặp mặt với 50 đại diện sinh viên, hứa rằng sẽ tổ chức hội nghị quốc sự và khởi động một loạt cải cách dân chủ. Các sinh viên đã ngừng tổ chức biểu tình vào buổi sáng sau đó.

Trong buổi lễ nhậm chức ngày 20/5, Lý Đăng Huy đã tuyên bố sẽ bãi bỏ Các điều khoản tạm thời trong năm tới và khởi động cải cách hiến pháp sớm nhất có thể, với mục tiêu cung cấp cho Trung Hoa Dân Quốc một khuôn khổ pháp lý phù hợp hơn với thời đại và thiết lập một mô hình dân chủ toàn diện. [26]

Một ngày sau ngày lễ nhậm chức tổng thống, Ủy ban Thường trực Trung ương Quốc Dân Đảng đã chấp thuận kế hoạch của Lý Đăng Huy để tổ chức Hội nghị Quốc sự, mở đường cho cơ hội đối thoại quốc gia có hiệu quả. [27]

Tháng Sáu cùng năm, Hội nghị Quốc sự đã được tổ chức với sự tham dự của hơn 150 đại diện đến từ các lãnh đạo đảng đối lập, đại diện của KMT, giới học thuật và những nhân vật nổi bật trong xã hội.

Lần đầu tiên, một hội nghị đã đặt nền tảng cho cải cách chính trị với những đồng thuận như: thay đổi phương thức

bầu cử đối với tổng thống và thống đốc tỉnh, thiết lập thời gian nghỉ hưu đối với các đại biểu chính quyền trung ương, bãi bỏ Các điều khoản tạm thời. Hội nghị Quốc sự đại diện cho sự tán thành của công chúng dành cho các chương trình cải cách hiến pháp của Lý Đăng Huy, và ông đã tận dụng tốt sức nặng về mặt uy tín của hội nghị.

Năm 1991, Lý Đăng Huy chấm dứt thời kỳ huy động nguồn lực quốc gia nhằm trấn áp phiến loạn cộng sản. [28] Ông cũng thúc đẩy việc tái bầu cử Quốc dân Đại hội “vạn niên” và Lập pháp viện, cũng như giám sát công cuộc cải tổ lớn của Hành pháp viện.

Những sửa đổi hiến pháp đã tạo điều kiện để Quốc dân Đại hội được bầu cử trực tiếp vào tháng 12/1991 sau cuộc biểu tình Hoa Lily Rừng của sinh viên vào tháng 3/1990. [29] Vốn là một vết tích của “thời nội chiến ở đại lục” – thời đại đã đảm bảo ghế lập pháp và mức lương hậu hĩnh cho “những kẻ chiếm đóng già” – Quốc dân Đại hội rõ ràng là một mục tiêu bị các nhà hoạt động dân chủ nhắm đến để yêu cầu những cuộc tái bầu cử dân chủ.

Không hài lòng với nhịp độ cải cách đang diễn ra, vào năm 1994, Lý Đăng Huy bắt đầu quá trình dỡ bỏ hoàn toàn Quốc dân Đại hội bằng cách tước bỏ quyền bầu chọn tổng thống và phó tổng thống của cơ quan này. Thay vào đó, hai chức vụ này sẽ được bầu trực tiếp từ năm 1996. Cùng năm đó, ông cũng đã mở cuộc bầu cử trực tiếp đầu tiên cho chức thị trưởng ở Đài Bắc và Cao Hùng – hai thành phố trực thuộc trung ương từng được chính quyền trung ương trực tiếp quản lý. [30]

Mời đón đọc kỳ tiếp theo của bài viết, để hiểu rõ hơn về quan điểm đối ngoại của vị tổng thống được mệnh danh là “Cha đẻ của nền dân chủ Đài Loan”. Đặc biệt, là những quan điểm chính sách của ông đối với vấn đề xung đột giữa đôi bờ eo biển Đài Loan với nhà nước Trung Quốc đại lục. □

CHÚ THÍCH

1. Dr. Lee Teng-Hui. (2025). Retrieved August 20, 2025, from <https://www.congress.gov/104/crec/1995/06/26/141/105/modified/CREC-1995-06-26-pt1-PgS9027.htm>
2. James Baron. (2025) The Glorious Contradictions of Lee Teng-hui – The Diplomat. Retrieved August 20, 2025, from <https://thediplomat.com/2020/08/the-glorious-contradictions-of-lee-teng-hui/>
3. His Teachings. (2025) From Constitutional Reform to Democracy | Culture | 2018-12-17 | web only. Retrieved August 20, 2025, from <https://english.cw.com.tw/article/article.action?id=2223>
4. Sau chiến thắng của Lý Đăng Huy trong kỳ bầu cử tổng thống năm 1996, hai đảng trưởng Lý Đăng Huy và Từ Hân Lượng đã tiếp tục hợp tác liên đảng để thực hiện các cải cách chính trị trong những năm tiếp theo. Điều này là một thực hành mẫu mực trong các chế độ dân chủ lành mạnh.
5. Sean Lin And. (2025) ‘Mr Democracy’ a man for his time – Taipei Times. Retrieved August 20, 2025, from <https://www.taipeitimes.com/News/front/archives/2020/07/31/2003740872>
6. Xem [1]
7. Người Khách Gia vốn là một sắc tộc sinh sống ở vùng phía bắc của Trung Quốc đại lục. Qua nhiều thế kỷ, họ đã di cư nhiều đợt về phía nam và dần ổn định ở các tỉnh phía nam Trung Quốc như Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Giang Tây, Hồ Nam, Tứ Xuyên và ở những quốc gia phía nam như Đài Loan, Việt Nam, Malaysia, Singapore, Indonesia, Thái Lan.

8. Xem [5]
9. Quỳnh Vi. (2020) Lý Đăng Huy – người khổng lồ của đảo quốc Đài Loan. Retrieved August 20, 2025, from <https://luatkhoa.com/2020/07/ly-dang-huy-nguoi-khong-lo-cua-dao-quoc-dai-loan/>
10. Xem [5]
11. Xem [5]
12. Xem [2]
13. Sau này ông đã phủ nhận bản thân mình không là đảng viên chính thức.
14. Dương Ngọc Thanh Thiên. (2025) Sự kiện 2-28: Ký ức đau thương và hạt mầm dân chủ ở Đài Loan. Retrieved August 20, 2025, from <https://luatkhoa.com/2025/08/su-kien-2-28-ky-uc-dau-thuong-va-hat-mam-dan-chu/>
15. Keyword Or Author. (2025) Lee Teng-hui and Taiwan's Quest for Identity | SpringerLink. Retrieved August 20, 2025, from <https://link.springer.com/book/10.1057/9781403977175>
16. Chun Han Wong. (2025) Lee Teng-hui, Who Guided Taiwan on Its Path to Democracy, Dies at 97 – WSJ. Retrieved August 20, 2025, from <https://www.wsj.com/articles/lee-teng-hui-who-guided-taiwan-on-its-path-to-democracy-dies-at-97-11596112871>
17. Xem [2]
18. Quốc Dân Đảng vốn là một đảng từ đại lục Trung Hoa với lập trường tái thống nhất và chống các diễn ngôn đòi độc lập cho Đài Loan. Vì thế, để duy trì vị trí và cân bằng trong nội bộ một đảng bảo thủ như KMT, Lý Đăng Huy không thể mở rộng ngay lập tức một số quyền tự do chính trị và dân sự của người dân Đài Loan (như quyền tự do thành lập các chính đảng có cương lĩnh cổ vũ Đài Loan độc lập, quyền biểu đạt đòi Đài Loan độc lập và phản kháng chính sách tái thống nhất).
19. Tống Sở Du là một nhân vật nổi bật trong phe bảo thủ cứng rắn nhất của KMT, ông đã giúp Lý Đăng Huy giành được chức đảng trưởng khi làm dịu xung đột giữa phe này và Lý Đăng Huy, giúp Lý tránh khỏi tình trạng “lãnh đạo bù nhìn” (figurehead).
20. Xem [3]
21. Xem [3]
22. Xem [3]
23. Xem [3]
24. Một lý do khác nữa là lúc đó không có đối thủ nào trong nội bộ đảng đủ sức cạnh tranh với Lý Đăng Huy ngoài chánh án Tư pháp viện Lâm Dương Khang và Tổng thư ký Hội đồng an ninh Quốc gia Tưởng Vĩ Quốc, nhưng hai người này đã rút khỏi cuộc đua. Ngoài ra, do nhiều người đã quá già và trước đó Lý Đăng Huy đã tước quyền lực của nhiều nhân vật lão thành có ảnh hưởng trong đảng và chính quyền, nên Lý trở thành lựa chọn được xem là “đễ dãi nhất trong số các lựa chọn tệ”, vì khi đó chỉ có ông mới có thể dung hòa các căng thẳng trong xã hội và giữ nội bộ đảng đoàn kết bằng cách khiến các vị lão thành tin rằng mục tiêu tái thống nhất Trung Hoa vẫn được duy trì.
25. Ministry Of Foreign Affairs, Republic Of China (Taiwan). (2025) – Taiwan Today. Retrieved August 20, 2025, from <https://taiwantoday.tw/politics/taiwan-review/4599/dawn-of-a-new-era>
26. Theo lời của Lý Đăng Huy, cải cách hiến pháp sẽ được thực hiện trong hai giai đoạn. Đầu tiên, tất cả nghị sĩ cấp cao được bầu lần cuối vào năm 1948 sẽ được cho nghỉ hưu. Sau đó, các cuộc bầu cử toàn diện đối với Quốc dân Đại hội và Lập pháp viện sẽ được tổ chức lần lượt vào năm 1991 và 1992. Điều này cho phép các cơ quan đại diện ở cấp độ chính quyền trung ương sẽ đại diện ý chí của người dân tốt hơn.
27. Xem [25]
28. Xem [3]
29. Xem [2]
30. Xem [1]



Nguồn ảnh: Reuters. Đồ họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

DÂN CHỦ HÓA TẠI ĐÀI LOAN – KỲ 8: QUAN HỆ ĐÀI – TRUNG DƯỚI THỜI LÝ ĐĂNG HUY: ĐỒNG THUẬN 1992 VÀ CÁC TRANH CÃI

Dương Ngọc Thanh Thiên

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 26/8/2025.

Trong kỳ trước, chúng ta đã biết về một Lý Đăng Huy như vị tổng thống “lập quốc” lần thứ hai của Đài Loan: người mở ra cho hòn đảo mang tên “xinh đẹp” một kỷ nguyên của dân chủ, dân quyền thực sự.

Một trong những động lực thôi thúc vị tổng thống này chủ trương xúc tiến tiến trình “dân chủ hóa” tại đây, đến từ việc

ông là người Đài gốc, và mang trong mình một căn tính Đài Loan đậm đặc.

Chính nồng độ “đậm đặc” về căn tính dân tộc ấy, đã khiến ông tỏ ra đặc biệt cương quyết và thẳng thắn trước những rủi ro “xâm lược” hoặc “hủy hoại” thứ căn tính ấy, mà không đầu khác, thường sẽ luôn đến từ Trung Quốc đại lục.

Bài viết kỳ này và kỳ tới sẽ điểm qua những diễn biến nổi bật trong quan hệ Đài Loan – Trung Quốc dưới thời Tổng thống Lý Đăng Huy, cùng những quan điểm và chính sách của Đài Loan trong bang giao, ứng xử với gã khổng lồ kề cận luôn gieo rắc những mối đe dọa này.

QUAN HỆ XUYỀN EO BIỂN ĐÀI LOAN: TỪ MỘT VỤ VƯỢT BIÊN ĐẾN NHỮNG NỖ LỰC “NỐI LẠI”

Ngày 3/5/1986, một chiếc máy bay chở hàng dòng Boeing 747 của một hãng hàng không Đài Loan đã đáp xuống Quảng Châu, Trung Quốc thay vì Hong Kong theo dự kiến. [1] Phi công của máy bay, Wang Hsi-chueh, 56 tuổi, tuyên bố rằng ông muốn đào tẩu khỏi Đài Loan để đoàn tụ với gia đình.

Cho đến thời điểm đó, Quốc Dân Đảng (KMT) luôn tuân theo chính sách Ba không: không liên lạc, không đàm phán, và không thỏa hiệp đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP). [2] Vì thế việc đưa máy bay và phi hành đoàn trở về Đài Loan đã trở thành câu hỏi hóc búa.

Sau vụ không tặc, các quan chức ngành hàng không Trung Quốc tuyên bố rằng nước này sẵn lòng trả lại máy bay và hai phi hành đoàn, nhưng với điều kiện các quan chức Đài Loan phải đến Trung Quốc để thảo luận chi tiết. [3] Đài Loan từ chối, nhưng sau đó hai tuần đã đồng ý cho các quan chức của hãng Hàng không Trung Hoa [4] tổ chức cuộc gặp với các đại diện từ Bắc Kinh ở Hong Kong, vì lý do nhân đạo.

Sau cuộc gặp này, chiếc máy bay và hai thành viên trong phi hành đoàn là Chiu và Tung đã được trở về Đài Loan. Cũng từ đó, chính quyền Quốc Dân Đảng dần trở nên bớt cứng nhắc hơn trong việc thực hành chính sách Ba không, chấm dứt 40 năm yên lặng giữa hai bờ eo biển Đài Loan. [5]

Trong những năm sau đó, Đài Loan và Trung Quốc đã lần lượt thành lập những cơ quan bán chính thức là Quỹ Giao lưu eo biển (Straits Exchange Foundation – SEF, 海峡交流基金) của Đài Loan vào tháng 11/1990 và Hiệp hội Quan hệ xuyên Eo biển Đài Loan (Association for Relations Across the Taiwan Straits – ARATS, 海峡兩岸關係協會) của Trung Quốc vào tháng 12/1991. [6] Nguyên do thành lập của các cơ quan này là chính phủ của hai bên tuy muốn nối lại mối liên lạc nhưng vẫn không sẵn sàng cho các thảo luận chính thức.

ĐỒNG THUẬN 1992: “MỘT TRUNG QUỐC”, HAI CÁCH HIỂU

Cuộc họp đầu tiên vào tháng 3/1992 giữa các đại diện SEF và ARATS tại Bắc Kinh đã thảo luận về những vấn đề kỹ thuật bao gồm xác thực tài liệu, truy nguyên thư điện tử được đăng ký, và đền bù cho những thư điện tử bị mất. [7] ARATS khẳng định rằng SEF phải đưa ra tuyên bố “Một Trung Quốc”, trong khi SEF cho rằng các vấn đề kỹ thuật trong cuộc đàm phán không nên liên quan đến các thảo luận chính trị.

Trong suốt các cuộc họp diễn ra từ ngày 28 đến ngày 30/10/1992 tại Hong Kong,

SEF và ARATS không thể đi đến một cơ sở đồng thuận chung [8] để thiết lập các cuộc đàm phán và thỏa thuận xuyên eo biển. [9] Sau đó, SEF đã đề xuất ý tưởng [10] “Một Trung Quốc, nhưng hai bên có cách diễn giải khác nhau” [11] và được phía ARATS chấp nhận vào ngày 16/11/1992.

Mãi cho đến tháng 4/2000, trước lúc chính quyền Trần Thủy Biển nắm quyền, chủ tịch của Hội đồng Sự vụ Đại lục (Mainland Affairs Council – MAC, 大陸委員會) lúc đó là Su Chi – cũng là một đảng viên KMT – đã đặt tên cho kết quả của cuộc gặp năm 1992 giữa SEF và ARATS là “Đồng thuận 1992”. [12]

Về mặt khái niệm, Su lập luận rằng “Đồng thuận 1992” sẽ cho phép việc tiếp xúc bán chính thức giữa hai bờ eo biển Đài Loan được tiếp tục vì nó sẽ giúp các bên trong cuộc đối thoại tránh để cập trực tiếp đến các cụm từ nhạy cảm như “Một Trung Quốc” đối với Dân Tiến Đảng và “tùy theo cách diễn giải tương ứng của từng bên” đối với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (People’s Republic of China – PRC).

Đó là lý do tại sao cụm từ “đồng thuận” thường xuyên được nhấn mạnh trong các diễn ngôn của Bắc Kinh và chính quyền này cũng thường đòi hỏi các nước muốn phát triển quan hệ ngoại giao với PRC phải công nhận cách hiểu “một Trung Quốc” của Bắc Kinh, bất chấp quan điểm đối lập của Đài Loan. [13]

“Đồng thuận 1992” sau đó đã được chính thức chấp thuận như là một chính sách [14] dưới thời Tổng thống Mã Anh Cửu vào năm 2008. [15] Với “Đồng thuận 1992” được áp dụng, KMT và CCP

đã có một thỏa thuận ngầm về nguyên tắc “Một Trung Quốc” – rằng Đài Loan là một phần của Trung Quốc nhưng cố tình không làm rõ chính xác khái niệm “Trung Quốc” sẽ được hiểu như thế nào.

Khác với cách nhấn mạnh cụm từ “Một Trung Quốc” mà chính quyền Bắc Kinh đang áp dụng, chính quyền Mã Anh Cửu nhấn mạnh cụm “tùy theo cách diễn giải tương ứng của mỗi bên”, nghĩa là mỗi bên có quyền giữ quan điểm riêng của mình về “Trung Quốc” là gì – đối với KMT thì đó là Trung Hoa Dân Quốc còn đối với CCP là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. [16]

Tuy nhiên, Dân Tiến Đảng thì không công nhận “cái gọi là đồng thuận 1992”. Họ cho rằng thỏa thuận ngoại giao này không dựa trên ý chí của người dân Đài Loan vì cuộc gặp ở Hong Kong đã diễn ra trước lúc hòn đảo này hoàn toàn dân chủ hóa. [17]

Chính quyền Trung Quốc sau này đã liên tục thúc ép chính quyền Thái Văn Anh chấp nhận “Đồng thuận 1992” trước khi nghĩ tới các hợp tác xa hơn hay khả năng tiếp tục các thỏa thuận trước đó. [18] Tuy nhiên, Tổng thống Thái Văn Anh không công nhận sự tồn tại của bản thỏa thuận này, khiến Trung Quốc cáo buộc chính quyền bà “muốn ly khai”.

Lý Đăng Huy nhớ lại rằng, trong hội nghị Koo-Wang [19] được tổ chức tại Singapore vào ngày 27/4/1993, chủ tịch SEF lúc đó là Koo Chen-fu đã hỏi ông nên làm gì khi chủ tịch của ARATS Wang Daohan yêu cầu công nhận “Một Trung Quốc”. Lý đã chỉ thị: “Không cần thiết phải đồng ý.” Do đó, trong những năm sau này, Lý Đăng Huy luôn tái khẳng

định rằng không bên nào đạt được đồng thuận trong hội đàm Koo-Wang, vì thế không có cái gọi là “Đồng thuận 1992”. [20]

Đáp lại lời khẳng định trong nhiều năm của Lý Đăng Huy vừa nêu trên, trong lễ khai mạc “Triển lãm đặc biệt về Giao lưu và Trao đổi xuyên eo biển – Hành lang thời gian lịch sử” vào ngày 7/5/2015, Mã Anh Cửu nói rằng thực chất Lý Đăng Huy đã có những động thái công nhận cách đặt vấn đề của Đồng thuận 1992. [21] Cụ thể, một nghị quyết về cách định nghĩa của chữ “Trung Quốc” được thông qua vào ngày 1/8/1992 trong phiên họp thứ tám của Hội đồng Thống nhất Quốc gia tại Phủ Tổng thống có chữ ký của Lý Đăng Huy.

LIỆU ĐỒNG THUẬN 1992 CÓ MANG GIÁ TRỊ PHÁP LÝ?

Không thể phủ nhận thực tế rằng đã có những cuộc họp giữa SEF và ARATS diễn ra trong hai năm 1992 và 1993, nhưng những kết quả và thỏa thuận rút ra từ các cuộc trao đổi này vẫn là điều gây tranh cãi, khi vẫn tồn tại những cách hiểu và quan điểm chính trị khác nhau liên quan đến khái niệm mà Su Chi đã đặt ra. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của công pháp quốc tế, câu trả lời rất rõ ràng: Đồng thuận 1992 không có tính ràng buộc về mặt pháp lý.

Điểm đầu tiên là cả Bắc Kinh và Đài Bắc đều không chính thức xác định mối quan hệ của mình với bên kia theo luật pháp quốc tế, trong khi luật nội địa của từng nước có rất ít điều khoản quy định cách giải quyết các tranh chấp liên quan đến các thỏa thuận xuyên eo biển. [22]

Chính quyền Đài Bắc, với lợi thế của việc cộng đồng quốc tế vẫn chưa hoàn toàn công nhận yêu sách chủ quyền của Trung Quốc đối với Đài Loan, [23] do đó có thể thay đổi lập trường và chính thức viện dẫn luật pháp quốc tế trong bối cảnh này. Thậm chí khi Đài Loan không làm như vậy, điều đó cũng không ngăn các chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các học giả và các nhà quan sát đánh giá bản chất pháp lý của mối quan hệ xuyên eo biển, lẫn các tranh chấp có liên quan dưới lăng kính “có lợi” cho họ từ lập trường công pháp quốc tế.

Từ góc nhìn luật pháp quốc tế, những trao đổi giữa SEF và ARATS vào năm 1992 sẽ không tạo thành một thỏa thuận ràng buộc pháp lý đối với ý nghĩa của nguyên tắc “Một Trung Quốc” và các vấn đề chủ quyền khác. Mặc dù trên thực tế SEF và ARATS được ủy quyền để tiến hành đàm phán và ký kết thỏa thuận về các vấn đề cụ thể, nhưng theo luật pháp quốc tế, họ không có năng lực đại diện chính phủ trong việc ký kết điều ước quốc tế. Do đó, mục đích của hai cơ quan này chỉ là ký kết các công cụ pháp lý ghi nhận thỏa thuận của họ về các vấn đề đàm phán cụ thể.

Vì thế các bên không bao giờ thể hiện ý định ký kết một thỏa thuận về các vấn đề chủ quyền liên quan đến ý niệm “Một Trung Quốc”, bởi vì họ hiểu rõ, cả hai phía sẽ không bao giờ có thể đạt được thỏa thuận đối với những vấn đề gai góc có liên quan đến khái niệm này. Thay vào đó, họ chỉ tiến đến ký kết các thỏa thuận thành văn chính thức về các vấn đề có tính kỹ thuật liên quan đến các hoạt động giao lưu giữa hai bờ eo biển Đài Loan.

Nói cách khác, yếu tố “ý định tạo ra nghĩa vụ pháp lý” về các vấn đề chủ quyền không hề tồn tại. [24] Điều này rõ ràng đến từ sự thận trọng của SEF – họ đã cẩn thận tránh tự cam kết trong một thỏa thuận thành văn liên quan tới vấn đề chính trị cực kỳ quan trọng và gợi ý rằng mỗi bên có quyền tuyên bố lập trường khác nhau theo cách riêng.

Điều này tương phản với các thỏa thuận chính thức sau đó được ký kết giữa hai tổ chức này (SEF và ARATS) liên quan đến các vấn đề kỹ thuật và kinh tế khác nhau, lẫn những thỏa thuận xuyên eo biển này không hề chạm đến vấn đề “Một Trung Quốc”.

Vì không có yếu tố “đồng thuận về nhận thức” [25] cần thiết để thực hiện các thỏa thuận ràng buộc, những trao đổi năm 1992 giữa SEF và ARATS sẽ không tạo thành một “hiệp ước”, theo quy định tại Công ước Vienna về Luật các hiệp ước (Vienna Convention on the Law of Treaties), lẫn luật tập quán quốc tế khác. [26] Nghĩa là, chưa bao giờ có một sự hiểu biết chung thống nhất giữa hai bên về khái niệm “Một Trung Quốc”.

Kể cả khi Su Chi tuyên bố rằng những trao đổi này là “cuộc trao đổi công hàm”, [27] có chức năng đại diện những quan điểm liên quan đến các vấn đề cụ thể, và “có tính ràng buộc chính trị ở một mức độ nhất định”, thì cách nói “có tính ràng buộc chính trị ở mức độ nhất định” trong bối cảnh này không hề được làm rõ là ràng buộc những gì, và một điều chắc chắn là “ràng buộc chính trị” không tương đương với “ràng buộc pháp lý”.

Sau tất cả, các chính sách luôn mang tính “tình thế” và có thể thay đổi, trong khi một hiệp ước hay những thỏa thuận quốc tế mới có thể tạo ra những nghĩa vụ phải được thực hiện, căn cứ theo luật pháp quốc tế. Và khi không có các biện minh pháp lý hợp lệ hay khi không thể viện dẫn các thủ tục để chấm dứt hoặc sửa đổi, thì các hiệp ước và thỏa thuận này có hiệu lực không đổi.

“Đồng thuận 1992” chỉ nên được hiểu như là một quy tắc hành xử được xây dựng một cách có chiến lược. Nó ra đời sau khi tình hình thực tế đã khiến hai chính phủ KMT và CCP phải gác lại những lập trường khác nhau liên quan đến việc chính phủ nào là đại diện hợp pháp và duy nhất của “Trung Quốc”, cần có một chính sách phù hợp để họ có thể tiến tới hợp tác. Do đó, quy tắc ứng xử này không phải là một hiệp ước hay thỏa thuận theo bất kỳ ý nghĩa nào.

Năm 2000, KMT đối mặt với cú sốc lớn sau khi Lý Đăng Huy thất cử trong cuộc bầu cử tổng thống, dẫn đến việc đảng này lần đầu mất đi quyền điều hành quốc gia. Lý Đăng Huy sau đó đã từ chức đảng trưởng và bị khai trừ khỏi đảng.

Khi không còn Lý Đăng Huy – người duy trì ảnh hưởng của căn tính Đài Loan bản địa trong Quốc Dân Đảng – KMT đã “nuốt chửng” mọi “chất độc của Đồng thuận 1992” và công khai hướng về Trung Quốc trong nỗ lực khôi phục quyền lực của mình. [28] □

CHÚ THÍCH

1. L.A. Times. (1986) Hijacked Plane Will End 2 Chinas' 40-Year Silence : Taiwan to Negotiate on Aircraft – Los Angeles Times. Retrieved August 26, 2025, from <https://www.latimes.com/archives/la-xpm-1986-05-13-mn-5861-story.html>
2. Han Cheung. (2021) Taiwan in Time: When the hostage was the hijacker – Taipei Times. Retrieved August 26, 2025, from <https://www.taipeitimes.com/News/feat/archives/2021/05/23/2003757880>
3. Special To The New York Times. (1986) CHINA RETURNS HIJACKED JET AND 2 CREWMEN TO TAIWAN – The New York Times. Retrieved August 26, 2025, from <https://www.nytimes.com/1986/05/24/world/china-returns-hijacked-jet-and-2-crewmen-to-taiwan.html>
4. Hãng Hàng không Trung Hoa (China Airlines) là một công ty có 90% vốn nhà nước Đài Loan, cần phân biệt công ty này với Cục Hàng không Dân sự Trung Quốc (Civil Aviation Administration of China) là một cơ quan hàng không của chính quyền Trung Quốc.
5. Xem [1]
6. Clearing Application Resources. (2025) China-Taiwan Relations Re-examined: The “1992 Consensus” and Cross-Straits Agreements – China-Taiwan Relations Re-examined: The 1992 Consensus and Cros.pdf. Retrieved August 26, 2025, from <https://scholarship.law.upenn.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1039&context=alr>
7. Xem [6]
8. Vào thời điểm đó, hai bên hầu như không có điểm chung về nhiều vấn đề, mỗi bên đều thể hiện lập trường riêng. Mã Anh Cửu, lúc đó là Phó Chủ tịch Hội đồng Đại lục, đã tuyên bố: “Trong Hội nghị Hồng Kông, không có điểm chung hay sự đồng thuận nào về ‘thể hiện’ một Trung Quốc. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dùng chiêu trò tổng tiến chính trị đối với phía chúng tôi và thiếu chân thành.”
9. Xem [6]
10. SEF đã tìm cách phá vỡ thế bế tắc trong vài ngày sau đó bằng cách đưa ra một thông cáo báo chí và gửi ARATS một lá thư vào ngày 3/11/1992, tuyên bố rằng “có thể chấp nhận được nếu hai bên tuyên bố bằng lời nói về lập trường của mình theo cách riêng”. SEF nói thêm rằng lập trường của họ phù hợp với Các hướng dẫn Thống nhất

Quốc gia (National Unification Guidelines) và nghị quyết được thông qua bởi Hội đồng Thống nhất Quốc gia (National Unification Council) vào ngày 1/8/1992.

11. Theo cách hiểu của Quốc Dân Đảng, “một Trung Quốc” có nghĩa là chỉ có chính quyền Trung Hoa Dân Quốc mới là đại diện hợp pháp duy nhất của toàn Trung Quốc (bao gồm cả đại lục và Đài Loan) và Bắc Kinh bị xem là chính quyền phi pháp đang chiếm đóng đại lục. Theo cách hiểu của Bắc Kinh, “một Trung Quốc” có nghĩa là Bắc Kinh là chính quyền hợp pháp đại diện cho Trung Quốc, Đài Loan là một phần lãnh thổ không thể tách rời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

12. Moddum Lertpakdeewong. (2022) The KMT Continues to Grapple with its “1992 Consensus” | Global Taiwan Institute. Retrieved August 26, 2025, from <https://globaltaiwan.org/2022/09/the-kmt-continues-to-grapple-with-its-1992-consensus/>

13. Xem [6]

14. Cũng trong 8 năm dưới thời tổng thống Mã Anh Cửu, Đài Loan và Trung Quốc đã nối lại quan hệ hữu nghị. SEF và ARATS tiếp tục được sử dụng để ký kết 23 thỏa thuận xuyên eo biển từ năm 2018 đến năm 2015. Giải đoạn này cũng chứng kiến cuộc gặp đầu tiên của hai lãnh đạo ở hai bên bờ eo biển tại Singapore kể từ khi Nội chiến Trung Hoa kết thúc.

15. Xem [12]

16. Nhiều người trong nội bộ Đài Loan không đồng tình với kiểu đồng thuận chấp và này, họ cho rằng các cuộc đàm phán năm 1992 chỉ là chuyện “mỗi bên nói một kiểu rồi bỏ đi” chứ không có đồng thuận.

17. Xem [12]

18. 《李登輝秘錄》：李登輝矢口否認有九二共識 – 國際 – 中時. (2019) Retrieved August 26, 2025, from <https://www.chinatimes.com/realtimenews/20190412001572-260408?chdtv>

19. Trong cuộc hội đàm, SEF và ARATS đã ký 4 thỏa thuận gồm Thỏa thuận về Xác thực Tài liệu, Thỏa thuận về Truy nguyên và Bồi thường cho Thư điện tử đăng ký bị thất lạc, Thỏa thuận về Thiết lập Các kênh Liên lạc và Truyền thông có hệ thống giữa SEF và ARATS, Thỏa thuận Đàm phán Chung Koo-Wang. Những thỏa thuận này đã dọn đường cho các đàm phán và hợp tác giữa SEF và ARATS sau này.

20. Xem [18]

21. BBC News. (2015) 有無「九二共識」？李登輝、馬英九隔空交鋒 – BBC News 中文. Retrieved August 26, 2025, from https://www.bbc.com/zhongwen/trad/china/2015/05/150508_taiwan_china_1992_consensus_ma-lee

22. Xem [6]

23. Liên Hợp Quốc chưa bao giờ nêu rõ tình trạng pháp lý của Đài Loan: “Liên Hợp Quốc chưa có chính sách chính thức khẳng định rằng Trung Quốc có tư cách đối với đảo Đài Loan hoặc Trung Quốc có chủ quyền đối với cư dân của Đài Loan” (Frank Chiang, The One-China Policy: State, Sovereignty, and Taiwan’s International Legal Status 282, 2017); “Nghị quyết Đại hội đồng Liên Hợp Quốc 2758 công nhận PRC là chính quyền hợp pháp duy nhất của Trung Quốc nhưng không đi xa hơn khi không công nhận Đài Loan là một phần không thể tách rời của Trung Quốc” (Lung-chu Chen, The U.S.-Taiwan-China Relationship in International Law and Policy 79, 2016). Thêm vào đó, các nhà quan sát đã lưu ý từ lâu là chính sách một Trung Quốc của Hoa Kỳ không giống với nguyên tắc Một Trung Quốc của PRC: “Chính sách một Trung Quốc bao gồm nhiều yếu tố hơn như lợi ích của Hoa Kỳ trong một tiến trình hòa bình nhằm giải quyết tranh chấp xuyên eo biển, và cách giải thích của Hoa Kỳ về tình trạng pháp lý của Đài Loan khác biệt so với cách giải thích của Bắc Kinh” (Richard C. Bush, A One-China Policy Primer, East Asia Policy Paper 10, 3, 2017); Điểm khác biệt chính giữa lập trường của PRC và Hoa Kỳ là Hoa Kỳ chưa bao giờ công nhận chủ quyền của PRC đối với Đài Loan” (Pasha L., Hsieh, The Taiwan Question and the One-China Policy: Legal Challenges with Renewed Momentum, 84 Journal of International Peace and Organization, 59, 71, 2009). Cũng trong ba thông cáo chung với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Hoa Kỳ công nhận PRC là “chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc”, và ghi nhận lập trường của Trung Quốc rằng “chỉ có một Trung Quốc và Đài Loan là một phần của nó” nhưng Hoa Kỳ vẫn duy trì lập trường là vấn đề Đài Loan cần được giải quyết theo phương thức hòa bình giữa hai bên eo biển Đài Loan.

24. Nếu ý định ràng buộc pháp lý của các bên theo luật pháp quốc tế không thể được xác định trên cơ sở các tiêu chuẩn khách quan thì điều này có thể được giả định là không có mối quan hệ pháp lý đã được thiết lập.

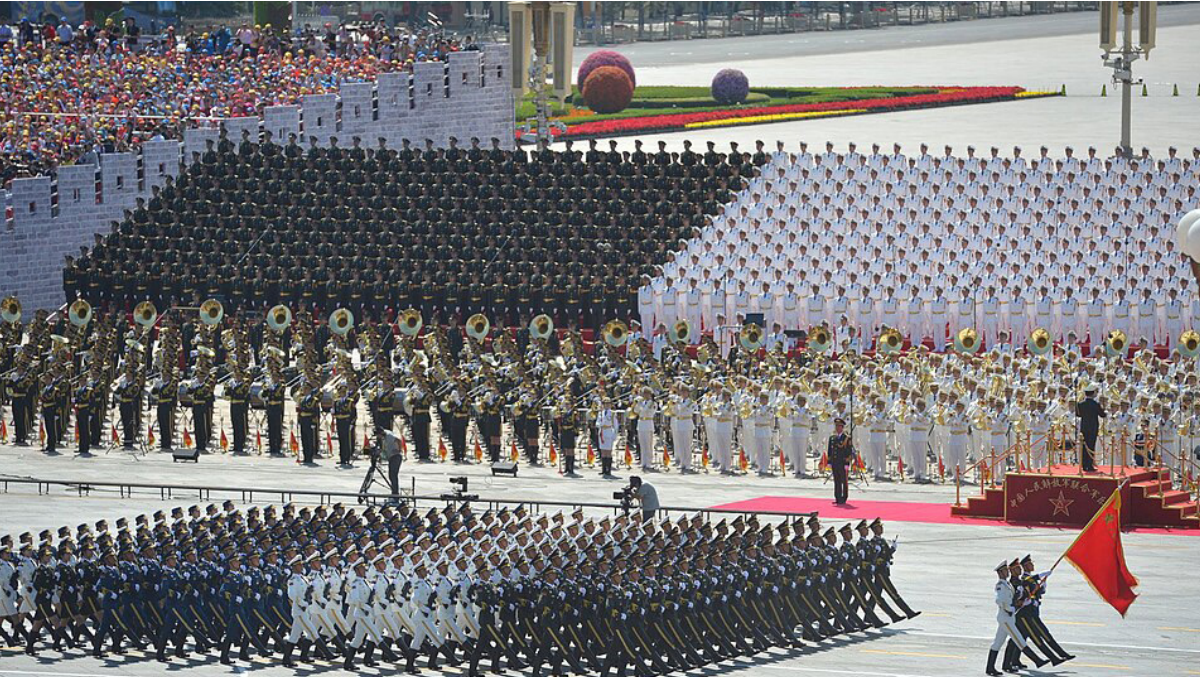
25. Thuật ngữ pháp lý: consensus ad inidem, nghĩa là “đồng thuận về cùng một điều” hoặc “sự nhất trí về tư tưởng”. Trong hợp đồng và thỏa thuận

từ này để cập đến nguyên tắc quan trọng rằng để một hợp đồng có hiệu lực pháp lý, tất cả các bên tham gia phải có sự hiểu biết rõ ràng và thống nhất về các điều khoản và nội dung thiết yếu của thỏa thuận đó. Nếu không có sự đồng thuận hiểu biết chung, hợp đồng sẽ không ràng buộc về mặt pháp lý.

26. Thuật ngữ pháp lý: customary international law, còn được gọi là tập quán quốc tế. Đây là một tập hợp các quy tắc pháp lý bất thành văn được rút ra từ các thực hành thực tiễn phổ biến và nhất quán trong quan hệ quốc tế. Những thực hành và niềm tin này được các chủ thể trong quan hệ quốc tế thừa nhận có tính chất bắt buộc về mặt pháp lý (opinio juris). Không giống như luật hiệp ước vốn dựa trên những thỏa thuận thành văn minh thị, tập quán quốc tế bắt nguồn từ những thực hành lặp đi lặp lại giữa các quốc gia – chẳng hạn nguyên tắc cấm trục xuất người tỵ nạn chính trị về nước hay quyền miễn trừ ngoại giao đối với các nguyên thủ quốc gia – và có khả năng tạo ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với các quốc gia theo luật pháp quốc tế.

27. Thuật ngữ pháp lý: a diplomatic note. Công hàm ngoại giao là một văn kiện ngoại giao chính thức, được lập thành văn bản trao đổi giữa các chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế, có chức năng như một lá thư công việc quốc tế nhằm chính thức bày tỏ lập trường, tuyên bố chính sách, đề xuất thỏa thuận, đưa ra yêu sách hoặc truyền đạt quyết định về những vấn đề có liên quan đến lợi ích của các bên. Công hàm ngoại giao là một công cụ cơ bản của quan hệ ngoại giao, được sử dụng để truyền đạt thông tin và thực hiện các công việc quốc tế phù hợp với những quy tắc và nghi thức cụ thể.

28. 併吞台灣的毒藥 李登輝：九二共識「本來就沒有」 – 鏡週刊 Mirror Media. (2019) Retrieved August 26, 2025, from <https://www.mirrormedia.mg/story/20190412edi010>



Lễ diễu binh kỷ niệm 70 năm chấm dứt Thế chiến II ở Bắc Kinh, Trung Quốc, năm 2015. Ảnh: Пресс-служба Президента России / Wikimedia Commons.

DUYỆT BINH LỊCH SỬ: CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO TRUNG QUỐC THẬT SỰ MUỐN GÌ?

Nguyễn Hảo

Bài đăng lần đầu trên luatkhoea.com
ngày 2/9/2025.

Bắc Kinh sử dụng lễ duyệt binh để phô diễn sức mạnh quân sự, củng cố hình ảnh đoàn kết quốc gia, và khẳng định vị thế trung tâm trong một trật tự thế giới mới.

Ngày 3/9 sắp tới, tại Quảng trường Thiên An Môn, Bắc Kinh sẽ diễn ra một sự kiện long trọng: lễ duyệt binh quy mô lớn kỷ niệm 80 năm ngày Nhật Bản đầu hàng, đồng thời là dấu mốc kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

Tại sự kiện, hàng chục nghìn binh sĩ, hàng trăm phương tiện quân sự, dàn khí tài tối tân và những đội hình bước đều tầm tắp sẽ được trình diễn trước mắt lãnh đạo Trung Quốc, khách mời quốc tế và hàng trăm triệu khán giả qua truyền hình.

Tuy nhiên, sự kiện hào nhoáng và quy mô sắp tới có phải là sự tưởng nhớ trung thực đến quá khứ bị thương, hay chỉ là một sân khấu tuyên truyền để các nhà lãnh đạo Trung Quốc tìm cách định

hình lại lịch sử, phô diễn quyền lực và vị thế quốc tế của mình?

Câu hỏi này quan trọng không chỉ với người Trung Quốc, mà còn với thế giới, bởi cách mà một cường quốc định hình lại lịch sử có thể sẽ quyết định cách họ định hình tương lai.

Vậy Trung Quốc thật sự mong muốn điều gì từ lễ duyệt binh?

PHÔ DIỄN SỨC MẠNH QUÂN SỰ VÀ CÔNG NGHỆ

Lễ duyệt binh lần này không chỉ nhằm kỷ niệm chiến thắng trong quá khứ, mà còn là sân khấu để Bắc Kinh “phô diễn” với thế giới về năng lực quân sự đang trỗi dậy của cường quốc này. Sự kiện đầu tháng Chín sẽ là màn trình diễn vũ khí quân sự tiên tiến lớn nhất của Trung Quốc kể từ lễ duyệt binh mừng Quốc khánh năm 2019. [1]

Thiếu tướng Ngô Trạch Khoa, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến thuộc Bộ Tham mưu Liên hợp Ủy ban Quân ủy Trung ương, cho biết tại một cuộc họp báo ở Bắc Kinh rằng cuộc diễu hành sẽ bao gồm “sự ra mắt của tên lửa siêu thanh, tên lửa phòng thủ chống tên lửa và tên lửa chiến lược để thể hiện khả năng sẵn đề chiến lược mạnh mẽ của chúng ta”. [2]

Theo *Financial Times*, Quân Giải phóng Nhân dân (PLA) dự kiến sẽ trình diễn một loạt vũ khí mới, từ các tên lửa siêu thanh, cho tới máy bay không người lái (UAV) cảm tử, tàu ngầm drone và hệ thống tác chiến điện tử, cùng nhiều vũ khí thế hệ mới là do phía Trung Quốc phát triển và sản xuất. [3] Cụ thể, hơn

100 loại thiết bị quân sự khác nhau sẽ được giới thiệu, tất cả đều do Trung Quốc sản xuất và có thể sẵn sàng tác chiến. [4]

Hãng *Reuters* đưa tin rằng các vũ khí chiến lược như KJ-600, một loại máy bay cảnh báo sớm dành cho tàu sân bay, cũng sẽ xuất hiện, cho thấy năng lực tác chiến biển xa ngày càng lớn của Trung Quốc. Ngoài ra, hệ thống phòng không tầm xa và các phương tiện không người lái tự hành sẽ được giới thiệu như biểu tượng của chiến tranh trong tương lai. [5]

Với thông điệp này, Bắc Kinh không chỉ muốn “tri ân lịch sử” mà còn ngầm cảnh báo những đối thủ tiềm tàng, đặc biệt là Mỹ và Đài Loan rằng PLA đã sẵn sàng, và khoảng cách công nghệ giữa Mỹ với các đối thủ phương Tây đang thu hẹp nhanh chóng.

Đằng sau những màn diễu binh hào nhoáng có thể là một chiến lược răn đe có tính toán kỹ lưỡng. Thông điệp của Trung Quốc là Mỹ và các đối thủ cần phải cẩn thận hơn vì Trung Quốc có thể sản xuất nhiều loại vũ khí tiên tiến trong thời gian ngắn.

PHÔ TRƯỞNG TINH THẦN ĐOÀN KẾT NỘI BỘ

Song hành với sức mạnh quân sự, lễ duyệt binh còn là công cụ để phục vụ cho mục đích chính trị trong nước. Trong bối cảnh nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với nhiều khó khăn, như tăng trưởng kinh tế chậm lại, người tiêu dùng ngần ngại chi tiêu, thị trường bất động sản khủng hoảng, tỷ lệ thất nghiệp trong tầng lớp thanh niên tăng

cao, chính quyền Tập Cận Bình cần một thông điệp tích cực để củng cố lòng tin của nhân dân. [6]

Truyền thông nhà nước Trung Quốc đã tung ra hàng loạt phóng sự, phim tài liệu, triển lãm để gọi lại những năm tháng hào hùng của dân tộc, đồng thời nhấn mạnh vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản.

Theo *CGTN*, thông điệp của Trung Quốc còn nhằm vinh danh tất cả những người đã hy sinh trong cuộc chiến chống lại sự xâm lược của Nhật Bản, và gửi thông điệp đến cộng đồng quốc tế rằng quốc gia này kiên quyết bảo vệ công lý và sự công bằng quốc tế và bảo vệ vững chắc trật tự quốc tế sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai. [7]

Nhiều con đường tại Bắc Kinh đã bị phong tỏa trong các đợt diễn tập quân sự quy mô lớn ban đêm, máy bay không người lái bị cấm hoàn toàn, lính gác được bố trí 24/7 trên tất cả các cầu vượt, và an ninh được thắt chặt đến mức “không một con chim nào lọt qua”. [8]

Tất cả nhằm tạo ra hình ảnh kỷ luật, đoàn kết và kiểm soát tuyệt đối, đặc biệt là nêu cao lòng tin tuyệt đối và sự đoàn kết của quân đội Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình. [9]

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TRUNG TÂM

Một khía cạnh khác không thể bỏ qua: lễ duyệt binh còn là sân khấu ngoại giao để thể hiện vị thế của Trung Quốc. Bắc Kinh đã mời nhiều lãnh đạo quốc tế đến dự sự kiện, trong đó đáng chú ý có

Tổng thống Nga Vladimir Putin và nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim Jong-Un. Hai nhà lãnh đạo này đã xác nhận sẽ đến tham gia sự kiện. [10] Tổng thống Putin thậm chí đáp lại lời mời của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình bằng cách ca ngợi “quân đội Liên Xô và Trung Quốc đã cùng nhau chiến đấu chống lại chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản”. [11]

Nga và Triều Tiên hiện bị quốc tế cô lập và cấm vận vì các cáo buộc vi phạm nhân quyền và các quan điểm chống lại phương Tây. Các đồng minh phương Tây đã cáo buộc Nga và Triều Tiên vi phạm trắng trợn lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc thông qua hợp tác quân sự chặt chẽ, cho phép Moscow tăng cường các cuộc tấn công bằng tên lửa vào các thành phố của Ukraine. [12]

Việc hai nhân vật gây tranh cãi này đến tham dự sự kiện không chỉ mang tính biểu tượng, mà còn là thông điệp: Trung Quốc muốn đứng ở trung tâm của một trật tự thế giới mới, nơi các nước “ngoài phương Tây” tập hợp lại thành “phe đa cực”.

Ngược lại, Nhật Bản và nhiều nước phương Tây đã bày tỏ lo ngại hoặc thẳng thừng từ chối tham dự. Chính phủ Nhật Bản đã kêu gọi các nước châu Âu và châu Á không tham dự cuộc duyệt binh và các sự kiện khác mà Trung Quốc sẽ tổ chức vào tháng Chín để kỷ niệm 80 năm kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Hai và hơn hết là để kỷ niệm ngày mà Bắc Kinh gọi là chiến thắng của họ trong “Cuộc kháng chiến chống Nhật xâm lược” 1937-1945 và “Chiến tranh chống phát xít thế giới”. [13] Đáp lại, phía Trung Quốc đã phản đối lời kêu gọi của Nhật Bản. [14]

Lo ngại của Nhật Bản là đáng chú ý, vì lễ duyệt binh có thể biến thành “màn tuyên truyền chống Nhật”, khơi gợi ký ức đau thương để phục vụ cho mục đích chính trị hiện tại của chính phủ Trung Quốc.

Đài Loan thậm chí kêu gọi cộng đồng quốc tế tẩy chay sự kiện, cảnh báo Bắc Kinh có thể sử dụng sự kiện này để gây chia rẽ các quốc gia dân chủ. [15] Trung Quốc đáp trả rằng Đài Loan đang “báng bổ” sự hy sinh của những người đã chết khi chiến đấu với Nhật Bản trong Thế chiến II bằng cách phủ nhận vai trò chủ chốt của Đảng Cộng sản đồng thời lên án lời kêu gọi của Đài Bắc yêu cầu người Đài Loan tránh xa các lễ tưởng niệm của Bắc Kinh. [16]

Đặt lễ duyệt binh vào bối cảnh rộng lớn hơn, ta thấy nó không đơn thuần là một sự kiện lịch sử, mà là một sự kiện chính trị. Trung Quốc dùng ký ức trong Thế chiến II để khẳng định rằng phương Tây không có quyền độc quyền “viết lại lịch sử”, và rằng họ cũng có vai trò trung tâm trong chiến thắng chung.

Bắc Kinh cũng sử dụng sự kiện này để nhấn mạnh vai trò thiết yếu của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc thiết lập mặt trận thống nhất của Trung Quốc chống lại cuộc xâm lược của Nhật Bản. Đối với Bắc Kinh, việc tô vẽ Đảng Cộng sản thành lực lượng quyết định chiến thắng là một cách khẳng định rằng Đảng Cộng sản đã, đang và sẽ luôn là “người bảo vệ chính nghĩa” của dân tộc. [17]

Thậm chí, Trung Quốc và Nga đã thống nhất thông điệp về ý nghĩa của chiến thắng là chống lại chủ nghĩa phát xít và tầm quan trọng của việc “đuy trì” trật

tự hậu chiến. [18] Khi ký ức lịch sử được biến thành công cụ để xây dựng một trật tự quốc tế “đa cực” thì rất có thể lịch sử chỉ được dựa trên các những câu chuyện được biên tập lại cho hợp thời, thay vì là đúng với sự thật của nó.

Không có gì sai khi một quốc gia tưởng nhớ lịch sử và tôn vinh những người đã hy sinh. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ, khi việc tưởng niệm Chiến tranh Thế giới thứ Hai ở Bắc Kinh có thể trở thành công cụ để củng cố quyền lực chính trị hiện tại, phô diễn quyền lực quân sự, thì khi đó, lịch sử bị uốn nắn để phục vụ một “câu chuyện chính thống”.

Đó là lúc lễ tưởng niệm không mang ý nghĩa thật sự của nó, mà là thao túng ký ức. Lễ duyệt binh ngày 3/9 sẽ là một màn trình diễn hoành tráng, nhưng cũng là một lời nhắc nhở rằng lịch sử luôn có thể bị chiếm dụng. □

CHÚ THÍCH

1. Lendon, B. (2025, August 21). China's military prepares to unveil its latest weapons in parade celebrating end of World War II. CNN. <https://edition.cnn.com/2025/08/20/china/china-military-parade-new-weapons-intl-hnk-ml>
2. Hille, K. (2025, August 20). China military parade to show off hypersonic missiles and autonomous weapons. *Financial Times*. <https://www.ft.com/content/30feb466-c974-4eee-a805-8135468faff5>
3. Xem [2].
4. Xem [1]
5. Torode, G. (2025, August 25). From Beyond the 'bling', China aims for deterrence in military show. *Reuters*. <https://www.reuters.com/business/aerospace-defense/beyond-bling-china-aims-deterrence-military-show-2025-08-25/>
6. Magnus, G. (2025, May 22). How is China's economy faring? *Economics Observatory*. <https://www.economicsobservatory.com/how-is-chinas-economy-faring>
7. Why China is holding a military parade to commemorate its victory in WWII. (2025, August 25). CGTN. <https://news.cgtn.com/news/2025-08-25/Why-China-is-holding-a-military-parade-to-commemorate-its-WWII-victory-1G7SIFb6hqq/p.html>
8. Chen, L. (2025, August 22). History, triumph and trauma to take centre stage at China's WW2 military parade. *Reuters*. <https://www.reuters.com/world/china/history-triumph-trauma-take-centre-stage-chinas-ww2-military-parade-2025-08-22/>
9. Oudenaren, J. S. (2025, August 28). Guns of September: What a Parade May Reveal About China's Military Modernization. *The Jamestown Foundation*. <https://jamestown.org/program/guns-of-september-what-a-parade-may-reveal-about-chinas-military-modernization/>
10. Press, T. A. (2025, August 28). North Korea's Kim will meet with Xi and Putin at Chinese military parade. *Wtop News*. <https://wtop.com/world/2025/08/north-korean-leader-kim-jong-un-will-attend-a-military-parade-in-beijing-next-week/>
11. Media statements by Vladimir Putin and Xi Jinping. (2025, May 8). *The Kremlin*. <http://en.kremlin.ru/events/president/news/76873>
12. Yahyai, O. A. (2025, May 30). Russia and North Korea are violating UN sanctions in Ukraine, Western allies report says. *Euronews*. <https://www.euronews.com/2025/05/30/western-allies-accuse-russia-and-north-korea-of-violating-un-sanctions>
13. Japan asked countries to skip China's WWII commemorative events in Sept. (2025, August 24). *Kyodo News*. <https://english.kyodonews.net/articles/-/59746>
14. Zhou, L. (2025, August 26). China protests to Japan over reports it asked foreign leaders to skip Victory Day parade. *South China Morning Post*. <https://www.scmp.com/news/china/diplomacy/article/3323229/china-protests-japan-over-reports-it-asked-foreign-leaders-skip-victory-day-parade>
15. Everington, K. (2025, August 26). Taiwan urges democracies to boycott China's Sept 3 military parade. *Taiwan News*. <https://www.taiwannews.com.tw/news/6187121>
16. Taiwan's denial of communist role in World War Two is 'blasphemy', China says. (2025, August 27). *Reuters*. <https://www.reuters.com/world/china/taiwans-denial-communist-role-world-war-two-is-blasphemy-china-says-2025-08-27>
17. Gao, K., & Pearson, M. M. (2025, August 27). RESEARCH Military parades and memory wars: China and Russia commemorate history to reimagine international order. *Brookings*. <https://www.brookings.edu/articles/military-parades-and-memory-wars-china-and-russia-commemorate-history-to-reimagine-international-order/>
18. Xem [17]



Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

<https://www.luatkhoa.com/#/portal/support>

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.com



Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và các lãnh đạo thế giới tham dự lễ duyệt binh ở Bắc Kinh. Ảnh: Florence Lo/Reuters.

TRUNG QUỐC VÀ THAM VỌNG KIẾN TẠO MỘT TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

Nguyễn Hà

Bài đăng lần đầu trên luatkhoea.com
ngày 9/9/2025.

Trung Quốc đang thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực thông qua các sáng kiến kinh tế, tài chính và ngoại giao, kết hợp với màn phô diễn sức mạnh quân sự, nhằm khẳng định vai trò trụ cột thay thế cho ảnh hưởng phương Tây.

Trong bối cảnh quốc tế biến động dữ dội với những xung đột kéo dài từ Ukraine đến Trung Đông, sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc đã trở thành điểm nóng hàng đầu của chính trị toàn cầu. Khi Washington tiếp tục khẳng định vai trò

bá quyền trong trật tự quốc tế hiện tại, Bắc Kinh lại nỗ lực thúc đẩy một tầm nhìn thay thế – một trật tự đa cực, lấy Trung Quốc làm trung tâm, gắn liền với cái gọi là “phục hưng dân tộc Trung Hoa” mà Chủ tịch Tập Cận Bình nhiều lần nhấn mạnh. [1]

Câu hỏi đặt ra là liệu Trung Quốc có thực sự đang kiến tạo một trật tự thế giới mới, hay chỉ tìm cách điều chỉnh cán cân quyền lực để gia tăng vị thế và lợi ích trong trật tự thế giới hiện hành?

NHỮNG ĐỘNG THÁI KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA TRUNG QUỐC

Hội nghị thượng đỉnh Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) diễn ra đầu tháng 9/2025 tại Thiên Tân đã trở thành minh chứng điển hình cho tham vọng của Trung Quốc. Tại hội nghị, ông Tập đã công khai kêu gọi “xây dựng một trật tự quốc tế đa cực và công bằng hơn”, đồng thời công bố hàng loạt sáng kiến như thành lập ngân hàng phát triển SCO, xây dựng hệ thống thanh toán độc lập thay thế USD, và mở rộng hợp tác kinh tế. [2]

Các đề xuất này không chỉ đơn thuần mang tính kinh tế, mà còn là cách Bắc Kinh gửi đi thông điệp rằng một hệ thống thay thế cho các định chế phương Tây – từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), đến hệ thống SWIFT (Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu) – đang dần hình thành.

Đáng chú ý là ông Tập cũng đã kêu gọi các quốc gia tham dự rằng: “Chúng ta phải tiếp tục có lập trường rõ ràng chống lại chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, và thực hành chủ nghĩa đa phương thực sự.” [3] Không quá khó hiểu để thấy, tuyên bố ngầm ám chỉ chính sách thuế quan của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump.

Cùng lúc đó, Trung Quốc tổ chức lễ duyệt binh kỷ niệm 80 năm kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Hai tại Bắc Kinh, với sự tham dự của hàng chục nguyên thủ và lãnh đạo cao cấp, phần lớn đến từ các quốc gia vốn có mối quan hệ căng thẳng với phương Tây như Nga, Iran, Belarus, hay Triều Tiên.

Về tính chất, đây là cuộc phô diễn sức mạnh quân sự lớn nhất trong nhiều thập kỷ, đồng thời là thông điệp chính trị rằng Trung Quốc cùng các đồng minh sẵn sàng trở thành trụ cột cho một trật tự thế giới hậu Mỹ.

MỘT TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI?

Về hoạt động duyệt binh và những động thái mới đây của Trung Quốc, Yu Jie, nghiên cứu viên cao cấp tại Chatham House, nhận định rằng “Tập Cận Bình đang cố gắng thể hiện tham vọng của mình về trật tự toàn cầu” và theo quan điểm của Tập Cận Bình, “thế giới nên đa cực, do Trung Quốc dẫn đầu và có sự tham gia của nhiều quốc gia ngoài phương Tây”. [4]

Nhìn chung, màn duyệt binh này không chỉ mang tính kỷ niệm, mà là sự khẳng định tầm nhìn của ông Tập về một trật tự thế giới mới, nơi Trung Quốc được xem là người bảo hộ. [5]

Thực tế, khái niệm “trật tự toàn cầu mới” (new global order) mà Trung Quốc cổ vũ không phải một cấu trúc đơn cực thay thế Mỹ, mà nghiêng về một trật tự đa cực, trong đó các nước lớn cùng chia sẻ ảnh hưởng.

Tại Hội nghị SCO, ông Tập nhấn mạnh trách nhiệm chung trong việc xây dựng một trật tự thế giới công bằng hơn, đồng thời chỉ trích sự thống trị của các cường quốc – ám chỉ Mỹ và đồng minh phương Tây. [6] Tuyên bố này phản ánh tư tưởng “đa phương thực chất” (substantive multilateralism) mà Trung Quốc nhiều năm qua liên tục thúc đẩy trong các diễn đàn quốc tế. [7]

THAM VỌNG CỦA BẮC KINH LIỆU CÓ DỄ THỰC THI?

Tuy nhiên, tham vọng của Bắc Kinh cũng vấp phải nhiều trở ngại bởi còn nhiều vấn đề tồn tại, cả bên trong SCO lẫn từ bên ngoài.

Trước tiên, bản thân SCO, dù quy tụ những cường quốc hàng đầu và có ảnh hưởng như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Iran, và Pakistan, vẫn là một tổ chức lỏng lẻo, thiếu cơ chế ràng buộc pháp lý chặt chẽ. Dù Hội nghị SCO năm nay thể hiện sức mạnh biểu tượng của tổ chức, nhưng những khác biệt lợi ích giữa các thành viên, đặc biệt là mâu thuẫn Trung – Ấn về biên giới và cạnh tranh ảnh hưởng giữa hai cường quốc ở khu vực Đông và Nam Á, khiến SCO khó có thể trở thành một liên minh thống nhất để thay đổi trật tự toàn cầu trong ngắn hạn.

Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều hoài nghi về khả năng hiện thực hóa trật tự toàn cầu này. Trước hết, việc các thành viên SCO có địa vị và ưu tiên khác nhau trên trường quốc tế đang ít nhiều cản trở khát vọng chung. Iran và Belarus vẫn bị phương Tây cấm vận, Pakistan phụ thuộc vào Trung Quốc cho nguồn cung kinh tế và quân sự. Nga đang bị phương Tây cấm vận vì cuộc chiến Ukraine. Trong khi đó, Ấn Độ lại có lập trường tương đối độc lập và không muốn bị cuốn vào tranh chấp Mỹ – Trung. [8]

Chính những khác biệt về tình thế và các ưu tiên chiến lược khiến SCO khó có thể tập hợp dưới ngọn cờ lãnh đạo của Bắc Kinh. Khả năng các thành viên SCO hình thành một khối thống nhất chống

lại phương Tây là vô cùng khó khăn vì mỗi quốc gia đều đang phải đương đầu với các thách thức của riêng mình.

Thứ hai, kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với nhiều thách thức nội tại như tốc độ tăng trưởng đang chậm lại, dân số già hóa, và nguy cơ khủng hoảng bất động sản. Tăng trưởng của quốc gia này đang mất cân bằng, tình trạng cung vượt xa cầu nội địa có thể hạn chế triển vọng tăng trưởng tương lai của Trung Quốc. [9]

Bên cạnh đó, việc chính quyền Trump áp thuế lên hàng xuất khẩu của Trung Quốc sẽ gây tổn hại cho cả nền kinh tế nước này. Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã nhấn mạnh về nỗ lực và khả năng phục hồi, nhưng việc mở rộng các biện pháp kích thích kinh tế hiện tại sẽ đòi hỏi nguồn tài chính đáng kể, và không dễ dàng thực hiện. [10]

Đáng nói, các sáng kiến của Trung Quốc, dù hoành tráng, nhưng sẽ cần nguồn tài chính khổng lồ và thời gian dài mới có thể vận hành hiệu quả. Do đó, việc Trung Quốc có đủ năng lực lãnh đạo trong một trật tự toàn cầu mới “phi phương Tây” hay không, phải cần thêm thời gian để chứng minh.

Một điểm khác cần lưu ý là chiến lược của Trung Quốc không phải là không gây quan ngại và không vấp phải phản ứng từ các đối thủ. Mỹ và châu Âu đã bày tỏ quan ngại sâu sắc trước việc Bắc Kinh ngày càng xích lại gần Nga và Iran, cũng như thể hiện e ngại rằng nước này đang tạo ra các cấu trúc song song với hệ thống quốc tế hiện có.

Điều này có nguy cơ làm trầm trọng thêm chia rẽ toàn cầu, dẫn đến tình

trạng “hai trật tự song hành” – một bên do phương Tây dẫn dắt, bên còn lại do Trung Quốc và các đối tác kiến tạo.

Trong bối cảnh đó, thế giới có thể bước vào một giai đoạn phân mảnh sâu sắc, khiến việc phối hợp ứng phó các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh mạng hay đại dịch, v.v. trở nên khó khăn hơn.

Đối với các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia nhỏ, sự nổi lên của một trật tự đa cực mang cả cơ hội lẫn thách thức.

Một mặt, việc có nhiều trung tâm quyền lực giúp các nước nhỏ có thêm lựa chọn và khả năng duy trì thế cân bằng trong quan hệ quốc tế.

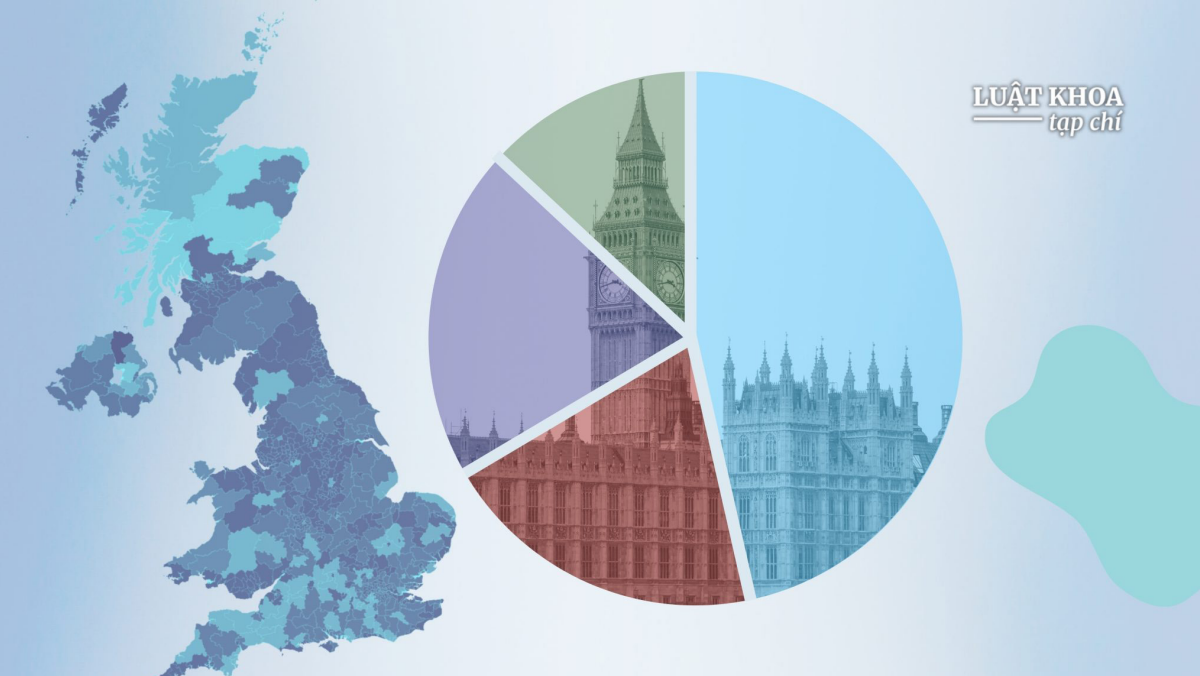
Mặt khác, cạnh tranh Mỹ – Trung gia tăng cũng đặt ra sức ép buộc các quốc gia phải lựa chọn, hoặc ít nhất là điều chỉnh chính sách một cách tinh tế để không rơi vào thế bị động trước những biến chuyển lớn có thể xảy ra.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng Trung Quốc đang thực sự thúc đẩy một trật tự thế giới mới, nhưng không theo hướng phá bỏ toàn diện trật tự hiện hành, mà theo hướng “cải tạo dần dần”. Bắc Kinh tận dụng thế mạnh kinh tế, quân sự, ngoại giao và ý thức hệ để xây dựng một khung trật tự song hành, trong đó các giá trị phương Tây không còn chiếm ưu thế tuyệt đối.

Dù hiệu quả dài hạn của chiến lược này còn chưa rõ ràng, những bước đi gần đây tại SCO và các màn trình diễn quân sự cho thấy Bắc Kinh quyết tâm trong việc tái định hình luật chơi toàn cầu. □

CHÚ THÍCH

1. Full text of Xi Jinping's speech on the CCP's 100th anniversary. (2021, July 1). *Nikkei Asia*. <https://asia.nikkei.com/politics/full-text-of-xi-jinping-s-speech-on-the-ccp-s-100th-anniversary>
2. Chen, L., & Chu, M. M. (2025, September 1). China's Xi pushes a new global order, flanked by leaders of Russia and India. *Reuters*. <https://www.reuters.com/world/china/chinas-xi-pushes-new-global-order-flanked-by-leaders-russia-india-2025-09-01/>
3. Xem [2].
4. Hawkins, A., & Davidson, H. (2025, September 2). China to show off military might in parade attended by anti-west leaders. *The Guardian*. <https://www.theguardian.com/world/2025/sep/01/china-military-parade-anti-west-leaders>
5. Xem [2].
6. China, Russia pledge new global order at Shanghai Cooperation summit. (2025, September 2). *Al Jazeera*. <https://www.aljazeera.com/news/2025/9/2/china-russia-pledge-new-global-order-at-shanghai-cooperation-summit>
7. Flonk, D., & Debre, M. J. (2025, July 1). Hollow multilateralism: how autocracies contest the norms and procedures of international organizations. *International Affairs*. <https://academic.oup.com/ia/article/101/4/1463/8178349>
8. SCO summit in China: What 10-nation bloc wants, why it matters — and what it means for India . (2025, August 31). *The Times of India*. <https://timesofindia.indiatimes.com/world/china/sco-summit-in-china-what-10-nation-bloc-wants-why-it-matters-and-what-it-means-for-india/articleshow/123615050.cms>
9. Sutherland, M. D., & Sutter, K. M. (2025, December 2). China's Economy: Current Trends and Issues. *U.S. Congress*. <https://www.congress.gov/crs-product/IF11667>
10. Lait, A., & Vaitilingam, R. (2025, May 30). China crisis. *Economics Observatory*. <https://www.economicsobservatory.com/china-crisis>



Ảnh minh họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

BẦU CỬ TRONG CÁC NỀN DÂN CHỦ – KỲ 1: MÔ HÌNH ‘ĐƯỢC ĂN CẢ, NGÃ VỀ KHÔNG’ TẠI CÁC NƯỚC ANH, MỸ

Hoàng Dạ Lan

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 21/8/2025.

Về cơ bản, bầu cử là để chọn ra người đại diện cho quyền lợi của mình và cộng đồng quanh mình. Người đại diện ấy phải có năng lực và lý tưởng đấu tranh với bất công và bảo vệ những lợi ích chính đáng cho cộng đồng mà họ đại diện. Nói thế để thấy tầm quan trọng của lá phiếu bầu, nhưng hãy cùng ngắm lại cách mà bấy lâu nay ta đã sử dụng lá phiếu ấy.

Vào kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp năm

2021, bạn có tham gia bỏ phiếu không? Nếu có, bạn có nhớ mình đã bầu cho ai không? Những đại biểu bạn chọn có trúng cử không? Bạn có cảm thấy quyền và lợi ích của mình được đại diện bởi các đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND không?

Trả lời những câu hỏi này có thể giúp ta nhìn nhận lại mức quan tâm đến quyền lợi chính trị của bản thân, và đưa ta đến một vấn đề lớn: thế nào là một quốc hội có tính đại diện? Nói cách khác, mô hình

bầu cử hiện tại của Việt Nam có đảm bảo những người thắng cử thực sự là đại diện cho nhân dân?

Trong thực tế, hệ thống bầu cử của Việt Nam không giống các nước dân chủ đa đảng, mà gần với các nước độc đảng như Trung Quốc và Cu Ba. Nó mang tính hình thức hơn là một cơ chế trao quyền để người dân quyết định người lãnh đạo đất nước.

Bài viết này và kỳ tới sẽ cung cấp một số kiến thức cơ bản về các mô hình bầu cử phổ biến trên thế giới, đồng thời phân tích cách các quốc gia dân chủ đảm bảo sự cạnh tranh công bằng giữa các chính đảng và duy trì tính đại diện trong cơ quan lập pháp.

THẾ NÀO LÀ MỘT QUỐC HỘI CÓ TÍNH ĐẠI DIỆN?

Trong khoa học chính trị, có hai quan điểm khác nhau về tính đại diện của quốc hội. [1]

Một quan điểm cho rằng tính đại diện thể hiện qua việc quốc hội và các đại biểu phải phản ánh được ý kiến của đa số cử tri. Theo đó, người đại diện cho một khu vực bầu cử phải là ứng viên nhận được nhiều phiếu nhất trong khu vực đó. Đây được gọi là nguyên tắc đại diện theo số đông (majoritarian representation).

Quan điểm còn lại cho rằng quốc hội có tính đại diện chỉ khi phản ánh được sự đa dạng trong xã hội. Do đó, mỗi khu vực nên có nhiều đại biểu để thể hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng của các nhóm khác nhau. Số ghế sẽ được phân bổ dựa trên tỷ lệ ủng hộ mà mỗi nhóm nhận

được, nhờ đó mà các nhóm thiểu số cũng có tiếng nói. Nguyên tắc này được gọi là đại diện theo tỷ lệ (proportional representation).

Hai nguyên tắc nêu trên là nền tảng của hai nhóm hệ thống bầu cử phổ biến trong các quốc gia dân chủ. Trong đó:

- Nguyên tắc đại diện theo số đông là cơ sở của nhóm hệ thống bầu cử “đa số tương đối” hoặc “đa số tuyệt đối” (plurality/majority systems). [2] Trong các mô hình này, mỗi đơn vị bầu cử chỉ chọn ra một đại diện duy nhất theo một trong hai tiêu chí sau:
 - Đạt đa số tương đối (plurality) – tức đạt được nhiều phiếu nhất, không cần quá 50% tổng số phiếu.
 - Đạt đa số tuyệt đối (majority) – tức là phải giành quá bán (hơn 50%) số phiếu. Nếu không người nào đạt quá bán ở vòng đầu, có thể tổ chức thêm vòng bầu cử thứ hai giữa các ứng viên dẫn đầu.
- Nguyên tắc đại diện theo tỷ lệ là nền tảng của hệ thống bầu cử đại diện tỷ lệ (Proportional Representation – PR): Trong hệ thống này, số ghế của các đảng trong quốc hội tương ứng với tỷ lệ phiếu bầu mà họ nhận được, giúp phản ánh chính xác hơn sự đa dạng trong xã hội. [3]

Phần tiếp theo sẽ phân tích chi tiết về hệ thống bầu cử đa số tương đối (Single Member Plurality – SMP). Đây cũng là hình thức bầu cử phổ biến nhất dựa theo nguyên tắc đại diện theo số đông.

HỆ THỐNG ĐA SỐ TƯƠNG ĐỐI

Hệ thống “đa số tương đối” (Single Member Plurality) là một trong những phương thức bầu cử đơn giản và lâu đời nhất, được sử dụng ở các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Canada, và Ấn Độ. [4]

Trong hệ thống này, mỗi đơn vị bầu cử chỉ chọn ra một người thắng cuộc (single member), đại diện cho toàn bộ khu vực đó.

Ứng viên đắc cử là người giành được nhiều phiếu nhất (plurality), nhưng không cần đạt quá bán tổng số phiếu. Điều này có nghĩa là một ứng viên có thể thắng cử chỉ với 30% – 40% số phiếu, miễn là không có đối thủ nào đạt được số phiếu cao hơn.

Hệ thống này còn được gọi là “người về nhất thắng” (First Past the Post – FPTP) – một cách ví von từ đua ngựa, ám chỉ ứng viên nào về đích trước (tức là có nhiều phiếu hơn các đối thủ) sẽ giành chiến thắng. Người ta còn gọi đây là thể thức bầu cử “được ăn cả ngã về không”, vì ứng viên về nhì, dù có kết quả sát nút người dẫn đầu, thì vẫn hoàn toàn trắng tay, không giành được ghế.

Vương quốc Anh là một trong những quốc gia sử dụng hệ thống bầu cử “đa số tương đối” lâu đời nhất. Hạ viện Vương quốc Anh có 650 nghị sĩ (Member of Parliaments – MPs), mỗi người đại diện cho một khu vực bầu cử. Các khu vực này được phân chia dựa trên dân số, ranh giới hành chính, và các yếu tố địa lý, văn hóa.

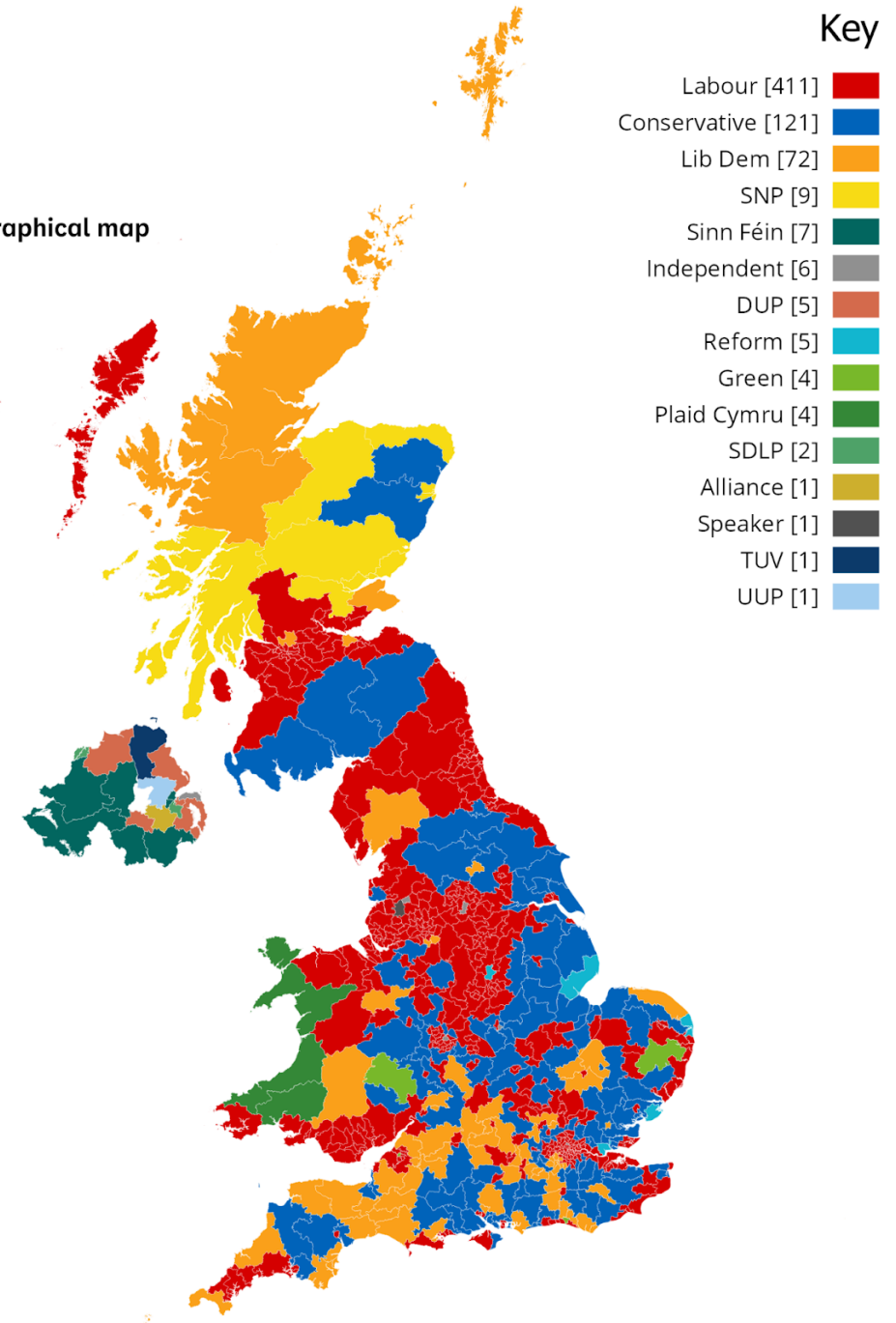
Bản đồ bên cạnh thể hiện ranh giới của 650 khu vực bầu cử trong cuộc tổng tuyển cử tháng 7/2024.

Tại mỗi khu vực bầu cử sẽ có nhiều đảng phái tham gia tranh cử, và cử tri sẽ chọn trên lá phiếu một ứng viên từ một trong số các đảng này.

Hình dưới đây là mẫu lá phiếu tại khu vực bầu cử Hendon, London. Lá phiếu liệt kê tám ứng viên, mỗi người đến từ một chính đảng khác nhau, gồm: Đảng Xanh (Green Party), Dân chủ Tự do (Liberal Democrats), Dân chủ Xã hội (Social Democratic Party), Bảo thủ (Conservative Party), Công nhân (Workers Party), Cải cách Vương Quốc Anh (Reform UK), Lao động (Labour Party) và Tái gia nhập EU (Rejoin EU).

Ứng viên nhận được nhiều phiếu nhất sẽ giành chiến thắng và trở thành nghị sĩ đại diện cho khu vực Hendon tại Hạ viện Anh.

Geographical map



Ranh giới địa lý của 650 khu vực bầu cử trong cuộc tổng tuyển cử Hạ viện Vương quốc Anh vào tháng 7 năm 2024. Mỗi khu vực được tô màu theo đảng giành chiến thắng tại khu vực đó.
Nguồn ảnh: UK House of Commons.

ĐIỂM MẠNH CỦA HỆ THỐNG ĐA SỐ TƯƠNG ĐỐI

Hệ thống bầu cử đa số tương đối được đánh giá là đơn giản, dễ hiểu, bởi cử tri chỉ cần chọn tên ứng viên mình yêu thích nhất. Khi tính toán kết quả, người nhiều phiếu nhất sẽ thắng, không có công thức chia ghế phức tạp.

Trong các nền dân chủ nghị viện như Vương quốc Anh, hệ thống bầu cử này thường dẫn đến việc một chính đảng giành được đa số ghế rõ ràng trong Quốc hội, từ đó hình thành một chính phủ ổn định.

SMP cũng tạo ra sự gắn kết chặt chẽ cử tri và người đại diện. Vì mỗi nghị sĩ chỉ đại diện cho một khu vực cụ thể, cử tri có thể dễ dàng nhận diện ai là người đại diện cho địa phương của mình và tiếp cận họ khi cần bảo vệ quyền lợi.

Bên cạnh đó, do sinh mệnh chính trị của đại biểu gắn liền với khu vực đã bầu cho họ, họ thường tập trung giải quyết vấn đề địa phương và tìm cách lấy lòng cử tri địa phương để tăng cơ hội tái cử.

Họ có thể vận động phân bổ ngân sách nhà nước về khu vực mình đại diện, chẳng hạn như xây cầu, làm đường, hay hỗ trợ doanh nghiệp địa phương. Tuy nhiên, điều này đôi khi khiến lợi ích địa phương được đặt lên trên lợi ích chung của quốc gia, dễ dẫn đến việc phân bổ nguồn lực mang tính thiên vị và kém hiệu quả. Hiện tượng này được gọi là “chính trị ban phát lợi ích cục bộ” (pork-barrel politics), và thường được xem là hệ quả tiêu cực của hệ thống bầu cử đa số tương đối.

ĐIỂM YẾU CỦA HỆ THỐNG ĐA SỐ TƯƠNG ĐỐI

Không chỉ mang nhược điểm vừa nêu trên, SMP còn có nhược điểm lớn là gây ra sự chênh lệch giữa tỷ lệ phiếu bầu và tỷ lệ ghế trong quốc hội. Cụ thể, một đảng chỉ cần nhỉnh hơn đối thủ một chút về số phiếu cũng có thể thắng áp đảo về số ghế.

Giả sử Đảng A và Đảng B cạnh tranh nhau để giành ghế. Ở các khu vực bầu cử, ứng viên của Đảng A giành được 51% số phiếu, còn Đảng B được 49%. Dù mức chênh lệch phiếu không đáng kể, nhưng ghế chỉ được trao cho một ứng viên nhiều phiếu nhất trong mỗi khu vực bầu cử theo nguyên tắc “được ăn cả, ngã về không”. Ứng viên về nhì, dù cũng giành được nhiều phiếu, kết quả lại không khác gì người về cuối vì không giành được ghế. Hệ quả là, Đảng A chỉ cần thắng sát nút ở nhiều khu vực đã có thể thu về số ghế vượt trội hẳn so với đảng B.

Sự mất cân đối giữa tỷ lệ phiếu bầu và số ghế trong quốc hội được thể hiện rõ nét qua kết quả bầu cử Hạ viện Anh từ năm 1945 đến năm 2017 (xem biểu đồ bên dưới). [6]

Hệ thống chính trị Anh chủ yếu bị chi phối bởi hai đảng lớn: Đảng Lao động (Labour Party) thuộc cánh tả và Đảng Bảo thủ (Conservative Party) thuộc cánh hữu. Ngoài ra, cử tri Anh còn có nhiều lựa chọn khác, điển hình là Đảng Dân chủ Tự do (Liberal Democrats), thường được xem là đảng lớn thứ ba tại Anh với lập trường ý thức hệ nằm giữa hai đảng lớn.

Election of the Member of Parliament for the Hendon constituency

Vote for **only one** candidate by putting a cross ☒ in the box next to your choice

BAILEY, Gabrielle Louise

(address in the Hendon Constituency)

Green Party candidate


☐

ENDERBY, Clareine

(address in the Finchley and Golders Green Constituency)

Liberal Democrats


☐

GIBSON, Jane

(address in the Hendon Constituency)

Social Democratic Party


☐

JOGIA, Ameet

(address in the Harrow East Constituency)

The Conservative Party Candidate


☐

PALEKAR, Imtiaz

114 Whitton Dene, Hounslow, TW3 2JU

Workers Party


☐

PEARL, Joshua Leon

(address in the Hendon Constituency)

Reform UK


☐

PINTO-DUSCHINSKY, David

(address in the Hendon Constituency)

Labour Party


☒

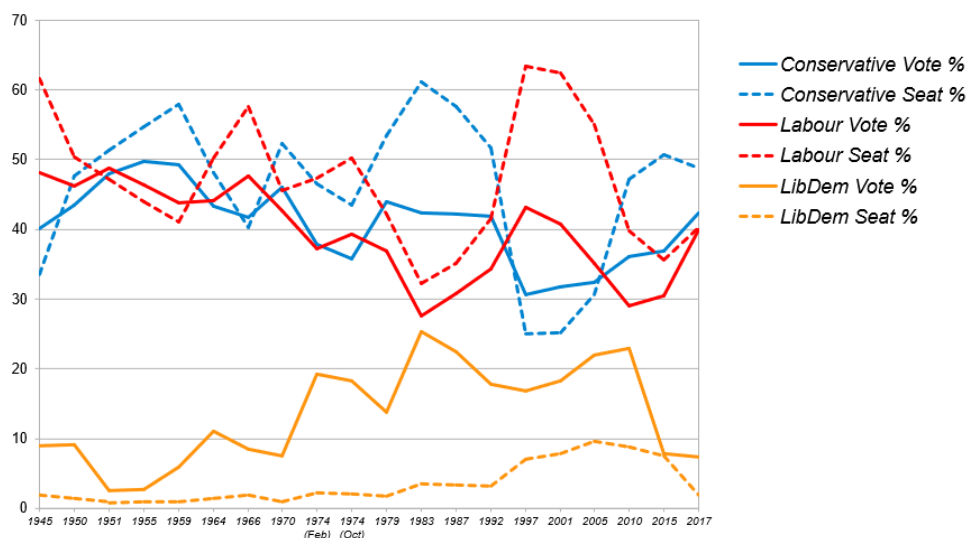
REND, Ben

(address in the Chipping Barnet Constituency)

Rejoin EU


☐

Lá phiếu trong cuộc Tổng tuyển cử tại Vương quốc Anh năm 2024 tại đơn vị bầu cử Hendon. Cử tri chọn một ứng viên duy nhất. Nguồn ảnh: The Middlebury Campus.



Hạn chế của hệ thống bầu cử đa số tương đối (SMP) thể hiện qua sự chênh lệch giữa tỷ lệ phiếu bầu (đường liền) và tỷ lệ ghế thực tế trong quốc hội (đường đứt đoạn). Nguồn ảnh: Craig Parsons (2017).

Biểu đồ trên thể hiện rõ sự chênh lệch giữa tỷ lệ phiếu bầu (đường liền) và tỷ lệ ghế trong quốc hội (đường đứt đoạn) của ba đảng: Đảng Bảo thủ (xanh dương), Đảng Lao động (đỏ) và Đảng Dân chủ Tự do (vàng cam). Sự chênh lệch này thể hiện qua khoảng cách giữa hai đường có cùng một màu.

Quan sát sơ đồ cho thấy một đảng có thể chiếm được số ghế vượt trội trong Quốc hội dù không thực sự vượt trội về số phiếu bầu.

Chẳng hạn, trong cuộc bầu cử năm 1983, Đảng Bảo thủ (xanh dương) chỉ nhận được 42,4% phiếu bầu, tức chưa đạt đa số quá bán, nhưng giành tới 61,1% số ghế trong Hạ viện.

Tình hình tương tự xảy ra vào năm 1997, khi Đảng Lao động (đỏ) chỉ nhận được 43,2% phiếu bầu, nhưng lại chiếm tới

63,4% số ghế. Nói cách khác, đảng này giành được gần 2/3 số ghế trong quốc hội, trong khi chưa đến một nửa số cử tri bỏ phiếu cho họ.

Hai ví dụ trên cho thấy một đảng có thể giành được đa số ghế trong Quốc hội mặc dù không nhận được sự ủng hộ của đa số cử tri. Hiện tượng này được gọi là “đa số giả” (manufactured majority hay false majority), vì số ghế mà đảng chiếm được vượt xa tỷ lệ phiếu bầu thực tế.

Hệ thống bầu cử này cũng gây ra nhiều bất lợi cho các đảng nhỏ. Đảng Dân chủ Tự do ở Anh là một ví dụ điển hình. Trên biểu đồ, đường đứt đoạn màu vàng cam – thể hiện tỷ lệ ghế – luôn thấp hơn nhiều so với đường liền, tức tỷ lệ phiếu bầu họ nhận được. Lý do là vì đảng này thường chỉ về nhì ở nhiều khu vực bầu cử, nhưng hiếm khi đứng đầu để thắng ghế.

Một điểm yếu khác của hệ thống SMP là số lượng “phiếu lãng phí” hoặc “phiếu vứt đi” (wasted votes) rất cao. Vì chỉ ứng viên về nhất mới giành được ghế, nên tất cả phiếu bầu cho các ứng viên còn lại đều không được tính đến.

Tâm lý không muốn lá phiếu của mình trở thành “lãng phí” ảnh hưởng đáng kể đến hành vi bầu cử. Vì mỗi khu vực bầu cử chỉ chọn ra một người chiến thắng, do đó thay vì bầu cho người mình tin tưởng và ủng hộ, cử tri thường có xu hướng dồn phiếu cho ứng viên của các đảng lớn có khả năng thắng cao, ngay cả khi người này không phải là ứng viên họ yêu thích.

Chẳng hạn, tại Mỹ, một số cử tri có cảm tình với ứng viên của Đảng Xanh (Green Party) hoặc Đảng Tự do (Libertarian Party), nhưng cuối cùng vẫn chọn bỏ phiếu cho đại diện của Đảng Dân chủ hoặc Đảng Cộng hòa, đơn giản vì họ cho rằng các đảng nhỏ không có cơ hội giành chiến thắng.

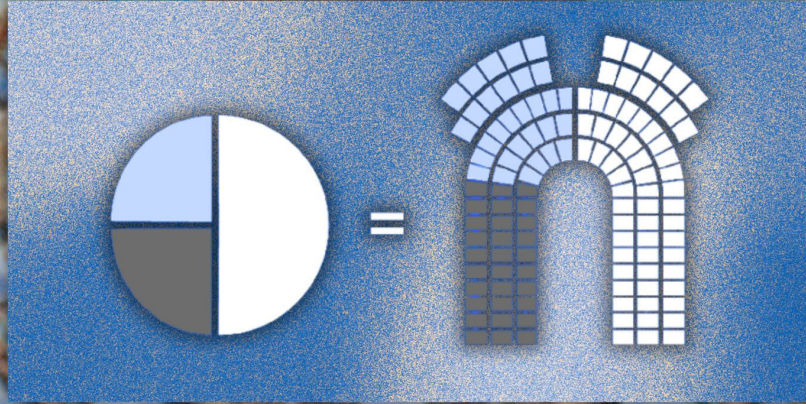
Hiểu rõ đặc điểm này của hệ thống, các chính trị gia tham vọng thường gia nhập các đảng lớn, lâu đời, kể cả khi lập trường của các đảng này không thật sự trùng khớp với quan điểm của họ, thay vì thành lập đảng mới hoặc đầu quân cho các đảng nhỏ phù hợp lập trường hơn.

Theo thời gian, cách bỏ phiếu của cử tri cùng với chiến lược tranh cử của các ứng viên có khuynh hướng củng cố mô hình lưỡng đảng. Tại Mỹ, nền chính trị bị chi phối bởi hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, trong khi tại Anh, Đảng Lao động và Đảng Bảo thủ thay nhau cầm quyền.

Chính vì những bất cập này của hệ thống “đa số tương đối”, nhiều quốc gia đã lựa chọn hệ thống đại diện tỷ lệ (PR). Vậy PR khác gì và liệu nó có khắc phục được nhược điểm của SMP? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong kỳ tiếp theo. □

CHÚ THÍCH

1. Parsons, C. (2017). *Introduction to political science: How to think for yourself about politics*. Pearson, page 199.
2. Hệ thống đa số tương đối (plurality systems) chọn người thắng dựa trên số phiếu cao nhất, bao gồm các dạng phổ biến là: Người về nhất thắng (First Past the Post – FPTP) được sử dụng ở Hoa Kỳ, Anh, Canada; Bỏ phiếu theo khối (Block Vote) được áp dụng ở Singapore. Trong khi đó, hệ thống đa số tuyệt đối (majority systems) yêu cầu ứng viên phải đạt trên 50% số phiếu để thắng, bao gồm: Bỏ phiếu hai vòng (Two-round system) được áp dụng ở Pháp; và Bỏ phiếu ưu tiên (Alternative Vote – AV), được áp dụng ở Hạ viện Úc.
3. Nhóm hệ thống đại diện tỷ lệ (proportional representation) phản ánh tỷ lệ phiếu bầu của các đảng trong phân bố ghế, bao gồm các dạng phổ biến là: Danh sách đóng (Closed-list PR); Danh sách mở (Open-list PR); Danh sách tự do (Free-list PR); Bỏ phiếu đơn chuyển nhượng (Single Transferable Vote – STV).
4. Luật Khoa đã có một bài viết phân tích chi tiết về hệ thống bầu cử SMP trong nền chính trị Hoa Kỳ. Tham khảo: Nguyễn Quỳnh Thơ. (2023, February 9). Từ hệ thống lưỡng đảng đến sự phân cực chính trị gay gắt ở Hoa Kỳ. *Luật Khoa tạp chí*. <https://www.luatkhoa.com/2023/02/tu-he-thong-luong-dang-den-su-phan-cuc-chinh-tri-gay-gat-o-hoa-ky/>
5. Parsons (2017), trang 204.
6. Parsons (2017), trang 201-203.



Ảnh minh họa: Thiên Tân/Luật Khoa.

BẦU CỬ TRONG CÁC NỀN DÂN CHỦ – KỲ 2: THỂ THỨC ĐẠI DIỆN THEO TỶ LỆ: KHI TIẾNG NÓI NÀO CŨNG ĐÁNG LẮNG NGHE

Hoàng Dạ Lan

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 26/8/2025.

Như đã đề cập ở kỳ trước, “nguyên tắc đại diện theo tỷ lệ” (proportional representation) trong bầu cử hướng đến việc bảo đảm tính đa dạng trong cơ quan lập pháp. Nguyên tắc này chính là cơ sở lý luận cho “hệ thống bầu cử đại diện theo tỷ lệ” (Proportional Representation – PR) được nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước

Âu châu, áp dụng. Theo nguyên tắc trên, mỗi nhóm trong xã hội được đảm bảo sẽ có đại diện của mình trong nghị viện, số lượng đại diện đông hay ít tùy theo mức độ ủng hộ mà họ nhận được.

Thử lấy ví dụ sau để hình dung rõ hơn nội dung của nguyên tắc vừa nêu. Giả sử tại Việt Nam có 60% người dân ủng

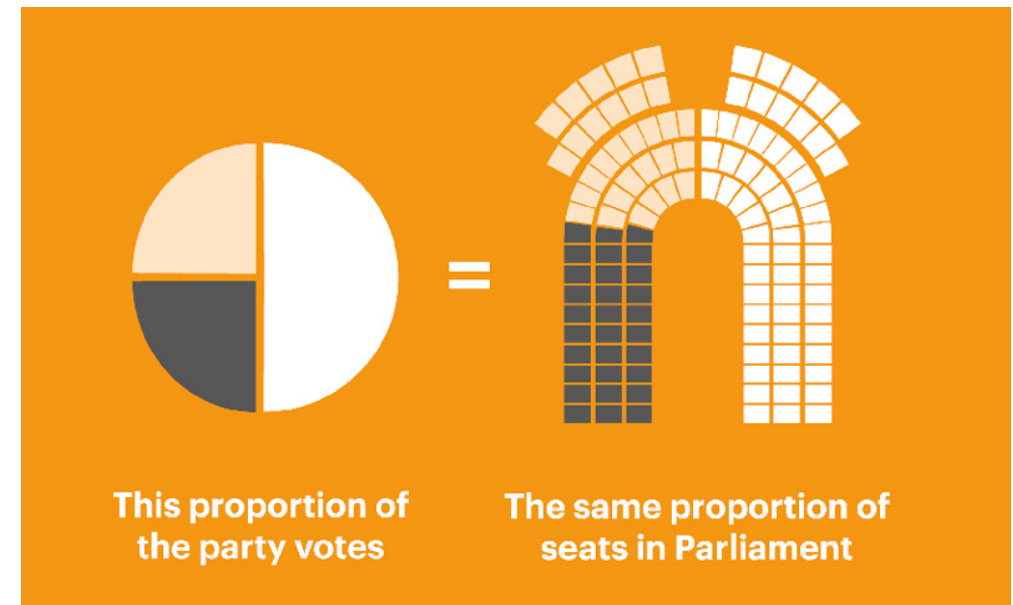
hộ xe chạy xăng, 30% ủng hộ xe điện và 10% ủng hộ phương tiện sử dụng nhiên liệu sinh học. Nếu Quốc hội có 100 ghế thì số dân biểu đại diện cho ba phương án chính sách lần lượt sẽ là 60, 30 và 10.

MÔ HÌNH ĐẠI DIỆN THEO TỶ LỆ: NGƯỜI DÂN BỎ PHIẾU THỂ NÀO?

Từ nguyên tắc đại diện theo tỷ lệ, người ta xây dựng nên một mô hình bầu cử giúp đảm bảo nguyên tắc trên được tuân thủ và hiện thực hóa. Mô hình bầu cử này, như trên đã nêu, có tên là “hệ thống đại diện theo tỷ lệ”, gọi tắt là PR. Trong hệ thống PR này, mỗi một khu vực bầu cử có nhiều ghế, cử tri bỏ phiếu

cho đảng mà họ ủng hộ, và số ghế trong cơ quan lập pháp được phân bổ dựa trên tỷ lệ phiếu bầu mà mỗi đảng nhận được. Hầu hết các quốc gia sử dụng thể thức PR đều yêu cầu các đảng phải đạt một ngưỡng tối thiểu (electoral threshold) về tỷ lệ phiếu bầu, thường từ 3% đến 5% tổng số phiếu, để được phân bổ ghế. [1] Việc đặt ra ngưỡng này nhằm hạn chế tình trạng quyền lực bị phân tán do sự hiện diện của quá nhiều đảng nhỏ trong quốc hội, vốn có thể làm phức tạp hóa quá trình lập pháp.

Vì Việt Nam chỉ có một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản, mô hình bầu cử đa đảng theo thể thức PR có thể gây bối rối cho bạn đọc. Để làm rõ thêm về phương thức bầu cử này, dưới đây là một ví dụ minh họa.



Tỷ lệ phiếu của mỗi đảng sẽ được quy đổi ra số ghế tương ứng trong Quốc hội.
Nguồn ảnh: Elections NZ.

Giả sử một đơn vị bầu cử có 10 ghế và có bốn đảng tham gia tranh cử, gồm Đảng Trâu Cày, Hoa Sen, Bồ Câu và Tre Xanh. Mỗi đảng đưa ra một danh sách ứng viên, và những người này sẽ giành được ghế nếu đảng của họ đạt đủ phiếu để có chân trong quốc hội (xem hình minh họa).

Đây là một ví dụ cho mô hình bầu cử theo tỷ lệ với danh sách cố định (closed-list PR), trong đó, danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên do nội bộ đảng quyết định.

Những người đứng đầu danh sách thường là các ứng viên nổi bật, có kinh nghiệm chính trị hoặc đang giữ những chức vụ quan trọng. Họ được xếp ở vị trí đầu nhằm tăng mức độ nhận diện và thu hút phiếu bầu cho đảng.

Khi đảng giành được đủ số phiếu để có ghế trong quốc hội, các ghế sẽ được phân bổ theo thứ tự từ trên xuống dưới trong danh sách. Vì vậy, những ứng viên ở vị trí đầu có cơ hội trúng cử cao hơn.

Danh sách ứng viên giúp đảng duy trì kỷ luật nội bộ và bảo đảm rằng các nghị sĩ trúng cử phù hợp với chiến lược và đường lối chính sách mà đảng đề ra.

Bốn đảng này tranh nhau 10 ghế trong quốc hội. Giả sử kết quả bầu cử như sau: Đảng Trâu Cày giành được 50% số phiếu, Đảng Hoa Sen 30%, và Đảng Bồ Câu 20%. Đảng Tre Xanh không giành được phiếu nào.

- Đảng Trâu Cày nhận năm ghế, và cả năm ứng viên của đảng này đều trở thành nghị sĩ.
- Đảng Hoa Sen giành ba ghế, vậy ba nhân vật đứng đầu danh sách của đảng này, bao gồm Thúc Sinh, Hoạn Thư và Mã Giám Sinh sẽ trở thành nghị sĩ.
- Đảng Bồ Câu giành hai ghế, nên Vương Ông và Vương Bà sẽ trở thành nghị sĩ.
- Đảng Tre Xanh vì không nhận được phiếu nào, do đó không có ghế.

Ví dụ này cho thấy cách phân bổ ghế trong PR phản ánh chính xác tỷ lệ ủng hộ của cử tri, khác biệt rõ so với thể thức bầu cử đa số tương đối (SMP) mà chúng ta đã cùng tìm hiểu trong kỳ trước, nơi chỉ người về nhất lấy được ghế, hay còn gọi là lối bầu cử là “được ăn cả, ngã về không”.

Bên cạnh đó, các nước Brazil, Phần Lan hay Đan Mạch cũng áp dụng hệ thống PR trong bầu cử, nhưng theo hình thức

“danh sách mở” (open-list PR). Tức là, các đảng không quyết định sẵn thứ tự ứng viên, mà cử tri khi bỏ phiếu sẽ vừa chọn đảng, vừa chọn luôn ứng viên mình thích trong danh sách của đảng đó.

So với danh sách cố định, danh sách mở khiến các ứng viên không chỉ cạnh tranh với đối thủ từ các đảng khác mà còn phải ganh đua với các ứng viên cùng đảng. Danh sách mở tăng tính dân chủ và trao thêm quyền cho cử tri trong việc lựa chọn ứng viên họ yêu thích, nhưng có thể làm giảm sự đoàn kết nội bộ các đảng, vô hình trung có thể gây chia rẽ và làm suy yếu các chính đảng này.

MỘT QUỐC HỘI ĐA DẠNG VÀ ÍT LÃNG PHÍ LÁ PHIẾU

Khi đặt hai hệ thống bầu cử đa số tương đối (SMP) và đại diện tỷ lệ (PR) lên bàn cân, có thể thấy rõ ưu điểm của hệ thống này thường là nhược điểm của hệ thống kia. Trong đó, PR có lợi thế lớn ở tính công bằng, khi phân bổ ghế quốc hội theo đúng tỷ lệ phiếu mà các đảng nhận được. Nhờ vậy, hệ thống này khắc phục tình trạng “đa số giả”, vốn dễ xảy ra trong SMP, khi một đảng chiếm phần lớn số ghế dù thực tế không được đa số cử tri lựa chọn.

Một trong những lợi thế nổi bật của PR là giảm thiểu số phiếu bị lãng phí. Gần như mọi lá phiếu đều được tính vào kết quả cuối cùng, đảm bảo sự phân bổ ghế phản ánh chính xác mức độ ủng hộ của cử tri. Nhờ vậy, PR tạo điều kiện cho các đảng nhỏ và nhóm thiểu số giành được đại diện trong nghị viện.

Phiếu bầu theo hình thức đại diện tỷ lệ - Danh sách cố định (Closed - List Ballot)	
Chọn đảng mà bạn muốn bầu bằng cách đánh dấu (X) vào ô bên cạnh tên đảng đó.	
A. ĐẢNG TRÂU CÀY 1. Thúy Kiều 2. Thúy Vân 3. Kim Trọng 4. Từ Hải 5. Giác Duyên	☐
B. ĐẢNG HOA SEN 1. Thúc Sinh 2. Hoạn Thư 3. Mã Giám Sinh 4. Sở Khanh 5. Tú Bà	☐
C. ĐẢNG BỒ CÀU 1. Vương Ông 2. Vương Bà 3. Vương Quan 4. Hồ Tôn Hiến 5. Đạm Tiên	☐
D. ĐẢNG TRE XANH 1. Ưng 2. Khuyển 3. Bạc Hạnh 4. Bạc Bà	☐

Đáng chú ý, hệ thống này còn mở ra cơ hội lớn hơn cho phụ nữ và cá nhân thuộc các tộc người thiểu số tham gia chính trường. Lý do là các đảng thường xây dựng danh sách ứng viên đa dạng về giới tính và sắc tộc để thu hút cử tri. Ở một số quốc gia, luật pháp thậm chí yêu cầu các đảng đảm bảo tỷ lệ tối thiểu số ứng viên nữ hoặc đại diện tộc người thiểu số. Vì vậy, nhiều quốc gia châu Âu áp dụng PR hiện nằm trong nhóm dẫn đầu thế giới về tỷ lệ nghị sĩ nữ.

THÁI CỰC KHÁC CỦA ĐA DẠNG: KHI QUỐC HỘI TRỞ NÊN QUÁ PHÂN TÁN

Hệ thống PR có nhiều ưu điểm, tạo điều kiện cho các đảng nhỏ giành ghế, từ đó hình thành một quốc hội đa dạng hơn. Khi số ghế trong một đơn vị bầu cử càng lớn, việc phân chia ghế cho các đảng theo tỷ lệ phiếu bầu càng dễ dàng và chính xác.

Tuy nhiên, hệ thống này cũng có mặt hạn chế. Cụ thể, nếu mỗi khu vực bầu quá nhiều đại biểu, thì các đảng chỉ cần đạt một tỷ lệ phiếu rất thấp cũng đã đủ để giành được ghế vào nghị viện. Hệ quả là quốc hội có thể bị chia nhỏ quá mức với nhiều đảng phái. Ví dụ:

- Nếu đơn vị bầu cử có năm ghế, một đảng cần ít nhất 20% phiếu bầu để có cơ hội giành ghế.
- Nhưng nếu đơn vị bầu cử có 100 ghế, một đảng có thể giành ghế và lọt vào nghị viện với chỉ 1% phiếu bầu.

Một ví dụ điển hình cho trường hợp thứ hai nêu trên là Israel. Tại quốc gia Do Thái này, cả nước được xem là một đơn vị bầu cử duy nhất với 120 ghế trong Quốc hội (Knesset). Cử tri bỏ phiếu cho các đảng, và số ghế mỗi đảng giành được được chia theo tỷ lệ phiếu bầu mà họ nhận được.

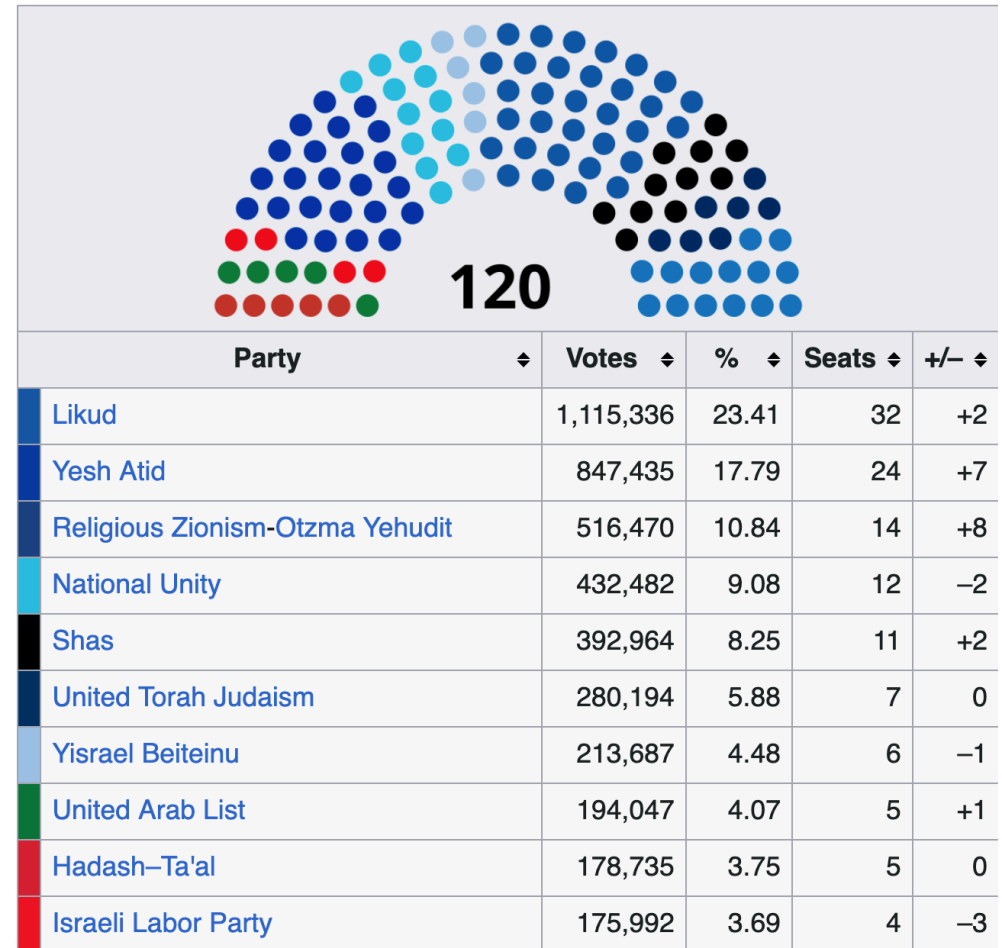
Việc áp dụng một hệ thống bầu cử theo tỷ lệ “thuần túy” (a pure PR system) khiến Quốc hội Israel thường xuyên bị phân mảnh, dễ dẫn đến bất ổn chính trị. [2]

Do xã hội Israel đa dạng về văn hóa, sắc tộc và tôn giáo, nên mỗi cuộc bầu cử tại đây thường có khoảng 30 đến 40 đảng tham gia tranh cử (xem hình minh họa)

Với Quốc hội có quy mô 120 ghế, một đảng chỉ cần 0,83% số phiếu (1/120) để có thể giành được ghế.

Mặc dù Israel đã áp dụng ngưỡng bầu cử 3,25% (tức một đảng phải đạt ít nhất 3,25% tổng số phiếu mới có ghế trong Quốc hội) để hạn chế mức độ chia nhỏ quốc hội, số lượng đảng trong Knesset vẫn thường dao động từ 10 đến 13. Điều này phản ánh tính phân mảnh cao của nền chính trị. [3]

Vì hiếm khi một đảng nào đạt được đa số tuyệt đối (61/120 ghế), chính phủ thường được hình thành thông qua liên minh đa đảng phức tạp, vốn khó duy trì sự ổn định lâu dài. Hệ quả là chính phủ dễ sụp đổ, đưa đến tình trạng các cuộc bầu cử sớm (snap election) diễn ra thường xuyên.



Một số đại biểu ngủ gật trong lễ khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội Nhân dân Toàn quốc khóa XII, tại Đại lễ đường Nhân dân ở Bắc Kinh, tháng 3/2013. Nguồn ảnh: Reuters.

Giai đoạn 2019-2022, Israel đã trải qua năm cuộc bầu cử trong vòng chưa đầy bốn năm, phản ánh rõ sự bất ổn của hệ thống chính trị. [4]

Ngoài ra, trong hệ thống bầu theo tỷ lệ như ở Israel, cử tri sẽ bầu cho đảng thay vì cho cá nhân, nên họ có thể không cảm thấy gắn kết với các đại biểu cụ thể.

Khi sử dụng danh sách cố định, lãnh đạo đảng quyết định thứ tự ứng viên

trên danh sách, qua đó nắm quyền chi phối vận mệnh chính trị của họ. Điều này khiến các chính trị gia sau khi đắc cử chủ yếu gắn bó với đảng, thay vì một khu vực bầu cử cụ thể. So với cơ chế đa số tương đối, đại biểu được bầu lên theo phương thức này có xu hướng tập trung vào chính sách quốc gia hơn là các vấn đề địa phương.

Tóm lại, bảng sau tóm tắt các đặc điểm chính của hai hệ thống bầu cử cơ bản:

Nguyên tắc cốt lõi	Phương thức bầu cử	Cách bỏ phiếu	Ai thắng?	Số lượng đảng trong quốc hội
Đại diện theo số đông (majoritarian representation)	Đa số tương đối (Single Member Plurality – SMP)	Bầu cho cá nhân ứng viên	Ứng viên nhận nhiều phiếu nhất	Lưỡng đảng (Anh, Mỹ)
Đại diện theo tỷ lệ (proportional representation)	Đại diện tỷ lệ (Proportional Representation – PR)	Bầu cho đảng	Chia ghế cho các đảng theo tỷ lệ phiếu	Nhiều đảng (Israel, Hà Lan, Đan Mạch)

Nguồn: Craig Parsons. *Viết hóa: Hoàng Dạ Lan.*



Hình: Lá phiếu bầu cử quốc hội Israel năm 2019. Mỗi lá phiếu ghi tên, biểu tượng hoặc ký hiệu của một đảng. Cử tri chọn một lá phiếu tương ứng với đảng mình muốn bầu. Ảnh: Lailiv g.

HỆ THỐNG BẦU CỬ HỖN HỢP: MỘT GIẢI PHÁP DUNG HÒA

Vì cả hai hệ thống bầu cử – đa số tương đối (SMP) và đại diện theo tỷ lệ (PR) – đều có ưu, nhược điểm riêng, nhiều quốc gia đã áp dụng hệ thống bầu cử hỗn hợp nhằm kết hợp điểm mạnh của cả hai phương thức.

Đức, New Zealand và Scotland nằm trong số những nước sử dụng hệ thống bầu cử hỗn hợp theo tỷ lệ (Mixed-Member Proportional – MMP) để bầu chọn cơ quan lập pháp. [5]

Tại Đức, bầu cử Hạ viện (Bundestag) được tổ chức định kỳ bốn năm một lần. Bundestag về cơ bản có 598 ghế, và mỗi cử tri khi tham gia bầu cử sẽ có hai lá phiếu:

- Phiếu thứ nhất (Erststimme): dùng để bầu trực tiếp một đại diện cho địa phương theo cơ chế đa số tương đối tại 299 đơn vị bầu cử. Mỗi khu vực chọn một đại diện (giống mô hình ở Anh và Mỹ).
- Phiếu thứ hai (Zweitstimme): dùng để bầu cho đảng. 299 ghế còn lại được phân bổ cho các đảng, giống như “ghế cộng thêm” hay “ghế bổ sung” (top-up seats) nhằm đảm bảo tổng số ghế mỗi đảng nhận được phản ánh đúng tỷ lệ ủng hộ trên toàn quốc.

Nói cách khác, phiếu thứ nhất cho phép cử tri trực tiếp lựa chọn đại diện địa phương, còn phiếu thứ hai điều chỉnh tổng số ghế cho phù hợp với tỷ lệ ủng hộ thực tế đối với mỗi đảng.

Để được phân bổ ghế tại Bundestag, một đảng phải đạt tối thiểu 5% tổng số phiếu bầu toàn quốc hoặc giành được ít nhất 3 ghế trực tiếp thông qua phiếu thứ nhất. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng xuất hiện của quá nhiều đảng nhỏ trong quốc hội, gây phân tán quyền lực.

Một số quốc gia cũng chủ trương áp dụng hệ thống bầu cử hỗn hợp, nhưng theo một đường lối khác với kiểu của Đức. Các nước này chọn áp dụng SMP và PR riêng biệt cho hai viện quốc hội nhằm tạo sự cân bằng giữa tính kết nối với cử tri và khả năng phản ánh đa dạng quan điểm xã hội.

Một ví dụ điển hình là Cộng hòa Séc, quốc gia có quá trình dân chủ hóa khá thành công và được Luật Khoa phân tích trong nhiều bài viết. [6] Tại Séc, Hạ viện được bầu theo tỷ lệ nên có tính đại diện cao hơn, giúp phản ánh đa dạng các quan



Lá phiếu trong cuộc bầu cử Bundestag tại Đức. Với phiếu thứ nhất (Erststimme), cử tri chọn trực tiếp một đại diện cho địa phương mình sinh sống. Ở phiếu thứ hai (Zweitstimme), cử tri chọn một đảng. Sau tên đảng trên phiếu thứ hai là danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Nguồn ảnh: Winfried Rotherme.

điểm chính trị trong xã hội. Trong khi đó, Thượng viện của nước này sử dụng một biến thể của SMP nhằm chọn ra các đại diện có uy tín tại địa phương và gắn kết chặt chẽ với địa phương.

Sự khác biệt trong cách bầu cử giữa hai viện cho phép quốc hội đại diện cho các khuynh hướng lợi ích khác nhau, đồng thời hai viện có thể đóng vai trò kiểm chế và đối trọng lẫn nhau. Các dự luật được cả hai viện xem xét kỹ lưỡng trước khi thông qua, giúp ngăn ngừa các quyết định vội vàng, thiếu cân nhắc. □

Chuyên mục: Cùng AI khám phá hệ thống bầu cử vòng quanh thế giới

Ngày nay, với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT, Grok, DeepSeek, Gemini và nhiều công cụ khác, độc giả có thể dễ dàng tìm hiểu về hệ thống bầu cử của các quốc gia trên thế giới. Nhằm khuyến khích tư duy phản biện, khả năng phân tích và kiểm chứng thông tin, Luật Khoa trân trọng giới thiệu một số câu hỏi thú vị để bạn đọc khám phá cùng AI:

- Tại sao phiếu bầu trong bầu cử Quốc hội (Knesset) của Israel không ghi tên ứng viên? Cử tri có biết trước nếu một đảng giành được ghế trong Knesset, thì những ứng viên nào của đảng đó sẽ trở thành nghị sĩ quốc hội không? Nói cách khác, sau khi một đảng được phân bổ ghế dựa trên tỷ lệ ủng hộ, họ lấp đầy các ghế đó như thế nào?
- Tại sao trong hệ thống đại diện tỷ lệ (PR), một đơn vị bầu cử thường lớn và đông dân hơn một đơn vị bầu cử trong hệ thống đa số tương đối (SMP)?

- Tại sao trong hệ thống đại diện tỷ lệ (PR), nếu số ghế trong một đơn vị bầu cử quá lớn hoặc ngưỡng bầu cử quá thấp, có thể dẫn tới tình trạng phân mảnh chính trị, nơi nhiều đảng nhỏ có ghế trong quốc hội?
- Tỷ lệ cử tri đi bầu (voter turnout) ở các quốc gia bầu theo tỷ lệ thường cao hơn các quốc gia sử dụng hệ thống đa số tương đối/đa số tuyệt đối (plurality/majority systems). [7] Tại sao?
- Cơ chế bầu cử “đa số tương đối” (SMP), trong đó ứng viên có số phiếu cao nhất trong mỗi khu vực bầu cử giành chiến thắng, được cho là khuyến khích hệ thống lưỡng đảng, ví dụ như tại Hoa Kỳ và Vương Quốc Anh. Vậy tại sao Ấn Độ, cũng sử dụng cơ chế đa số tương đối, nhưng lại có một nền chính trị sôi động với nhiều đảng phái trong Quốc hội?

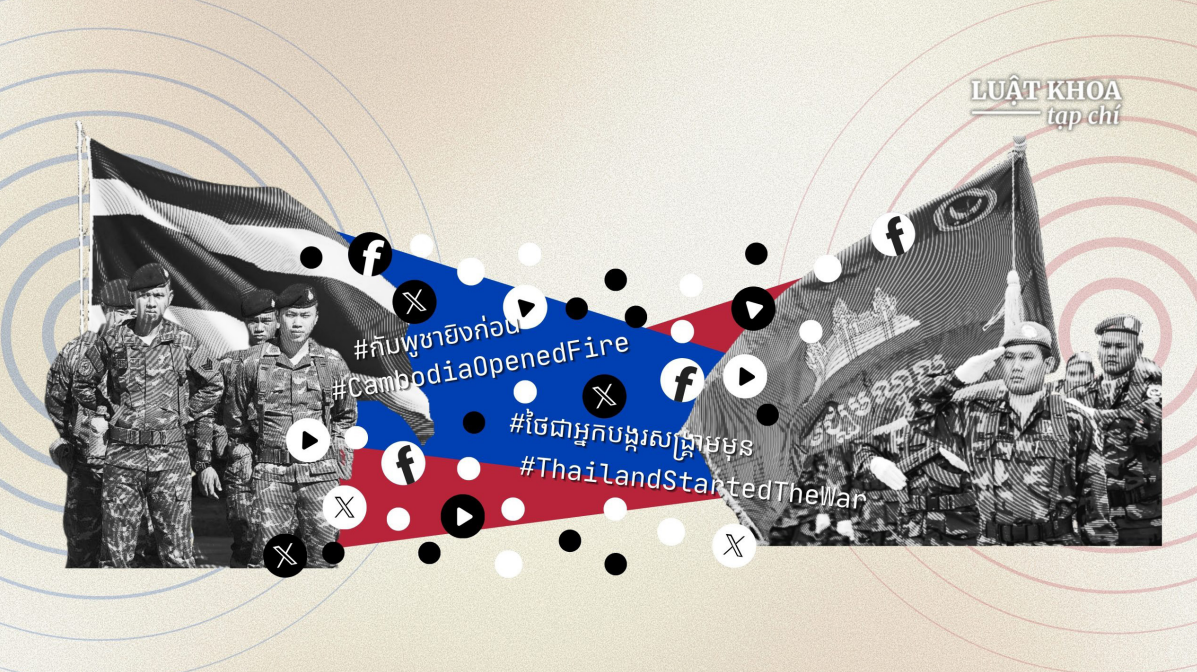
- Hệ thống bầu cử của Việt Nam hiện nay được thiết kế theo nguyên tắc đại diện theo số đông (majoritarian representation) hay đại diện theo tỷ lệ (proportional representation)? Tại sao các ứng viên độc lập ngoài đảng rất khó có cơ hội trúng cử? Mô hình bầu cử của Việt Nam có chịu ảnh hưởng từ quốc gia nào không?
- Các tổ chức quốc tế như International Institute for Democracy and Electoral

Assistance (IDEA) xếp Lào và Việt Nam vào nhóm các quốc gia có tỷ lệ cử tri đi bầu (voter turnout) cao nhất thế giới, thường được báo cáo ở mức 98-99%. [8] Những con số này có thực sự đáng tin? Tỷ lệ cử tri đi bầu ở các nền dân chủ trưởng thành dao động trong khoảng nào? Liệu có quốc gia dân chủ nào đạt được mức tham gia gần tuyệt đối như Lào và Việt Nam không?

CHÚ THÍCH

1. Orvis, S., & Drogus, C. A. (2017). *Introducing comparative politics: Concepts and cases in context*. CQ Press.
2. Để hạn chế tình trạng phân mảnh trong quốc hội, thay vì xem toàn quốc là một đơn vị bầu cử duy nhất như ở Israel, nhiều quốc gia áp dụng hệ thống đại diện tỷ lệ theo vùng (regional PR). Chẳng hạn, Nhật Bản chia đất nước thành 11 khu vực bầu cử theo tỷ lệ, mỗi khu vực được phân bổ một số ghế cố định dựa trên dân số. Cách làm này giúp giảm số lượng ghế trong từng khu vực, từ đó buộc các đảng phải giành được tỷ lệ phiếu cao hơn mới có thể giành được ghế, từ đó hạn chế sự xuất hiện của quá nhiều đảng nhỏ trong nghị viện.
3. Orvis & Drogus (2017).
4. Lubell, M. (2022, June 22). Israeli Knesset votes to dissolve in step towards snap election. *Reuters*. <https://www.reuters.com/world/middle-east/israeli-knesset-votes-dissolve-step-towards-snap-election-2022-06-22/>

5. Tại Scotland, MMP được gọi là “hệ thống thành viên bổ sung” (Additional Member System – AMS).
6. Bạn đọc có thể tham khảo các bài viết của Luật Khoa về Cộng hòa Séc tại đây: <https://www.luatkhoa.com/tag/cong-hoa-sec/>
7. Solijonov, A. (2016). *Voter turnout trends around the world*. International Institute for Democracy and Electoral Assistance. <https://www.idea.int/sites/default/files/publications/voter-turnout-trends-around-the-world.pdf>
8. Tham khảo bộ cơ sở dữ liệu về tỷ lệ cử tri đi bầu của IDEA tại đây: <https://www.idea.int/data-tools/data/voter-turnout-database>



Nguồn ảnh: Independent, Khmer Times. Đồ họa: Thiên Tân/Luật Khoa.

XUNG ĐỘT BIÊN GIỚI THÁI LAN – CAMPUCHIA: TỪ SÚNG ĐẠN ĐẾN CHIẾN TRANH THÔNG TIN

Hạo Nam

Bài đăng lần đầu trên luậtkhoa.com
ngày 22/8/2025.

“Chiến tranh thông tin” với làn sóng tin giả tràn ngập phải được cả hai bên trong cuộc chiến xem là một “đối thủ” cần phải bị giải quyết sớm, chứ không phải là “đối tác” hay “đồng đội” được tận dụng để tấn công nhau.

Trong những tuần đầu tháng 8, thế giới chứng kiến một cuộc đình chiến mong manh giữa Thái Lan và Campuchia sau những ngày giao

tranh biên giới khốc liệt, gây tổn thất về người và của, với ít nhất 43 người thiệt mạng và hơn 300.000 dân thường phải sơ tán. [1] Xung đột lần này vẫn xoay quanh tranh chấp lãnh thổ lâu đời tại khu vực đền Preah Vihear.

Tuy nhiên, điểm đặc biệt trong lần này nằm ở chỗ, cuộc xung đột không còn chỉ giới hạn ở súng đạn mà còn lan sang không gian mạng, nơi thông tin trở thành vũ khí sắc bén.

KHI MẠNG ẢO THÀNH CHIẾN TRƯỜNG, MỖI NGƯỜI DÂN ĐỀU THÀNH CHIẾN SĨ

Ngay từ thời điểm mỗi lửa chiến sự vừa được nhóm lên, quân đội Thái Lan đã nhanh chóng sử dụng mạng xã hội để huy động sự ủng hộ từ công chúng. Các hashtag như #ไทยนี้รักสงบแต่ถึงรบไม่ขลาด (Thái Lan yêu hòa bình nhưng không ngại chiến đấu), #กัมพูชา Yingkoon (Campuchia bắn trước), và #CambodiaOpenedFire được lan truyền rộng rãi trên Facebook và các nền tảng khác.

Nội dung của những khẩu hiệu này cho thấy, chúng có mục đích nhằm đóng khung Campuchia là bên gây hấn, khơi dậy tinh thần dân tộc trong lòng quần chúng Thái Lan và qua đó biến người dân thành lực lượng hỗ trợ quân đội.

Lấy ví dụ, trang Facebook của Quân khu 2 Thái Lan (Second Army Region) đã sử dụng các hashtag này kèm theo những thông điệp kêu gọi sự đoàn kết giữa quần chúng với quân đội. Thực tế cho thấy, đây có thể xem như một chiến lược hữu hiệu để nhân đôi sức mạnh quân đội, khi họ có thêm sự yểm trợ từ phía công chúng, và biến biến nhân dân thành lực lượng hỗ trợ đắc lực cho hoạt động tuyên truyền của nhà nước.

Từ chiến lược của Thái Lan, ta có thể thấy rằng mạng xã hội được sử dụng để củng cố tinh thần quốc gia trong bối cảnh xung đột. Tuy nhiên, công cụ này cũng có rủi ro vì việc lan tỏa các nội dung xoáy sâu hiểm khích có thể làm

leo thang căng thẳng, dẫn đến các hành vi bạo lực có thể diễn ra ngay tại quốc nội, như làn sóng chống lại cộng đồng Campuchia tại Thái Lan.

Thực tế là, tại Thái Lan, những người có sức ảnh hưởng trên mạng (online influencers) của quốc gia này đã tạo nội dung có tính chất kích động bạo lực hoặc thậm chí quay video tấn công người Campuchia, làm phức tạp hóa các mâu thuẫn và gây thêm trở ngại cho nỗ lực giảm nhiệt xung đột của chính phủ. [2]

Trong khi đó, Campuchia lan truyền thông tin sai lệch (misleading information) một cách trực tiếp hơn. Ngày 24/7, Cựu Thủ tướng Hun Sen, qua trang Facebook cá nhân, đã gọi hành động quân sự của nước ông là sự phản ứng trước cuộc xâm lược của Thái Lan, và quân đội nước ông này “không có lựa chọn nào hơn là phải đáp trả”. [3] Dù rằng, trên thực tế rất khó xác định bên nào nổ súng trước trong cục diện hỗn loạn tại chiến trường (các bên đều cáo buộc lẫn nhau là bên nổ súng trước). [4]

NHÂN DANH “LỢI ÍCH QUỐC GIA”, TIN GIẢ ĐƯỢC HỢP PHÁP HÓA?

Chưa dừng lại tại đó, các phương tiện truyền thông liên kết với chính phủ Campuchia đã cố tình phát tán một video giả mạo, quay cảnh một máy bay chiến đấu F-16 của Thái Lan đã bị bắn hạ, với mục đích nhằm nâng cao tinh thần dân tộc và miêu tả Campuchia tuy là bên hứng chịu sự “xâm lược” của phía Thái Lan nhưng vẫn luôn kiên cường.

Video này thực chất được lấy từ cuộc chiến Nga – Ukraine, với hình ảnh máy bay bị bắn rơi được chỉnh sửa để phù hợp với ngữ cảnh câu chuyện và mục đích tuyên truyền. [5] Chiến thuật này tuy đặt trong hoàn cảnh chiến tranh có thể phát huy giá trị tăng cường tinh thần đoàn kết nội bộ, thế nhưng về mặt đời sống nhân dân, nó tạo nên hệ lụy làm mờ ranh giới giữa sự thật và hư cấu, tạo nên lớp sương mù thông tin trong thời đại kỹ thuật số, nơi thật giả dễ dàng bị lẫn lộn, và nhân dân, những người tiêu thụ thông tin, vô hình trung đã trở thành những quân bài bị điều khiển, dụ dỗ.

Một ví dụ cụ thể khác về thông tin sai lệch được *AFP Fact Check* kiểm chứng. Trên mạng hội TikTok từ ngày 3/8/2025 lan truyền rộng rãi một video ngắn cho thấy đám đông người Campuchia đang cầm các hình ảnh và biểu ngữ, dưới video là dòng chú thích “Người Khmer nổi dậy!! Cuộc biểu tình tiếp tục”.

Có thể thấy, chủ đích của việc đăng tải video này là nhằm cáo buộc người dân Campuchia đang đòi chính phủ nước này thu hồi thi thể các binh sĩ ngã xuống tại khu vực biên giới. Tuy nhiên, đoạn phim này thực tế được lấy từ một video trên YouTube và Facebook vào ngày 11/7/2025 – hai tuần trước xung đột. Thước phim không liên quan gì đến xung đột biên giới Thái Lan – Campuchia, mà chỉ ghi lại hình ảnh các thương nhân ở chợ Chhnuk Trou ở tỉnh Kampong Chhnang (Campuchia) biểu tình chống lại việc chính quyền dỡ sập hàng của họ.

AFP Fact Check đã tiến hành xác minh qua thao tác “tìm kiếm ngược” hình ảnh, đồng thời so sánh với nguồn dữ liệu gốc

từ CJ News, và chứng minh được rằng đây là sự liên kết sai lệch có cố ý nhằm khuấy động tâm lý giận dữ từ dư luận. [6] Những trường hợp như vậy cho thấy thông tin giả (disinformation) không chỉ đến từ chính phủ cho mục đích tuyên truyền, cổ động tinh thần dân tộc trong thời chiến, mà đã lan sang các cá nhân hoặc (các) nhóm trên mạng xã hội, với dụng ý tận dụng sự hỗn loạn để tạo nên sức ảnh hưởng khi đăng tải các câu chuyện tô vẽ phe đối đầu là kẻ xấu xa.

KHI CHIẾN TRANH DIỄN RA TRÊN CÔI MẠNG, “CHIẾN SỰ” SẼ ĐI VỀ ĐÂU?

Nhìn rộng ra, cuộc xung đột này đã vượt qua ranh giới của hoạt động cạnh tranh thông tin thông thường, để trở thành chiến tranh mạng thực thụ.

Theo *Cyber Defense Wire*, từ ngày 29/7, số lượng các cuộc tấn công mạng đã tăng vọt, nhắm vào cơ sở hạ tầng quan trọng của cả hai phía Campuchia và Thái Lan. Cụ thể, Nation Group, đơn vị điều hành các kênh truyền thông lớn như *The Nation Thailand* và *Thai News*, xác nhận rằng họ đã phải hứng chịu hơn 223 triệu lượt truy cập độc hại trong vòng 24 giờ, và các cuộc tấn công chủ yếu từ các hacker Campuchia. [7] Ở phía ngược lại, các quan chức Phnom Penh lại cáo buộc một nhóm tin tặc Thái Lan có tên “BlackEye-Thai” đã phát động các cuộc tấn công mạng nhắm vào hầu hết các hệ thống trực tuyến lớn của chính phủ Campuchia trong khoảng thời gian hai tuần đầu tháng 7. [8]

Dù Thái Lan và Campuchia đã nhất trí đình chiến từ ngày 29/7, các “chiến binh

mạng” (cyber warriors) vẫn tiếp tục chiến đấu bằng cách bôi nhọ các trang web chính thức của cả hai nước bằng những hành động như dùng lời lẽ tục tĩu, gửi thư rác cho đối thủ, và thậm chí tấn công vào các trang mạng của nhau. Nattaphon Narkphanit, thứ trưởng Bộ Quốc phòng Thái Lan, hôm ngày 7/8 đã tuyên bố rằng phía Campuchia tiếp tục góp phần làm gia tăng căng thẳng bằng cách phát tán thông tin sai lệch. [10]

Trong khi đó, người phát ngôn của Chính phủ Campuchia Pen Bona cũng cáo buộc các cơ quan truyền thông chính thức tại Thái Lan đăng tải các tin tức bịa đặt. “Có rất nhiều tin tức giả mạo và sẽ không có gì lạ nếu chúng đến từ những người dùng mạng xã hội, nhưng ngay cả các cơ quan truyền thông chính thức của Thái Lan cũng đăng tải rất nhiều tin tức giả mạo”, ông Pen nói. [11]

Có thể thấy, cuộc chiến thông tin này có tác động đe dọa sự ổn định tạm thời của quan hệ song phương và làm suy yếu lòng tin giữa hai nước. Đáng nói là ngay cả các chính trị gia của hai bên cũng tham gia vào cuộc chiến này với các lời lẽ cáo buộc lẫn nhau.

Bên cạnh đó, không chỉ làm phức tạp hóa tình hình xung đột giữa hai nước, cuộc “chiến tranh thông tin” còn làm lộ rõ những lỗ hổng trong công tác quản lý thông tin số. Việc này đòi hỏi Thái Lan, Campuchia và cả cộng đồng quốc tế phải tỉnh táo để bảo vệ dân thường và ngăn ngừa xung đột leo thang, từ thực địa lên không gian mạng.

Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC) đã chỉ ra rằng thông tin sai lệch và thông tin xuyên tạc có thể làm tăng nguy cơ và

mức độ dễ bị tổn thương của người dân, khi khiến những người cần hỗ trợ nhân đạo bị dẫn dắt sai lệch khỏi sự giúp đỡ kịp thời. Theo đó, họ có thể hứng chịu nhiều nguy hiểm hơn. Trong khi đó, ngôn từ kích động thù địch góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc gây ra tổn hại về mặt tâm lý và xã hội thông qua các hành vi quấy rối, phỉ báng và đe dọa trực tuyến. [12]

CÁC CHÍNH PHỦ CÓ THỂ LÀM GÌ?

Việc thông tin sai lệch được lan truyền chóng mặt từ cả hai phía của xung đột làm lộ rõ nhu cầu cấp bách về việc phải có các giải pháp ứng phó.

Trước tiên, các chính phủ cần tăng cường công tác phổ biến hiểu biết về truyền thông số cho công chúng, để người dân khi tiếp nhận thông tin có thể chủ động kiểm tra, phát hiện những thông tin sai lệch (fake news), tránh việc dễ dàng bị kích động thù hận và có những hành động quá khích.

Ngoài ra, chính quyền Thái Lan và Campuchia cần công khai đính chính hoặc thừa nhận những tin đồn và thông tin giả mạo do chính các cơ quan truyền thông của những nước này cố ý hoặc vô tình phát tán. Việc này sẽ giúp nâng cao nhận thức của người dân về thông tin sai lệch, và hiểu rằng tin tức sai lệch không chỉ đến từ phía đối đầu. [7]

Thứ hai, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) nên thúc đẩy khung hợp tác về an ninh mạng với các điều khoản ràng buộc, thậm chí có thể kêu gọi bên thứ ba (chẳng hạn như Nhật

Bản, Australia) tham gia để cùng hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong việc kiểm soát và xử lý tình trạng tin giả.

Cuối cùng, cộng đồng người dân trong khu vực cần chủ động và có tâm thế tỉnh táo khi tiếp cận thông tin, trong bối cảnh tràn lan các nội dung thật giả lẫn lộn như hiện nay. Nên ý thức rõ về tác hại nghiêm trọng của tin giả, từ đó có tinh thần tự giác thực hiện các thao tác tra cứu, kiểm chứng, chú ý phát hiện các thông tin sai lệch, vì một cuộc chính mỗi người dân mới là nạn nhân thực sự của cuộc chiến thông tin.

Tóm lại, cuộc xung đột Thái Lan – Campuchia nhắc nhở chúng ta rằng trong kỷ nguyên kỹ thuật số, việc đạt được sự minh bạch và đúng đắn về thông tin trên không gian mạng là không hề dễ dàng. Đặc biệt là khi, ngay cả các chính phủ, chính khách, lẫn các cơ quan truyền thông lớn có thể chính là nguồn phát tán các tin giả, nhân danh những mục đích cao cả, lớn lao.

Màn sương mù của chiến tranh thông tin trong thời đại kỹ thuật số phải được cả hai bên trong cuộc chiến xem là một “đối thủ” cần phải bị giải quyết, chứ không phải là “đối tác” hay “đồng đội”. Bởi chúng làm che khuất sự thật và có thể lôi kéo những người dân thường vô tội vào một cuộc chiến online vô nghĩa. Từ không gian mạng, những ấu đả và xung đột rất có thể sẽ diễn ra ngoài đời thực, làm gia tăng thiệt hại với mức độ khó lòng ước đoán. □

CHÚ THÍCH

- Lai, C. (2025, August 7). Campuchia – Thái Lan họp khẩn ở Malaysia, chốt thỏa thuận ngừng bắn vĩnh viễn. *VTC News*. <https://vtcnews.vn/campuchia-thai-lan-hop-khan-o-malaysia-chot-thoa-thuan-ngung-ban-vinh-vien-ar958475.html>
- Sriyai, S. (2025, August 1). Information as Ammunition: How the Thai-Cambodian Border Clash Became a Cyber War. *Fulcrum*. <https://fulcrum.sg/information-as-ammunition-how-the-thai-cambodian-border-clash-became-a-cyber-war/>
- The Nation Thailand's post. (2025, July 24). *Facebook*. <https://www.facebook.com/TheNationThailand/posts/the-facebook-samdech-hun-sen-of-cambodia-posted-on-thursday-24-july-stating-that/1158917452928254>
- Helen Regan, K. O. (2025, July 25). At least 12 killed in deadly clashes as border dispute between Thailand and Cambodia escalates. *CNN*. <https://edition.cnn.com/2025/07/23/asia/thailand-cambodia-clashes-border-intl-hnk>
- Wang, C. (2025, July 25). Viral Videos Of Alleged Thai Jets Shot Down By Cambodia Are Misleading. *Fact Crescendo*. <https://srilanka.factcrescendo.com/english/viral-videos-of-alleged-thai-jets-shot-down-by-cambodia-are-misleading>
- ITTHIPONGMAETEE, C. (2025, August 6). Cambodia rally image falsely linked to Thailand conflict. *Fact Check*. <https://factcheck.afp.com/doc.afp.com.68QP8G3>
- Cross-Border Cyberattacks Surge as Thailand-Cambodia Tensions Escalate. (2025, July 29). *Cyber Defense*. <https://cyberdefensewire.com/cross-border-cyberattacks-surge-as-thailand-cambodia-tensions-escalate/>
- Xem [7].
- Misinformation, disinformation and hate speech – Questions and answers. (2023, February 17). *International Committee of the Red Cross*. <https://www.icrc.org/en/document/general-misinformation-disinformation-and-hate-speech-questions-and-answers>
- Philip Wen, A. A. (2025, August 7). Cambodia, Thailand agree on Asean observers monitoring truce, but fundamental differences remain. *The Straits Times*. <https://www.straitstimes.com/asia/se-asia/cambodia-thailand-agree-on-asean-observers-to-monitor-truce-but-fundamental-differences-remain>
- Thai-Cambodian cyber warriors battle on despite border truce. (2025, August 1). *The Straits Times*. <https://www.straitstimes.com/asia/se-asia/thai-cambodian-cyberwarriors-battle-on-despite-truce>
- Xem [9]
- Xem [7]



Chủ tịch Quốc hội Khoun Sudary (ngồi giữa) tham dự phiên họp thảo luận và thông qua dự thảo Luật sửa đổi Luật Quốc tịch ngày 25/8 tại Phnom Penh, Campuchia. Ảnh: Khoun Sudary/Kiripost.

THÔNG QUA LUẬT CHO PHÉP TƯỚC QUỐC TỊCH: MỘT BƯỚC LUI VỀ NHÂN QUYỀN CỦA CAMPUCHIA

Nhung Nguyễn

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 27/8/2025.

Hạ viện Campuchia vừa thông qua dự luật cho phép tước quốc tịch đối với những người bị cáo buộc cấu kết với nước ngoài, làm dấy lên lo ngại rằng luật này sẽ trở thành công cụ để chính phủ đàn áp những tiếng nói đối lập, bóp nghẹt tự do ngôn luận và đẩy người dân rơi vào tình cảnh dễ dàng mất đi các quyền cơ bản.

Ngày 25/8, các nhà lập pháp Campuchia đã thông qua dự luật cho phép tước quốc tịch những người bị kết tội cấu kết với nước ngoài. Tất cả 120 nhà lập pháp tham dự phiên họp Quốc hội, bao gồm cả Thủ tướng Hun Manet, đã bỏ phiếu nhất trí thông qua dự luật. [1]

PHẢN ỨNG CỦA GIỚI HOẠT ĐỘNG NHÂN QUYỀN

Các nhà hoạt động vì nhân quyền lo ngại rằng đạo luật sẽ được sử dụng để loại bỏ các nhóm bất đồng chính kiến, đặc biệt là các hành vi được nhìn nhận là chống lại chính phủ. Một liên minh gồm 50 nhóm hoạt động vì nhân quyền đã ra tuyên bố vào ngày 24/8, cảnh báo rằng luật này “được viết một cách mơ hồ” và “sẽ gây ra tác động tiêu cực nghiêm trọng đến quyền tự do ngôn luận của tất cả công dân Campuchia”. Bên cạnh đó, tuyên bố trên còn bày tỏ nghi ngại chính quyền có thể lạm dụng luật này để “nhắm vào mọi người dựa trên sắc tộc, quan điểm chính trị, bài phát biểu và hoạt động của họ”. [2]

Dự luật này vẫn phải được Thượng viện Campuchia thông qua trước khi được thủ tướng ban hành, nhưng các bước đi này chỉ mang tính hình thức. Thượng viện Campuchia từ lâu đã bị coi là “con dấu cao su” vì có rất ít quyền lực và không có khả năng đưa ra các quyết định độc lập.

Tại Campuchia, Thượng viện có trách nhiệm kiểm tra và giám sát quyền lực của Quốc hội; nhưng trên thực tế, Thượng viện chỉ là cơ quan mang tính biểu tượng và không có thực quyền.

BAN HÀNH LUẬT: ĐỂ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, HAY CỨNG CỐ VỊ THẾ CỦA NHÀ CẦM QUYỀN?

Các nhà giám sát nhân quyền từ lâu đã cáo buộc Chính phủ Campuchia có xu hướng sử dụng luật pháp hà khắc để kìm hãm phe đối lập và các cuộc tranh luận chính trị hợp pháp. [3]

Họ cho rằng, các tác động về khía cạnh luật pháp của dự luật là rất nghiêm trọng. Khi dự luật được thông qua, nó có thể trở thành công cụ sắc bén để chính phủ bóp nghẹt tự do ngôn luận, chống lại những tiếng nói bất đồng, và đàn áp quyền tự do biểu đạt của người dân.

Cụ thể, người dân Campuchia có thể phải đối diện với hệ lụy là họ sẽ cần phải cân nhắc kỹ hơn rất nhiều trước mỗi phát ngôn, từ đó tạo nên hiện tượng “tự kiểm duyệt” ở quy mô toàn xã hội. Bởi, với luật này, bất kỳ ai lên tiếng phản đối hay phê phán, chỉ trích đảng cầm quyền và cách thức hoạt động của chính quyền, đều đối diện với nguy cơ bị tước quốc tịch. Chính phủ Campuchia cũng có thể lạm dụng quyền này để dễ dàng loại bỏ các đối thủ chính trị hoặc những nhóm bất đồng, bằng cách khép các thể lực trên vào tội danh “chống đối nhà nước” và tước đi quốc tịch của họ.

NHỮNG HỆ LỤY NGHIÊM TRỌNG VỀ NHÂN QUYỀN

Bên cạnh đó, tác động xã hội của bước đi này cũng cần được chú ý. Việc trở thành một người “vô quốc tịch” không chỉ đồng nghĩa với việc mất đi căn tính, thân phận, trở thành một cá nhân “vô thừa nhận” sống trong xã hội. Nghiêm trọng hơn thế, việc bị tước quốc tịch còn khiến một cá nhân mất hoàn toàn quyền

công dân, kèm theo các quyền lợi cơ bản của họ, gây nên một sự khủng hoảng sâu sắc trong đời sống cá nhân của những người chịu án phạt này.

Chẳng hạn, mất đi quốc tịch cũng là mất đi các quyền đi liền với tư cách công dân của một cá nhân trong một quốc gia, như quyền bầu cử, quyền học tập, lao động và các quyền gắn với đời sống sức khoẻ có thể hoàn toàn bị tước bỏ.

CÁC PHẢN ỨNG VÀ CẢNH BÁO TỪ GIỚI QUAN SÁT QUỐC TẾ

Vào tháng 7, Montse Ferrer, Giám đốc Nghiên cứu Khu vực của Tổ chức Ân xá Quốc tế (Amnesty International) đã cảnh báo về các hệ lụy đa chiều từ việc ban hành một điều luật cho phép tước quốc tịch của người dân Campuchia. Trước đó vào tháng 6/2025, đã có thông tin về việc nước này đang tiến hành sửa hiến pháp, và có thể điều chỉnh quy định cho phép tước quốc tịch của công dân trong một số tình huống. Hiến pháp trước đây của nước này vốn quy định “Công dân Campuchia không thể bị tước quốc tịch.

Bà Montse Ferrer nhận định: “Việc tước quốc tịch có thể vi phạm nhiều quyền, bao gồm quyền có quốc tịch, quyền nhập cảnh vào quốc gia của mình và quyền tham gia vào các hoạt động công cộng. Nếu không có quốc tịch, người dân có thể không được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, không có việc làm, không được đi học, không được di cư hoặc không được kết hôn. Những người không quốc tịch thường phải đối mặt với sự ruồng bỏ, phân biệt đối xử và có nguy cơ bị bóc lột và lạm dụng. Đối với nhiều

người Campuchia, quốc tịch Khmer gắn liền với bản sắc của họ”. [4]

The Cambodian League for the Promotion and Defense of Human Rights (LICADHO) cũng cảnh báo rằng các sửa đổi được đề xuất đối với Luật Quốc tịch cho phép chính phủ tước quyền công dân của người Campuchia, nếu được thông qua có thể khiến người dân nước này đối diện với “nguy cơ trở thành người vô quốc tịch, vô quyền và là những tù nhân ngay trên chính quê hương của mình”. [5]

Khi đó, người dân Campuchia có thể đối diện với nguy cơ gặp trở ngại về các vấn đề pháp lý và không thể tìm kiếm sự bảo vệ đối trước các hành vi phân biệt đối xử, bị xâm hại, lạm dụng, cùng các hành vi phạm tội khác. Người bị tước quốc tịch cũng có thể bị xa lánh hay kỳ thị từ chính cộng đồng của mình, điều này sẽ kéo theo những tổn thương nghiêm trọng về đời sống tinh thần.

MỘT BƯỚC LUI NGHIÊM TRỌNG VỀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

Dù có thể được xem là một chiến thắng cho chính phủ độc tài Hun Manet, dự luật lần này đã đánh dấu bước thụt lùi trong cơ chế quản trị của chính phủ. Luật sửa đổi mang tính đàn áp này diễn ra trong bối cảnh giới chức Campuchia đã “hoàn toàn thất bại trong việc bảo vệ sự độc lập và toàn vẹn của hệ thống tòa án quốc gia. Chưa hết, một thất bại trầm trọng hơn nữa, đó là Hội đồng Hiến pháp Campuchia đã đưa ra tuyên bố rằng việc sửa đổi nội dung này của hiến pháp là có thể thực hiện”. [6]

Độc lập tư pháp là điều kiện tối quan trọng để bảo vệ quyền của người dân, bao gồm quyền quốc tịch, nhưng giờ đây việc chính phủ đã can dự quá sâu vào quá trình ra luật, có thể chủ động tạo hành lang pháp lý khiến các hành vi độc đoán của chính phủ dễ dàng “tiếp diễn mà không bị kiểm soát, chẳng hạn như việc đàn áp các nhà lãnh đạo đối lập, các nhà hoạt động và các nhà báo độc lập”, bà Montse Ferrer nhận định. [7]

Vài tháng trước, Chủ tịch Thượng viện Hun Sen đã kêu gọi bộ trưởng Bộ Tư pháp Campuchia xem xét đề xuất sửa đổi Hiến pháp. Ngày 27/6, ông Hun Sen tuyên bố rằng đề xuất điều luật cho phép tước quyền công dân của những người Campuchia chỉ là để nhắm vào những kẻ “đứng về phía nước ngoài để gây hại cho đất nước chúng ta”. [8]

Ông Hun Sen đưa ra lời kêu gọi trên sau khi các nhân vật đối lập lưu vong chỉ trích chính phủ trong bối cảnh tranh chấp biên giới đang diễn ra với Thái Lan. [9] Do đó, những người ủng hộ có thể xem động thái của chính phủ như một cách thức làm “trong sạch hoá” đất nước, khi các tiếng nói bất đồng phải nhượng bộ trước một quan điểm thống nhất của chính phủ, cả về đối nội lẫn đối ngoại.

Nhưng cũng vì vậy mà quyền lực của chính phủ sẽ trở nên lớn hơn và các chính sách của chính phủ Campuchia cũng sẽ không còn được giám sát chặt chẽ bởi người dân, khi mà quan điểm và tiếng nói của họ có thể dẫn đến việc họ có thể bị tước quốc tịch bất cứ lúc nào.

LICADHO chỉ ra rằng “Điều 15 của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, được

ghi nhận trong Hiến pháp Campuchia, quy định rằng ‘Mọi người đều có quyền có quốc tịch’ và ‘Không ai bị tước quốc tịch một cách tùy tiện’. Để không bị coi là tùy tiện, việc tước quốc tịch phải được thực hiện theo một quy trình pháp lý có thể dự đoán trước, hợp lý, cần thiết và tương xứng. Phải luôn cho phép quyền kháng cáo”. [10]

Tuy nhiên, những đòi hỏi này có thể càng xa vời khi chính quyền hiện tại vẫn không có dấu hiệu khoan dung với các tiếng nói đối lập.

Tóm lại, việc ban hành luật định cho phép tước quyền công dân của những người dân thường qua các cáo buộc đầy mơ hồ là hành vi tùy tiện và vi phạm nhân quyền. Giới quan sát cũng có quyền đặt nghi vấn về động cơ của quyết định này. Rằng, việc thông qua dự luật mới có thể tạo nên một công cụ chính trị để chính quyền bịt miệng và đe dọa những tiếng nói bất đồng chỉ trích, phê phán, vốn phải được cho phép như một thực hành tự do ngôn luận.

Giờ đây, nhân quyền ở đất nước Campuchia đang tiến thêm một bước lùi. Có lẽ một bầu không khí sợ hãi sẽ sớm phủ bóng lên đất nước này, khiến nhân dân cả nước buộc phải chọn im lặng để tự bảo vệ, kể cả trước những hành động oái oăm, ngang ngược có thể được thực thi bởi giới cầm quyền.

CHÚ THÍCH

1. Cambodia MPs pass law allowing stripping of citizenship. (2025, August 25). CNA. <https://www.channelnewsasia.com/asia/cambodia-pass-law-allow-strip-citizenship-5312151>
2. Cambodia MPs pass law allowing stripping of citizenship. (2025, August 25). The Straits Times. <https://www.straitstimes.com/asia/se-asia/cambodia-mps-pass-law-allowing-stripping-of-citizenship>
3. Khmer, R. (2024, February 26). Cambodia's ruling party wins 55 of 58 seats in rubber-stamp Senate. RFA. <https://www.rfa.org/english/news/cambodia/senate-election-result-02262024152200.html>
4. Cambodia: Revocation of citizenship would be heinous violation of international law. (2025, July 11). Amnesty International. <https://www.amnesty.org/en/latest/news/2025/07/cambodia-revocation-of-citizenship-would-be-heinous-violation-of-international-law/>
5. Drop Amendments to Nationality Law, Don't Strip Citizenship of Cambodians. (2025, August 24). LICADHO. <https://www.licadho-cambodia.org/pressrelease.php?perm=547>
6. Xem [4]
7. Xem [4].
8. Cambodia MPs pass law allowing stripping of citizenship . (2025, July 11). RFI. <https://www.rfi.fr/en/international-news/20250711-cambodia-to-pass-laws-allowing-for-citizenship-to-be-stripped>
9. Cambodia to pass laws allowing for citizenship to be stripped. (2025, July 11). France 24. <https://www.france24.com/en/live-news/20250711-cambodia-to-pass-laws-allowing-for-citizenship-to-be-stripped>
10. Xem [5].



THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ LUẬT KHOA

và bộ sưu tập sách Việt Nam Cộng hòa

luatkhoa.librarika.com



Phiên họp ở Thượng viện Anh (bên trái) và Hạ viện Anh (bên phải). Nguồn ảnh: BBC News.
Ảnh minh họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

NHỮNG NỎ ĐƯỜNG CỦA NỀN DÂN CHỦ – KỲ 1: MÔ HÌNH ĐẠI NGHỊ: KHI NHÂN DÂN TRAO QUYỀN CHO QUỐC HỘI

Hoàng Dạ Lan

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 29/8/2025.

“Cán bộ là công bộc của Nhân dân.”

“Nhà nước ta là Nhà nước của Nhân dân,
do Nhân dân và vì Nhân dân.”

“Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về
Nhân dân.”

Từ thuở nhỏ cho đến khi trưởng thành,
người dân Việt Nam đã quá quen thuộc
với những khẩu hiệu này. Chúng được
lặp đi lặp lại không ngừng qua sách giáo

khoa, truyền hình, phát thanh, báo chí
và các hoạt động chính trị xã hội. Mục
đích không gì khác ngoài việc khắc sâu
vào nhận thức người dân hình ảnh một
nhà nước luôn đặt nhân dân ở vị trí
trung tâm.

Tuy nhiên, chính sự lặp đi lặp lại đó lại
gợi lên những câu hỏi đáng suy ngẫm:

Liệu các câu khẩu hiệu ở trên có phản
ánh đúng mức độ dân chủ của hệ thống
chính trị?

“Nhà nước của dân và do dân”, vậy
người dân thực sự có quyền lựa chọn
lãnh đạo hay không?

Nếu quyền lực của chính trị gia không
đến từ lá phiếu, thì động lực nào thúc
đẩy họ trở thành “người đẩy tớ trung
thành của nhân dân”?

Liệu một hệ thống chính trị tự tin và có
tính chính danh thực sự có cần liên tục
khẳng định mình “ưu việt”?

Để đánh giá liệu một chế độ chính trị có
thực sự vì dân hay không, cần soi chiếu
nó qua hai điều kiện then chốt: tính đại
diện (representation) và trách nhiệm
giải trình (accountability).

TÍNH ĐẠI DIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH: HAI TIỀN ĐỀ CỦA MỘT NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Tính đại diện yêu cầu hệ thống chính
trị phải thể hiện ý chí, lợi ích của người
dân thuộc đa dạng các nhóm xã hội
khác nhau, thông qua các cơ chế dân
chủ như tự do bầu cử và ứng cử, tranh
cử công khai và bình đẳng, trưng cầu
dân ý. Cùng với đó là việc tôn trọng sự
đa nguyên về chính trị, tạo điều kiện
cho các đảng phái được thành lập để đại
diện cho các nhóm xã hội và hệ tư tưởng
khác biệt.

Trong khi đó, trách nhiệm giải trình đòi
hỏi chính quyền phải chịu trách nhiệm
trước người dân, minh bạch trong hoạt

động và có cơ chế giám sát quyền lực,
thậm chí có thể bị thay thế nếu không
thực hiện tốt vai trò của mình.

Chế độ hiện tại của Việt Nam thiếu cả
hai yếu tố này.

Về tính đại diện, Hiến pháp Việt Nam
2013 ấn định Đảng Cộng sản Việt Nam là
“lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”
(Điều 4). Từ đó, đưa đến thực tế là đảng
này luôn duy trì vị thế độc tôn, sẵn sàng
tiến hành đàn áp mầm mống của bất kỳ
đảng phái nào khác, bằng cách gán cho
họ là “phản động”.

Cơ chế “đảng cử dân bầu” khiến các ứng
viên Quốc hội hầu hết đều do đảng giới
thiệu, làm mất đi vai trò lựa chọn thực
chất của cử tri. Quốc hội, thay vì đại diện
cho ý chí đa dạng của nhân dân, thường
đóng vai trò như cơ quan hợp thức hóa
các quyết định của đảng.

Về trách nhiệm giải trình, có hai
loại chính:

Đầu tiên là trách nhiệm giải trình theo
chiều dọc (vertical accountability) thể
hiện qua việc người dân có khả năng
giám sát và kiểm soát quyền lực nhà
nước thông qua bầu cử, báo chí độc lập,
và xã hội dân sự.

Do Việt Nam không có bầu cử tự do cạnh
tranh, chính phủ không thể bị thay thế
qua lá phiếu, ngay cả khi người dân bất
mãn. Điều này loại bỏ cơ chế giải trình
theo chiều dọc quan trọng nhất. Báo chí
và truyền thông cũng chịu kiểm duyệt
chặt chẽ, không thể đưa tin về những
vấn đề “chính trị nhạy cảm”, dẫn đến
việc khối này cũng không kiểm soát
được quyền lực nhà nước.

Kể đến là trách nhiệm giải trình theo chiều ngang (horizontal accountability), được đảm bảo thông qua cơ chế phân quyền và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước nhằm ngăn chặn lạm quyền.

Ở các quốc gia dân chủ, điều này được cụ thể hóa qua việc phân định chức năng giữa ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp, đồng thời được củng cố bởi hoạt động của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, và ủy ban độc lập.

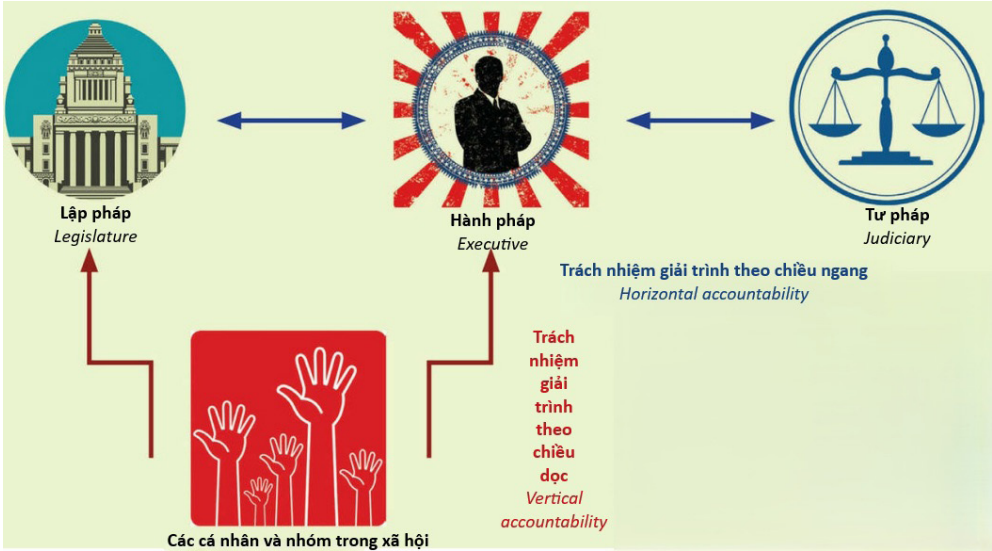
Để hiểu rõ hơn về sự phân quyền trong các nền dân chủ, bảng dưới đây tóm tắt chức năng của ba nhánh quyền lực.

Nhánh	Chức năng và quyền hạn
Hành pháp	Nguyên thủ quốc gia (head of state)/Lãnh đạo chính phủ (head of government) Mô hình: cộng hòa đại nghị, cộng hòa tổng thống, bán tổng thống Nhiệm kỳ: có thể cố định (tổng thống) hoặc không cố định (thủ tướng)
Lập pháp	Chức năng: làm luật, giám sát hoạt động của chính phủ Tổ chức: đơn viện hoặc lưỡng viện
Tư pháp	Diễn giải luật, xem xét tính hợp hiến của các đạo luật và sắc lệnh Giám sát tư pháp (judicial review)

Chức năng và quyền hạn của ba nhánh quyền lực trong hệ thống chính trị.
Nguồn: Patrick H. O’Neil (2017).

Ở Việt Nam, sự phân quyền và kiểm soát lẫn nhau giữa lập pháp – hành pháp – tư pháp là không rõ ràng, bởi các cơ quan nhà nước đều phải nằm dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khiến quyền lực thay vì được phân chia và giám sát một cách độc lập, thực tế lại tập trung trong tay một nhóm nhỏ.

Chẳng hạn, trên lý thuyết, Quốc hội giám sát hoạt động của Chính phủ, nhưng vì hầu hết đại biểu Quốc hội là đảng viên, nên vai trò giám sát rất hạn chế. Khác với các nước dân chủ, trách nhiệm giải trình theo chiều ngang của Việt Nam chủ yếu dựa vào cơ chế giám sát nội bộ đảng (chẳng hạn như Ủy ban Kiểm tra Trung ương), và hệ thống thanh tra, kiểm toán.



Trách nhiệm giải trình theo chiều ngang và chiều dọc trong các nền dân chủ. Nguồn: Stephen Orvis & Carol Ann Drogus (2017). Chính sửa và Việt hóa: Hoàng Dạ Lan.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới năm 2023, Việt Nam nằm trong nhóm 15% quốc gia đứng cuối bảng ở chỉ số Tiếng nói của người dân và Trách nhiệm giải trình (Voice and Accountability). Nói cách khác, 85% quốc gia trên thế giới có chỉ số này cao điểm hơn Việt Nam. [1] Chỉ số này phản ánh mức độ người dân có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của chính phủ, cũng như mức độ thực thi quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí của nhân dân. Kết quả này cho thấy đây chính là “điểm nghẽn” lớn trong thể chế, là rào cản then chốt kìm hãm Việt Nam đạt được chất lượng quản trị ngang tầm với các quốc gia phát triển.

Từ các nghiên cứu và thống kê này, cũng có thể thấy trong các nền dân chủ, tính đại diện và trách nhiệm giải trình không chỉ là khẩu hiệu – chúng được thiết kế cụ thể qua mô hình tổ chức nhà nước.

Trong các nền dân chủ, có ba mô hình tổ chức nhà nước chính: cộng hòa đại nghị (parliamentarism), cộng hòa tổng thống (presidentialism), và bán tổng thống (semi-presidentialism). Các mô hình này khác nhau chủ yếu ở cách thiết lập mối quan hệ giữa nhánh lập pháp và nhánh hành pháp, từ đó hình thành cơ chế đại diện và trách nhiệm giải trình riêng biệt.

Bài viết này và kỳ tới sẽ phân tích các mô hình này để tìm hiểu vì sao chúng có thể bảo đảm được một nhà nước “của dân, do dân và vì dân” – không chỉ trên danh nghĩa, mà cả trong thực tế. Kỳ 1 sẽ tập trung giới thiệu về mô hình cộng hòa đại nghị, áp dụng tại Anh, Đức, Nhật hay các nước thuộc khối Thịnh vượng chung chịu ảnh hưởng của nền chính trị Anh.

NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA MÔ HÌNH CỘNG HÒA ĐẠI NGHỊ

Chế độ đại nghị là mô hình tổ chức nhà nước mà trong đó quyền hành pháp, tức quyền điều hành đất nước tập trung vào thủ tướng, người được quốc hội bầu chọn ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội. Cơ chế này tạo nên hiện tượng “hợp quyền” (fusion of powers) giữa lập pháp và hành pháp. [2]

Chế độ đại nghị hình thành từ quá trình quốc hội các nước châu Âu đấu tranh nhằm giảm bớt quyền lực tuyệt đối của quân vương, để trao quyền quyết định các vấn đề trọng yếu cho cơ quan lập pháp.

Ban đầu, thủ tướng tại Anh và một số nước châu Âu là quan chức thuộc hoàng gia được nhà vua chọn ra để thay mặt vua điều hành chính phủ. Qua thời gian, tiến trình dân chủ hóa khiến cho quyền lực của thủ tướng ngày càng gắn chặt

với quốc hội, hình thành hệ thống mà chính phủ do quốc hội lập ra và chỉ tồn tại khi được đa số nghị sĩ ủng hộ.

Mô hình Westminster của Anh là hệ thống đại nghị có ảnh hưởng sâu rộng nhất thế giới, với hai đặc trưng cơ bản: (1) Thủ tướng và nội các được chọn từ cơ quan lập pháp (thường là Hạ Viện), và (2) Quốc hội có quyền bầu và bãi nhiệm thủ tướng. [3]

Trong chế độ này, nguyên thủ quốc gia (head of state) giữ vai trò mang tính biểu tượng, nghi lễ và đại diện đất nước trong hoạt động đối ngoại. Họ có thể là vua hoặc nữ hoàng ở các nước quân chủ lập hiến như Anh, Nhật, hoặc là tổng thống trong các nước cộng hòa như Đức. Trong khi đó, thủ tướng, với tư cách là người đứng đầu chính phủ (head of government), mới là người trực tiếp điều hành đất nước, triển khai chính sách và thực thi pháp luật.

Dù cùng mang danh xưng, nhưng vai trò của tổng thống trong chế độ đại nghị khác biệt đáng kể so với người cùng chức danh trong chế độ tổng thống. Ở các nước cộng hòa tổng thống, như Hoa Kỳ, tổng thống do người dân trực tiếp bầu chọn, vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa nắm toàn bộ quyền lực hành pháp. Ngược lại, trong mô hình đại nghị (như Đức), tổng thống do quốc hội bầu ra, thường là những chính trị gia kỳ cựu, có uy tín và đang ở giai đoạn cuối sự nghiệp. [4]

Trong chế độ đại nghị, cử tri không trực tiếp bầu ra người lãnh đạo đất nước, mà sẽ bầu ra cơ quan lập pháp, thường gồm hai viện, gọi là thượng viện và hạ viện.

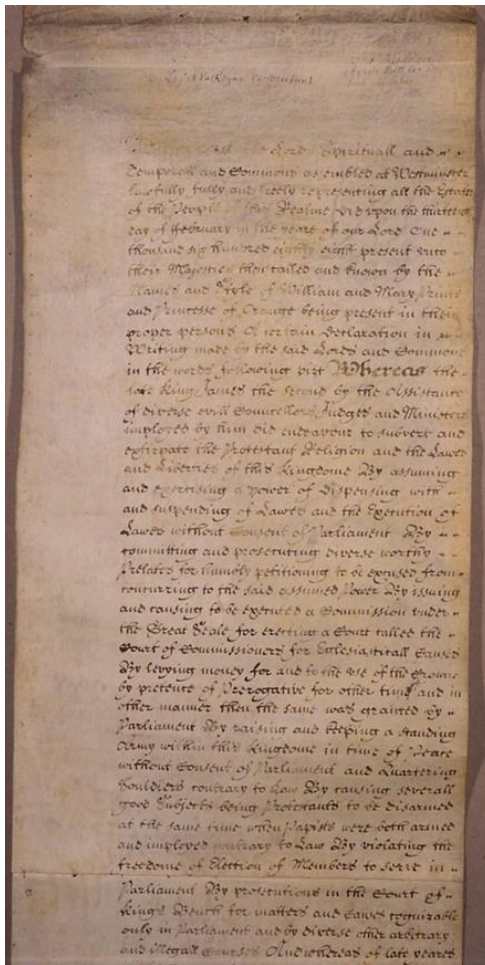
Tên gọi hai viện này bắt nguồn từ trong lịch sử, khi lưỡng viện ngày xưa có sự phân hóa giai cấp rõ nét, với thượng viện thuộc về tầng lớp quý tộc, còn hạ viện đại diện cho giới bình dân. Trong hầu hết các hệ thống đại nghị, thượng viện có quyền lực hạn chế, trong khi hạ viện giữ vai trò trung tâm trong đời sống chính trị, tiêu biểu như Hạ viện Anh, Đức, Nhật hay Iraq. [5]

Thủ tướng không do người dân trực tiếp bầu ra, mà thường là lãnh đạo của đảng nắm nhiều ghế nhất trong Hạ viện. Trong các kỳ tổng tuyển cử, cử tri biết rõ ứng viên thủ tướng của từng đảng, nên khi họ bỏ phiếu cho một ứng viên nghị sĩ hoặc cho một đảng (tùy theo hệ thống bầu cử), lá phiếu ấy cũng đồng thời gián tiếp quyết định ai sẽ trở thành thủ tướng. [6]

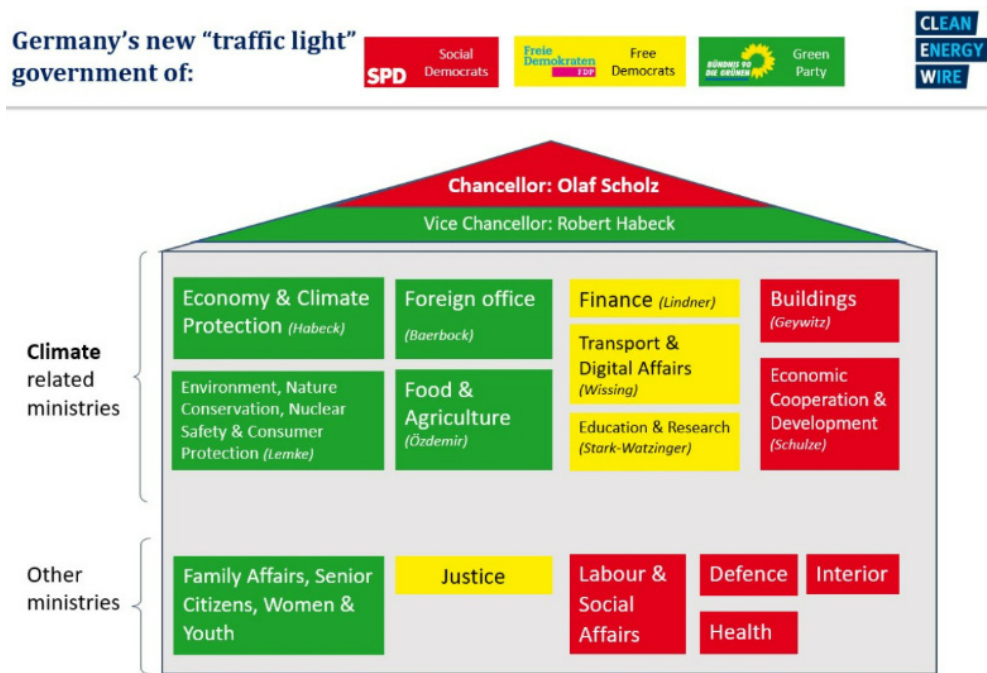
Nếu đảng của thủ tướng chiếm đa số tuyệt đối (tức trên 50% số ghế) trong nghị viện, như thường thấy ở Anh, thì thủ tướng có quyền lực rất lớn, có thể dễ dàng thúc đẩy việc thông qua các dự luật.

Ngược lại, nếu không đảng nào chiếm đa số, thông thường một chính phủ liên minh (coalition government) bao gồm ít nhất hai chính đảng sẽ được thành lập.

Trong chính phủ liên minh, vị trí các bộ trưởng thường được các đảng trong liên minh thương lượng và phân chia nhau. Nội các (cabinet) bao gồm thủ tướng và các bộ trưởng đứng đầu các lĩnh vực then chốt, sẽ cùng nhau thương lượng các chính sách quan trọng. Mỗi khi vị thủ tướng của chính phủ liên minh muốn một dự luật được nghị viện thông qua,



Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1689 của Anh xác lập quyền tối cao của Quốc hội. Đạo luật này quy định nhà vua không thể sửa luật nếu không có sự đồng ý của Quốc hội, đồng thời bảo vệ “đặc quyền nghị viện” – cho phép nghị sĩ được tự do phát biểu mà không sợ bị truy tố. Nguồn ảnh: UK Parliament.



Chính phủ liên minh "đèn giao thông" của Đức năm 2021 gồm ba đảng: Đảng Dân chủ Xã hội (SPD) – màu đỏ, Đảng Dân chủ Tự do (FDP) – màu vàng, và Đảng Xanh (Grüne) – màu xanh lá. Nguồn ảnh: Clean Energy Wire.

họ phải đàm phán với các đảng trong liên minh của mình để đảm bảo dự luật đó có đủ sự ủng hộ cần thiết.

Chẳng hạn, Đức là quốc gia thường xuyên xuất hiện chính phủ liên minh. Sau cuộc bầu cử Hạ viện (Bundestag) năm 2021, đảng Dân chủ Xã hội Đức (SPD) của Olaf Scholz giành được nhiều ghế nhất, nhưng không đủ đa số quá bán và phải thành lập chính phủ liên minh với Đảng Xanh và Đảng Dân chủ Tự do (FDP). Trong chính phủ này, SPD có Olaf Scholz giữ chức thủ tướng, và kiểm soát hai bộ quan trọng: Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng.

Đảng Xanh đảm nhận vị trí Phó Thủ tướng và tiếp quản Bộ Kinh tế và Bảo vệ

khí hậu, trong khi FDP nắm Bộ Tài chính – một trong những bộ quyền lực nhất.

SỰ HỢP QUYỀN TRONG MÔ HÌNH ĐẠI NGHỊ

Ta đã biết, mối quan hệ móc nối khăng khít giữa nhánh lập pháp và hành pháp vừa là đặc trưng cốt lõi của chế độ đại nghị, vừa là nền tảng cho sự hình thành của mô hình tổ chức nhà nước này.

Theo giáo sư chính trị học Craig Parsons, sự "hợp quyền" (fusion of powers) giữa hành pháp và lập pháp trong chế độ đại nghị tạo ra một số đặc điểm đáng chú ý sau: [7]

Thứ nhất, chính phủ tồn tại nhờ sự ủng hộ của quốc hội và phải duy trì được sự tín nhiệm của đa số nghị sĩ. Nếu mất đi sự ủng hộ này, chính phủ có thể bị quốc hội lật đổ thông qua một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm (vote of no confidence). Nếu bị bất tín nhiệm, thủ tướng thường phải từ chức.

Tùy tình hình, đảng (hoặc liên minh) đang chiếm đa số trong quốc hội có thể chọn một lãnh đạo mới để thành lập chính phủ, hoặc thủ tướng có thể đề nghị nguyên thủ quốc gia (tổng thống hoặc quốc vương) giải tán quốc hội và tổ chức bầu cử sớm nhằm xác định một đa số mới để thành lập chính phủ kế tiếp.

Ví dụ điển hình về việc thay đổi thủ tướng mà không cần tổng tuyển cử diễn ra tại Anh giai đoạn 2019–2024. Do đảng cầm quyền khi đó là Đảng Bảo thủ rơi vào tình trạng khủng hoảng nội bộ, trong khi đất nước phải đối diện những bất ổn kinh tế – xã hội hậu Brexit, Anh đã chứng kiến ba lần thay đổi thủ tướng liên tiếp mà không qua bầu cử: từ Boris Johnson (2019–2022), đến Liz Truss (nhiệm kỳ chỉ 49 ngày năm 2022), rồi Rishi Sunak (2022–2024).

Thứ hai, trong hầu hết các chế độ đại nghị, thủ tướng có quyền giải tán quốc hội và kêu gọi bầu cử sớm (snap election), khiến toàn bộ nghị sĩ phải tái tranh cử và chính phủ đương nhiệm cũng chấm dứt nhiệm kỳ. Công cụ này thường được sử dụng để tận dụng thời điểm có lợi cho đảng cầm quyền, với hy vọng trong nghị viện mới, đảng của thủ tướng sẽ giành được đa số lớn hơn.

Ví dụ, tại Nhật Bản, Thủ tướng Shinzo Abe đã giải tán Hạ viện và tổ chức bầu cử sớm vào tháng 10/2017, trong bối cảnh Đảng Dân chủ đối lập rơi vào khủng hoảng nội bộ, còn ông vẫn đang được lòng cử tri nhờ chính sách Abenomics. Kết quả là Đảng Dân chủ Tự do (LDP) của Abe giành chiến thắng áp đảo. [8]

Điểm cuối cùng, khác với chế độ tổng thống, nơi bầu cử diễn ra theo chu kỳ cố định (thường bốn hoặc năm năm một lần), chế độ đại nghị không có lịch trình bầu cử cứng nhắc. Lý do là quốc hội có quyền bãi nhiệm chính phủ, trong khi thủ tướng cũng có thể giải tán quốc hội. Điều này vừa tạo ra tính linh hoạt, vừa tiềm ẩn sự bất ổn, tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm giữa chính phủ và quốc hội.

Chính sự "hợp quyền" này khiến chế độ đại nghị vận hành rất khác so với chế độ cộng hòa tổng thống, nơi hành pháp và lập pháp tách biệt, và tổng thống không thể bị quốc hội bãi nhiệm (ngoại trừ trường hợp đặc biệt thông qua thủ tục luận tội).

NHỮNG ĐIỂM HẤP DẪN CỦA CHẾ ĐỘ ĐẠI NGHỊ

Trong mô hình đại nghị, cử tri chỉ cần bầu ra cơ quan lập pháp, sau đó chính phủ sẽ hình thành từ Quốc hội (thường là Hạ viện). Trong khi đó, mô hình cộng hòa tổng thống yêu cầu cử tri vừa phải bầu tổng thống để lãnh đạo hành pháp vừa phải bầu ra cơ quan lập pháp. Đơn cử như Hoa Kỳ, cử tri phải bầu Tổng thống, Thượng nghị sĩ, Hạ nghị sĩ, chưa kể các cuộc bầu cử địa phương, có thể

dẫn đến hiện tượng “mệt mỏi do bầu bán quá nhiều” (vote fatigue).

Mô hình đại nghị cũng giúp các cam kết tranh cử dễ được hiện thực hóa hơn, bởi đảng hoặc liên minh chiến thắng kiểm soát đồng thời cả nhánh lập pháp lẫn hành pháp, qua đó giúp việc ban hành chính sách diễn ra thuận lợi hơn.

Chẳng hạn, thủ tướng Anh thường được xem là một trong những lãnh đạo hành pháp quyền lực nhất thế giới. [9] Các nghị sĩ có tham vọng gia nhập nội các phải thể hiện lòng trung thành với thủ tướng để có cơ hội được bổ nhiệm.

Ở Anh, hai đảng lớn là Đảng Bảo thủ và Đảng Lao động thay nhau chiếm đa số trong quốc hội và nắm quyền điều hành. Kỷ luật đảng trong quốc hội Anh rất cao, nghị sĩ gần như luôn bỏ phiếu theo đường lối mà đảng của họ chủ trương. Nhờ vậy, các dự luật mà thủ tướng ủng hộ thường dễ dàng được Hạ viện thông qua, do đảm bảo sự đồng thuận từ các nghị sĩ cùng đảng.

Trong khi đó, ở chế độ tổng thống, việc thực hiện các cam kết tranh cử của tân tổng thống có thể gặp nhiều khó khăn, do phải làm việc với một cơ quan lập pháp độc lập, đặc biệt trong trường hợp cơ quan này do đảng đối lập kiểm soát.

Một ưu điểm khác của mô hình đại nghị là khả năng thúc đẩy liên minh và giải quyết bất đồng. Ví dụ, khi một chính phủ liên minh điều hành đất nước, các bên hiểu rằng cần đạt được sự đồng thuận để duy trì quyền lực. Nếu không tìm được tiếng nói chung, chính phủ có thể đối mặt với một cuộc bỏ phiếu bất

tín nhiệm, dẫn đến bầu cử sớm. Viễn cảnh phải vận động tranh cử lại từ đầu thường không hấp dẫn đối với nhiều nghị sĩ.

Ngược lại, trong chế độ tổng thống, việc hình thành liên minh giữa hành pháp và lập pháp thường khó khăn hơn, bởi tổng thống và nghị sĩ được bầu độc lập, có nhiệm kỳ cố định và không phụ thuộc lẫn nhau để duy trì quyền lực.

Mô hình đại nghị cho phép hình thành nhiều dạng chính phủ khác nhau, phản ánh tương đối chính xác ý chí của cử tri và có khả năng thích ứng mau chóng với những thay đổi trong xã hội. Các hình thức chính phủ bao gồm:

- Chính phủ đa số (majority government): khi đảng cầm quyền giành được trên 50% số ghế trong quốc hội.
- Chính phủ thiểu số (minority government): khi đảng cầm quyền thắng nhiều ghế nhất, nhưng không đạt đủ đa số quá bán và phải dựa vào sự ủng hộ của các đảng khác để điều hành đất nước.
- Chính phủ liên minh (coalition government): khi hai hoặc nhiều đảng phối hợp với nhau để thành lập chính phủ do không đảng nào có đủ đa số ghế.

Ví dụ, tại Australia, Công đảng dưới sự lãnh đạo của Kevin Rudd (2007–2010) giành đa số ghế tại Hạ viện, hình thành chính phủ đa số. Tiếp đó, Julia Gillard



Phó Thủ tướng Michael McCormack (Đảng Quốc gia Úc) và Thủ tướng Scott Morrison (Đảng Tự do) trong phiên chất vấn tại Tòa nhà Quốc hội ở Canberra vào thứ Ba, ngày 23/3/2021.
Ảnh: Alex Ellinghausen/The Sydney Morning Herald.

lãnh đạo chính phủ thiểu số (2010–2013), dựa vào sự ủng hộ của các nghị sĩ độc lập và Đảng Xanh để duy trì quyền lực và thông qua các dự luật.

Sau này, chính phủ liên minh được hình thành giữa Đảng Tự do và Đảng Quốc gia dưới thời Scott Morrison (2018–2022) thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa hai đảng trong cả quá trình tranh cử, hoạch định chính sách và điều hành chính phủ. Trong khuôn khổ liên minh này, ghế trong nội các được thương lượng và phân chia giữa hai đảng.

Trong khi đó, trong chế độ tổng thống, tổng thống thường bổ nhiệm nội các từ chính đảng của mình. Nhánh hành pháp và lập pháp ở chế độ này được tách biệt rõ ràng.

Ngược lại, ở chế độ đại nghị, hai nhánh quyền lực này gắn bó chặt chẽ hơn, giúp hệ thống trở nên linh hoạt và dễ thích ứng hơn với biến đổi xã hội. Dù vậy, điều này đôi khi cũng khiến bộ máy nhà nước vận hành kém ổn định vì phụ thuộc vào sự đồng thuận trong quốc hội.

Tình huống chính trị Anh thời kỳ hậu Brexit với sự thay đổi chính phủ liên tục chính là một minh chứng cho đặc điểm bất ổn này.

Trong kỳ tới, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu đặc điểm, cũng như những ưu điểm và hạn chế của mô hình tổng thống và bán tổng thống. □

CHÚ THÍCH

1. Bạn đọc có thể tra cứu bộ dữ liệu Chỉ số Quản trị Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới tại đây: <https://databank.worldbank.org/source/worldwide-governance-indicators>
2. Parsons, C. (2017). *Introduction to Political Science: How to think for yourself about politics*. Pearson, page 222.
3. O'Neil, P. H. (2017). *Essentials of comparative politics* (sixth edition). WW Norton & Company.
4. Parsons (2017), page 223.
5. Parsons (2017), page 223.
6. Orvis, S., & Drogus, C. A. (2017). *Introducing comparative politics: Concepts and cases in context*. CQ Press.
7. Parsons (2017), page 224.
8. Wakatsuki, Y., Griffiths, J. & Berlinger, J. (2017, October 23). Japan's Shinzo Abe hails landslide victory in snap election. CNN. <https://edition.cnn.com/2017/10/22/asia/japan-election-results/index.html>
9. Orvis & Drogus (2017).



Điện Élysée ở Paris là nơi sinh sống và làm việc của tổng thống Pháp. Nguồn ảnh: Le Palais présidentiel de l'Élysée.

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG CỦA NỀN DÂN CHỦ – KỲ 2: MÔ HÌNH TỔNG THỐNG VÀ BÁN TỔNG THỐNG: RANH GIỚI NÀO NGĂN ĐỘC TÀI?

Hoàng Dạ Lan

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 3/9/2025.

Trong kỳ trước, chúng ta đã cùng tìm hiểu qua một trong số những mô hình tiêu biểu và phổ biến nhất trong các nền dân chủ: chế độ dân chủ đại nghị. Đây là mô hình mà nhân dân sẽ trực tiếp trao quyền lực cho quốc hội hoặc nghị viện – cơ quan lập pháp – thông qua lá phiếu của mình. Từ đó, nghị viện sẽ thay nhân dân lập ra chính phủ – cơ quan hành pháp – để điều hành đất nước. Đó là mô hình đang hiện hữu tại các nước Anh, Canada, Ấn Độ, Nhật, Australia, Đức, Israel, v.v.

Cách tổ chức bộ máy nhà nước trong các nền dân chủ thật ra phong phú hơn như thế. Trong bài này, chúng ta sẽ cùng tiếp tục tìm hiểu thêm hai mô hình phổ biến khác: chế độ tổng thống và bán tổng thống – nơi người dân có thể trực tiếp bầu ra người lãnh đạo quốc gia mà họ tin tưởng.

Những bạn đọc tò mò về mô hình chính thể tại những nước như Hoa Kỳ, Brazil, Nga, Pháp, v.v., có thể tìm thấy thông tin về cách mà các nhà nước này vận hành,

cũng như cách mà người dân thực thi quyền lực thông qua lá phiếu để định hình nền chính trị mà họ mong muốn.

NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA MÔ HÌNH CỘNG HÒA TỔNG THỐNG

Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên và tiêu biểu nhất áp dụng chế độ cộng hòa tổng thống. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ thuyết “tam quyền phân lập” của triết gia người Pháp Montesquieu (1689-1755), các nhà lập quốc Hoa Kỳ đã thiết kế hệ thống chính trị với sự tách biệt rõ ràng giữa nhánh hành pháp và lập pháp (separation of powers).

Trong mô hình này, cử tri trực tiếp bầu ra cả tổng thống – người đứng đầu hành pháp – lẫn quốc hội – cơ quan lập pháp. Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia (head of state), vừa là người đứng đầu chính phủ (head of government).

Sự phân tách giữa lập pháp và hành pháp tạo cơ chế “kiểm soát và cân bằng” (checks and balances) giữa hai nhánh quyền lực, ngăn chặn nguy cơ lạm quyền. Điểm đặc biệt là nhân sự hai nhánh hoàn toàn không chồng lấn: bộ trưởng hoặc thành viên nội các không được phép kiêm nhiệm vai trò nghị sĩ, và không nhánh nào có quyền giải tán hay bãi nhiệm nhánh kia. Tuy nhiên, quốc hội sở hữu các ủy ban giám sát, theo

đôi chặt chẽ hoạt động của nhánh hành pháp, từ tổng thống đến các quan chức cấp cao.

Nhiệm kỳ của tổng thống và quốc hội đều cố định, thường kéo dài bốn hoặc năm năm. Việc phế truất tổng thống là điều không dễ dàng; dù nhiều quốc gia quy định về cơ chế luận tội (impeachment), nhưng tỷ lệ thành công rất thấp.

Quyền bổ nhiệm cũng thể hiện sự phân quyền: tổng thống có thể chọn nhân sự cho nội các từ bất kỳ đảng phái nào, mà không phụ thuộc cơ cấu đảng phái trong quốc hội. Tuy nhiên, các vị trí quan trọng như bộ trưởng hoặc lãnh đạo các cơ quan độc lập thường cần sự phê chuẩn của quốc hội, chẳng hạn như Thượng viện ở Hoa Kỳ. [1]

Trong mô hình đại nghị, vì các nghị sĩ phải cạnh tranh để được bổ nhiệm vào nội các, thủ tướng có vị thế ảnh hưởng nhất định đối với họ. Trong khi đó, trong mô hình tổng thống, tổng thống có ít công cụ hơn để tác động và kiểm soát quốc hội. Điều này khiến quốc hội độc lập và đóng vai trò quan trọng hơn trong quá trình hoạch định chính sách. Quốc hội Hoa Kỳ thường được xem là một trong những cơ quan lập pháp quyền lực nhất thế giới, với ngân sách dồi dào và đội ngũ nhân viên hỗ trợ hùng hậu. [2]

Để thúc đẩy chương trình nghị sự, tổng thống phải dựa vào sức mạnh của đảng mình trong quốc hội, đồng thời kết hợp kỹ năng thương lượng và vận động chính trị.

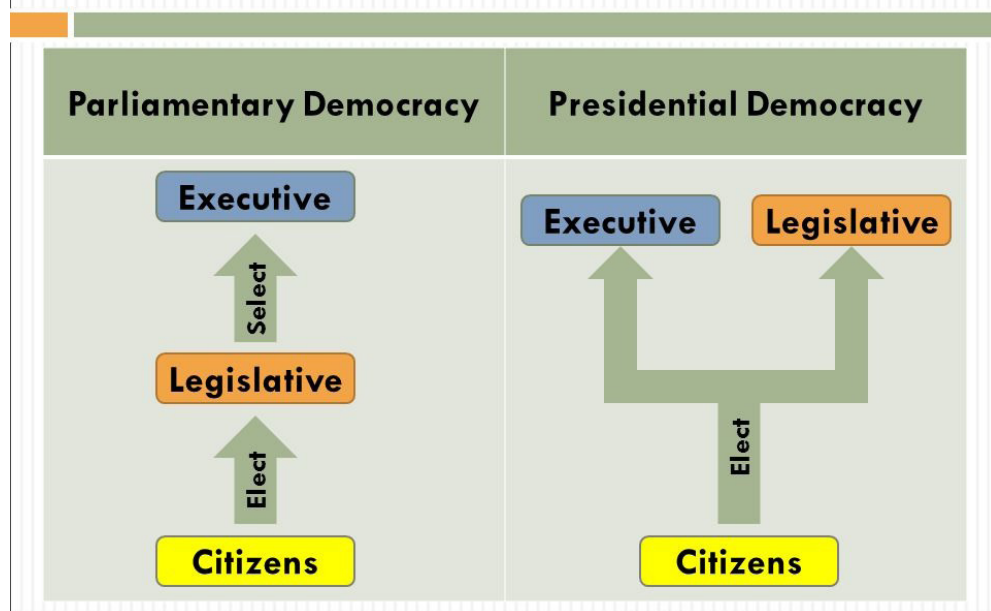
NHỮNG ĐIỂM HẤP DẪN CỦA CHẾ ĐỘ CỘNG HÒA TỔNG THỐNG

Theo giáo sư khoa học chính trị Craig Parsons, chế độ cộng hòa tổng thống sở hữu một số ưu điểm đáng chú ý. [3] James Madison và các nhà lập quốc coi sự phân tách và kiểm soát lẫn nhau giữa nhánh lập pháp và hành pháp là lợi thế cốt lõi. Cơ chế này giúp hạn chế sự lạm quyền và đảm bảo chỉ những chính sách nhận được sự đồng thuận rộng rãi bởi cả nhánh hành pháp và lập pháp mới có thể được thông qua trở thành luật.

Thứ hai, hệ thống này cung cấp nhiều kênh đại diện cho cử tri, bao gồm tổng thống, quốc hội (thường bao gồm hạ viện và thượng viện). Người dân được tham vấn ý kiến qua các cuộc bầu cử định kỳ, với sự linh hoạt trong lựa chọn: họ có thể ủng hộ ứng viên từ các đảng phái khác nhau trong cùng một kỳ bầu cử. Chẳng hạn, tại Hoa Kỳ, một cử tri có thể bỏ phiếu cho tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa trong khi lại bỏ phiếu cho ứng viên nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ, đây là hiện tượng “bỏ phiếu tách vé” (split-ticket voting).

Tổng thống, được bầu trực tiếp bởi người dân, mang vai trò biểu tượng quan trọng, thể hiện ý chí chung của quốc gia. Để chiến thắng trong một cuộc bầu cử toàn quốc, các ứng viên tổng thống cần thu hút sự ủng hộ rộng rãi từ nhiều khu vực và tầng lớp xã hội.

Parliamentary vs. Presidential Democracy



So sánh chế độ cộng hòa đại nghị (parliamentary democracy) và cộng hòa tổng thống (presidential democracy). Trong chế độ dân chủ đại nghị, công dân bầu ra cơ quan lập pháp (legislative), cơ quan này lựa chọn cơ quan hành pháp (executive). Trong chế độ dân chủ tổng thống, công dân trực tiếp bầu ra cả cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp. Nguồn ảnh: quizlet.com.

Ngoài ra, lịch trình bầu cử cố định mang lại ổn định chính trị. Khác với chế độ đại nghị, nơi chính phủ có thể bị lật đổ thông qua một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm hoặc thủ tướng có thể chủ động giải tán quốc hội để tổ chức bầu cử sớm, chế độ tổng thống đảm bảo nhiệm kỳ không bị gián đoạn, trừ các trường hợp đặc biệt như luận tội hoặc tổng thống qua đời.

MÔ HÌNH BÁN TỔNG THỐNG (SEMI-PRESIDENTIALISM): GIẢI PHÁP DUNG HÒA HAY NGUỒN GỐC BẤT ỔN?

Trong mô hình bán tổng thống, quyền lực hành pháp được chia sẻ giữa tổng thống và thủ tướng. Tổng thống thường do người dân trực tiếp bầu ra với nhiệm kỳ cố định, trong khi thủ tướng thường là lãnh đạo của đảng hoặc liên minh nắm đa số ghế trong quốc hội.

Tổng thống có quyền bổ nhiệm thủ tướng, nhưng thủ tướng cần có được sự ủng hộ của đa số nghị sĩ để chính phủ vận hành hiệu quả. [4]

Trong mô hình này, sự phân chia quyền lực hành pháp giữa tổng thống và thủ tướng thường được quy định rõ trong Hiến pháp. Thông thường, tổng thống phụ trách các lĩnh vực như đối ngoại, quốc phòng, chỉ huy quân đội và đại diện quốc gia trên trường quốc tế; trong khi thủ tướng tập trung vào các vấn đề trong nước và điều hành chính phủ.

Theo giáo sư chính trị học Robert Elgie, mô hình bán tổng thống được chia thành hai loại chính: [5]

- Kiểu tổng thống mạnh (president-parliamentarism): Thủ tướng và nội các chịu trách nhiệm trước cả tổng thống lẫn quốc hội. Trong mô hình này, tổng thống có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm thủ tướng, qua đó nắm quyền kiểm soát đáng kể đối với chính phủ. Đồng thời, quốc hội có quyền giám sát và bỏ phiếu bất tín nhiệm chính phủ. Thủ tướng trong mô hình này thường rơi vào cảnh “một cổ hai tròng”, vừa phải làm hài lòng tổng thống, vừa phải duy trì sự ủng hộ của quốc hội. Mô hình này được áp dụng tại các quốc gia như Nga, Belarus, Kazakhstan và Đệ Nhị Việt Nam Cộng hòa (1967-1975).
- Kiểu nghị viện mạnh (premier-presidentialism): Tổng thống không có quyền hiến định để bãi nhiệm thủ tướng. Thủ tướng và nội các chỉ chịu trách nhiệm trước quốc hội và có thể bị lật đổ thông qua một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm. Các quốc gia áp dụng mô hình này gồm Pháp, Ba Lan, Lithuania và Romania.

Trong hai loại trên, chức danh nắm quyền lực hành pháp chính – tổng thống (president) hoặc thủ tướng (premier) – được đặt lên đầu trong tên gọi của mô hình.

Giáo sư Elgie nhận định rằng, so với kiểu nghị viện mạnh, kiểu tổng thống mạnh thường kém hiệu quả hơn, dễ phát sinh xung đột quyền lực giữa tổng thống và thủ tướng, hoặc giữa tổng thống và quốc



Tổng thống Pháp Charles de Gaulle, cùng Thủ tướng Georges Pompidou, phát biểu trước người dân Laigné (Mayenne) trong chuyến công du miền tây nước Pháp, ngày 21/5/1965. Nguồn ảnh: AFP.

hội, từ đó gây bất ổn chính trị và làm suy yếu nền dân chủ.

Pháp – nơi khai sinh chế độ bán tổng thống hiện đại với nền Đệ Ngũ Cộng hòa từ năm 1958 – là ví dụ tiêu biểu cho kiểu nghị viện mạnh, đồng thời thể hiện sự linh hoạt của mô hình này.

Tổng thống Pháp đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại, quốc phòng và có quyền đặc biệt trong tình huống khẩn cấp. Khi tổng thống và thủ tướng cùng đảng phái, tổng thống thường chi phối chính sách, làm lu mờ vai trò của thủ tướng.

Tuy nhiên, khi tổng thống và thủ tướng thuộc hai đảng đối lập và tổng thống không có đa số trong quốc hội (trường hợp “đồng trị” – cohabitation), quyền lực lại nghiêng về thủ tướng. Lúc này, thủ tướng điều hành chính phủ, còn tổng thống chủ yếu đảm nhận vai trò nghi lễ và đại diện quốc gia.

Trên thực tế, cách phân chia quyền lực hành pháp phụ thuộc vào bối cảnh chính trị của từng quốc gia. Tuy nhiên, việc cả tổng thống và thủ tướng cùng chia sẻ quyền hành pháp có thể dẫn đến hiện tượng “xung đột nội bộ hành pháp” (intra-executive conflict). Ukraine là một ví dụ điển hình, khi những cuộc đấu căng thẳng giữa các cặp đối thủ chính trị như Yushchenko – Tymoshenko, Yushchenko – Yanukovych, hay Poroshenko – Yatseniuk từng góp phần đẩy đất nước vào tình trạng bất ổn kéo dài. [6]

Như vậy, mỗi mô hình chính thể – những nẻo đường của nền cộng hòa – từ chế độ đại nghị, tổng thống đến bán tổng thống, đều có đặc trưng riêng trong cách thức phân chia quyền lực giữa nhánh hành pháp và lập pháp. Vậy những sự khác biệt này ảnh hưởng thế nào đến khả năng đảm bảo trách nhiệm giải trình, yếu tố cốt lõi để nền dân chủ vận hành hiệu quả? □

CHÚ THÍCH

1. Hoàng Dạ Lan. (2024, January 19). Bộ máy hành chính: Mô hình Pháp – Nhật và Mỹ, hay là tính chuyên nghiệp và tính đại diện. *Luật Khoa tạp chí*. <https://www.luatkhoea.com/2024/01/bo-may-hanh-chinh-mo-hinh-phap-va-my-hay-la-tinh-chuyen-nghiep-va-tinh-dai-dien/>
2. Orvis, S., & Drogus, C. A. (2017). *Introducing comparative politics: Concepts and cases in context*. CQ Press.
3. Parsons, C. (2017). *Introduction to Political Science: How to think for yourself about politics*. Pearson.
4. Orvis & Drogus (2017).
5. Elgie, R. (2011). *Semi-presidentialism: Sub-types and democratic performance*. Oxford University Press, USA.
6. Averchuk, R. (2016, April 14). *5 reasons to believe that Ukraine needs a parliamentary system of government*. Vox Ukraine. <https://voxukraine.org/en/5-reasons-to-believe-that-ukraine-needs-a-parliamentary-system-of-government-en>



Một phiên họp lưỡng viện Quốc hội tại thủ đô Washington, D.C. của Mỹ. Ảnh: Lawrence Jackson/Official White House.

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG CỦA NỀN DÂN CHỦ – KỲ 3: TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH – MỘT CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC HIỆU QUẢ

Hoàng Dạ Lan

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 10/9/2025.

Ở kỳ trước, chúng ta đã làm quen với khái niệm trách nhiệm giải trình, như một cơ chế điều chỉnh tự động cần thiết để đảm bảo tính minh bạch trong công việc của chính quyền, và khả năng nhân dân có thể giám sát, điều chỉnh hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước.

Theo đó, ta đã biết trách nhiệm giải trình gồm hai dạng cơ bản:

Trách nhiệm giải trình theo chiều dọc (vertical accountability) phản ánh quyền lực của người dân và xã hội trong việc buộc các cơ quan công quyền chịu trách nhiệm, trong đó bầu cử được xem là công cụ quan trọng nhất.

Trách nhiệm giải trình theo chiều ngang (horizontal accountability) thể hiện sự phân chia và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước.

Vậy, trách nhiệm giải trình trong ba mô hình chính thể – đại nghị, tổng thống và bán tổng thống – khác nhau như thế nào?

Bài viết sẽ tập trung giải đáp câu hỏi này, và lý giải vì sao trách nhiệm giải trình lại đóng vai trò cốt tủy trong đời sống của một nền dân chủ. Để trả lời những vấn đề vừa nêu, chúng ta cần xét thêm một yếu tố quan trọng: quốc gia đó áp dụng hệ thống bầu cử nào và có bao nhiêu đảng hiện diện trong quốc hội. [1]

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH ĐƯỢC THỰC HIỆN THẾ NÀO TRONG CHẾ ĐỘ ĐẠI NGHỊ?

Trong mô hình đại nghị mà Vương quốc Anh áp dụng, thủ tướng trở thành một lãnh đạo có quyền lực rất lớn, dễ dàng thông qua các dự luật mình mong muốn. Lý do của hiện tượng này đến từ sự hợp nhất quyền lực (fusion of powers) giữa các nhánh lập pháp và hành pháp – đặc thù của chế độ đại nghị, cùng việc chính phủ thường do một đảng chiếm đa số ghế chi phối (tại Anh, Công Đảng và Đảng Bảo thủ thường luân phiên nắm quyền). Đặc điểm này dẫn đến trách

nhiệm giải trình theo chiều ngang trong mô hình đại nghị khá yếu, khi nhánh lập pháp và hành pháp cùng bị kiểm soát bởi một đảng phái chiếm ưu thế. Vì vậy, việc giám sát chính phủ chủ yếu chỉ do phe đối lập, chiếm thiểu số trong nghị viện đảm nhận.

Ngược lại, trách nhiệm giải trình theo chiều dọc của mô hình này lại rất mạnh. Ví dụ, hiện nay Công Đảng dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Keir Starmer đang cầm quyền; nếu cử tri bất mãn với thành tích của chính phủ, họ biết rõ đảng cầm quyền phải chịu trách nhiệm và có thể bầu cho một đảng khác thay thế ở kỳ bầu cử tiếp theo.

Khác với Anh, mô hình đại nghị của Đức thường xuyên hình thành chính phủ liên minh (coalition government). Khi đó, các ghế trong nội các thường được phân bổ cho hai hoặc ba đảng trong liên minh cầm quyền, khiến việc điều hành phải phụ thuộc nhiều hơn vào nỗ lực thương lượng và đồng thuận giữa các nhóm,

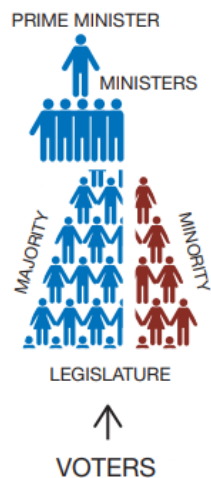
nhưng cũng nhờ vậy mà sự đại diện trở nên đa dạng hơn. Tuy nhiên, vì chính phủ gồm nhiều đảng, trách nhiệm giải trình theo chiều dọc ở Đức thường kém rõ ràng hơn so với ở Anh.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG

Trong khi đó, chế độ tổng thống nổi bật với trách nhiệm giải trình theo chiều ngang nhờ cơ chế phân quyền rõ ràng và kiểm soát lẫn nhau giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ví dụ, trong mô hình Hoa Kỳ, tổng thống có quyền phủ quyết dự luật của quốc hội, nhưng quốc hội có thể vượt qua quyền phủ quyết này nếu đạt tỷ lệ đồng thuận chiếm đa số, từ 2/3 trở lên. Trong khi đó, cơ quan tư pháp có thẩm quyền phán quyết về tính hợp hiến của các đạo luật và sắc lệnh hành pháp (judicial review), tạo nên hệ thống giám sát chặt chẽ.

PARLIAMENTARY SYSTEM WITH SINGLE-PARTY GOVERNMENT

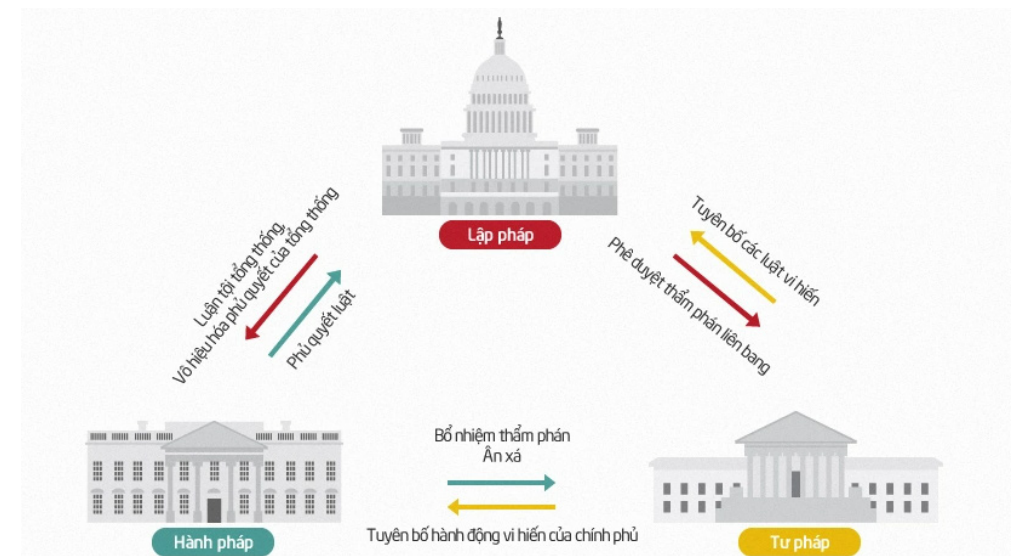


PARLIAMENTARY SYSTEM WITH COALITION GOVERNMENT



So sánh cơ cấu nghị viện và thành phần nội các của Anh (trái) và Đức (phải). Ở Anh, chính phủ thường do một đảng chiếm đa số ghế trong nghị viện kiểm soát; trong khi đó, tại Đức, chính phủ liên minh xuất hiện phổ biến. Các màu trong hình biểu thị các đảng khác nhau: xanh dương, đỏ, cam và xanh lá.

Hình do người viết chỉnh sửa từ Parsons (2017, trang 226).



Mô hình tam quyền phân lập trong chính quyền liên bang Mỹ. Nguồn ảnh: BBC. Viết báo: VnExpress.

Một lần nữa, hệ thống đảng phái ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức mà cơ chế giải trình vận hành. Trong chế độ tổng thống, nếu các đảng duy trì kỷ luật chặt chẽ, thường bỏ phiếu đồng thuận và đảng của tổng thống chiếm đa số trong quốc hội, thì cơ chế giải trình sẽ khá giống với chế độ đại nghị với một đảng mạnh cầm quyền như ở Anh.

Ngược lại, nếu kỷ luật đảng tương đối lỏng lẻo (như ở Mỹ) hoặc nhánh hành pháp và lập pháp do hai đảng khác nhau kiểm soát, thì quốc hội sẽ độc lập hơn trong việc chất vấn và giám sát chính sách từ chính phủ, qua đó gia tăng trách nhiệm giải trình theo chiều ngang. Tuy nhiên, quá trình thông qua luật lại khó khăn hơn vì hai bên dễ nảy sinh bất đồng về chính sách. [2]

CƠ CHẾ GIẢI TRÌNH TRONG CHẾ ĐỘ BÁN TỔNG THỐNG

Trong chế độ bán tổng thống, mức độ trách nhiệm giải trình phụ thuộc chủ yếu vào hai yếu tố: quyền lực thực tế của tổng thống và cơ cấu đảng phái trong quốc hội.

Trong mô hình này, quyền lực hành pháp được chia sẻ giữa tổng thống và thủ tướng, tạo nên cơ chế giám sát lẫn nhau. Trong giai đoạn “đồng trị” (cohabitation), tức khi tổng thống và thủ tướng thuộc hai đảng đối lập, thủ tướng thường trở thành đối trọng, kiểm chế quyền lực của tổng thống.

Ngược lại, khi cả hai vị trí lãnh đạo tối cao này cùng thuộc một đảng, cơ chế giám sát này suy yếu. Tổng thống, vì vừa

có tính chính danh do được dân bầu trực tiếp, vừa được sự hậu thuẫn của đảng cầm quyền trong quốc hội, sẽ nắm giữ quyền lực vượt trội. Còn thủ tướng trong tình huống này chủ yếu đóng vai trò điều hành chính phủ theo định hướng của tổng thống.

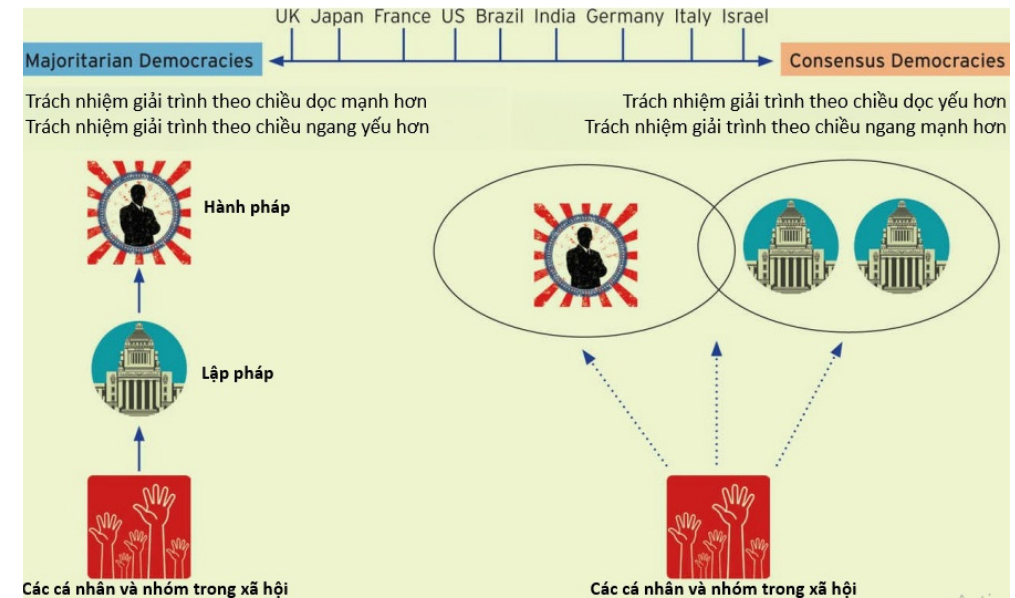
Tuy nhiên, nếu quyền hạn của hai vị trí trên không được quy định rõ ràng, trách nhiệm giải trình dễ rơi vào tình trạng chồng chéo, làm phát sinh tranh chấp quyền lực và giảm hiệu quả quản trị.

SỰ ĐÁNH ĐỔI GIỮA TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH THEO CHIỀU NGANG VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH THEO CHIỀU DỌC

Sau khi phân tích cơ chế vận hành của trách nhiệm giải trình trong ba mô hình chính thể, có thể thấy tồn tại một sự đánh đổi (trade-off) giữa trách nhiệm giải trình theo chiều ngang và trách nhiệm giải trình theo chiều dọc: khi cái này tăng thì cái kia có khuynh hướng giảm. [3]

Tại sao lại có sự đánh đổi này?

Sơ đồ bên dưới so sánh khuynh hướng của cơ chế giải trình tại các quốc gia Anh, Nhật, Pháp, Hoa Kỳ, Brazil, Ấn Độ, Đức, Italy và Israel trên một trục tọa độ. Xét từ trái sang phải, trách nhiệm giải trình theo chiều dọc giảm dần, trong khi trách nhiệm giải trình theo chiều ngang tăng lên.



Sự đánh đổi giữa trách nhiệm giải trình theo chiều ngang và trách nhiệm giải trình theo chiều dọc trong các nền dân chủ. Nguồn ảnh: Stephen Orvis & Carol Ann Drogus (2017). Chính sửa và Việt hóa: Hoàng Dạ Lan.

Trong mô hình bên trái, mà điển hình là Anh, quyền lực được tập trung: nhánh hành pháp mạnh, còn quyền làm luật chủ yếu nằm trong tay một viện, và đảng cầm quyền có thể đồng thời kiểm soát cả hành pháp và lập pháp. Trong trường hợp này, trách nhiệm giải trình theo chiều dọc thường rất mạnh vì cử tri biết rõ ai nắm quyền để quy trách nhiệm, trong khi trách nhiệm giải trình theo chiều ngang lại yếu hơn do các cơ quan đều chịu sự chi phối của một đảng chiếm ưu thế.

Ở một thái cực khác, mô hình bên phải minh họa những nền dân chủ đòi hỏi mức độ thương lượng và đồng thuận cao. [4] Những quốc gia này thường có sự kiểm chế và đối trọng giữa nhánh hành pháp và lập pháp, quyền lập pháp được phân chia cân bằng trong hệ thống lưỡng viện (ví dụ như Hoa Kỳ, đặc biệt

trong giai đoạn lập pháp và hành pháp do hai đảng khác nhau kiểm soát), hoặc chính phủ liên minh thường xuyên xuất hiện (điển hình là Israel). Khi đó, trách nhiệm giải trình theo chiều ngang mạnh hơn.

Tuy nhiên, trong mô hình này trách nhiệm giải trình theo chiều dọc lại kém rõ ràng, do có nhiều chủ thể cùng tham gia hoạch định chính sách. Hệ quả là khi cử tri bất mãn, họ khó xác định được ai phải chịu trách nhiệm.

Tóm lại, mỗi mô hình chính thể có sự phân bổ trách nhiệm giải trình khác nhau, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định chính trị và khả năng đáp ứng của chính phủ trước nhu cầu của xã hội.

Các bài viết tiếp theo sẽ đi sâu phân tích mô hình tổ chức nhà nước và hệ thống bầu cử của Hoa Kỳ, Brazil, Đức và Nhật Bản, nhằm rút ra những bài học để xây dựng một mô hình ổn định cho một Việt Nam dân chủ. □

Chuyên mục: Cùng AI khám phá hệ thống chính trị vòng quanh thế giới

Ngày nay, với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT, Grok, DeepSeek, Gemini và nhiều công cụ khác, độc giả có thể dễ dàng tìm hiểu về hệ thống chính trị của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Nhằm khuyến khích tư duy phản biện, khả năng phân tích và kiểm chứng thông tin, *Luật Khoa* trân trọng giới thiệu một số câu hỏi thú vị để bạn đọc khám phá cùng AI:

- Ở Việt Nam, thủ tướng đảm nhận vai trò lãnh đạo chính phủ (head of government), trong khi chủ tịch nước là nguyên thủ quốc gia (head of state), chủ yếu đảm nhiệm các công việc đối ngoại và nghi lễ. Cả hai chức danh này, về mặt hình thức, đều do Quốc hội bầu chọn. Ngoài ra, Việt Nam cũng duy trì các phiên chất vấn, trong đó các thành viên chính phủ trực tiếp trả lời các câu hỏi từ đại biểu quốc hội. Liệu những điều này có cho thấy nền chính trị Việt Nam

đang vận hành theo mô hình dân chủ đại nghị? Nếu không, mô hình của Việt Nam khác biệt ra sao so với hệ thống đại nghị tại các quốc gia dân chủ?

- Trong chế độ đại nghị như Vương quốc Anh, thủ tướng và đa số bộ trưởng phải là nghị sĩ được bầu (thường từ Hạ viện), thể hiện nguyên tắc “hợp nhất quyền lực” (fusion of powers), đảm bảo chính phủ chịu trách nhiệm trước quốc hội qua các cơ chế như bỏ phiếu bất tín nhiệm. Ngược lại, ở Việt Nam, quốc hội được xem là cơ quan quyền lực cao nhất với nhiệm vụ giám sát hành pháp. Tuy nhiên, việc nhiều đại biểu quốc hội kiêm nhiệm chức vụ trong chính phủ lại bị chỉ trích vì làm suy yếu chức năng giám sát của quốc hội. Tại sao lại có sự khác biệt này?
- Tại Việt Nam, có dự luật nào do một đại biểu hoặc một

nhóm đại biểu quốc hội khởi xướng/ soạn thảo, sau đó được Quốc hội biểu quyết thông qua và trở thành luật chưa?

- Theo Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967, nền Đệ Nhị Cộng hòa vận hành theo mô hình bán tổng thống. [5] Mô hình bán tổng thống này được thiết kế theo kiểu tổng thống mạnh (president-parliamentarism) hay nghị viện mạnh (premier-presidentialism)? Những lý do gì khiến các nhà lập hiến lựa chọn mô hình này?

- Trong hai mô hình cộng hòa đại nghị và cộng hòa tổng thống, hệ thống tòa án ở mô hình nào thường có quyền lực lớn hơn và phải xử lý nhiều vụ việc hơn? Vì sao lại như vậy?
- Tại sao nhiều quốc gia theo chế độ bán tổng thống lại có xu hướng tập trung quyền lực vào vị trí tổng thống trong thời kỳ khủng hoảng, dù trên lý thuyết, thủ tướng và quốc hội cũng đóng vai trò quan trọng? Điều này nói gì về bản chất của quyền lực trong các hệ thống lai?

CHÚ THÍCH

- Orvis & Drogus (2017).
- Orvis & Drogus (2017).
- Orvis & Drogus (2017).
- Arend Lijphart phân loại mô hình như của Anh là “nền dân chủ tập quyền theo đa số” (majoritarian democracy), trong khi những quốc gia đòi hỏi sự thương lượng và thỏa hiệp giữa nhiều chủ thể chính sách, như Đức, Thụy Sĩ và Israel, được xếp vào “nền dân chủ dựa trên sự đồng thuận” (consensus democracy). Tham khảo Lijphart, A. (1999). *Patterns of democracy: Government forms and performance in thirty-six countries*. New Haven, CT: Yale University Press.
- Hoàng Dạ Lan (2024, April 26). Hiến pháp 1967: Bản hiến pháp tiến bộ và dân chủ nhất trong lịch sử Việt Nam. *Luật Khoa tạp chí*. <https://www.luatkhoe.com/2024/04/hien-phap-1967-ban-hien-phap-tien-bo-va-dan-chu-nhat-trong-lich-su-viet-nam/>



Ảnh: Anup Ojha/AFP. Đồ họa: Trìn/luật Khoa.

KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ TẠI NEPAL: NĂM BÀI HỌC TỪ THẤT BẠI CỦA HIẾN PHÁP 2015

Hoàng Mai

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 17/9/2025.

*Thất bại trong quy trình lập hiến phải
chẳng là điểm báo cho một tiến trình
dân chủ và hòa bình về lâu dài?*

Tháng 9/2025, Nepal rơi vào khủng hoảng chính trị trầm trọng, do sự bùng phát của phong trào biểu tình bạo động của Gen Z – người trẻ – nhằm phản đối tình trạng tham nhũng và lệnh cấm mạng xã hội. [1] Phong trào đã khiến chính phủ phải giải tán và thủ tướng nước này phải từ chức.

Nhìn lại nền chính trị Nepal trong và trước khủng hoảng, có thể thấy rằng vấn đề lập hiến và cải cách hiến pháp luôn là trung tâm của các cuộc nghị sự và các yêu sách từ quần chúng, suốt 10 năm qua kể từ khi nước này công bố bản Hiến pháp 2015. [2] [3]

Trước đó nữa, vào năm 2006, sau khi cuộc chiến tranh 10 năm với quân nổi dậy Maoist kết thúc, thỏa thuận hòa bình được ký kết và chế độ quân chủ bị

xóa sổ, việc thông qua bản hiến pháp cộng hòa đã trở thành một yêu cầu trung tâm. [4]

Năm 2007, Nepal thông qua bản Hiến pháp lâm thời và thiết lập Hội đồng Lập hiến với mục tiêu đến năm 2010 sẽ công bố bản hiến pháp chính thức. [5] Thế nhưng tiến trình này sau đó đã bị gián đoạn trong nhiều năm.

Mãi đến năm 2015, một bản hiến pháp chính thức mới được thông qua. Tuy vậy, việc thực thi bản hiến pháp này hoàn toàn tê liệt. Thậm chí, đã có nhiều lần các đảng phái chính trị đưa vấn đề sửa đổi hiến pháp lên bàn nghị sự để kéo các nhóm đối lập vào cuộc thảo luận, nhưng các đề xuất sửa đổi hiến pháp đều không đạt được đồng thuận. [6] [7]

Đến tháng 9/2025, làn sóng biểu tình, bạo động của người trẻ cũng nhắm đến trung tâm là yêu sách về việc thay đổi hiến pháp. [8]

Trên thực tế, ngay sau khi bản Hiến pháp 2015 được thông qua và trong nhiều năm sau đó, nhiều chuyên gia và nhà bình luận đã đánh giá rằng bản hiến pháp đó sẽ tiếp tục khuấy động bạo lực ở Nepal thay vì mang lại ổn định và hòa bình.

Những thất bại liên quan đến việc soạn thảo, thông qua, và thực thi Hiến pháp 2015 của Nepal là gì? Đây là bài học cho Nepal và cho những nền nhà nước đang trong tiến trình chuyển đổi dân chủ và xây dựng chính quyền mới?

Dưới đây là năm bài học từ thất bại trong tiến trình lập hiến của Nepal.

TIẾN TRÌNH LẬP HIẾN VỪA BẾ TẮC VỪA VỘI VÃ

Sau khi cuộc nổi dậy kéo dài 10 năm của phe Maoist kết thúc vào năm 2006, Nepal bắt tay vào soạn thảo một bản hiến pháp mới. Mục tiêu của bản hiến pháp mới là đặt nền tảng cho một nhà nước và xã hội đổi mới. [9]

Cốt lõi của bản hiến pháp này vốn được đặt nền tảng bởi các nguyên tắc bình đẳng về cơ hội và sự tham gia chính trị, nhằm củng cố dân chủ trong nước.

Điều này bao gồm việc chuyển đổi cấu trúc chính trị – xã hội từ chỗ mang nặng tính độc quyền truyền thống thành một hệ thống bao dung hơn, bằng cách thúc đẩy một nhà nước đa ngôn ngữ và đa sắc tộc.

Quan điểm lập hiến trên cho thấy, những người soạn thảo hiến pháp đã cố gắng giải quyết các vấn đề lớn từng dẫn tới cuộc “chiến tranh nhân dân” của quân Maoist.

Thông qua đường hướng xây dựng nhà nước theo lối liên bang hóa và phân tán quyền lực, họ hy vọng các nhóm dân cư yếu thế ở Nepal (như phụ nữ, các sắc tộc thiểu số, và người Dalit) sẽ có nhiều cơ hội tham gia vào quá trình ra quyết định chính trị và phân bổ nguồn lực quốc gia.

Họ cũng xác định việc bảo đảm các quyền cơ bản, tự do báo chí, nguyên tắc pháp quyền, một hệ thống tư pháp độc lập và chấm dứt tình trạng miễn trừ cho một số hành vi phạm tội là những bước

đi then chốt cho sự phát triển tương lai của đất nước.

Ngoài ra, họ còn kỳ vọng củng cố hạ tầng, tái cấu trúc hệ thống giáo dục, xóa bỏ nạn tham nhũng tràn lan và lạm dụng chức vụ, cũng như chống lại tình trạng gia đình trị.

Tuy nhiên, do hệ thống chính trị kém hiệu quả của Nepal và tình trạng lợi ích phe phái của giới tinh hoa chính trị ở Kathmandu vẫn còn phức tạp, dự án hiến pháp cuối cùng đã rời xa khỏi tầm nhìn này và bỏ lỡ mọi thời hạn được đặt ra theo kế hoạch ban đầu.

Quá trình xây dựng hiến pháp đã bị trì hoãn hơn bảy năm với đợt nhiều gián đoạn liên tiếp.

Phải đến năm 2015, sau trận động đất thảm khốc vào tháng Tư và tháng Năm gây nhiều thiệt hại cho đất nước, các lực lượng chính trị truyền thống cùng phe Maoist mới thực sự quyết tâm hoàn thành bản hiến pháp. [10]

Cuối cùng, vào ngày 20/9/2015, Nepal vội vã tuyên bố chính thức thông qua bản hiến pháp đầu tiên, thiết lập hệ thống cộng hòa dân chủ liên bang thế tục, và chính thức hóa việc xóa bỏ chế độ quân chủ Hindu – vốn đã ngưng tồn tại từ năm 2008.

Từ đó, như có thể thấy, những bế tắc trong tiến trình làm hiến pháp đã trở thành điểm báo trước cho những bất ổn về sau này.

MỘT TIẾN TRÌNH LẬP HIẾN ĐẦY ĐỦ BẠO ĐỘNG

Bản Hiến pháp 2015 đã được thông qua giữa bối cảnh vẫn còn nhiều tranh cãi kịch liệt về nhiều vấn đề quan trọng, như liệu có nên thành lập chế độ liên bang theo sắc tộc, hay quyền công dân của phụ nữ nên được quy định thế nào.

Nhiều vụ bạo động đã diễn ra xoay quanh bản dự thảo hiến pháp này. Đã có hơn 40 người thiệt mạng trong các cuộc biểu tình liên quan đến bản hiến pháp. [11]

Một năm sau khi bản hiến pháp được thông qua, chính cựu Tổng thống Ram Baran Yadav đã công khai bày tỏ hối tiếc vì đã buộc phải ban hành một bản hiến pháp khiến đất nước rơi vào tình trạng tê liệt và chia rẽ. [12] Có thể nói, bản hiến pháp được làm ra trong bạo lực không thể thúc đẩy hòa bình.

TIẾN TRÌNH THIẾT KẾ HIẾN PHÁP GẠT BÊN LỀ MỐI QUAN NGẠI CỦA CÁC NHÓM THIỂU SỐ

Nhiều thành viên của các nhóm bị gạt ra bên lề quy trình lập hiến đã lo ngại rằng bản hiến pháp mới vẫn sẽ gây bất lợi cho họ, vì nó đã được thông qua vội vàng bởi các đảng phái truyền thống – bao gồm cả lực lượng Maoist – vốn do tầng lớp lãnh đạo nam giới thuộc đẳng cấp cao chi phối.

Một trong những điểm vấp phải nhiều sự phản đối trong dư luận là tỷ lệ nghị sĩ được bầu theo hệ thống đại diện tỷ lệ đã giảm xuống còn 45%, so với con số 58% quy định trong bản hiến pháp lâm thời năm 2008.

Hệ thống đại diện tỷ lệ đã giúp nhiều thành viên thuộc các nhóm dân tộc bản địa và đẳng cấp thấp – vốn bị đàn áp và gạt ra bên lề trong lịch sử – có cơ hội được bầu vào quốc hội.

Các nhóm phụ nữ và những nhóm vận động nữ quyền cho rằng hiến pháp mới mang tính phân biệt đối xử với phụ nữ Nepal. [13] Đặc biệt là khi xã hội nước này vốn đã mang nặng tính gia trưởng, khiến phụ nữ Nepal khó truyền lại quốc tịch cho con hơn nhiều so với nam giới.

Ở vùng Terai phía Đông, các cộng đồng tộc người Madhesi – vốn có sự gắn gũi về sắc tộc và xã hội với người Ấn Độ bên kia biên giới – than phiền rằng họ luôn phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và thiếu sự thừa nhận từ phía nhà nước Nepal. Họ cho rằng các quy định về quốc tịch nói trên sẽ ảnh hưởng bất lợi đến họ nhiều hơn, bởi khu vực này có rất nhiều cuộc hôn nhân xuyên biên giới.

Từ phe bảo thủ hơn, các nhóm Ấn Độ giáo muốn khôi phục lại chế độ quân chủ Hindu cũng bày tỏ sự bất mãn.

Nhiều nhà vận động cho thay đổi phàn nàn rằng bản dự thảo mới đã được thông qua vội vã, với các cuộc tham vấn công chúng chỉ mang tính hình thức và ngăn ngửi, dưới sự giám sát của lực lượng an ninh.

KHIẾM KHUYẾT MANG TÍNH CẤU TRÚC CỦA HIẾN PHÁP LIÊN BANG

Vì bản hiến pháp được thông qua vội vàng sau trận động đất tàn phá năm 2015, nó bỏ qua phần lớn yêu cầu của các cộng đồng Madhesi và Tharu vốn mong muốn có các tỉnh dựa trên bản sắc và nơi định cư lịch sử.

Các quy định hiến pháp về luật liên bang xây dựng dựa trên đặc thù địa lý ở Nepal đã châm ngòi cho các cuộc biểu tình của cộng đồng Madhesi và Tharu, khiến 57 người thiệt mạng và làm đình trệ việc nhập khẩu xăng dầu cũng như hàng cứu trợ động đất từ Ấn Độ, kéo dài từ tháng 9/2015 đến tháng 2/2016. [14]

Có thể điểm qua ba yếu tố đã góp phần làm bùng phát bạo lực trong các cuộc biểu tình bao gồm:

- Sự thống trị của các nhóm đẳng cấp cao ở vùng núi trong các cuộc tranh luận công khai đã khiến các nhóm thiểu số bị gạt ra bên lề và mất đi tiếng nói;
- Việc cải cách liên bang diễn ra đồng thời với các cải cách thể chế khác, tổng thể đã làm dấy lên lo ngại bị phân biệt đối xử trong cộng đồng Madhesi và Tharu;
- Sự can dự ngày càng tăng của Trung Quốc và Ấn Độ, vốn làm gia tăng chia rẽ giữa chính phủ và các nhóm thiểu số.

Giải pháp do nhóm tinh hoa áp đặt đã dẫn đến bất ổn, làm trầm trọng hơn nỗi lo sợ của các cộng đồng thiểu số. Đặc biệt là khi giải pháp đó liên quan đến vấn đề quản trị xã hội, gây ảnh hưởng sâu sắc đến những nhóm này.

THẤT BẠI TRONG VIỆC THỰC THI HIẾN PHÁP

Thất bại hàng đầu của một bản hiến pháp có lẽ bao giờ cũng nằm ở tính khả thi hay việc thực thi. [15]

Tuy vậy, dù có các khiếm khuyết, bản hiến pháp này đã thiết lập được các định chế độc lập và bảo đảm một loạt quyền cơ bản.

Tuy nhiên, trong thời điểm bản hiến pháp chưa được kiện toàn, tầng lớp chính trị tinh hoa đã làm suy yếu ngành tư pháp, chính trị hóa các cơ quan chống tham nhũng thông qua bổ nhiệm phe phái, và nhiều lần phớt lờ các chuẩn mực hiến định vì lợi ích chính trị.

Bản thân bản hiến pháp và quá trình xây dựng đã không thể cổ vũ một nền văn hóa chính trị có trách nhiệm và biết hợp tác, khiến lợi ích chính trị và nạn phân biệt đối xử vẫn tiếp tục chia rẽ đất nước này.

Cho đến năm 2025, tham nhũng và khủng hoảng vẫn là những vấn đề nổi cộm của Nepal. [16]

BÀI HỌC LẬP HIẾN TỪ NEPAL

Câu chuyện lập hiến của Nepal cho thấy tiến trình soạn thảo và thông qua hiến pháp cũng quan trọng không kém quá trình thực thi hiến pháp.

Nếu không tìm được giải pháp trong quá trình thương lượng soạn thảo, thì việc có thông qua bản hiến pháp hay không cũng khó có thể gây ra tác động nào giúp tạo nên nền tảng thể chế cho việc giải quyết các bất đồng, tranh chấp.

Các nhà hoạch định chính sách cần bảo đảm rằng các giải pháp thể chế hoặc chính sách phải được xây dựng trên cơ sở đối thoại, với sự tham gia nhiều hơn của chính các nhóm thiểu số; bất kỳ giải pháp nào do tầng lớp tinh hoa đơn phương áp đặt đều có thể dẫn đến bất ổn mới.

Ngoài ra, những nội dung cải cách ở cấp trung ương và địa phương phải được xem xét một cách tổng thể, cân nhắc đa chiều, thay vì chỉ được coi như những dự án riêng biệt, tiến hành cục bộ.

Vấn đề nan giải nhất trong việc thiết kế hiến pháp có lẽ nằm ở chỗ, nội dung hiến pháp không chỉ yêu cầu phải đáp ứng được đa dạng khuynh hướng lợi ích và nhu cầu của các nhóm chính trị – xã hội khác nhau. Hơn thế, còn phải tạo ra được những hệ thống khuyến khích một nền văn hóa chính trị có thể vượt qua xu hướng lợi ích nhóm và những khác biệt để có thể hợp tác thuận lợi và hiệu quả. □

CHÚ THÍCH

1. Jazeera, A. (2025, September 9). Nepali PM forced to step down, parliament torched amid deadly protests. *Al Jazeera*. <https://www.aljazeera.com/news/2025/9/9/nepali-pm-forced-to-step-down-parliament-torched-amid-deadly-protests>
2. Aspirations for change can be met with the elections, experts suggest. (2025, September 14). *The Kathmandu Post*. <https://kathmandupost.com/politics/2025/09/14/aspirations-for-change-can-be-met-with-the-elections-experts-suggest>
3. Wikipedia contributors. (2025, June 10). *Constitution of Nepal*. Wikipedia. https://en.wikipedia.org/wiki/Constitution_of_Nepal
4. Xem [2]
5. Xem [3]
6. Acharya, A. (2016, December 8). Nepal: A costly constitution. *Al Jazeera*. <https://www.aljazeera.com/opinions/2016/12/8/nepal-a-costly-constitution>
7. Shekhawat, S. (2025, May 13). *Unrest and uncertainty: the deepening crisis in Nepal's democracy*. orfonline.org. <https://www.orfonline.org/expert-speak/unrest-and-uncertainty-the-deepening-crisis-in-nepal-s-democracy>
8. Xem [2]
9. Wolf, S. (2015). Nepal constitutional reform an uphill battle. *East Asia Forum*. <https://eastasiaforum.org/2015/09/25/nepal-constitutional-reform-an-uphill-battle/>
10. Haviland, C. (2015, September 19). *Why is Nepal's new constitution controversial?* BBC News. <https://www.bbc.com/news/world-asia-34280015>
11. Xem [10]
12. Xem [6]
13. CA snubs proposal for gender friendly citizenship provisions. (2015, September 15). *The Kathmandu Post*. <https://kathmandupost.com/valley/2015/09/15/ca-snubs-proposal-for-gender-friendly-citizenship-provisions>
14. *Nepal's quest for federalism: a driver of new violence*. (n.d.). <https://www.giga-hamburg.de/en/publications/giga-focus/nepal-s-quest-for-federalism-a-driver-of-new-violence>
15. Baidya, R., & Baidya, R. (2025, September 11). The Sovereign's Loop: Nepal's constitutional crisis and a Path to Accountable democracy – IndiaChronicle. *IndiaChronicle – Facts Unleashed*. <https://indiachronicle.in/the-sovereigns-loop-nepals-constitutional-crisis-and-a-path-to-accountable-democracy/>
16. Sigdel, A. (2025, March 19). Corruption and crisis define Nepal's 2024. *East Asia Forum*. <https://eastasiaforum.org/2025/03/20/corruption-and-crisis-define-nepals-2024/>



Nguồn ảnh: VGP News. Ảnh minh họa: Thanh Tri/Luật Khoa.

BỘ CÔNG AN ĐÒI QUẢN KOL: THẤY ĐƯỢC GÌ VÀ CÓ GÌ CẦN PHẢI THẤY?

Đan Thanh

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 10/9/2025.

Ở Việt Nam, người dân hầu như buộc phải quen với câu: việc gì khó, đã có công an lo. Đến mức có những chuyện tưởng như không có gì khó, thì công an cũng muốn lo, điển hình là chuyện đòi quản KOL – một việc rõ thấy không phải và không nên thuộc thẩm quyền của họ.

NGỊCH LÝ CỦA QUẢN LÝ: DỪNG GÔNG CÙM ĐỂ “KHÍCH LỆ” TỰ DO?

KOL là cách gọi viết tắt từ cụm từ “key opinion leader”, nghĩa là “người dẫn dắt

dư luận chủ chốt”, hay theo cách gọi nôm na bây giờ là “người có sức ảnh hưởng”. Trên đường đua sự nghiệp, cá nhân nào leo lên được những tầm cao nhất định trong lĩnh vực của họ, và được nhiều người công nhận, biết đến, thì sức ảnh hưởng là một trái thơm ngọt ngào mà họ hưởng lấy sau những truân chuyên trong sự nghiệp. Bởi lẽ, khi ấy họ đã là những cá nhân có kiến thức chuyên môn và có thẩm quyền trong lĩnh vực của họ.

Việc Bộ Công an đi nhốt KOL vào khung định hướng ngôn luận tạo thành một nghịch lý chưa từng có trong cuộc sống. Vì sao? Vì muốn có sức ảnh hưởng, nhất

là trong thời buổi ai cũng có thể mở tài khoản Facebook và livestream trên YouTube này, đòi hỏi một người phải nỗ lực sáng tạo. Không sáng tạo được nội dung thu hút đám đông thì khó mà ảnh hưởng được tới ai.

Trong khi đó, ai cũng thấy rõ cội nguồn của sự sáng tạo luôn là tự do. Tự do về phong cách, về nội dung, về đủ mọi thứ. Nhốt người ta vào lồng là đi ngược lại với nguyên lý giản đơn ấy.

Hơn nữa, càng có ảnh hưởng và địa vị người ta càng muốn tự do hơn để định đoạt lấy cách sống, cách ăn ở vui chơi, cách thụ hưởng của mình. Đã ít tự do mà nay còn phải chịu thêm một cái vòng kim cô trên đầu, ai còn muốn làm KOL nữa?

Bản chất mối quan hệ giữa KOL và công chúng thuần túy là mối quan hệ dân sự tự nguyện, không phải là mối quan hệ mà công an có đủ tư cách dùng quyền lực để can thiệp.

CÔNG AN LIỆU CÓ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ KOL?

Công chúng cũng nên dần hiểu rằng đừng bình thường hóa việc Bộ công an có hết thẩm quyền làm việc này đến việc kia. Vì sao? Căn cứ theo Điều 16 Luật Công an nhân dân 2018 thì trọng tâm quyền hạn của công an chỉ gói gọn trong việc bảo vệ an ninh quốc gia; phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật; quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Xét về bản chất pháp lý, căn cứ theo Điều 3 Luật An ninh Quốc gia thì cụm từ “an ninh quốc gia” có nội hàm hẹp, chỉ gói gọn trong hai nội dung chính là sự ổn định của chế độ xã hội/ nhà nước và sự bất khả xâm phạm của lãnh thổ.

Có điều, khi mắt người ta có búa thì đi đâu cũng thấy đinh, cái đinh ấy tồn tại khắp nơi với tất cả mọi hành vi dù lương thiện nhất cũng biến thành gây hại cho “an ninh quốc gia” – bất chấp biên độ giới hạn của ngữ nghĩa.

Bằng cách diễn giải “an ninh quốc gia” gắn với sự tồn vong của chế độ, thanh gươm của công an đã trảm thẳng tay những tiếng nói từng rất có sức ảnh hưởng như luật sư Trần Đình Triển, nhà báo Trương Huy San, v.v. Ấy vậy mà họ vẫn không nguôi nổi bất an, canh cánh trong lòng khi thấy mối bận tâm của công chúng vẫn đang gắn chặt lên màn hình.

Nếu hỏi cụm từ “an ninh quốc gia” có thể được diễn giải vô tội vạ đến mức nào, hãy nhìn vụ cấm livestream đầu tổ yêu đương vốn rất bình thường của ViruSs. Câu trả lời chính là: phạm vi diễn giải ấy gần như vô hạn để tạo đà cho cơ chế lạm dụng quyền lực. Một khi “an ninh quốc gia” bị biến thành chiếc ô khái niệm bao trùm, nó có thể nuốt trọn mọi lĩnh vực từ chính trị, văn hóa, kinh tế cho đến đời sống thường nhật.

Nhìn theo cách ấy, việc đặt KOL vào diện quản lý đặc biệt của Bộ Công an chẳng khác nào hạ thấp thành quả chính đáng của cá nhân và củng cố cho định kiến sẵn có rằng tự do của họ nguy hiểm cho xã hội.

ĐÒI QUẢN KOL VÌ... E NGẠI TIN GIẢ? LIỆU CÓ LÀ LÝ DO THỎA ĐÁNG?

Ngoài ra, phải kể đến một việc như sau. Theo ông Nguyễn Tiến Cường, đại diện Cục A05, Bộ Công an, sự bùng nổ của thời đại số đã đặt ra vấn đề nghiêm trọng về tin giả, quảng cáo sai lệch và những nội dung lệch chuẩn – như một cơ sở cho ra đời cái khung quản lý KOL. Có mấy điều xin thưa lại:

Thứ nhất, nội dung thế nào là “lệch chuẩn”? Ai là người đủ tư cách đại diện cho cái “chuẩn” ấy?

Thứ hai, nếu xét riêng vai trò của KOL với việc quảng bá sản phẩm, thì bản chất hoạt động đó là hoạt động thương mại, chủ yếu trong lĩnh vực quảng cáo, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử. Nhẽ nào đó cũng là thẩm quyền của Bộ Công an chẳng?

Không hề! Đó là chức năng của Bộ Công Thương (theo điều 2 của Nghị định 96/2022/NĐ-CP) và Bộ Thông tin – Truyền thông cũ, nay là Bộ Khoa học và Công nghệ (theo khoản 8, 9 Điều 2 Nghị định 48/2022/NĐ-CP). Như vậy, việc giao trách nhiệm quản lý KOL cho Bộ Công an tạo ra sự xung đột thẩm quyền rõ ràng với hai bộ vừa nêu.

Còn xét về mặt pháp luật, Bộ Công an thiên về an ninh, nếu ôm luôn phần “chăm điểm uy tín thương mại” thì vượt xa chức năng pháp lý vốn có, trở thành một pha dài tay, nhiều chuyện.

HỌC TỪ ĐÂU?

Chúng ta cũng đã quen với việc mấy anh cán bộ nhà ta ưa học theo mấy anh Trung Quốc. Trung Quốc đã đi trước chúng ta trong việc “ngủi” ra tiềm năng nguy hiểm của các KOL trên nền tảng số, từ đó sinh ra những quy định chặt chẽ với những “influencer” hay *livestreamer*: phải đăng ký, có mã số quản lý, một số ngành nghề (như tài chính, y tế, pháp luật), cần chứng chỉ chuyên môn để được phép livestream, cũng có cơ chế xếp hạng uy tín nhằm kiểm soát phát ngôn và nội dung.

Ở Trung Quốc, khung pháp lý đối với KOL, *influencers* và *livestreamers* đã được thiết lập chặt chẽ nhằm kiểm soát cả nội dung lẫn tính chuyên môn của hoạt động.

Điển hình như “*Bộ Quy tắc ứng xử cho Người dẫn trực tuyến*” do Cục Phát thanh – Truyền hình và Bộ Văn hóa & Du lịch ban hành đã đưa ra các chuẩn mực pháp lý cụ thể. Theo Điều 13, những trường hợp livestream các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn cao như y tế, tài chính, pháp luật, giáo dục thì người dẫn buộc phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng, và nền tảng có trách nhiệm thẩm định, lưu trữ hồ sơ.

Chưa hết, các Điều 17-18 của Bộ Quy tắc này tiếp tục thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ, yêu cầu nền tảng và cơ quan quản lý triển khai hệ thống quản lý tín nhiệm, bao gồm lưu trữ điểm uy tín, áp dụng thẻ vàng/thẻ đỏ, cảnh báo, khóa tài khoản vi phạm, lập danh sách đen (blacklist); thậm chí, trong trường hợp

nghiêm trọng, có thể cấm hẳn quyền livestream. Cơ chế này thực chất vận hành như một hệ thống xếp hạng uy tín (credit ranking system), nhằm tăng cường trách nhiệm và hạn chế phát ngôn sai lệch.

Song song đó, ở cấp độ nền tảng, Trung Quốc đã có “*Các biện pháp quản lý dịch vụ phát trực tiếp trên Internet*” (2016) do Cơ quan Quản lý Không gian mạng Trung Quốc (CAC) ban hành. Biện pháp này đặt ra nghĩa vụ cho các nền tảng livestream trong việc xác thực danh tính, yêu cầu người livestream phải đăng ký chính thức, lưu trữ dữ liệu và thường xuyên báo cáo với cơ quan chức năng. Đồng thời, quy định cũng cho phép áp dụng các cơ chế chế tài bổ sung như chấm điểm tín nhiệm, đưa vào danh sách đen hoặc đình chỉ hoạt động đối với các tài khoản vi phạm.

Như vậy, hệ thống quản lý livestream tại Trung Quốc không chỉ dừng lại ở việc kiểm duyệt nội dung, mà còn thiết lập cơ chế phân loại, xếp hạng và sàng lọc theo uy tín nghề nghiệp, biến hoạt động livestream thành một ngành nghề có điều kiện, chịu sự giám sát chặt chẽ từ nhiều cơ quan quản lý khác nhau.

Nhìn chung, về hình thức, các quy định của chính quyền Trung Quốc đối với KOL trông có vẻ giống một cơ chế “quản trị rủi ro”. Nhưng xét kỹ về thực chất, đó là cách đồng nhất sự đa dạng của các ý kiến, quan điểm về một chuẩn mực duy nhất do nhà nước áp đặt.

XÃ HỘI CÔNG AN TRỊ VÀ SỰ TƯƠNG ĐỒNG VỚI CHÍNH QUYỀN QUÂN CHỦ CHUYÊN CHẾ

Một đặc điểm nổi bật của mô hình công an trị ở Việt Nam với sự bành trướng càng ngày càng thái quá thẩm quyền của Bộ Công an, là sự tập trung quyền lực vào một bộ máy có chức năng kiểm soát xã hội nhiều hơn là phục vụ xã hội. Nếu đặt dưới lăng kính so sánh lịch sử, có thể thấy cơ chế này vận hành rất gần với chính quyền quân chủ chuyên chế.

Trong mô hình quân chủ chuyên chế, nhà vua nắm trong tay quyền lực tối thượng, thường xuyên sử dụng mật thám, ngục tù và bộ máy đàn áp để duy trì trật tự và bảo vệ ngai vàng. Những khái niệm như “phản nghịch”, “khí quân”, hay “đe dọa an ninh hoàng triều” là lý do để bất kỳ cá nhân nào bày tỏ ý kiến trái chiều đều có thể bị loại bỏ khỏi đời sống chính trị – xã hội. Bản chất của hệ thống ấy không phải là pháp trị, mà là quân trị: ý chí của vua chính là luật.

Tương tự, trong bộ máy công an trị hiện nay, những diễn giải mơ hồ về các khái niệm “an ninh quốc gia” hay “lợi dụng tự do dân chủ” như một chiếc ô bao trùm cho tất cả hành vi trái với mong đợi của chính quyền, đã biến luật pháp và lực lượng công quyền trở thành công cụ bảo vệ chế độ trước tiên, thay vì bảo vệ nhân dân.

Công an có quyền giám sát, can thiệp, và trấn áp không chỉ các hành vi phạm tội, mà cả những biểu hiện tự do ngôn luận, hội họp, hay sáng tạo văn hóa. Quyền lực này được hợp pháp hóa thông qua các đạo luật được soạn thảo và diễn giải theo hướng nới rộng phạm vi của từ ngữ, mang nhiều nét tương đồng với cách quản trị trong chế độ quân chủ chuyên chế – nơi nhà vua tự đặt ra “luật lệ” để trói buộc thần dân.

Chỉ khác là, trong khi quân chủ chuyên chế dựa vào huyền thoại chính danh (“thiên mệnh”, “ngai vàng thiêng liêng”), thì công an trị hiện đại lại dựa vào ý thức hệ và nỗi lo an ninh. Nhưng cả hai giao nhau ở chung một logic: tồn vong của chế độ được đồng nhất với tồn vong của quốc gia để hợp lý hóa mọi biện pháp kiểm soát. □



Ảnh minh họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

TẮY XANH (GREENWASHING): ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ BÀI TOÁN CHO VIỆT NAM

BT

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 9/9/2025.

Trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến các sản phẩm thân thiện môi trường, ngày càng nhiều doanh nghiệp lựa chọn “xanh hóa” như một chiến lược kinh doanh để tiếp cận khách hàng và xây dựng thương hiệu. Tuy nhiên, đằng sau những quảng cáo bóng bẩy về sản phẩm “thân thiện môi trường” (eco-friendly), “nguồn gốc hữu cơ” (organic), “sản phẩm từ thiên nhiên”, v.v. là một thực tế đáng lo ngại mang tên “tẩy xanh” (greenwashing). Hành vi này không chỉ gây tổn hại đến môi trường và người tiêu

dùng, mà còn làm xói mòn niềm tin, phá hoại những nỗ lực “xanh” chân chính của các doanh nghiệp khác.

“TẮY XANH” LÀ GÌ?

Tẩy xanh không phải là một hiện tượng mới mẻ, và chiêu trò này cũng đã bị “lộ tẩy”, được nhìn nhận và cảnh báo từ lâu.

Từ những năm 1960-1970, con người tại nhiều nơi trên thế giới bắt đầu trở nên quan tâm nhiều hơn đến vấn đề môi trường. Nhiều phong trào hành động và

cả những thỏa thuận quốc tế liên quan đến vấn đề môi trường đã được ký kết. Đây cũng là lúc các doanh nghiệp nhận ra, vấn đề môi trường dần trở thành một xu thế, buộc họ phải thích nghi lẫn tìm kiếm cơ hội. Chiến thuật tẩy xanh cũng từ đó manh nha.

Khái niệm “tẩy xanh” hay “greenwashing” lần đầu tiên được đề cập vào năm 1986, trong một bài luận về ngành dịch vụ khách sạn của nhà môi trường học Jay Westerveld.

Trong bài luận của mình, ông cho rằng các khách sạn đang có hành vi lừa dối khách hàng trong việc yêu cầu khách lưu trú phải tái sử dụng khăn tắm để bảo vệ môi trường. Cụ thể, theo các khách sạn này, việc dùng lại khăn tắm giúp, việc tiết kiệm nước, giảm thiểu rác thải và chất giặt tẩy.

Jay, ngược lại, không thấy như vậy. Ông đã dùng các dẫn chứng và phân tích khoa học để chứng minh những động thái nêu trên thực chất không có tác động đáng kể đến việc cải thiện môi trường, mà chủ yếu chỉ giúp tạo ra lợi ích cho doanh nghiệp. Một số các doanh nghiệp này ngoài việc hô hào cổ động các hành động nhân danh vì môi trường, thường không hề có chiến dịch hành động nào thiết thực. [1]

Theo *Từ điển tiếng Anh thiên niên kỷ mới* của Webster, khái niệm “tẩy xanh” dùng để chỉ những “thực hành quảng bá các chương trình thân thiện với môi trường để đánh lạc hướng sự chú ý khỏi các hoạt động không thân thiện với môi

trường hoặc kém hấp dẫn hơn của một tổ chức”.

Năm 1999, *Từ điển Anh ngữ Oxford* bổ sung cách giải thích khác cho khái niệm “tẩy xanh”, theo đó từ này dùng để chỉ những “thông tin sai lệch do một tổ chức phát tán nhằm mục đích tạo hình ảnh công chúng có trách nhiệm với môi trường; hình ảnh công chúng về trách nhiệm với môi trường do một tổ chức hoặc cho một tổ chức, v.v. công bố nhưng bị coi là vô căn cứ hoặc cố ý gây hiểu lầm.” [2]

Như vậy, có thể hiểu ngắn gọn khái niệm “tẩy xanh” dùng để mô tả việc một công ty hoặc một tổ chức sử dụng các chiến dịch quảng cáo để xuất hiện với hình ảnh thân thiện với môi trường nhằm đánh lừa người tiêu dùng, qua đó che giấu sự thật rằng mô hình kinh doanh và hoạt động của họ thực sự gây ra những thiệt hại đáng kể cho môi trường.

MUÔN HÌNH VẠN TRẠNG TRONG CÁCH TẨY XANH VÀ NHỮNG GỢI Ý NHẬN DIỆN

Giữa một thị trường toàn cầu rộng lớn với vô vàn loại hình doanh nghiệp, cách người ta hiểu và áp dụng chiến thuật tẩy xanh cũng không hề “nhàm chán” và “đơn điệu”. Đặc biệt là khi môi trường cạnh tranh gay gắt của thị trường góp phần đào luyện khách hàng ngày càng trở nên kĩ tính và “thông thái” hơn, khiến cho các chiến thuật không đủ sự tinh vi và khôn khéo sẽ dễ dàng bị lật tẩy, đẩy doanh nghiệp đối diện nguy cơ bị tẩy chay, cô lập.

Câu chuyện tẩy xanh cũng đang diễn ra theo chiều hướng đó: tẩy xanh không chỉ được hiểu theo một nghĩa, và đang không chỉ được áp dụng theo một cách. Điều này đòi hỏi, người tiêu dùng lẫn giới quan sát và quản lý cần cảnh giác và kỹ càng hơn để có thể nhận diện chính xác hành vi tẩy xanh của các doanh nghiệp.

Đơn cử, báo cáo “The Greenwashing Hydra” của Planet Tracker đã chỉ ra sáu hình thức phổ biến của “greenwashing”, bao gồm: giấu mình giữa đám đông (greencrowding), chiếu sáng điểm xanh (greenlighting), đổ lỗi

khách hàng (greenshifting), dán nhãn xanh (greenlabeling), “tái chế” mục tiêu (greenrinsing) và im lặng tự vệ (greenhushing).

Đầu tiên, nói về chiến thuật “giấu mình trong đám đông”. Chiến thuật này được xây dựng dựa trên ý tưởng rằng việc ẩn mình trong đám đông sẽ giúp một người bị phát hiện hơn. [3] Theo đó, khi bị chỉ trích, các doanh nghiệp sẽ chỉ vào các mục tiêu chung của cả nhóm thay vì chịu trách nhiệm cho các hành động cá nhân.



Nguồn ảnh: The Greenwashing Hydra.

Chẳng hạn như một công ty thời trang nổi tiếng quảng bá rằng họ là thành viên của “Liên minh dệt may bền vững”. Mặc dù liên minh này có nhiều mục tiêu tốt đẹp, công ty đó vẫn tiếp tục sản xuất số lượng lớn quần áo bằng chất liệu gây hại cho môi trường. Họ dùng danh tiếng của liên minh để tạo vẻ ngoài “xanh”, trong khi thực tế hoạt động sản xuất của họ không hề “xanh” chút nào.

Để nhận diện chiến thuật tẩy xanh này, cần xác định xem liệu một công ty có những sáng kiến, báo cáo, và mục tiêu riêng biệt hay không, hay chỉ dựa vào những tuyên bố chung chung của một tổ chức nào đó.

Kế đến, về chiến thuật “chiếu sáng điểm xanh”. Chiến thuật này nhằm đến làm nổi bật một hành động nhỏ, tích cực về môi trường để đánh lạc hướng người tiêu dùng khỏi những tác động tiêu cực lớn hơn. [4]

Ví dụ, một tập đoàn sản xuất đồ uống lớn chi hàng triệu đô la để quảng cáo việc họ đã tài trợ cho dự án dọn dẹp bãi biển. Tuy nhiên, họ lại không đề cập đến việc mỗi năm công ty vẫn thải ra hàng tỷ chai nhựa gây ô nhiễm nặng nề. Họ dùng hoạt động dọn dẹp bãi biển như một “ánh đèn” soi rọi vào một điểm “xanh” trong hoạt động của mình, để che đi “bóng tối” bao trùm của rác thải nhựa.

Trường hợp này nhắc nhở người tiêu dùng đừng chỉ nhìn vào những hành động nhỏ và được truyền thông quá tung hô của một doanh nghiệp, mà nên đánh giá tổng quan tác động môi trường trong hoạt động của doanh nghiệp đó.

Tiếp theo, về chiến thuật “đổ lỗi khách hàng”. Như tên gọi, hình thức “tẩy xanh” này nhằm đến chuyển trách nhiệm môi trường mà một doanh nghiệp gây ra lên cho người tiêu dùng. [5]

Lấy ví dụ, một doanh nghiệp luôn hùng hồn khuyến khích bạn tái chế, tiết kiệm năng lượng, nhưng chưa từng thay đổi quy trình sản xuất gây hại của chính mình. Họ qua đó tạo dựng hình tượng doanh nghiệp tích cực vận động bảo vệ môi trường, và các hệ lụy từ sản phẩm của họ không phải do họ, mà do khách hàng không lắng nghe lời khuyên.

Như vậy, dấu hiệu nhận diện của hành vi này cũng khá đơn giản, hãy xem xét thông điệp quảng cáo của một doanh nghiệp có yêu cầu ai phải thay đổi hành vi không? Liệu họ đã đầu tư vào công nghệ sản xuất sạch hơn hay chưa, hay chỉ đơn thuần là khuyến khích người tiêu dùng hành động?

Một chiến thuật khác, đó là “dán nhãn xanh”. Đây có thể được xem là hình thức “tẩy xanh” phổ biến nhất. Bởi ngày nay, ta dễ dàng bắt gặp nhan nhản các doanh nghiệp sử dụng những tem nhãn xanh như “100% nguyên liệu tự nhiên”, “thân thiện với môi trường”, cùng các bao bì in đầy hình ảnh cây xanh. Nhưng thực chất, nhiều doanh nghiệp không có bất kỳ chứng nhận độc lập nào rằng họ có hoạt động khai thác và sản xuất bền vững. [6]

Do đó, người tiêu dùng cần xem xét lựa chọn các nhãn hiệu và chứng nhận có uy tín, được các tổ chức độc lập cấp phép. Ví dụ chứng nhận FSC cho sản phẩm gỗ và giấy đảm bảo rằng chúng

có nguồn gốc từ rừng được quản lý bền vững; chứng nhận Energy Star cho các thiết bị điện tử, điện gia dụng có hiệu suất năng lượng vượt trội so với các sản phẩm thông thường, giúp tiết kiệm điện và giảm phát thải.

Kế nữa là chiến thuật “tái chế” mục tiêu”. Khái niệm này chỉ hành vi thường xuyên thay đổi hoặc trì hoãn các mục tiêu về môi trường đã công bố trước đó. [7] Ví dụ, một doanh nghiệp có thể công bố một mục tiêu táo bạo, nhưng khi gần đến thời hạn, họ lại lùi ngày hoặc điều chỉnh kế hoạch.

Để nhận diện hành vi này, ta cần theo dõi xem các mục tiêu của những doanh nghiệp này có thường xuyên bị điều chỉnh hoặc thay đổi hay không?

Cuối cùng là chiến thuật “im lặng tự vệ”. Ta tạm hiểu đây là một hình thức tẩy xanh ngược. Theo đó, các công ty chủ động giấu đi những nỗ lực “xanh” thực sự của mình để tránh bị giám sát chặt chẽ hơn từ dư luận hoặc các cơ quan quản lý. [8]

Hình thức tẩy xanh này khó để nhận diện đối với người ngoài chuyên môn, thường chỉ những nhà phân tích, nhà đầu tư hoặc những người làm việc trong ngành mới có thể phát hiện ra. Tuy nhiên, nếu một doanh nghiệp được biết là tiến bộ, nhưng lại không bao giờ công bố hay quảng bá về những thành tựu tiến bộ của mình, đây có thể là một dấu hiệu đáng ngờ.

TẨY XANH VÀ CÂU CHUYỆN VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Như đã trình bày ở trên. Khi con người ngày càng quan tâm đến môi trường, và ngày càng kỳ vọng hơn về một thế giới “xanh”, ngày càng nỗ lực hơn với những cam kết và mục tiêu phát triển bền vững, thì đó cũng là lúc hiện tượng “tẩy xanh” xuất hiện và ngày càng gia tăng mạnh mẽ.

Hàng loạt các vụ bê bối liên quan đến “tẩy xanh” đã bị phát hiện, đơn cử như vụ việc của McDonald’s. Ai đó hẳn còn nhớ sự việc năm 2019, khi hãng này ra mắt ống hút giấy nhưng sau đó bị phát hiện các ống hút này không thể tái chế. Điều này không chỉ đi ngược lại với cam kết bảo vệ môi trường mà còn gây lãng phí tài nguyên.

Hay Coca-Cola từng cho ra mắt Coca-Cola Life với màu xanh lá cây trên bao bì, khiến người tiêu dùng lầm tưởng đây là lựa chọn lành mạnh hơn. Thực tế, loại nước ngọt này vẫn chứa 6,6% đường, không quá khác biệt so với sản phẩm truyền thống. [9]

Và còn rất nhiều những vụ việc khác. Qua đó, có thể thấy rằng, khi vấn đề lợi nhuận được đặt lên hàng đầu, nhiều doanh nghiệp có xu hướng bỏ qua các nguyên tắc đạo đức kinh doanh cơ bản. Các công ty sẵn sàng đưa ra những tuyên bố sai lệch về cam kết môi trường chỉ để thu hút khách hàng và tăng doanh số.

Tuy “tẩy xanh” có thể mang lại những lợi ích nhất định trong ngắn hạn, nhưng khi những hành vi này một khi bị phanh phui không chỉ gây tổn hại đến uy tín của doanh nghiệp, làm mất niềm tin của người tiêu dùng, khiến các doanh nghiệp phải đối mặt với những hậu quả pháp lý nghiêm trọng mà còn gây cản trở những nỗ lực thực sự để bảo vệ môi trường.

Do đó, một nền tảng đạo đức vững chắc là yếu tố then chốt để doanh nghiệp phát triển bền vững và tạo ra giá trị lâu dài cho cả xã hội. Thay vì những lời quảng cáo hoa mỹ, các doanh nghiệp cần:

- Trung thực trong các tuyên bố về sản phẩm hoặc hoạt động thân thiện với môi trường;
- Tránh sử dụng các thuật ngữ, hình ảnh hoặc bao bì đánh lừa người tiêu dùng về tính thân thiện với môi trường của sản phẩm;
- Cam kết và thực hiện các mục tiêu bền vững cụ thể, có thể đo lường được thay vì chỉ đưa ra những lời hứa mơ hồ.

BÀI TOÁN CHO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để chống lại hành vi “tẩy xanh”, bao gồm cả việc xây dựng khung pháp lý chặt chẽ và tăng cường giám sát.

Lấy ví dụ, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua các quy định nhằm yêu cầu

các công ty phải chứng minh các tuyên bố xanh của họ dựa trên bằng chứng khoa học; Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC) của Hoa Kỳ đã ban hành các hướng dẫn về quảng cáo môi trường, yêu cầu các doanh nghiệp phải đưa ra những tuyên bố cụ thể, có thể kiểm chứng và trung thực; chính phủ Anh đã ban hành Bộ quy tắc quảng cáo xanh (Green Claims Code), cung cấp hướng dẫn chi tiết cho các doanh nghiệp về cách đưa ra các tuyên bố môi trường một cách chính xác và không gây hiểu lầm; v.v.

Tình thế chung này có lẽ cũng đặt ra nhiệm vụ cho Việt Nam, đòi hỏi cần có những nỗ lực hành động mau chóng. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, từ những nỗ lực đã thực hiện của các nước, Việt Nam có thể tham khảo các biện pháp hiệu quả để hạn chế hành vi tẩy xanh. Sau đây là một số đúc kết:

Trước hết, Việt Nam cần xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và chặt chẽ, tương tự như EU và Anh, trong đó quy định cụ thể về việc doanh nghiệp phải chứng minh các tuyên bố môi trường bằng bằng chứng khoa học và có thể kiểm chứng.

Tiếp theo, cần thành lập một cơ quan giám sát độc lập hoặc giao quyền cho một cơ quan hiện có để có thể điều tra và xử phạt nghiêm minh các hành vi quảng cáo sai lệch.

Cuối cùng, cần tăng cường nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng về tẩy xanh để họ có thể nhận biết và đưa ra lựa chọn mua sắm thông minh, từ đó tạo áp lực thị trường để doanh nghiệp phải hành động có trách nhiệm hơn. □

CHÚ THÍCH

1. Motavalli, J. (2016, July 15). A History of Greenwashing: How Dirty Towels Impacted the Green Movement. AOL. <https://www.aol.com/2011/02/12/the-history-of-greenwashing-how-dirty-towels-impacted-the-green/>
2. de Freitas Netto, S. V., Sobral, M. F. F., Ribeiro, A. R. B., & Soares, G. R. D. L. (2020). Concepts and forms of greenwashing: A systematic review. *Environmental Sciences Europe*, 32(1), 19.
3. Planet Tracker, The Greenwashing Hydra, pp.03.
4. Planet Tracker, The Greenwashing Hydra, pp.04.
5. Planet Tracker, The Greenwashing Hydra, pp.05.
6. Planet Tracker, The Greenwashing Hydra, pp.05.
7. Planet Tracker, The Greenwashing Hydra, pp.06.
8. Planet Tracker, The Greenwashing Hydra, pp.07.
9. Greenwashing: 19 recent stand-out examples, <https://thesustainableagency.com/blog/greenwashing-examples/>, truy cập 12/08/2025.



Bên trái: Hình ảnh một người lính thủy quân Việt Nam Cộng hòa cõng trên vai một đồng đội tử trận trong cuộc pháo kích năm 1972 do Quân đội Nhân dân Việt Nam thực hiện trên Quốc lộ 1, cách Quảng Trị 11 km về phía Nam. Nguồn ảnh: AP. Bên phải: Hình ảnh nhân vật Tạ trong phim Mưa đỏ. Nguồn ảnh: Báo Văn hóa. Đồ họa: MT/Luật Khoa.

TÌM TRONG MƯA ĐỎ NHỮNG GƯƠNG MẶT THA NHÂN

Hồng Hoa

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 22/9/2025.

Những lý thuyết triết học và đạo đức học có thể cho ta thêm những chất liệu để nhìn ngắm và suy tư kỹ càng hơn về nội dung, thông điệp lẫn giá trị của tác phẩm điện ảnh đang làm mưa làm gió này.

Bộ phim Mưa đỏ của đạo diễn Đặng Thái Huyền đã phá vỡ kỷ lục phòng vé tại Việt Nam, chính thức vượt qua Mai của Trần Thành để trở thành phim Việt có doanh thu cao nhất mọi thời đại. [1]

Thành công này đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó bao gồm lợi thế từ uy tín truyền thông dòng chính, do đây là phim Nhà nước đặt hàng, và sự hợp lý về mặt tư duy thương mại khi ra mắt đúng dịp nghỉ lễ 80 năm Quốc khánh 2/9. [2]

Bộ phim được chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Chu Lai, tái hiện sơ lược cuộc chiến 81 ngày đêm khốc liệt tại chiến trường Thành cổ Quảng Trị năm 1972.

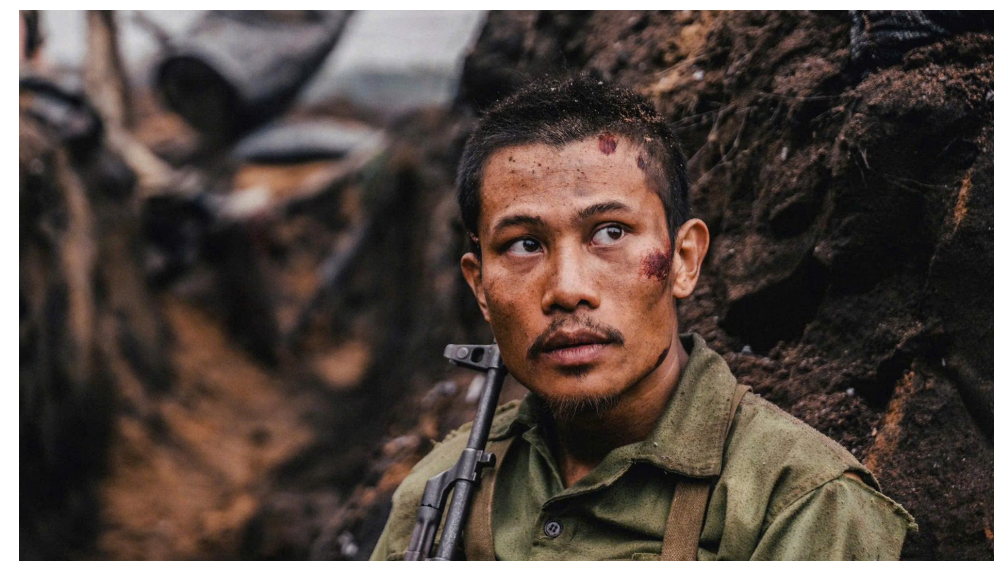
Câu chuyện nào về chiến tranh cũng đều khắc họa sự đối đầu giữa các cá nhân thuộc về những chiến tuyến khác nhau. Nhưng có lẽ giữa họ, dù ở phe nào của cuộc chiến, cũng đều luôn giống nhau ở một điểm: tất cả đều là con người.

Tình thế đối đầu trong cuộc chiến mà Mưa đỏ kể lại càng đặc biệt hơn: khác biệt giữa những con người trong ấy chỉ còn là chiến tuyến, còn lại, tất cả đều giống nhau từ màu da cho đến tiếng nói, cùng phải rời bỏ gia đình, gác lại tình yêu để lên đường ra trận. Trên chiến trường thực địa, họ có thể định nghĩa nhau là kẻ thù, tấn công nhau vì mệnh lệnh. Nhưng trong mặt trận của đạo đức, lương tri, liệu cách con người định nghĩa về nhau, ứng xử với nhau có rạch ròi chiến tuyến như thế?

Những lý thuyết triết học và đạo đức học có thể cho ta thêm những chất liệu để nhìn ngắm và suy tư kỹ càng hơn về nội dung, thông điệp lẫn giá trị của tác phẩm điện ảnh đang làm mưa làm gió này.

Đặc biệt, có hai chi tiết đáng nhớ, xuất hiện ở giữa và cuối phim, khắc họa tình huống những kẻ thù của nhau đã tha mạng hoặc cứu mạng nhau. Điều này làm gợi nhắc đến tư tưởng triết học và đạo đức học của Emmanuel Lévinas. Bài viết sẽ mượn học thuyết của ông để mở ra cánh cửa chiêm nghiệm sâu hơn về tác phẩm điện ảnh này.

[Cảnh báo tiết lộ nội dung]



Hình ảnh nhân vật Tạ trong phim. Nguồn ảnh: Báo Hà Nội Mới.

HAI LẦN THA MẠNG KẼ THÙ

Chi tiết đặc biệt thứ nhất nằm ở giữa phim, liên quan đến một nhân vật phụ là Tạ, người Thanh Hóa. Anh lớn tuổi nhất trong tiểu đội, dạn dày trận mạc, là tiểu đội trưởng của Tiểu đội 1, Tiểu đoàn K3 Tam Sơn, có lối nói chuyện bố bã thực thà rất duyên, luôn chăm lo cho các tân binh, và một lòng thương nhớ vợ con nơi quê nhà.

Trong một trận đánh, khi đang giương nòng súng vào đầu một người lính Việt Nam Cộng hòa, anh chợt thấy tấm ảnh nhỏ chụp vợ và con của anh ta rơi bên cạnh. Nhìn vào gương mặt đối phương vài giây, Tạ chần chừ rồi hạ súng. Anh quyết định để người lính ấy sống. Nhân vật Tạ, và có lẽ cả những người xem phim, trong khoảnh khắc ấy đã nhìn rõ sự mong manh cùng cực của tha nhân hiện lên trên những gương mặt người.

*

Chi tiết thứ hai nằm ở cuối phim, trong cuộc đối đầu giữa hai nhân vật chính: Cường – sinh viên Nhạc viện Hà Nội từ bỏ cơ hội du học tại Học viện Âm nhạc Tchaikovsky để gia nhập hàng ngũ Quân Giải phóng; và Quang – viên Trung úy trẻ thuộc lực lượng Biệt cách dù Việt Nam Cộng hòa. Cường và Quang vài lần chạm trán trên chiến trường; giữa họ cũng tồn tại sự cạnh tranh ngầm vì một người phụ nữ.

Ở phân đoạn cuối này, họ giáp mặt và, theo gợi ý của Quang, lao vào một trận đấu tay đôi không gươm, không súng. Trước đó, Quang nói với Cường rằng nếu không phải vì chiến tranh, họ đã có thể trở thành hai thằng bạn.

Trong khung cảnh bom đạn, đạo diễn dành nhiều phút đặc tả màn đấu võ tay đôi của hai nhân vật nam chính to cao bằng những khuôn hình đẹp mắt. Cảnh phim này rõ ràng là một dụng ý điện ảnh, vì rất khó xảy ra trên thực tế giữa chiến trường. Và nó đã thành công biến hóa vai trò của Cường và Quang từ kẻ thù (enemies) trở thành đối thủ (adversaries), tức rằng dù vẫn có xung đột gay gắt, nhưng không triệt tiêu nhân phẩm đối phương.

Khi Cường giành được lợi thế trong trận đấu, anh có cơ hội dùng dao kết liễu mạng sống của Quang. Nhưng vào khoảnh khắc mặt đối mặt, anh dừng tay, từ bỏ ý định giết người.

Có thể đối với Cường, anh thuộc phe chính nghĩa còn Quang thì không. Nhưng dù ý thức hệ của anh có là gì thì khi đối diện với một gương mặt người, quyết định anh đưa ra vẫn đã là “không giết”.

Ngay sau đó, khi Cường vừa quay đi, Quang bất ngờ bật dậy, đẩy anh ngã khỏi luồng đạn đang bay tới. Hành động tha mạng được đáp trả bằng nỗ lực cứu mạng; đây là một cái kết nhân văn hoàn toàn khác biệt so với nguyên tác văn học.



Nhân vật Quang (trái) và Cường (phải) trong phim *Mưa đỏ*. Nguồn ảnh: Báo Tiền Phong.

THA NHÂN QUA NHỮNG GƯƠNG MẶT

Những lần tha mạng cho nhau của những cá nhân vốn vẫn xem nhau là kẻ thù, sẽ có thể được lý giải như thế nào từ góc nhìn triết học? Triết gia Pháp gốc Do Thái Emmanuel Lévinas (1906-1995) có thể cho ta một góc nhìn tham khảo từ lý thuyết “gương mặt tha nhân” nổi tiếng của ông.

Lévinas phê phán triết học phương Tây truyền thống vì đã quá tập trung vào cái tôi và vấn đề tồn tại (Being), từ đó vô tình biến kẻ khác/tha nhân (the Other) thành đối tượng để nắm bắt và thống trị.

Theo triết gia này, điểm khởi phát của triết học không phải là bản thể học (ontology) về “cái tôi tồn tại”, mà là đạo đức học (ethics) về “mối quan hệ liên vị” (relation with the Other), tức mối quan hệ với những con người khác.

Nghĩa là, hành vi đạo đức bắt đầu khi ta đối diện với tha nhân, tình huống buộc ta nhận lấy trách nhiệm vô hạn với họ. Chính trách nhiệm ấy giúp ta thoát khỏi sự giam hãm trong bản ngã để biết hướng về người khác, từ đó thúc đẩy sự tự do của ta.

Khái niệm trung tâm trong tư tưởng Lévinas là “gương mặt” (le visage) hay “gương mặt tha nhân” (the face of the Other), khái niệm mà ông cắt nghĩa như sau:

“Gương mặt không phải sự hé lộ, mà là sự trần trụi tuyệt đối: không che chắn, không phòng vệ. Một sự phơi bày đến tận cùng trước cái chết, trước sự hữu tử. Sự mong manh cùng cực của cái độc nhất, sự mong manh của người lạ... Gương mặt chính là sự mong manh cùng cực của tha nhân.” [3]

Theo đó, con người được xác định là một chủ thể nhạy cảm. Sự nhạy cảm cho phép con người cảm nhận được những bí ẩn vô hạn (infini) từ gương mặt tha nhân để từ đó tôn trọng mạng sống tha nhân, dù việc thấu hiểu tuyệt đối tha nhân là điều bất khả.

Bởi sự nhạy cảm này, gương mặt không chỉ là hình dạng vật lý, mà là sự hiện diện sống động, dễ bị tổn thương, vượt ngoài khái niệm. Trong sự dễ bị tổn thương ấy, dù không nói lời nào nhưng thực tế chính gương mặt ra lệnh cho cái tôi:

“Người chớ giết”. [4] Tức là, mỗi khi đối diện với gương mặt người, cái tôi lập tức bị đặt vào một cấm lệnh đạo đức, rằng tôi không thể giết, vì sự hiện diện của tha nhân như một mệnh lệnh vượt trên ý thức hệ, vượt trên cái tôi, cái tôi không thể vi phạm, đi ngược mệnh lệnh ấy.

*

Triết học Lévinasian có điểm giao thoa với lý thuyết về sự dễ bị tổn thương (Vulnerability theory) của Martha Albertson Fineman. Lý thuyết pháp lý cấp tiến này cho rằng mọi con người đều ở trong trạng thái dễ bị tổn thương, chính từ đó mà con người nảy sinh trách nhiệm đạo đức và nhu cầu xây dựng các khung trách nhiệm tập thể, mục đích là để bảo vệ sự mong manh chung của con người, đặc biệt là các nhóm yếu thế vốn dễ bị tổn thương hơn trước biến động ngoại cảnh.

Tuy vậy, khác với Fineman vốn tiếp cận vấn đề từ góc độ luật pháp và chính sách, coi con người như những khách thể của hoạt động cải cách hệ thống, Lévinas nhấn mạnh rằng mỗi người phải được coi như một chủ thể độc nhất, mang gương mặt, câu chuyện và nỗi đau riêng. Tha nhân không thể bị giản lược thành một khái niệm hay phương tiện phục vụ cái toàn thể (totalité).

GƯƠNG MẶT THA NHÂN TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 7 có một văn bản được trích từ tác phẩm Những tấm lòng cao cả của Edmondo De Amicis. Cuốn sách thiếu nhi nổi tiếng ấy còn có một đoạn thể này:

“Con ơi! Con nên nhớ những khi gặp những người già nua, những kẻ nghèo khó, những đàn bà ôm dắt trẻ thơ, những kẻ tàn tật, những người khuôn vác nặng nề, những người đầu tang tóc rối, con phải nhường bước.

Ta phải kính trọng tuổi thọ, cảnh cơ hàn, tình mẫu tử, cảnh tàn tật, sự lao khổ và sự tử vong... Khi có đám ma đưa qua, đừng cười, nói với bạn con nữa, hãy ngả mũ chào, vì biết đâu ngày mai, nhà con cũng sẽ có người tạ thế.” [5]

Đáng tiếc là nhà văn đã không viết rõ hơn, rằng liệu khi nào thì chúng ta có thể vui cười khoái trá trước cái chết của ai đó? Hay chẳng “nghĩa tử là nghĩa tận”, rằng tuyệt nhiên trong bất cứ tình huống nào ta cũng không nên hành xử như thế?

Thế nhưng, kỷ nguyên công nghệ đã mở ra một thời đại mới, nơi chúng ta dễ dàng bắt gặp cảnh người ta ăn mừng trên Internet khi ai đó vừa qua đời, chỉ vì người đó có quan điểm chính trị – xã hội hay đức tin khác biệt. Trên không gian mạng, nơi phần lớn chúng ta đều ẩn danh và ít phải chịu áp lực xã hội bởi hành vi của mình, không khó để thấy nhiều người đang gián tiếp đẩy người khác đến chỗ chết bằng ngôn từ, hoặc hạ hê trước cái chết của họ.

Trước thời đại Internet, có nhiều cơ hội hơn để chúng ta tiếp xúc với những gương mặt thật, như Quang, như Cường, như Tạ, như cái cách ta trực tiếp đối diện với một con người bằng xương bằng thịt và nhận ra rằng ta không thể giết họ, kể cả khi ta luôn được dạy rằng phải giết họ, vì họ là kẻ thù.

Sự hiện diện thiếu tính người trong không gian mạng đã làm mờ đi thiên tính nhạy cảm của chúng ta, khiến tha nhân dường như chỉ còn tồn tại dưới dạng những chiếc avatar tròn xoe và những con chữ đen trắng vô hồn. Lý luận đạo đức của Emmanuel Lévinas, như vậy, đang phải đứng trước một thử thách chưa từng có: tha nhân giờ đây không còn mang những gương mặt người.

Một số nghiên cứu đã tìm cách áp dụng luận thuyết đạo đức gương mặt tha nhân của Lévinas (Lévinas’ face ethics) vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, công nghệ trong thời đại số. Nhưng những nỗ lực ấy hiển nhiên chưa đủ để ngăn chặn tình trạng rối loạn tâm lý không ngừng gia tăng trong xã hội hiện đại, nơi con người phải sống tách biệt với tha nhân và liên tục trải qua bạo lực ngôn từ – bởi tha nhân và hướng về tha nhân.



Chân dung triết gia và nhà đạo đức học người Pháp Emmanuel Lévinas. Ảnh: Sergio Gaudenti/Sygma.

*

Tại Hàn Quốc, nữ nghệ sĩ trẻ Sulli từng là nạn nhân của bạo lực mạng trong một thời gian dài. Suốt những ngày tháng cuối đời chống chọi với trầm cảm nặng cùng những lần tự tử hụt, cô vẫn hứng chịu vô số bình luận thù ghét và rửa chết trên mạng xã hội.

Tháng 10/2019, cô tự vẫn tại nhà riêng. Ngay sau đó, một số nghị sĩ Hàn Quốc đề xuất một đạo luật mang tên cô, nhằm siết chặt quản lý bình luận ác ý, bao gồm việc buộc các nền tảng xóa bỏ ngôn từ gây thù ghét và cân nhắc áp dụng biện pháp xác minh danh tính. [6]

Dự luật này được đánh giá là có tác động tích cực về mặt truyền thông, tuy nhiên đã không được Quốc hội thông qua, do lo ngại xâm phạm quyền tự do ngôn luận, bởi Hàn Quốc vốn có nền tảng dân chủ vững mạnh. [7]

Đây là một vấn đề xã hội có tính hai mặt. Ở chiều ngược lại, nếu bị cực đoan hóa và không có đủ biện pháp đối ứng, lý thuyết về sự dễ bị tổn thương có thể dẫn chúng ta đến với giải pháp siết chặt tự do ngôn luận ở mức tối đa nhằm mục đích bảo vệ tha nhân. Điều này đi ngược với triết lý đạo đức của Lévinas về sự tôn trọng tha nhân như một chủ thể tự do, không bị áp chế.

Nếu hạn chế quyền tự do biểu đạt không phải giải pháp lý tưởng, liệu còn cách nào khác để chúng ta có thể bảo vệ tha nhân?

LYOTARD VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN KỂ

Triết gia hậu hiện đại Jean-François Lyotard (1924-1998) khích lệ con người khước từ vị trí nạn nhân, được nhìn nhận như những cá thể mong manh, dễ bị tổn thương, cần được bảo vệ, để bước vào vị trí của những chủ thể tự kiến tạo số phận, thông qua các tiểu tự sự (petits récits/micro-narratives), tức những câu chuyện do mỗi người tự viết nên để kể về chính mình.

Trong tác phẩm *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (The Postmodern Condition) (1979), ông cho rằng trong bối cảnh mà các đại tự sự, tức những diễn ngôn to tát nhân danh chân lý, đều đáng khả nghi và đang dần sụp đổ, thì các tiểu tự sự là thứ định chế duy nhất còn giữ được tính hợp pháp (legitimacy). Bởi, chúng cho phép mỗi cá nhân kiến tạo thực tại riêng của mình, khi mà con người không còn tin vào một câu chuyện duy nhất có thể giải thích và hợp pháp hóa tất cả.

Hai triết gia cùng thời Lévinas và Lyotard gặp nhau tại điểm này: cả hai đều chống lại việc hòa tan tha nhân vào một tổng thể trừu tượng; họ nhấn mạnh đến tính độc nhất, không thể giản lược của tha nhân.

Vài năm gần đây, sự ra đời và phổ biến của mạng xã hội Threads hay TikTok đã mở ra một không gian dân sự mới mẻ của tính tự phát và đa thanh (polyphony), đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam. Vô số



Chân dung triết gia Pháp Jean-François Lyotard. Luận văn triết học *Hoàn cảnh hậu hiện đại* của ông hiện đã có bản dịch tiếng Việt, do dịch giả Ngân Xuyên chuyển ngữ. Nguồn ảnh: Philosophie Magazine.

sự kiện lớn nhỏ được đưa ra thảo luận với độ tương tác cao, trong nhiều trường hợp đã ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống thực, theo hướng tích cực lẫn tiêu cực. Nhiều định kiến xưa cũ xoay quanh danh tính cá nhân, đặc biệt với nhóm yếu thế, đang dần được xóa nhòa chính bởi sự hiện diện đầy màu sắc của họ trên không gian mạng.

Threads hiện có thuật toán ưu tiên hiển thị cho bài đăng mới, TikTok có đặc trưng là độ nén thông tin cao cùng nội dung đa dạng. Những điều này mang đến cơ hội được lắng nghe cho rất nhiều người mà trước đây vốn ít có tiếng nói. Đó có thể là những bạn còn rất trẻ, chưa có bằng cấp chuyên môn, chưa đủ uy tín xã hội để được lắng nghe nhiều trên các nền tảng cũ như Facebook hay YouTube; hoặc những người không có đủ nguồn lực để viết những bài chuyên sâu, quay và chỉnh sửa những video dài, công phu.

Cũng như cách phiên bản miễn phí của Twitter/X giới hạn bài đăng chỉ chứa tối đa 280 ký tự, Threads được thiết kế để khuyến khích lan tỏa thảo luận nhóm từ những bài đăng ngắn (500 ký tự) và có tính khơi gợi cao (clickbait), với các tính năng bình luận dưới dạng tảng sóng dễ theo dõi, nút đăng lại công khai và chia sẻ kín.

Điều đáng nói là, một anh luật sư tư vấn, một chị khoa học gia, một chú thợ sơn, một bác nông dân, hay một bạn thực tập sinh, v.v. đều có thể dễ dàng tạo tài khoản Threads hay lập kênh TikTok với chi phí gần như bằng 0, để tâm sự về cuộc sống cá nhân, về những khía cạnh chuyên môn và góc khuất nghề nghiệp. Chính sự chia sẻ thông tin này vừa đóng góp tốt cho xã hội, vừa đem về lợi ích chính đáng cho bản thân họ và gia đình.

*

Dù còn nhiều điểm hạn chế – như chưa giải quyết được tính bất cân xứng quyền lực – nhìn chung, môi trường dân chủ hóa thông tin cùng nền tảng công nghệ ngày nay đã gỡ bỏ nhiều ranh giới, tạo ra một sân chơi công bằng hơn cho tất cả mọi người. Thời đại của những đại tự sự (grands récits/meta-narratives) được kể độc quyền bởi một nhóm nhỏ nắm quyền lực phát ngôn đã trôi qua. Giờ đây, chúng ta đều được trao quyền để kiến tạo xã hội thông qua câu chuyện riêng của mỗi người.

Tuy nhiên, trong môi trường đó, tin tức giả mạo, chưa được kiểm chứng, đặc biệt là những ngôn từ thóa mạ và kích động bạo lực, cũng lan truyền mạnh mẽ đến mức khó kiểm soát. Ở điểm này có thể nhận ra một nghịch lý: kẻ nhân danh tự do để gieo rắc thù ghét kỳ thực lại đang tự tước bỏ tự do của mình, bởi trong khi để bản ngã bị điều khiển bởi ý chí bạo lực, họ không còn khả năng kết nối và khai mở trước tha nhân – điều làm nên bản chất của tự do theo tư tưởng Lévinas.

Có lẽ, thay vì những lời chửi bới, thế giới cần thêm những chia sẻ thật thà về việc chúng ta hay ai đó đã bị đối xử bất công ra sao, hay phải chịu tổn thương như thế nào. Trong thời đại mới – nơi sự thật là vô số mảnh ghép và xã hội được tái tạo liên tục bởi vô số tiểu tự sự – việc chia sẻ có chọn lọc những thông tin giá trị bằng thái độ bình tĩnh và có trách nhiệm không chỉ là quyền, mà còn là cách làm loãng và yếu đi sức nặng của những diễn ngôn thù ghét, để bảo vệ sự mong manh của chính mình và của tha nhân.

GIỮA LÀN MƯA ĐỎ

Thời gian gần đây, tình trạng bạo lực có xu hướng gia tăng ở khắp nơi trên thế giới, bao gồm cả khu vực Đông Nam Á. Giết chóc và bạo loạn là điều tưởng chừng không ai mong muốn, nhưng giờ đây chúng ta buộc phải nói về chuyện này, khi chúng đã xảy ra rồi và xảy ra ở quy mô lớn với cường độ cao bất thường. Không còn muốn bị trói chặt với vai trò nạn nhân chờ đợi được bảo vệ bởi các chính sách pháp lý dài hạn, nhiều người yếu thế đã đứng lên, mang theo tổn thương và bạo lực đi kiếm tìm công lý.

Chúng ta vốn đang tận dụng khá tốt quyền lực của ngôn từ để thiết lập các diễn ngôn có lợi cho lập trường chính trị mà mình ủng hộ, từ đó tái định hình cấu trúc xã hội. Tuy nhiên, thay vì kiên trì kiến tạo xã hội bằng ngôn từ phi bạo lực – một tiến trình cần nhiều thời gian và trí tuệ – có những người lại ưu tiên sử dụng bạo lực ngôn từ và cả bạo lực vật lý như những phương cách nhanh chóng và dễ nhận được sự đồng thuận nhất từ đám đông trong ngắn hạn.

Đây không phải hiện tượng khó hiểu, vì ngôn ngữ bất bạo động là một dạng vũ khí: nhiều người có lợi thế khi sử dụng, nhiều người khác thì không. (Chưa xét đến rào cản chính trị đi kèm vũ lực của các chính thể độc tài luôn cố ngăn cản những tiếng nói đối lập ôn hòa – đó cũng là một dạng bạo lực đáng bị lên án.)

Chính bởi sự dân chủ hóa thông tin, tình trạng bạo lực vật lý ngày nay càng được

nâng đỡ và hỗ trợ hiệu quả bởi bạo lực ngôn từ, thứ có sức lan truyền mạnh mẽ thông qua Internet. Phản ứng cực đoan ấy đã trượt hẳn ra khỏi hai bên lề ranh của việc bảo vệ sự mong manh dễ bị tổn thương lẫn tinh thần kiến tạo xã hội thông qua tiểu tự sự.

Một khi đã quen với sự yêu thương và tinh thần xây dựng, con người thường nhận ra rằng bạo lực và phá hủy – ở bất cứ dạng nào: hành động, lời nói hay tâm thức – vẫn luôn là một lựa chọn, nhưng là một lựa chọn tồi, và chỉ nên được cân nhắc với thái độ cẩn trọng như sự lựa chọn duy nhất cuối cùng. Ngược lại, những ai, hoặc những dân tộc từng trải qua quá nhiều mất mát đau thương, cũng thường biết trân trọng sự bình an và khát khao xa rời bạo lực.

Trong một xã hội thiếu vắng tình yêu và đức tin, nơi mỗi chúng ta đều có trách nhiệm trước mỗi tha nhân, khi bạo lực xảy ra thì ai là người có lỗi?

*

Một dụng ý của những người làm phim “Mưa đỏ” có lẽ là muốn giúp thế hệ trẻ thêm biết quý trọng hòa bình. Dù còn nhiều gương mặt tha nhân bị bỏ qua, hoặc được khắc họa dưới góc nhìn hư cấu mang nặng thiên kiến riêng, về cơ bản đây vẫn là một bộ phim có nhiều điểm sáng về tính biểu đạt, cũng như làm nổi bật được một số góc nhìn nhân văn về những thân phận người Việt hy sinh nơi tiền tuyến – những con người đẹp đẽ, trẻ trung đã kiên cường và chịu nhiều đớn đau vì một cuộc chiến đẫm máu không đáng phải diễn ra.

Sinh ra trong một đất nước từng đi qua bạo lực khốc liệt và mang nhiều tang thương, nhiều người Việt Nam hôm nay hẳn có thể dễ dàng tìm thấy sự đồng cảm trong quan điểm phản đối bạo lực dưới mọi hình thức.

Nhưng liệu việc truyền đạt quan điểm ấy đã đủ đúng đắn và thấu đáo, đã chạm được đến đủ góc ngách trong xã hội hay chưa? Đặc biệt trong bối cảnh mà nhiều đứa trẻ còn đang lớn lên dưới đòn roi khắc nghiệt, chịu đựng bạo lực cả về thể xác lẫn ngôn từ sau những cánh cửa đóng kín, phải đối diện nguy cơ bạo lực tình dục tiềm tàng, những điều – ít khi được các tổ chức xã hội kịp thời can thiệp. Chưa hết, ngôn từ bạo lực giờ đây vẫn được sử dụng tràn lan trong các diễn ngôn chính trị, các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng, các xuất bản phẩm dành cho thiếu nhi...

Dù xã hội đang từng ngày thay đổi, chúng ta vẫn nên ý thức rõ ràng hơn nữa về việc thúc đẩy một nền giáo dục, văn hóa, nghệ thuật nhân bản. Và một cách công tâm thì tác phẩm điện ảnh “Mưa đỏ” là một bước tiến, dù không quá dài và khó để nhân rộng, nhưng vẫn xứng đáng được ghi nhận và khuyến khích. □

CHÚ THÍCH

1. Mai Nhật. “‘Mưa đỏ’ vượt ‘Mai’, là phim ăn khách nhất phòng vé”. VnExpress. 7 September 2025.

<https://vnexpress.net/mua-do-vuot-mai-la-phim-an-khach-nhat-phong-ve-4936140.html>

2. Hà Thúy Phương. “Cục trưởng Cục Điện ảnh: Mưa đỏ đánh dấu bước chuyển mình trong tư duy làm phim”. Dân Việt. 13 September 2025.

<https://danviet.vn/cuc-truong-cuc-dien-anh-mua-do-danh-dau-buoc-chuyen-minh-trong-tu-duy-lam-phim-d1362414.html>

3. Lévinas, Emmanuel. *Alterity and Transcendence*. Translated by Michael B. Smith. London: The Athlone Press, 1999, pp. 139-140.

4. Lévinas, Emmanuel. *Totality and Infinity*. Translated by Alphonso Lingis. Pittsburgh: Duquesne University Press, 1969, p. 199.

5. De Amicis, Edmondo. *Tâm hồn cao thượng*. Dịch bởi Hà Mai Anh. Hà Nội: NXB Hội nhà văn, n.d., Chương 53: Đi ngoài phố.

6. Lim, Jason. “After K-pop star Sulli’s death, ‘Sulli’s Law’ being considered to fight cyberbullying”. *South China Morning Post*. 25 October 2019.

<https://www.scmp.com/lifestyle/entertainment/article/3035302/after-k-pop-death-sullis-law-being-considered-fight>

7. J K. “Insiders question the effectiveness of disabling comments on entertainment news + ‘Sulli Act’ reportedly no longer in talks”. *Soompi*. 27 July 2020.

<https://www.soompi.com/article/1411495wpp/insiders-question-the-effectiveness-of-disabling-comments-on-entertainment-news-sulli-act-reportedly-no-longer-in-talks>

VIẾT THƯ CHO TRANG

Nhà báo Phạm Đoàn Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

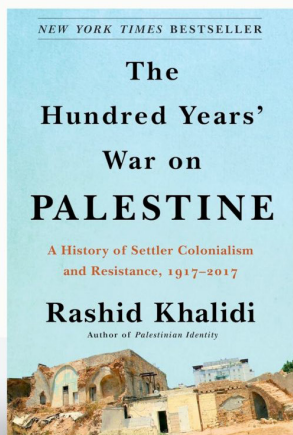
Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoàn Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoàn Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoàn Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.



Ảnh bìa sách: Metropolitan Books.

CUỘC CHIẾN TRĂM NĂM Ở PALESTINE

Thiên Tân

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 26/8/2025.

Ai mới là người được quyền viết lịch sử về dân tộc của chính mình?

Từ sự kiện ngày 7/10/2023 đến nay, quân đội Israel đã tiến hành hàng loạt cuộc tấn công vào Dải Gaza, cướp đi sinh mạng của hơn 60.000 người Palestine và để lại hơn 140.000 người phải mang thương tật cả về thể xác lẫn tinh thần. Hơn nửa triệu người rơi vào cảnh đói khát, sống trong điều kiện khắc nghiệt đến mức Liên Hiệp Quốc đã lên tiếng cảnh báo về một nạn đói toàn diện.

Những con số ấy, sau cùng, vẫn chỉ là dữ liệu lạnh lùng trên giấy tờ. Ở thực địa, Gaza hiện lên là một vùng đất hoang tàn: nhà cửa đổ nát, trường học và bệnh

viện liên tiếp trở thành mục tiêu không có lời giải thích thỏa đáng, khiến tội ác diệt chủng và khủng hoảng nhân đạo ngày càng chồng chất.

Nhìn vào cảnh Dải Gaza bị nhấn chìm trong bom đạn và khói lửa mỗi ngày, người ta thường chỉ thấy đó là một cuộc xung đột vũ trang giữa hai nhà nước với vị thế bình đẳng: Israel và Palestine.

Tuy vậy, sử gia Rashid Khalidi người Mỹ gốc Palestine, giáo sư Đại học Columbia, gọi đó bằng một cụm từ mà ông cho là mô tả đúng hơn về bản chất: cuộc chiến thuộc địa kéo dài suốt thế kỷ chống lại người Palestine (a century-long colonial war against Palestinians).

Nguyên do của cách nhìn này được Rashid nêu ra và trình bày rõ trong cuốn sách *The Hundred Years' War on Palestine: A History of Settler Colonialism and Resistance, 1917-2017* (tạm dịch: *Cuộc chiến trăm năm ở Palestine: Lịch sử của chủ nghĩa thực dân định cư và kháng chiến, 1917-2017*) phát hành năm 2020.

Tác phẩm dựng lại lịch sử hiện đại Palestine qua sáu chương sách tương ứng với sáu lần “tuyên chiến” liên tiếp từ Israel và phương Tây, gây nên Dải Gaza chưa từng yên tĩnh trong suốt một thế kỷ qua.

SÁU “TUYÊN CHIẾN” CỦA CHỦ NGHĨA PHỤC QUỐC DO THÁI

Lịch sử trăm năm khói lửa của người Palestine không phải là những sự kiện rời rạc, mà là hàng loạt động thái gây hấn có tính hệ thống. Mỗi thời kỳ đều mở ra một mặt trận mới, đẩy người Palestine vào thế cùng khi phải vừa chống cự vừa tìm cách tồn tại.

Vì lẽ này, tác giả Rashid Khalidi đã xây dựng cuốn sách theo cấu trúc tương ứng với sáu lần “tuyên chiến” có tính áp đặt của chủ nghĩa Zion (phục quốc Do Thái) và các cường quốc đối với dân tộc Palestine.

Cuốn sách được trình bày theo lối “thông sử” với dòng sự kiện được sắp xếp một cách tuần tự, kết hợp với những phân tích, bình giải, xen lẫn với những chuyện kể. Từng trang lịch sử Palestine theo đó lần lượt hiện ra: Từ Tuyên bố Balfour năm 1917 của chính quyền Anh

Quốc về việc thành lập quê hương của người Do Thái ở Palestine, sự kiện thanh lọc sắc tộc Palestine năm 1948 khiến một nửa dân Ả Rập sống tại đây phải rời bỏ nhà cửa, cuộc vây hãm thành phố Beirut khiến Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) bị trục xuất khỏi Liban vào năm 1982, Hiệp ước Hòa bình Oslo năm 1993, và những diễn biến bạo lực ở Dải Gaza từ đầu thế kỷ 21 cho tới nay, tất cả được Khalidi phân tích bằng tư liệu, song vẫn đan xen ký ức gia đình và trải nghiệm chính trị của cá nhân.

Qua những gì đã đọc, đã nghe, đã thấy và nay đã trình bày lại với độc giả qua cuốn sách, Khalidi khẳng định, xung đột Gaza không chỉ đơn giản là tranh chấp giữa hai dân tộc, mà là một hành động bạo lực liên tục và có hệ thống, trong đó các đế quốc và chủ nghĩa Zion áp đặt trật tự nhằm loại trừ người Palestine bản địa.

Ngay từ những trang đầu của chương sách thứ nhất, tác giả dẫn bức thư viết năm 1899 của Yusuf Diya al-Khalidi, thị trưởng Jerusalem, nghị viên đại diện cho thành phố này ở Nghị viện Ottoman, khi ông phản đối những người theo chủ nghĩa Zion đang rục rịch xâm chiếm vùng đất này để làm nơi sinh sống cho người Do Thái: “Palestine là một phần không thể tách rời của Đế chế Ottoman, và nghiêm trọng là nó đang bị những quốc gia khác chiếm đóng. [...] Nhân danh Thượng đế, hãy để Palestine được yên.” [1]

Lá thư đó bị bỏ qua trong sách sử chính thống suốt hàng chục năm trời, giờ được đặt làm phần mở đầu cho công trình của Rashid nhằm thể hiện giọng điệu và quan điểm xuyên suốt của tác phẩm:

lịch sử Palestine phải được viết từ vị trí của người Palestine, đầu cho họ có bị đẩy ra ngoài lề của công lý lẫn công luận.

Năm 1917, Tuyên bố Balfour của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh Arthur James Balfour viết thay mặt nội các và chính phủ Anh, đã công khai ủng hộ người Do Thái có một quốc gia làm quê hương trên lãnh thổ Palestine. Đáng chú ý, hai năm sau, ông này viết trong một bản ghi nhớ rằng: “Bốn cường quốc đều theo đuổi chủ nghĩa phục quốc Do Thái. Và chủ nghĩa phục quốc Do Thái, dù đúng hay sai, tốt hay xấu, đều bắt nguồn từ những truyền thống lâu đời, từ những nhu cầu hiện tại, từ những hy vọng tương lai, có ý nghĩa sâu sắc hơn nhiều so với những khát vọng và định kiến của 700.000 người Ả Rập hiện đang sinh sống trên vùng đất cổ xưa đó.” [2]

Ở chương hai của cuốn sách Rashid tiếp tục phân tích sự chuyển giao vai trò cường quốc thống trị vùng đất này từ Anh sang Mỹ vào năm 1947. Để đảm bảo khả năng thông qua Nghị quyết Phân chia Palestine của Liên Hiệp Quốc, Mỹ đã tích cực vận động quốc tế, dẫn tới sự phê chuẩn việc thành lập nhà nước Do Thái trên 56% lãnh thổ Palestine, nơi mà người Ả Rập vẫn đang chiếm đa số. Quyết định này bị coi là vi phạm nguyên tắc tôn trọng quyền “tự quyết dân tộc” của người Palestine được ghi nhận trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Giai đoạn lịch sử tiếp theo chứng kiến nội chiến bùng nổ ở Lãnh thổ Ủy trị, sự ra đời của Nhà nước Israel, Chiến tranh Ả Rập-Israel lần thứ nhất và thảm họa

Nakba xảy ra khi khoảng 700.000 người Palestine buộc phải di tản hoặc bị trục xuất. Chính quyền Israel sau đó đã tịch thu đất đai bị bỏ hoang của những người tị nạn này. Những vùng đất này được sáp nhập vào các khu định cư Do Thái hiện hữu hoặc chuyển giao cho Cơ quan Quản lý đất đai Israel và Quỹ Quốc gia Do Thái quản lý, phục vụ cho lợi ích người Do Thái.

Chương ba tập trung phân tích chính sách thuộc địa của Mỹ dưới thời Tổng thống Lyndon B. Johnson, thể hiện qua hai hành động then chốt: (1) Ủng hộ ngầm các cuộc tấn công phủ đầu của Israel vào Ai Cập, Jordan, và Syria trong Chiến tranh Sáu ngày vào năm 1967; và (2) Hậu thuẫn cho Nghị quyết 242 của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, hợp pháp hóa việc Israel chiếm đóng Đông Jerusalem, Bờ Tây, Dải Gaza, bán đảo Sinai, và cao nguyên Golan, đồng thời hoàn toàn bỏ qua vấn đề Palestine cũng như các quyền chính đáng của họ.

Chương bốn của sách làm sáng tỏ sự đồng thuận chiến lược Mỹ-Israel qua ba khía cạnh: Thứ nhất, sự chấp thuận ngầm của Washington đối với cuộc xâm lược Lebanon năm 1982 nhằm tiêu diệt PLO. Thứ hai, việc Mỹ tiếp tục cung cấp vũ khí cho Israel dù biết rõ mục đích của việc này là gây nên chiến tranh. Thứ ba, Mỹ trực tiếp tham gia vào kế hoạch của Israel nhằm đưa lực lượng PLO rời Beirut.

Khác với các chương trước, phần này chứa đựng những hồi ức cá nhân sâu sắc từ 15 năm sống cùng gia đình tại Beirut

của sử gia Khalidi. Quan trọng hơn, chương này công bố các tài liệu then chốt như văn bản giải mật năm 2012 chứng minh sự chủ mưu của Israel; phụ lục bí mật từ Ủy ban Kahan bị giấu kín năm 1983, xác nhận chủ đích gây thảm sát của Israel thông qua việc đưa dân quân Phalange vào các trại tị nạn Sabra và Shatila, dẫn tới việc hơn 3.000 người Palestine phải bỏ mạng.

Chương năm phân tích ba diễn biến then chốt trong thập niên 1990: Biện pháp đàn áp khốc liệt của Israel trước Intifada (khởi nghĩa) lần thứ nhất của người Palestine, Chính sách mở rộng định cư trái phép tại Bờ Tây và Gaza, và Hiệp định Oslo.

Dù là hiệp định về hòa bình, nhưng văn kiện này thất bại trong việc đáp ứng các đòi hỏi cốt lõi của Palestine gồm: chủ quyền quốc gia, chấm dứt chiếm đóng, quyền hồi hương, giải pháp cho Jerusalem, xác định biên giới, cùng quyền kiểm soát tài nguyên đất và nước. Tác giả lập luận rằng hiệp định này thực chất là “một hình thức chiến tranh được hợp pháp hóa” nhằm hiện thực hóa dự án Zion kéo dài hàng thế kỷ, được hình thành trong bối cảnh quan hệ Mỹ-Israel cực kỳ chặt chẽ về chính trị-quân sự.

Chương cuối cùng phân tích bốn giai đoạn bạo lực có hệ thống của Israel tại các vùng lãnh thổ thuộc Palestine, gồm cuộc đàn áp khốc liệt trước sự kiện Intifada lần thứ hai và thứ ba, và chiến dịch quân sự quy mô lớn tại Gaza vào các năm 2008, 2012, và 2014.

Nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ trực tiếp giữa thiệt hại nhân mạng (chủ yếu là thường dân) và hủy hoại cơ sở hạ tầng với các loại vũ khí Mỹ cung cấp, bao gồm hệ thống máy bay không người lái vũ trang, trực thăng tấn công Apache, phi đội tiêm kích F-15/F-16, pháo binh cỡ nòng 155mm.

Cũng ở giai đoạn này, Khalidi ghi lại câu của Donald Trump khi đang ở nhiệm kỳ tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên: “Chúng tôi đã đưa Jerusalem ra khỏi bàn đàm phán, vì vậy không cần bàn về vấn đề này nữa.” Ông này còn nói với Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu rằng: “Ông đã thắng một điểm, và sau này sẽ phải nhượng bộ một số điểm khác trong đàm phán.”

Như vậy, các vấn đề liên quan đến trung tâm lịch sử, bản sắc, văn hóa, và tín ngưỡng của người Palestine đã bị các cường quốc xử lý một cách tùy tiện, thậm chí không hề tham khảo ý chí hay nguyện của họ. Đến tháng 1/2020, chính quyền Trump cuối cùng cũng công bố một bản “thỏa thuận” được chờ đợi từ lâu, và một lần nữa không hề có sự tham vấn với người Palestine dù họ là bên chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất.

Viết trong sách, Rashid không né tránh kết luận về những sai lầm của lãnh đạo Palestine như thiếu cận, chia rẽ nội bộ, và bỏ lỡ những cơ hội hòa bình; nhưng ông vẫn giữ ngòi bút công bằng khi đặt những sai lầm trong một bối cảnh chứa đựng thế bất cân xứng quyền lực, khi Israel là bên có ưu thế, với sự hậu thuẫn bởi Anh rồi sau này là Mỹ.

NGÔN TỪ QUYỀN LỰC

Một đóng góp đặc biệt của Khalidi là chỉ ra cái cách mà ngôn ngữ tạo nên cấu trúc quyền lực. Ngay từ Tuyên bố Balfour, Anh Quốc đã cam kết về “một quốc gia cho người Do Thái”, song dân Ả Rập bản địa không được nhắc đến. [3] Suốt chiều dài thế kỷ, các bản tin, tài liệu, và thậm chí cả “tiến trình hòa bình” đều sử dụng lối diễn đạt bị động để che giấu chủ thể gây bạo lực. Với Khalidi, đó không chỉ là vấn đề từ ngữ, mà là cơ chế xóa bỏ trách nhiệm, suy cho cùng, chúng cũng là một thứ vũ khí ngang hàng với súng đạn, bom mìn.

Ông cũng chỉ ra việc Đại sứ Mỹ ở Israel của chính quyền Trump là David Friedman từng nói Israel bị cáo buộc chiếm đóng (alleged occupation), yêu cầu Bộ Ngoại giao Mỹ bỏ hẳn từ chiếm đóng (occupation) trong các văn bản chính thức. Tác giả phân tích, từ một sự kiện pháp lý và chính trị rất cụ thể lại được đổi thành một điều bị cáo buộc, làm suy yếu năng lực đòi quyền của người Palestine.

Cổ vấn cấp cao Jared Kushner của chính quyền Trump thì luôn dùng giọng điệu trịch thượng, sấm vai “khai hóa” đối với người Palestine, cùng những từ vựng đậm tư duy thực dân. Ông này thể hiện quan điểm nghi ngờ nền độc lập của người Palestine qua câu nói “Hy vọng rằng qua thời gian, họ [người Palestine] sẽ có thể có năng lực để tự quản.” Cũng theo cách nhìn của ông, người Palestine chỉ cần những nhu cầu thường ngày thay vì quyền tự quyết dân tộc: “[họ xứng đáng] có cơ hội được sống đời tốt đẹp... để trả góp tiền nhà.”

Với những chiêu trò lắt léo câu chữ, tác giả kết luận rằng Mỹ không chỉ là “luật sư của Israel” mà đã “trở thành người phát ngôn” cho chính phủ Israel cực hữu. Đây là một bước trượt dài chính trị làm biến chất vai trò hòa giải mà cường quốc này luôn tự khẳng định.

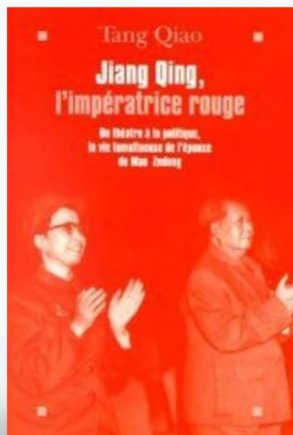
Như *The Guardian* nhận xét, đây là tác phẩm “không né tránh thất bại của người Palestine, nhưng đồng thời cũng phơi bày sự thất tín có hệ thống từ phía Israel và các nước bảo trợ phương Tây.” [4] Tạp chí *Foreign Affairs* nhận định đây là “bản tường thuật mạch lạc, toàn diện và thuyết phục nhất từ phía Palestine, xứng đáng được đón đọc rộng rãi.” [5]

Tác phẩm *The Hundred Years' War on Palestine* không chỉ là một cuốn sách giáo khoa về lịch sử chiến tranh, mà là một hồi chuông báo về quyền được viết lịch sử. Khalidi khẳng định không mang đến một bản phiên bản lịch sử trung lập. Ông viết từ vị trí người trong cuộc, người mất mát. Nhưng chính vì thế, cuốn sách trở thành đối trọng cần thiết với những tường thuật vốn áp đảo không gian công luận.

Khalidi buộc độc giả phải nhìn thẳng vào câu hỏi: ai có quyền định nghĩa một cuộc chiến, và bằng những từ nào? Bởi lẽ công lý không chỉ được viết bằng súng đạn, mà còn bằng ký ức, ngôn ngữ, văn hóa, v.v. và sự liên đới quốc tế. □

CHÚ THÍCH

1. Neil Godfrey. (2025) “In the name of God, let Palestine be left alone.” – Vridar. Retrieved August 17, 2025, from <https://vridar.org/2020/11/21/in-the-name-of-god-let-palestine-be-left-alone/>
2. The Committee on the Question of Palestine. (2025) Part I (1917-1947) – Question of Palestine. Retrieved August 17, 2025, from <https://www.un.org/unispal/history2/origins-and-evolution-of-the-palestine-problem/part-i-1917-1947/>
3. Barzilai-Yegar, D. (2017). *A national home for the Jewish people: the concept in British political thinking and policy making 1917-1923*. Vallentine Mitchell.
4. Matthew Hughes. (2020) *The Hundred Years' War on Palestine* by Rashid Khalidi review – conquest and resistance | Books | The Guardian. Retrieved August 26, 2025, from <https://www.theguardian.com/books/2020/may/07/the-hundred-years-war-on-palestine-by-rashid-khalidi-review-conquest-and-resistance>
5. Lisa Anderson. (2020) A Review of “The Hundred Years' War on Palestine” by Rashid Khalidi. Retrieved August 26, 2025, from <https://www.foreignaffairs.com/reviews/capsule-review/2020-08-11/hundred-years-war-palestine-history-settler-colonialism-and>



Ảnh bìa sách: Albin Michel.

PHIÊN TÒA XÉT XỬ GIANG THANH VÀ “BÈ LỮ BỐN TÊN”

Ái Thư

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 9/9/2025.

Không phải cứ xét xử có nghĩa là đòi công lý.

Cuốn sách *Jiang Qing, l'impératrice rouge: Du théâtre à la politique*, la vie tumultueuse de l'épouse de Mao Zedong (tạm dịch: *Giang Thanh – Bà hoàng hậu đỏ: Từ sân khấu đến chính trị, cuộc đời đầy biến động của phu nhân Mao Trạch Đông*), xuất bản năm 1997, là một trong những công trình nghiên cứu hiếm hoi về Giang Thanh (1914-1991), người đàn bà được coi là quyền lực nhất Trung Quốc thế kỷ 20.

Quan trọng hơn, cuốn sách vạch trần những bất công trong nền tư pháp Trung

Hoa đại lục. Việc Giang Thanh nói riêng và “tứ nhân bang” (“bè lũ bốn tên”) nói chung bị đưa ra xét xử không có nghĩa công lý được trả lại cho những nạn nhân sống khổ, chết oan dưới thời Cách mạng Văn hóa (1966-1976). Đây thực chất là kết quả của một cuộc thanh trừng nội bộ, cho thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc chưa bao giờ là một khối thống nhất.

Tiếc rằng cuốn sách, viết bằng tiếng Pháp và xuất bản tại Pháp, tiết lộ rất ít về tác giả Tang Qiao, chỉ biết tại thời điểm đó ông là học giả Trung Quốc sống lưu vong ở Paris. Cuốn sách gồm 20 chương, có thể chia thành hai phần:

thời thanh xuân của Giang Thanh và sự nghiệp chính trị sau khi kết hôn với Mao Trạch Đông.

GIANG THANH: TỪ NGHỆ SĨ SÂN KHẤU ĐẾN PHU NHÂN HỌ MAO

Phu nhân thứ tư của Mao Trạch Đông sinh ra ở tỉnh Sơn Đông, là con gái của một thợ mộc vũ phu và bà vợ bé. Tuổi thơ bà trải qua bạo lực gia đình, nghèo khó, phải làm nhiều nghề để mưu sinh. Bà từng nói mình mang ơn cha, vì sự nhẫn tâm của ông đã tôi luyện bà thành kẻ tham vọng và rắn rỏi. Nỗi ám ảnh về xuất thân nghèo hèn theo bà suốt đời. Năm 14 tuổi, Giang mồ côi cả cha lẫn mẹ và phải hoàn toàn tự lập.

Khi vào trường Hý kịch cũng là lúc phong trào Ngũ Tứ bùng nổ. Trước khi trở thành phu nhân Mao, Giang trải qua vài cuộc hôn nhân. Việc bà gia nhập Đảng Cộng sản xuất phát từ mối thù với Quốc dân Đảng vì chồng thứ hai bị bắt. Năm 1938, bà chính thức kết hôn với Mao với nhiều điều kiện từ phía Đảng. Chỉ đến khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, Giang Thanh mới chính thức trở thành đệ nhất phu nhân. Có năng khiếu nghệ thuật, bà được cho là có công trong việc cải cách Kinh kịch.

Giang Thanh thật sự nắm quyền khi Mao ngày càng nghi ngờ cộng sự. Từ thập niên 1960, bà xuất hiện nhiều hơn với tư cách đệ nhất phu nhân và nắm quyền kiểm duyệt văn nghệ. Năm 1969, bà vào Bộ Chính trị. Sau những ngày cuối đời của Mao, hai người sống tách

biệt. Năm 1976, chỉ ít ngày sau khi Mao qua đời, Giang và “bè lũ bốn tên” bị bắt. Nhà nước phát động chiến dịch quy mô lớn nhằm bôi nhọ bà.

ĐỌC VỀ TRUNG QUỐC, NGÃM VỀ VIỆT NAM

Phiên xét xử Giang Thanh diễn ra năm 1981, 5 năm sau khi Mao qua đời, và hiếm hoi được truyền hình trực tiếp trên cả nước. Nhưng đó chỉ là một phiên tòa dàn dựng, một cuộc đấu tố công khai. Như tác giả nhận xét, nhiều kẻ gây tội ác không hề vắng mặt vì vô tội, mà có thể đã bị xử trong im lặng, hoặc được sắp xếp để thoát.

Người cầm trịch là Đặng Tiểu Bình. Khi đó, Trung Quốc chưa có thể chế tổ tụng hoàn chỉnh, nạn nhân không có đại diện. Trong số các bị cáo, Giang Thanh bị quy trách nhiệm nặng nhất. Bà không nhận tội, không tỏ ra ân hận, luôn khẳng định chỉ làm theo chỉ thị của Mao. Bản án tử hình sau được giảm xuống chung thân. Dù vậy, bà vẫn giữ thái độ hiên ngang, thách thức cả thẩm phán lẫn công tố viên – những người mà tác giả mô tả chỉ như “con rối” trước ngôn từ đanh thép của bà.

Phu nhân Mao bị luận tội trong cuộc đàn áp đẫm máu của Cách mạng Văn hóa, nhưng Mao thì hoàn toàn đứng ngoài. Giang khẳng định: “Nếu tòa án buộc tôi chịu trách nhiệm cho những tội lỗi bị quy kết, thì chính Chủ tịch Mao mới là người đáng chịu trách nhiệm.”

Qua tuyên truyền, Giang trở thành “ác quỷ”, còn Đặng Tiểu Bình thành “người

hùng”. Nhưng ai mới thật sự là thẩm phán của phiên tòa này thì đã rõ.

Năm 1991, Giang tự vẫn, không để lại lời trần trối, cũng không tỏ ra sám hối.

Trong lời tự biện hộ, Giang Thanh luôn thể hiện sự trung thành tuyệt đối với Mao: “Việc bắt giữ và xét xử Giang là bôi đen hình ảnh của Chủ tịch Mao. Tôi chỉ làm theo và bảo vệ đường lối cách mạng vô sản do chính ông khởi xướng. Liệu ở vị trí ấy tôi có thể lật đổ ông? Điều đó trái ngược với lẽ thường và chính nghĩa?”

Hàng thập niên trôi qua, công lý cho nạn nhân Cách mạng Văn hóa vẫn chưa được đòi lại. Hệ thống kiểm duyệt khổng lồ khiến người dân không thể công khai bàn luận về tội ác của thời kỳ ấy. Rõ ràng, “bè lũ bốn tên” không phải những kẻ duy nhất đáng lên án. Phiên tòa xét cho cùng chỉ là sản phẩm của cuộc tranh giành quyền lực giữa phe Giang Thanh và liên minh Đặng Tiểu Bình – Chu Ân Lai – Diệp Kiếm Anh.

Cuốn sách có giá trị về lịch sử pháp luật, nhấn mạnh vai trò một phụ nữ quyền lực với tư cách chính trị gia, nhưng không hẳn lên án hay bênh vực bà. Giang Thanh vừa là tội đồ, vừa là nạn nhân của những thế lực đã lật đổ mình. Sau gần ba thập kỷ, tác phẩm vẫn gợi nhiều suy ngẫm: một phiên tòa công khai không có nghĩa là minh bạch, càng không đồng nghĩa với việc công lý được trả lại cho nạn nhân. Và việc tác giả vẫn là ẩn số cho thấy: công lý vẫn còn quá xa vời. □

Số tháng Chín, 2025

LUẬT KHOA
tạp chí

1520 E. Covell Suite B5 - 426, Davis, CA 95616

Văn phòng chính: Đài Bắc, Đài Loan

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long

Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi, Phạm Đoan Trang

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về: docgia@mail.luatkhoa.com